Linh mục Edward McNamara
Dòng Đạo Binh Chúa Kitô,
Giáo sư phụng vụ
Đại học Regina Apostolorum
(Nữ Vương các Thánh Tông Đồ), Rôma

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC PHỤNG VỤ

Người dịch: Nguyễn Trọng Đa

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

MỤC LỤC

LỜI CÁM ƠN 5
TỔNG QUÁT 6
Tại sao câu “"Lạy Chúa Trời, xin tới giúp con” là ở số ít? 6
Thánh giá đảo ngược là gì? 7
Buộc đọc các lời nguyện dựa theo Thánh vịnh không? 8
"Liệu có hoặc sẽ có một “Qui Chế Tổng Quát về Sách Lễ Roma” mới, để đi kèm với bản dịch tiếng Anh mới không? 10
Khi nào hát Thánh thi Te Deum? 10
“Giáo hội Công giáo Cổ” và “Giáo hội Công giáo Quốc gia Ba Lan” là gì? 16
Kiêng thịt ngày thứ Sáu và các lễ trọng địa phương 19
Nên xức tro cho trẻ nhỏ và người ngoài Công giáo không? 21
Được tự ý thay đổi nghi thức trong Tuần Thánh không? 23
Ai hát bài Exsultet (Mừng Vui Lên)? 27
Được ngồi khi nghe đọc bài Thương Khó không? 28
Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của Đức Thánh Cha làm công việc gì? 29
Giáo xứ áp dụng niên lịch riêng của các Dòng tu được không? 33
Có thể gọi Chân phước là Thánh nhân không, trước khi được chính thức phong thánh? 37
“Chúa xuống ngục tổ tông” nghĩa là gì? 38
Có chức danh “quản trị viên mục vụ” không? 43
Chúa sống lại hơn một lần sao? 48
Chủ nhật Thăng Thiên được tính là Chủ nhật Mùa Thường niên không? 49
Có kinh nhật tụng “ngoại lịch” trong sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ không? 51
Tài liệu nào hướng dẫn cách phát âm tiếng Latinh? 55
Có qui định về Thánh ca với Danh Chúa ở ngôi thứ nhất số ít không? 57
Thần học phụng vụ nghi thức Latinh và nghi thức Đông phương có khác nhau không? 60
Được đặt cây Giáng sinh trong cung thánh không? 63

THÁNH LỄ 66
Đấng Bản quyền nào được nhắc đến tên trong Thánh lễ? 66
Cử chỉ bằng tay phải trong nghi lễ Phụng vụ? 70
Dùng Sách Lễ cầm tay trong Thánh lễ 72
"Cho nhiều người" khác với "cho mọi người" không? 74
Đấm ngực mấy lần khi đọc kinh Cáo mình? 74
Có được từ chối cho Rước Lễ không? 75
Nói thêm về việc từ chối cho Rước lễ 79
Được nhìn thừa tác viên khi Rước lễ không? 80
Có mấy kinh khẩn cầu Thánh Linh trong Kinh nguyện Thánh Thể I? 81
Việc nâng Bánh Rượu phải kéo dài bao lâu? 81
Giải thích thêm về Kinh khẩn cầu Thánh Linh trong Kinh Nguyện Thánh Thể 85
Kinh Nguyện Thánh Thể 4 sử dụng thế nào? 87
Các Kinh Nguyện Thánh Thể dành cho Thánh lễ thiếu nhi còn được phép sử dụng không? 88
Dùng iPad để đọc Tin Mừng trong Thánh lễ được không? .. 90
Sử dụng iPad như thế nào trong phụng vụ? 93
Màu sắc lễ phục của các linh mục trong thánh lễ đồng tế 95
Màu xanh dương có phải là màu phụng vụ không? 100
Nghi thức bẻ bánh là quan trọng ra sao? 103
Được phép dịch từ bản dịch Sách Lễ tiếng Anh không? 105
Thánh giá bàn thờ quay về phía nào? 108
Trong Thánh lễ có được thay đổi vị chủ tế không? 109
Được hôn nhau khi chúc bình an trong Thánh lễ không? .. 112
Được phép chúc bình an cho nhau khi rước lễ không? 115
Tại sao nhiều "Lời nguyện mở đầu" không còn sử dụng? .. 115
Có "Thánh Lễ kèm chầu Mình Thánh Chúa" không? 118
Linh mục được phép đồng tế trong ngôn ngữ mình không biết chăng? 119
Thừa tác viên có bái gối khi lấy bình thánh từ nhà tạm không? 122
Trong trường hợp nào, linh mục bái gối trước Nhà tạm khi lấy Bánh Thánh trong Thánh lễ? 127

Tại sao linh mục mang áo lễ như thường trong vùng khí hậu nóng bức? 128
Được phép gián đoạn thánh lễ không? 130
Rước lễ qua ống dẫn thức ăn được không? 133
Có thể thắp nến Vòng hoa mùa Vọng trong nghi thức Sám hối không? 134
Dùng nước rửa tay diệt khuẩn trước khi cho rước lễ được không? 140
CÁC BÍ TÍCH 142
Được hát bài Ave Maria tại đám tang không? 142
Các ngăn trở cho người muốn chịu chức Linh mục 144
Dầu nào có thể được sử dụng lúc xức dầu khẩn cấp? 149
Linh mục được làm phép dầu Dự tòng trong trường hợp khẩn cấp không? 152
Những khi nào cần cất Mình Thánh Chúa khỏi nhà thờ? 152
Giáo dân đặt Mình Thánh Chúa được không? 158
Một trẻ em đã rửa tội thì hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội chưa? 159
Trẻ em Maronite là người Công giáo hợp pháp không? 162
Linh mục Công giáo dùng dầu thánh của Chính Thống Giáo được không? 162
PHỤ LỤC 165
Toàn văn Huấn thị "Ecclesiae Universae" (Giáo Hội Hoàn Vũ) 165
Tài liệu hỏi-đáp do Thánh bộ Phúc âm hóa các Dân tộc soạn thảo liên quan đến các vụ phong chức Giám mục bất hợp pháp tại Trung Quốc 177
Danh sách 35 Tiến sĩ Giáo Hội 182
Việc nhập cư và "Nước Hoa Kỳ sắp tới" 187
(Bài của ĐTGM José Gomez, Los Angeles) 187
"Cha chúng ta ở trên Trời không dựng nên dân tộc nào hoặc nhóm sắc tộc nào thấp kém hơn dân tộc khác" 187
Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội: Mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa đối với nhân loại 197

LỜI CÁM ƠN

Các bài giải đáp thắc mắc phụng vụ trong sách này, tôi đã dịch từ bản tiếng Anh và đăng trên trang Vietcatholic năm 2011 và 2012..

Để có bản dịch hoàn chỉnh, tôi đã trích dẫn các bản dịch Việt ngữ về Kinh Thánh, Sách Giáo lý Giáo hội Công giáo, Công đồng Vatican II, Giáo luật, các văn kiện Tòa Thánh...trong bài của mình.

Do đó, tôi có lời cám ơn sâu sắc và chân thành đến Hội đồng Giám mục Việt Nam; Nhóm Các giờ kinh phụng vụ; Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X Đà Lạt; Nhóm các linh mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh; Linh mục Nguyễn Chí Cần (Giáo phận Nha Trang)...là dịch giả của các văn kiện trên.

Đặc biệt tôi cám ơn Linh mục Trần Công Nghị, anh Nguyễn Long Thao, anh Đặng Minh An, và Ban Biên tập của trang Vietcatholic, đã nâng đỡ và tạo mọi điều kiện trong việc tôi cộng tác với Ban phổ biến các bài dịch trên.

Tôi cũng xin cám ơn Tỉnh Dòng Phanxicô Việt Nam, Học viện Liên Dòng Nam, bạn bè thân hữu, anh em Cựu Phan Sinh, và gia đình thân thương của tôi, đã khuyến khích tôi rất nhiều trong công việc hữu ích này.

Nguyện xin Chúa trả công vô cùng cho Quý vị.

Trân trọng,

Giuse Nguyễn Trọng Đa

TỔNG QUÁT

Tại sao câu "Lạy Chúa Trời, xin tới giúp con" là ở số ít?

Đáp: Về câu dẫn nhập vào giờ Kinh, văn kiện nói:

"34. Tất cả các giờ kinh thường được mở đầu bằng câu: "Lạy Chúa Trời, xin mở miệng con – cho con cất tiếng ngợi khen Ngài". Tiếp theo là thánh vịnh 94. Thánh vịnh này đọc mỗi ngày để kêu mời các tín hữu ca tụng Chúa và nghe tiếng Người, đồng thời chờ đợi được vào nơi an nghỉ với Chúa".

"41. Kinh Sáng và Kinh Chiều được khởi sự bằng câu giáo đầu: "Lạy Chúa Trời, xin tới giúp con – Muôn lạy Chúa, xin mau phù trợ". Sau đó là Vinh tụng ca (Kinh Sáng Danh) và Hallêluia (mùa Chay bỏ Hallêluia). Nhưng nếu khởi sự giờ kinh Sáng bằng thánh vịnh giáo đầu, thì thôi không đọc những câu này".

Như thế, không có hình thức số nhiều của các biểu thức này. Thật vậy, không bao giờ có hình thức số nhiều, khi ngay cả trong luật đan tu, người ta biết rằng Các Giờ Kinh Phụng vụ được đọc tập thể hay hát tập thể.

Một lý do là bởi vì các câu này lấy từ chính Kinh Thánh. Câu giáo đầu: "Lạy Chúa Trời, xin tới giúp con!" là câu đầu của Thánh Vịnh 70. Nó đã được sử dụng phổ biến từ thời Giáo hội sơ khai. Thánh tu sĩ John Cassian (360-430) đánh giá cao nó, và cho biết nó được sử dụng phổ biến nơi các Giáo phụ Sa mạc Ai Cập, như một phương tiện cổ vũ tinh thần cầu nguyện. Thánh Biển Đức (480-547) đã chọn nó làm câu mở đầu cho hầu hết Kinh Nhật Tụng, từ đó phát sinh lối sử dụng như chúng ta dùng ngày nay.

Tuy nhiên, trong Giờ Kinh Sáng, thánh Biển Đức đã chọn câu: "Lạy Chúa Trời, xin mở miệng con – cho con cất

tiếng ngợi khen Ngài" của Thánh Vịnh 51,15. Vì Kinh Sáng khai mở ngày mới, câu này tạo ra cặp song song với một câu của Thánh vịnh 141 (140),3-4 để kết thúc giờ Kinh Tối: "Xin canh giữ miệng con, lạy Chúa – và trông chừng lưỡi con". Với câu này, tu sĩ đi vào thinh lặng hoàn toàn ban đêm, cho đến khi vào sáng mai tu sĩ một lần nữa xin Chúa mở miệng mình để ngợi khen Thiên Chúa.

Tôi tin rằng phác thảo lịch sử ngắn gọn này sẽ giúp chúng ta hiểu rằng ngay cả chi tiết nhỏ có thể có ý nghĩa lớn, và tại sao các thay đổi của phụng vụ chưa được phép thường dẫn đến sự mất mát các ý nghĩa sâu sắc hơn. (Zenit.org 3-11-2011)

Thánh giá đảo ngược là gì?

Hỏi: Mới đây một chú giúp lễ nói với tôi rằng chú đã nhìn thấy là cây thánh giá trên ghế ngồi của Đức Thánh Cha bị đảo ngược. Đó đúng vậy không? Nếu có, tại sao? Phần tôi, tôi chưa hề nhìn thấy thánh giá nào như vậy. - D. K., Accra, Ghana

Đáp: Nếu tôi không lầm, chắc là chú giúp lễ ấy đã nhìn thấy một thánh giá Phêrô, chứ không phải thánh giá mà chúng ta thường thấy.

Việc sử dụng biểu tượng của cây thánh giá Latinh đảo ngược bắt nguồn từ một truyền thống cổ xưa, cho rằng Thánh Phêrô đã yêu cầu được đóng đinh ngược trên cây thánh giá, vì Ngài cảm thấy không xứng đáng chết theo cách giống như Chúa của mình. Có bằng chứng viết tay về truyền thống này từ trước năm 200.

Một truyền thống tương tự là anh trai của Thánh Phêrô, Thánh Anrê, cũng yêu cầu được đóng đinh một cách đặc biệt khác. Từ cái chết của Ngài, phát sinh thánh giá hình chéo (X) của thánh Anrê. Thánh giá này được vẽ lên cờ nước Jamaica và nước Scotland, và các thánh giá Thánh George và Thánh Patrick trên lá cờ của Vương quốc Anh.

Bởi vì Đức Giáo hoàng là người kế vị của thánh Phêrô, thánh giá đảo ngược là một biểu tượng tương đối thường xuyên của Dinh tòa Phêrô, cùng với biểu tượng khác như chùm chìa khóa và mũ ba tầng. Ví dụ, một thánh giá như thế được tìm thấy trong Đền thờ thánh Phêrô trên bức tường gạch, vốn đóng Cửa Thánh cho đến Năm Thánh kế tiếp. Ngoài ra, khi ĐTC Gioan Phaolô II đến thăm Israel, Ngài đã sử dụng một ghế ngồi với hình một cây thánh giá Phêrô ở phía sau. Do đó có thể là các ghế khác của Đức Giáo hoàng lặp lại kiểu thức này.

Theo như tôi biết, khi thánh giá này được sử dụng như một biểu tượng, nó không bao giờ có ảnh chịu đóng đinh của thánh Phêrô. Đúng là Vatican có nhiều ảnh vẽ cảnh thánh Phêrô, chẳng hạn ảnh được tìm thấy trên cánh cửa trung tâm bằng đồng của Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô, được Filarete đúc năm 1445. Tuy nhiên, đây là các hình vẽ lịch sử hơn là biểu tượng tôn giáo.

Việc sử dụng một cây thánh giá đảo ngược với hình ảnh của Chúa Kitô lại là chuyện hoàn toàn khác. Ít nhất, đó là sự thiếu tôn trọng và thường được coi như một biểu tượng ma quỷ hoặc biểu tượng chống Kitô giáo. Chắc chắn là một số người của giới nghệ thuật đã sử dụng hình ảnh này trong các bộ phim, video âm nhạc, vỏ bao đĩa nhạc và trang phục sân khấu để trình bày Satan hoặc Phản Kitô.

Trong một số nhóm người ngoại giáo, một hình thức đặc biệt của thập giá đảo ngược có thể trình bày biểu tượng của người Iceland và Bắc Âu về cái búa của thần Thor. (ZENIT.org 13-9-2011)

Buộc đọc các lời nguyện dựa theo Thánh vịnh không?

Hỏi: Trong bản dịch tiếng Anh của Phụng Vụ Các Giờ Kinh được sử dụng tại Mỹ, thường có một lời nguyện dựa theo Thánh vịnh trước khi lặp lại điệp ca. Tôi muốn hỏi là liệu lời nguyện dựa theo Thánh vịnh này có là bắt buộc không. Tôi đã đi du lịch một số nước khác và không tìm thấy các lời nguyện dựa

vào Thánh vịnh trong các bản dịch ở các nước ấy. Câu hỏi thứ hai của tôi liên quan đến câu giáo đầu: "Lạy Chúa Trời, xin tới giúp con". Trong một số cộng đồng tại Mỹ, người ta đọc:"Lạy Chúa Trời, xin tới giúp chúng con". Việc sửa chữ như thế có thể biện minh được không? Liệu hình thức số ít của "giúp con" chỉ phù hợp khi một mình đọc các giờ Kinh Phụng vụ chăng?

Đáp:. Vấn đề lời nguyện dựa theo Thánh vịnh được đề cập trong văn kiện qui định Các Giờ Kinh Phụng vụ dưới tiêu đề "Các điệp ca và những yếu tố giúp hiểu Thánh vịnh để dễ cầu nguyện hơn".

Xin nêu ra:

"112. Các lời nguyện dựa theo Thánh vịnh có thể giúp người đọc hiểu rõ ý nghĩa, nhất là ý nghĩa Kitô giáo, đều ghi trong phần phụ lục Sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ; Thánh vịnh nào có lời nguyện ấy, và có thể tự do sử dụng theo truyền thống cổ kính, nghĩa là sau khi đọc Thánh vịnh và ngừng lại trong giây lát, thì đọc lời nguyện tổng hợp tâm tình của mọi người để kết thúc".

Sự diễn tả chính ở đây là "trong phần phụ lục". Như thế, các lời nguyện dựa theo Thánh vịnh là các yếu tố tuỳ chọn, có thể được sử dụng trong cầu nguyện bằng Thánh vịnh. Theo như tôi biết, bản dịch Các Các Giờ Kinh phụng Vụ của Mỹ là bản dịch duy nhất, trong tất cả các bản dịch ngôn ngữ khác, in lời nguyện ấy sau mỗi Thánh vịnh, chứ không phải trong phần phụ lục. Trong khi đó, bản dịch tiếng Anh quan trọng khác không đưa các lời nguyện dựa vào Thánh vịnh vào phần phụ lục trong cuốn sách.

Cách nào trong hai cách trên (đọc hay không đọc lời nguyện dựa vào Thánh vịnh) là tốt hơn là vấn đề đang tranh cãi. Việc lời nguyện được in sau mỗi Thánh vịnh làm cho người ta tin rằng lời nguyện là bắt buộc. Mặt khác, việc bỏ hoàn toàn các lời nguyện dựa vào Thánh vịnh làm cho cộng đoàn không hưởng được lợi ích do việc sử dụng các lời nguyện ấy mang lại. (Zenit.org 3-11-2011)

"Liệu có hoặc sẽ có một "Qui Chế Tổng Quát về Sách Lễ Roma" mới, để đi kèm với bản dịch tiếng Anh mới không?

Có thể hát bài tương tự thay cho Kinh Vinh Danh, Kinh Tin Kinh… không?

Hỏi: Bản dịch mới có cho phép sự tự do để thay đổi các từ hoặc cụm từ cụ thể không (như thường xảy ra với bản dịch hiện tại)? Các bài được hát (như Kinh Vinh Danh, Kinh Tin Kính, Thánh Thánh Thánh, Lạy Chiên Thiên Chúa) có thể được thay thế bằng các bài hát tương tự không?". Một người Ireland.

Đáp: Văn bản "Qui Chế Tổng Quát về Sách Lễ Rôma" được công bố cùng lúc với Sách Lễ Rôma.

Trong khi vẫn còn một số thời điểm trong phụng vụ, trong đó Chữ đỏ nói rằng chủ tế có thể sử dụng "các từ ngữ này hoặc từ ngữ tương tự", các dịp như thế đã giảm ít đi. Ví dụ, chủ tế không còn tìm thấy việc dẫn nhập nghi thức sám hối. Tuy nhiên, các Hội đồng Giám mục quốc gia có thể đề xuất các giới thiệu mới để sử dụng trong quốc gia của các vị.

Các bài được hát (như Kinh Vinh Danh, Kinh Tin Kinh, Thánh Thánh Thánh, Lạy Chiên Thiên Chúa) không có thể được thay thế bằng các bài khác. Nếu cứ hát thay thế, thì đó là một sự lạm dụng, và là điều đã không được cho phép bởi phiên bản lần trước của sách Lễ Rôma. (Zenit.org 30-11-2011)

Khi nào hát Thánh thi Te Deum?

"(TE DEUM) Lạy Thiên Chúa, chúng con xin ca ngợi hát mừng, tuyên xưng Ngài là Đức Chúa"

Hỏi: Tôi đã đọc và rất quan tâm bài viết của cha về Thánh thi Adoro Te Devote. Tôi tự hỏi liệu cha có thể giúp giải thích kiểu như thế về Thánh thi Te Deum không. Tôi xem Thánh thi này là một thánh ca đẹp và muốn biết thêm về lịch sử và việc sử dụng Thánh thi này. Xin cha giúp, cám ơn cha. - B. D., Columbia, Indiana (Mỹ)

Đáp: So với lịch sử rối rắm của Thánh thi Te Deum, lịch sử của Thánh thi Adoro Te Devote (Con tôn thờ Chúa hết lòng) khá đơn giản hơn nhiều.

Thánh thi Te Deum, một bài thánh thi Latinh cổ xưa bằng văn xuôi có nhịp điệu, có lẽ là một sự kết hợp từ ba nguồn. Thực vậy, có các nhịp điệu ba khổ, và ba giai điệu khác biệt trong một bài. Trong nhiều cách, Thánh thi này giống một bài thánh ca văn xuôi phụng vụ cổ khác, là bài *Gloria in Excelsis Deo* (Kinh Vinh Danh: Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời).

Các giai điệu Thánh thi là thuộc phong cách tiền Gregorian và phong cách Gregorian. Các phiên bản đa âm được sáng tác bởi nhiều nhạc sĩ, trong số đó có: G. Palestrina, GF Handel, Henry Purcell, Ralph Vaughan Williams, ML Cherubini, Benjamin Britten, H. Berlioz, A. Bruckner và A. Dvorak. Nhiều bản dịch tiếng Anh đã được thực hiện, trong đó có bài của nhà thơ John Dryden (1631-1700). Thánh thi nổi tiếng "Lạy Thiên Chúa, chúng con xin ca ngợi Danh Ngài", mà nguồn gốc là một thánh thi năm 1775 của Hội thánh Lutherô bằng tiếng Đức, cũng dựa vào bài Te Deum.

Chúng tôi trình bày bản Latinh, bản dịch tiếng Anh được xuất bản trong Phụng Vụ Các Giờ Kinh năm 1975 (kèm theo bản dịch tiếng Việt). Vì lợi ích sự rõ ràng của Thánh thi, chúng tôi đã phân chia nó thành ba phần như đã nói ở trên.

"Te deum laudamus te dominum confitemur / Te aeternum patrem omnis terra veneratur / Tibi omnes angeli Tibi caeli et universae potestates / Tibi cherubim et seraphim incessabili voce proclamant / Sanctus sanctus sanctus dominus deus sabaoth / Pleni sunt celi et terra maiestatis gloriae tuae / Te gloriosus apostolorum chorus / Te prophetarum laudabilis numerus / Te martyrum candidatus laudat exercitus / Te per orbem terrarum sancta confitetur ecclesia / Patrem inmense maiestatis / Venerandum tuum verum unicum filium

/ Sanctum quoque paraclytum spiritum.

"Tu rex gloriae christe / Tu patris sempiternus es filius / Tu ad liberandum suscepisti hominem non horruisti virginis uterum / Tu devicto mortis aculeo aperuisti credentibus regna caelorum / Tu ad dexteram dei sedes in gloria patris / Iudex crederis esse venturus / Te ergo quaesumus tuis famulis subveni quos pretioso sanguine redemisti / Aeterna fac cum sanctis tuis gloria numerari.

"Salvum fac populum tuum domine et benedic hereditati tuae / Et rege eos et extolle illos usque in aeternum / Per singulos dies benedicimus te / Et laudamus nomen tuum in saeculum et in saeculum saeculi / Dignare domine die isto, sine peccato nos custodire / Miserere nostri domine miserere nostri / Fiat misericordia tua domine super nos quemadmodum speravimus in te / In te domine speravi non confundar in aeternum"

Bản tiếng Anh: "You are God: we praise you; You are the Lord: we acclaim you; / You are the eternal Father: All creation worships you./ To you all angels, all the powers of heaven, / Cherubim and Seraphim, sing in endless praise: / Holy, holy, holy, Lord, God of power and might,/ heaven and earth are full of your glory./ The glorious company of apostles praise you./ The noble fellowship of prophets praise you. / The white-robed army of martyrs praises you. / Throughout the world the holy Church acclaims you:/ Father, of majesty unbounded, / your true and only Son, worthy of all worship, / and the Holy Spirit, advocate and guide.

“You, Christ, are the king of glory,/ the eternal Son of the Father./ When you became man to set us free / you did not spurn the Virgin's womb. / You overcame the sting of death, and opened the kingdom of heaven to all believers. / You are seated at God's right hand in glory./ We believe that you will come, and be our judge./ Come then, Lord, and help your people, bought

with the price of your own blood, / and bring us with your saints to glory everlasting.

"Save your people, Lord, and bless your inheritance./ Govern and uphold them now and always./ Day by day we bless you./ We praise your name for ever. / Keep us today, Lord, from all sin. / Have mercy on us, Lord, have mercy. / Lord, show us your love and mercy; / for we put our trust in you. / In you, Lord, is our hope: / And we shall never hope in vain."

Bản dịch tiếng Việt: "Lạy Thiên Chúa, / Chúng con xin ca ngợi hát mừng, / Tuyên xưng Ngài là Đức Chúa. / Chúa là Cha, Đấng trường tồn vạn đại, / Hoàn vũ này kính cẩn suy tôn.

Trước nhan Chúa, các tổng thần phủ phục, / Mọi thiên thần và đạo binh thiên quốc, / Đều cảm tạ và cung chúc tôn thờ, / Chẳng khi ngừng vang dậy tiếng tung hô: / Thánh! Thánh! Chí Thánh! / Chúa tể càn khôn là Đấng Thánh! / Trời đất rạng ngời vinh quang Chúa uy linh. / Bậc Tông Đồ đồng thanh ca ngợi Chúa, / Bao vị ngôn sứ tán tụng Ngài. / Đoàn tử đạo quang huy hùng dũng, / Máu đào đổ ra minh chứng về Ngài, / Và trải rộng khắp nơi trần thế,

/ Hội Thánh Ngài hoan hỷ tuyên xưng: / Chúa là Cha lẫm liệt uy hùng, / Và Con Một Ngài chí tôn chí ái, / Cùng Thánh Thần, Đấng an ủi yêu thương.

"Lạy Đức Kitô, Con Chúa Trời hằng sống, / Ngài là Chúa hiển vinh / Đã chẳng nề mặc lấy xác phàm / Nơi cung lòng Trinh Nữ / Hầu giải phóng nhân loại lầm than. / Ngài đã ra tay chiến thắng tử thần, / Mở cửa trời cho những ai tin tưởng. / Ngài hiển trị bên hữu Chúa Cha, / Ngày cuối cùng sẽ giáng lâm thẩm phán.

/ Cúi lạy Chúa, xin phù hộ bề tôi / Ngài cứu chuộc bằng bửu huyết tuôn tràn. / Xin được hợp đoàn cùng muôn thần thánh, / Phúc miên trường vui hưởng ánh vinh quang." (Nhóm CGKPV)

Như chúng tôi đã nói ở trên, chúng tôi có thể xử lý ba

phần Thánh thi khác biệt thành một bài. Phần đầu tiên hướng về Chúa Cha và kết thúc với một vinh tụng ca Ba Ngôi. Nó có thể là một bài sống sót hiếm hoi của các Thánh thi được phổ biến trước Công đồng chung Nicea năm 325. Có nhiều qui chiếu đến bài này trong các tác phẩm của Thánh Cyprianô thành Carthage, và trong cuộc Khổ nạn của Thánh Perpetua, như thế nó chắc là được sáng tác trước năm 250.

Phần thứ hai, hoàn toàn hướng về Chúa Kitô, là rõ ràng muộn hơn và phản ánh các cuộc tranh luận xung quanh lạc giáo Arius trong thế kỷ thứ tư. Nó cũng là phần hoàn hảo hơn trong việc tôn trọng các quy tắc hùng biện văn chương Latinh.

Phần thứ ba được hình thành từ một loạt các câu Thánh Vịnh. Có thể rằng các câu này được đưa thêm vào như là một kinh cầu vào cuối bài Thánh thi. Một điều gì tương tự xảy ra ngày hôm nay khi người ta thêm câu "Ngài đã cho họ bánh bởi trời ..." sau thánh ca Tantum Ergo.

Kinh cầu cũng đã trở thành một phần của bài Thánh thi. Thật vậy, trong nghi lễ Ambrosian ở Milan, Thánh thi Te Deum kết thúc với câu "*Aeterna fac cum sanctis tuis gloria* [Munerari]" (Xin được hợp đoàn cùng muôn thần thánh, phúc miên trường vui hưởng ánh vinh quang). Chữ đỏ hiện nay cũng cho phép này xoá bỏ phần này trong nghi lễ Rôma.

Có nhiều thuyết về tác giả của thánh thi, đặc biệt là đối với người sáng tác phần thứ hai và thêm nó vào phần đầu tiên. Các ứng viên sáng giá là Nicetas (khoảng 335-414), Giám mục giáo phận Remesiana, tức là giáo phận Bela Palanka ở Serbia ngày nay. Tài năng thơ ca của vị giám mục truyền giáo nhiệt thành này đã được công nhận bởi các người đương thời, như thánh Jerome và thánh Paulinus thành Nola, cũng như Gennadius khoảng 75 năm sau đó. Tác giả Nicetas được chứng thực bởi khoảng 10 bản thảo, bản sớm nhất vào thế kỷ thứ 10 và hầu hết có nguồn gốc Ireland. Dường như sự cô lập của Ireland có thể duy trì một sự gán tên tác giả cổ xưa, trong khi ở lục địa châu Âu, bài Thánh thi đã được gán cho các người nổi tiếng hơn, chẳng hạn Thánh Hilary và Thánh Ambrôsiô. Một cuộc

thảo luận chi tiết hơn về vấn đề quyền tác giả và bản dịch của văn bản có thể được tìm thấy trong Bách khoa từ điển Công giáo trực tuyến.

Bằng chứng sớm nhất cho việc sử dụng bài Thánh thi này trong Thần Vụ được tìm thấy ở Thánh Caesarius thành Arles năm 502. Thánh Biển Đức (qua đời năm 526) cũng quy định như thế cho các tu sĩ của mình. Chữ đỏ tổng quát của sách Thần Vụ ngày nay chỉ định việc đọc Thánh thi Te Deum trước lời nguyện kết thúc của Kinh Sách trong mọi Chủ nhật ngoài mùa Chay, trong tuần bát nhật lễ Phục sinh và lễ Giáng sinh, trong các lễ trọng và lễ buộc.

Người ta cũng thường hát Thánh thi Te Deum như một bài thánh ca tạ ơn Thiên Chúa vào những dịp đặc biệt tôn giáo và dân sự. Các dịp lễ tôn giáo là chẳng hạn như cuộc bầu cử Giáo hoàng, lễ tấn phong Giám mục, lễ phong thánh, lễ khấn Dòng, và các dịp quan trọng khác.

Tại nhiều quốc gia Công Giáo theo truyền thống, thường chính quyền dân sự tham dự một nghi thức tạ ơn đặc biệt với việc hát Thánh thi Te Deum, chẳng hạn dịp lễ đăng quang Nhà Vua, lễ nhậm chức tổng thống, lễ ký hiệp ước hòa bình và các ngày kỷ niệm lịch sử quan trọng. Truyền thống này đôi khi được qui định bởi nghi thức nghiêm ngặt. Ví dụ, khi Tướng Charles de Gaulle hân hoan chiến thắng bước vào thủ đô Paris được giải phóng, trong chiến tranh thế giới thứ hai, các Kinh sĩ Nhà thờ chính tòa Đức Bà tranh luận liệu nhà lãnh đạo Pháp được công nhận cũng là quốc trưởng hợp pháp không. Thánh thi Te Deum chỉ có thể được hát cho vị quốc trưởng hợp pháp của nhà nước, do đó tình hình pháp lý đã bối rối. Vì vậy, khi tướng De Gaulle bước vào nhà thờ, các Kinh sĩ đón tiếp ông một cách ngoại giao bằng cách hát bài Magnificat (Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa).

Cuối cùng, theo truyền thống, Thánh thi Te Deum được hát ngày 31-12 để tạ ơn Chúa vì một năm cũ sắp qua đi. Giáo Hội ban ơn toàn xá cho những người tham gia việc hát hay đọc

công khai Thánh thi Te Deum trong ngày này. (Zenit.org 1-1-2012)

"Giáo hội Công giáo Cổ" và "Giáo hội Công giáo Quốc gia Ba Lan" là gì?

The Old Catholic And Polish National Churches

Hỏi: Tôi hiểu rằng trong các hoàn cảnh bất thường, chẳng hạn trong một cuộc khủng hoảng, hoặc bị cô lập nên không lãnh các bí tích Công giáo được, thì có thể chấp thuận, theo quan điểm Công giáo, cho việc lãnh các bí tích từ một linh mục Chính thống giáo, việc truyền chức của ngài là hợp lệ vì các Giám mục của Giáo hội này vẫn là kế tục Tông đồ. Với các điều kiện khẩn cấp hoặc một sự cô lập như trên, một người Công giáo có thể nhận lãnh các bí tích hữu hiệu từ Giáo hội Công giáo Cổ hoặc Giáo hội Công giáo quốc gia Ba Lan không, vì một người bạn của tôi nói rằng hai Giáo hội này vẫn còn là kế tục Tông đồ? Anh ấy dường như cũng nghĩ là sẽ có vấn đề truyền chức linh mục cho phụ nữ ở hai Giáo hội này nữa. Liệu Giáo Hội Công giáo vẫn còn công nhận hai Giáo hội này là kế tục Tông đồ không? - L. Q., Watertown, Wisconsin (Mỹ)

Đáp: Tình hình là không như nhau đối với "Giáo hội Công giáo Cổ" với trung tâm lịch sử là thành phố Utrecht (Hà Lan), và "Giáo hội Công giáo Quốc gia Ba Lan" có trụ sở tại Bắc Mỹ. Cả hai nhóm đều ở trong sự hiệp thông cho đến tương đối gần đây.

Vì nhiều lý do, Giáo phận Utrecht tách ra khỏi Giáo hội Công giáo sau năm 1703. Giáo hội này sau đó đã tấn phong Giám mục độc lập cho các giáo phận khác của Hà Lan. Sau ngày công bố tín điều bất khả ngộ của Đức giáo hoàng vào năm 1870, nhiều nhóm chủ yếu là người Công giáo nói tiếng Đức tách ra khỏi Giáo hội. Họ được hỗ trợ bởi Giám mục độc lập của giáo phận Utrecht, người đã tấn phong một số linh mục làm Giám mục.

Cho đến bây giờ, họ đã duy trì sự kế tục Tông đồ cách hợp pháp và các bí tích hữu hiệu. Tuy nhiên, họ có một số khác biệt tín lý mạnh mẽ với Giáo hội Công giáo, và sau năm 1996 họ đã bắt đầu truyền chức linh mục cho phụ nữ.

Trừ phi các Giáo hội này chấp nhận các nữ Giám mục, họ sẽ duy trì sự kế tục tông đồ. Tuy nhiên, Giáo hội Công giáo không công nhận tính hợp lệ của chức linh mục được truyền cho phụ nữ, và như một hệ quả, một người Công giáo không bao giờ có thể yêu cầu các bí tích từ nữ linh mục.

Vì các lý do này, mặc dù trong một trường hợp khẩn cấp nghiêm trọng, một người Công giáo có thể nhận các bí tích từ một linh mục hợp lệ của Giáo hội Công giáo Cổ, các khác biệt về tín lý giúp khuyên người Công giáo không Rước lễ hoặc lãnh các bí tích khác, trong một buổi lễ của Giáo hội Công giáo Cổ trong các trường hợp dự kiến ở điều 844 của Giáo luật (xem dưới).

"Giáo hội Công giáo quốc gia Ba Lan" được thành lập tại Mỹ vào năm 1887, như là một kết quả của một loạt các sự hiểu lầm mục vụ và tranh chấp tài sản. Một trong các nhà lãnh đạo của Giáo hội này, Cha Franciszek Hodur, được tấn phong Giám mục bởi ba Giám mục của Giáo hội Công giáo Cổ tại Utrecht năm 1907, và sau đó ngài đã tấn phong các Giám mục khác để bảo đảm sự kế tục Tông đồ. Giáo hội này thiết lập sự hiệp thông với Giáo hội Tin lành Tân giáo (Episcopal) và Giáo hội Công giáo Cổ.

Năm 1978, Giáo hội này chấm dứt sự liên thông hiệp với Giáo hội Tin lành Tân giáo, và chấm dứt sự hiệp thông với Giáo hội Công giáo Cổ sau năm 1996. Trong cả hai trường hợp, lý do là quyết định của các nhà thờ này thừa nhận người phụ nữ làm linh mục - một lập trường hoàn toàn bị bác bỏ bởi Giáo hội Công giáo quốc gia Ba Lan.

Quan hệ giữa Giáo hội Công giáo quốc gia Ba Lan và Giáo hội Công giáo đã được cải thiện phần nào từ thập niên 1970. Năm 1996, Hội đồng Giám mục Mỹ đã đạt được một thỏa thuận, được Tòa Thánh chấp thuận, vốn đặt Giáo hội này vào

một vị trí tương tự như vị trí của các Giáo hội Chính thống Đông phương.

Vì vậy, các quy định của Điều 844 của Giáo luật có thể được áp dụng cho các thừa tác viên của Giáo hội Công giáo quốc gia Ba Lan. Mời đọc:

"Điều 844: (Bản dịch việt ngữ của Bộ giáo luật do các Linh mục sau đây thực hiện: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

§ 1 Các thừa tác viên Công giáo chỉ ban các Bí tích cách hợp pháp cho những người Công giáo. Cũng vậy, người tín hữu Công giáo chỉ lãnh nhận các Bí tích cách hợp pháp nơi các thừa tác viên Công giáo, đừng kể những trường hợp nói ở các triệt 2, 3 và 4 của điều luật này và ở triệt 2 của điều 861.

§ 2 Mỗi khi nhu cầu đòi hỏi, hay thực sự một ích lợi thiêng liêng thúc đẩy, và miễn là tránh được nguy cơ sai lầm và lãnh đạm, những tín hữu Công giáo nào không thể đến với một thừa tác viên Công giáo, do tình trạng bất khả kham về thể lý hay luân lý, được phép lãnh nhận các Bí tích Thống hối, Mình Thánh và Xức dầu Bệnh nhân với những thừa tác viên không Công giáo, nếu trong Giáo hội của họ có các Bí tích ấy hữu hiệu.

§ 3 Các thừa tác viên Công giáo cũng ban các Bí tích Thống hối, Mình Thánh và Xức dầu Bệnh nhân một cách hợp pháp cho các phần tử thuộc các Giáo hội Đông Phương không hiệp thông hoàn toàn với Giáo hội Công giáo, nếu họ tự ý xin và chuẩn bị sẵn sàng lãnh nhận Bí tích. Điều này cũng có giá trị đối với các phần tử của các Giáo hội khác, ở trong cùng điều kiện như các Giáo hội Đông Phương nói trên về phương diện các Bí tích, dựa theo sự phán đoán của Tòa Thánh.

§ 4 Trong khi nguy tử hay, theo sự nhận định của Giám mục giáo phận hoặc của Hội đồng Giám mục, có nhu cầu quan trọng khác đòi hỏi, thì các thừa tác viên Công giáo được phép ban các Bí tích ấy cách hợp pháp cho những người Kitô hữu không hiệp thông hoàn toàn với Giáo hội Công giáo, khi những người này không thể đến với thừa tác viên thuộc cộng đoàn của

họ và tự ý xin lãnh Bí tích, với điều kiện là họ tuyên xưng Đức Tin Công giáo về các Bí tích ấy và họ đã chuẩn bị hợp lệ.

§ 5 Về những trường hợp nói đến trong triệt 2, 3 và 4, Giám mục giáo phận hay Hội đồng Giám mục không được đưa ra những quy luật tổng quát khi chưa tham khảo ý kiến với người có thẩm quyền, ít ra là cấp địa phương, của Giáo Hội hay cộng đoàn không công giáo liên hệ". (Zenit.org 14-2-2012)

Kiêng thịt ngày thứ Sáu và các lễ trọng địa phương

Hỏi: Tại Anh và xứ Wales, Hội đồng Giám mục đã quyết định tái lập việc kiêng thịt ngày thứ Sáu theo điều 1251 của Bộ Giáo luật. Theo điều luật này, việc kiêng thịt được áp dụng cho mọi ngày thứ Sáu, trừ ra các thứ Sáu có lễ trọng. Như thế, khi lễ bổn mạng của một giáo xứ rơi vào ngày thứ Sáu, và được tổ chức trọng thể tại riêng giáo xứ ấy, liệu mọi tín hữu giáo xứ ấy được ăn thịt vào ngày thứ Sáu ấy không, dù họ đi dự lễ ở nhà thờ khác? Liệu một người không thuộc giáo xứ ấy, nghĩ rằng đó là một lễ trọng tại địa phương, đi đến một tiệm ăn trong khu vực giáo xứ ấy để ăn thịt được không? - S. P., Tổng Giáo Phận Birmingham, Anh

Đáp: Sau đây là các điều luật liên quan về "Các Ngày Thống Hối": (Bản dịch Việt ngữ của Bộ Giáo luật do các Linh Mục sau đây thực hiện: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh.)

Điều 1249: Luật Chúa buộc mọi tín hữu làm việc thống hối theo cách thức riêng của mỗi người. Nhưng để các tín hữu liên kết với nhau trong một vài nghĩa vụ thống hối chung, luật quy định những ngày thống hối, để trong những ngày ấy, các tín hữu chú trọng đặc biệt đến sự cầu nguyện, thi hành việc đạo đức và việc bác ái, từ bỏ bản thân, bằng cách trung thành chu toàn các bổn phận riêng và nhất là bằng cách giữ chay và kiêng thịt, dựa theo các điều luật sau đây.

Điều 1250: Những ngày và mùa thống hối chung cho toàn thể Giáo hội là các ngày thứ sáu trong năm và mùa chay.

Điều 1251: Vào các ngày thứ sáu, nếu không trùng với ngày lễ trọng, thì phải giữ việc kiêng thịt hay kiêng một thức ăn khác theo Hội đồng Giám mục đã quy định. Vào ngày thứ tư Lễ Tro và ngày thứ sáu Tuần Thánh kính nhớ sự Thương Khó và Tử Nạn của Chúa Giêsu Kitô, phải giữ việc kiêng thịt và ăn chay.

Điều 1252: Luật kiêng thịt buộc những người đã 14 tuổi trọn. Luật ăn chay buộc hết mọi người đã đến tuổi trưởng thành cho tới lúc bắt đầu 60 tuổi. Tuy nhiên, các Chủ Chăn và các phụ huynh phải lo dạy cho các em chưa đến tuổi buộc ăn chay và kiêng thịt để chúng hiểu biết ý nghĩa đích thực của việc thống hối.

Điều 1253: Hội đồng Giám mục có thể xác định rõ rệt hơn việc giữ chay và kiêng thịt, cũng như thay thế chúng cách toàn phần, hay từng phần bằng những hình thức thống hối khác, nhất là bằng những việc từ thiện và việc đạo đức.

Những gì các Giám mục Anh và xứ Wales đã thực hiện là khôi phục việc tuân giữ đầy đủ các điều luật 1250-1251. Trước đây, việc kiêng thịt chỉ áp dụng cho các thứ Sáu Mùa Chay.

Tôi có thể nói rằng do tính chất lãnh thổ của lễ trọng được mừng, luật miễn ăn thịt chỉ áp dụng cho những người ở trong lãnh thổ giáo xứ. Còn giáo dân ngoài giáo xứ ấy phải tuân giữ luật phổ quát.

Ít là về lý thuyết, một người Công giáo, nhận thức rằng một giáo xứ đang mừng lễ trọng vào ngày thứ Sáu, có thể đến đó để ăn thịt. Nên nhớ điều này có nghĩa rằng người đó là một người Công giáo tốt, do đó người ta hy vọng rằng người ấy cũng sẽ chia sẻ niềm vui của giáo xứ bằng cách tham dự Thánh Lễ trọng, trước khi đi đến nhà hàng gần nhất.

Trong mùa thường niên, nhiều giáo xứ chuyển lễ trọng bổn mạng giáo xứ vào chủ nhật gần nhất. Trong trường hợp này, việc miễn kiêng thịt ngày thứ Sáu sẽ không còn áp dụng.

Việc miễn như thế cũng áp dụng cho các lễ trọng của giáo phận. Hầu hết các giáo phận có một lễ trọng bổn mạng hoặc thánh đại diện của mình. Tuy nhiên, việc áp dụng khả năng này không phải là thống nhất. Ví dụ, cả Subiaco và Montecassino đều chọn thánh Biển Đức là thánh bổn mạng chính. Tuy nhiên, trong khi toàn bộ thị trấn Subiaco mừng trọng thể lễ này, tại Montecassino chỉ đan viện chính mừng lễ trọng này thôi. Trong cả hai trường hợp, phần còn lại của giáo phận cử hành ngày lễ.

Mặc dù mỗi ngày thứ Sáu là một ngày thống hối, các ngày thứ Sáu mùa Chay là đặc biệt quan trọng. Vì vậy, nhiều nơi có thói quen kiêng thịt vào ngày lễ trọng trùng với một ngày thứ sáu trong mùa Chay này. (Zenit.org 6-3-2012)

Nên xức tro cho trẻ nhỏ và người ngoài Công giáo không?

Câu hỏi 1: Trong ngày thứ Tư Lễ Tro, có thích hợp cho trẻ em được xức tro không? Công thức "Hãy sám hối và tin vào Tin mừng" ngụ ý rằng người nhận tro có khả năng phạm tội. Chúng ta thường xem tuổi khôn là khoảng 7 tuổi. Cha mẹ thường đem theo trẻ nhỏ, từ bé nhỏ ẵm trên tay, đến trẻ mới biết đi, đến trẻ 4-5 tuổi, và muốn cho con cái được xức tro nữa. Việc xức tro như thế có thích hợp không, trong khi trẻ nhỏ chưa hiểu điều chúng tham gia? - E. K., Toronto, Canada

Câu hỏi 2: Một câu hỏi về ngày thứ Tư Lễ Tro: Có các hạn chế cho việc xức tro không, nghĩa là ai là thích hợp để được xức tro? Người không Công giáo và trẻ nhỏ đã rửa tội có thể được xức tro không? Có các qui định về việc xức tro không, và các qui định này được tìm thấy ở đâu? Giả định rằng bất cứ ai cũng có thể được xức tro, bất kể tuổi tác hay tôn giáo. Điều này có đúng không? - S. M., Indianapolis, Indiana, Mỹ.

Đáp: Các quy định liên quan đến việc xức tro là ít ỏi, và dường như không đặt bất kỳ hạn chế cụ thể nào về việc xức tro cho ai.

Chữ đỏ của Sách Lễ chỉ nói đơn giản rằng "linh mục đặt tro trên đầu của những người có mặt tại chỗ và đến với ngài..."

Thánh Bộ Phụng tự đã xuất bản một thư luân lưu về việc cử hành xức tro vào năm 1988. Về thứ Tư Lễ Tro, thư luân lưu nói:

"21. 'Ngày thứ tư trước Chủ Nhật 1 Mùa Chay, các tín hữu được xức tro, đi vào một thời kỳ qui định cho việc thanh luyện linh hồn họ. Dấu hiệu thống hối này, một sự thống hối theo truyền thống Kinh Thánh, đã được duy trì trong số các tập tục của Giáo Hội cho đến ngày nay. Nó biểu thị thân phận của con người là người có tội, người tìm cách bày tỏ cảm thức tội lỗi của mình trước mặt Chúa một cách bên ngoài, và bằng cách đó diễn tả sự hoán cải nội tâm của mình, được dẫn dắt bởi niềm hy vọng rằng Chúa sẽ thương xót mình. Dấu hiệu này đánh dấu sự khởi đầu của con đường hoán cải, vốn được triển khai thông qua việc cử hành bí tích sám hối trong những ngày trước lễ Phục Sinh.'

"Việc làm phép tro và xức tro có thể diễn ra trong Thánh Lễ hoặc ngoài Thánh Lễ. Trong trường hợp thứ hai (ngoài Thánh lễ), nó là một phần của phụng vụ Lời Chúa và kết thúc với lời nguyện tín hữu".

Mặc dầu rõ ràng rằng trẻ nhỏ không cần phải ăn năn thống hối hoặc làm việc đền tội, tôi thấy không có lý do gì để từ chối xức tro cho trẻ nhỏ, nếu cha mẹ các em đưa các em đến. Hành động này có thể dùng như một phương tiện để giáo dục các em trong truyền thống Công giáo, cũng như việc cha mẹ sẽ dạy các em làm dấu Thánh giá, và thường xuyên đưa các em đi lễ nhiều năm, trước khi các em rước lễ vỡ lòng.

Trong ngày Thứ Tư Lễ Tro, nhiều người, bao gồm nhiều người Công giáo không thường xuyên sống đạo, xin được xức tro. Không có lý do chính đáng nào để từ chối bất cứ ai, và thực

sự cử chỉ này có thể thắp lên một tia sáng của sự ăn năn thống hối.

Tôi tin rằng hầu hết các tín đữu Tin Lành, nhất là tín hữu Hội thánh Tin lành Phúc âm (Evangelical), sẽ không bao giờ mơ ước sử dụng một á bí tích Công giáo. Tuy nhiên các tín hữu Tân giáo (Episcopalian) và một số người khác, những người có thể không ở gần một nhà thờ riêng của họ, có thể quyết định nhận tro tại một buổi lễ Công giáo.

Bởi vì việc xức tro là một dấu hiệu của sự ăn năn, và không nhất thiết phải bao hàm sự hiệp thông đức tin, tôi nghĩ rằng việc xức tro có thể được thực hiện, ngay cả khi linh mục biết rằng họ không phải là người Công giáo.

Nói tóm lại, tôi nghĩ rằng việc thực hành tốt nhất là tin vào thiện ý của những người xin xức tro, và không lo lắng về động lực hay xuất xứ của họ.

Không giống như trường hợp Rước Lễ, dường như không có nguy hại nào đến từ việc được xức tro, và đôi khi Thiên Chúa có thể sử dụng những giây phút này để tạo sự lành cho nhiều người. (Zenit.org 13-3-2012)

Được tự ý thay đổi nghi thức trong Tuần Thánh không?

Câu hỏi 1: Trong hai năm qua, tại giáo xứ của chúng tôi, phụng vụ Thứ Sáu Tuần Thánh đã được thay đổi theo cách sau đây: Linh mục và các người đọc sách bắt đầu phụng vụ bằng cách đọc một phần của bài Thương Khó. Sau đó, họ dừng lại sau khi đọc khoảng 1/5 bài Thương khó, và các người đọc lần lượt đọc bài đọc 1 và bài đọc 2. Sau đó, linh mục và các người đọc tiếp tục công việc, đọc thêm 1/5 bài Thương khó nữa, sau đó họ đọc lời nguyện chung. Tiếp đến, 1/5 bài Thương khó được đọc, sau đó là tôn kính Thánh Giá. Kế đến, 1/5 bài Thương khó tiếp theo được đọc, và sau đó là phần Rước lễ. Sau phần Rước lễ, 1/5 bài Thương khó còn lại được đọc, và buổi phụng vụ kết thúc. Rõ

ràng, trật tự của phụng vụ này không tuân theo luật chữ đỏ. Bởi vì phụng vụ Thứ Sáu Tuần Thánh không phải là một Thánh Lễ, nên câu sau đây trong Hiến chế Sacrosanctum Concilium vẫn phải áp dụng, vì dẫu sao phụng vụ Thứ Sáu Tuần Thánh là một phụng vụ thánh: "Việc điều hành Phụng Vụ Thánh tùy thuộc thẩm quyền duy nhất của Giáo Hội: Nghĩa là thuộc quyền Tông Tòa và chiếu theo qui tắc luật pháp, cũng thuộc quyền Giám mục...Vì vậy, tuyệt đối không ai khác, dầu là linh mục, được lấy quyền riêng tư thêm bớt hay thay đổi một điều gì trong Phụng Vụ" (22, 1, 2).

Câu hỏi 2: Mùa Chay năm ngoái, trong các Chủ nhật trước Chủ Nhật Lễ Lá, linh mục của chúng tôi và các phụ tá của ngài sử dụng các thay đổi khi đọc Tin Mừng: Linh mục và giáo dân đọc Tin Mừng theo cách giống như bài Thương khó được đọc bởi nhiều người trong Chủ nhật lễ Lá hoặc Thứ Sáu Tuần Thánh, nghĩa là linh mục đọc lời của Chúa Giêsu, và các người đọc khác đọc các phần của người đàn ông mù, bà Martha, bà Maria, người phụ nữ Samaria, vv... Ngoài ra, ca trưởng mời cộng đoàn hát một câu đáp nhiều lần trong thời gian đọc Tin mừng. Vì vậy, tại nhiều điểm khác nhau trong Tin Mừng, hoặc là linh mục hay giáo dân sẽ ngưng đọc, và toàn cộng đoàn sẽ hát một câu đáp, nhiều lần theo cách hát Thánh vịnh. Tôi lo ngại về điều này diễn ra, bởi vì theo Huấn thị Redemptionis Sacramentum: "Vì vậy, một giáo dân, kể cả một tu sĩ, không được phép công bố Tin Mừng trong cử hành Thánh Lễ, kể cả trong các trường hợp khác, mà quy tắc không có rõ ràng cho phép" (63). Trong khi người đọc không đọc toàn bộ đoạn Tin Mừng, liệu giáo dân có được phép đọc một phần trong đoạn Tin mừng ấy không? Theo tôi, sự tự do thực hiện cách thay đổi như thế dường như là một lạm dụng phụng vụ. - E. R., San Clemente, bang California (Mỹ)

Câu hỏi 3: Tôi không dám chắc rằng đất nước tôi là duy nhất trong việc cố gắng "thiết lập lại" phụng vụ của tam nhật Tuần Thánh, nhưng tôi đã nhìn thấy và nghe đủ để tưởng tượng rằng có lẽ hàng giáo sĩ của chúng tôi không quá quen thuộc với

các luật chữ đỏ, hoặc ý nghĩa của tam nhật Vượt Qua. Câu hỏi của tôi, về cơ bản, là làm sao một linh mục có thể bỏ qua các qui định để cử hành những gì, vốn xem ra là không còn Tam nhật Vượt Qua nữa, nói về pháp lý? Một số ví dụ từ các nghi thức phụng vụ được truyền hình: Vào một Thứ Sáu Tuần Thánh, Phụng Vụ Thương khó được cử hành tại Quận Kerry. Bài Kinh Thánh duy nhất được đọc là trích từ Tin mừng theo thánh Matthêu (dường như là một bản dịch mới) và được diễn theo lối kịch câm. Tôi nghĩ rằng phần còn lại của buổi phụng vụ là nhiều hoặc ít kém phụng vụ hơn. Sau đó, Đêm Vọng Phục Sinh của cùng một giáo xứ ấy đã được cấu trúc như sau: đốt lửa (bên ngoài nhà thờ), các giáo sĩ đi vào nhà thờ và bắt đầu các bài đọc Cựu Ước. Sau bài đọc Cựu ước cuối cùng, cây nến Phục Sinh được thắp theo nghi thức bình thường, mọi người thắp nến của mình, thánh thi Exsultet ('Mừng vui lên') được hát, tiếp đến hát bài Vinh danh. Phần còn lại của buổi phụng vụ diễn ra như thường lệ. - F. R., Dublin, Ireland

Đáp: Đây chỉ là một số lựa chọn từ nhiều thắc mắc về việc tái sắp xếp trắng trợn của phụng vụ nói chung và lễ Phục Sinh nói riêng. Tại sao các điều này xảy ra, và tại sao một số linh mục đang bị lừa để suy nghĩ rằng đó là một phương pháp tiếp cận "mục vụ" hơn là tuân theo luật chữ đỏ đã qui định, vẫn còn là một bí ẩn.

Tôi vẫn xác tín rằng chính sách mục vụ tốt nhất và hiệu quả nhất là cung cấp cho tín hữu của Chúa Kitô các nghi thức, mà Giáo Hội của Người đã đưa ra. Đó là những gì đã chịu sự thử thách của thời gian và sử dụng rộng rãi. Sự chắp vá của cá nhân chúng ta chỉ làm nghèo nàn và làm suy yếu tính hiệu quả của chúng.

Từ quan điểm pháp lý, tất cả các sáng kiến này vi phạm nguyên tắc cơ bản số 22 của luật phụng vụ trong Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, được trích dẫn bởi người nêu câu hỏi số 1. Qui định này không chỉ giới hạn cho Thánh lễ, mà còn cho toàn bộ phụng vụ, kể cả mọi cử hành các bí tích và các á bí tích.

Trong trường hợp của các á bí tích và Phụng Vụ Các Giờ Kinh, các sách chính thức thỉnh thoảng cho phép một sự tự do hơn trong việc lựa chọn bài đọc và phương thức cử hành, miễn rằng các tiêu chuẩn cốt lõi phải được tuân thủ.

Như người nêu câu hỏi số 1 đã nhận xét, họ cũng vi phạm minh nhiên nhiều qui định phụng vụ khác. Đây là trường hợp trong câu hỏi số 2, nói rằng các trường hợp duy nhất mà giáo dân được phép đọc Tin Mừng cách hiệu quả cùng với linh mục là trong Chủ Nhật Lễ Lá và Thứ Sáu Tuần Thánh. Ngoại lệ khác, dự kiến có trong số 47 của Cuốn Chỉ nam cho Thánh lễ dành cho Thiếu nhi, không áp dụng cho các Thánh Lễ được cử hành cho toàn bộ cộng đồng giáo xứ.

Đối với Thứ Sáu Tuần Thánh, tôi sẽ nói rằng mặc dù buổi phụng vụ này không phải là một Thánh Lễ, nó là một trong các buổi lễ cổ xưa nhất và quan trọng nhất của một năm, và nó đáng hưởng mức độ tối đa trong tuân thủ luật chữ đỏ. Thư luân lưu của Thánh bộ Phụng tự (ngày 20-2-1988) về cử hành các ngày này là rất rõ ràng:

"64. Thứ tự cho việc cử hành cuộc Thương khó của Chúa (phụng vụ Lời Chúa, tôn thờ thánh giá, và rước Mình Thánh Chúa), vốn bắt nguồn từ một truyền thống cổ xưa của Giáo hội nên được tuân thủ cách trung thành và đạo đức, và không ai có thể sửa đổi chúng theo sáng kiến riêng của mình.

66. Các bài đọc phải được đọc đầy đủ. Bài Thánh vịnh xướng đáp và thánh ca trước Tin Mừng phải được hát theo cách thông thường. Trình thuật cuộc Thương khó của Chúa theo thánh Gioan được hát hay đọc, theo cách quy định cho Chủ nhật trước (xem số 33.). Sau bài Thương khó, cần có bài giảng, và sau đó các tín hữu có thể được mời suy niệm chốc lát".

Về Đêm Vọng Phục Sinh, các chỉ dẫn cũng là tương tự:

"2. Cấu trúc của Đêm Vọng Phục Sinh và ý nghĩa của các yếu tố và các phần khác nhau

"81. Thứ tự Đêm Vọng Phục Sinh được bố trí sao cho sau nghi thức đốt lửa và thắp nến, và công bố Tin mừng phục sinh (vốn là phần đầu của Vọng Phục sinh), Thánh Giáo Hội suy

niệm về các công trình tuyệt vời mà Chúa là Thiên Chúa đã làm cho dân Chúa từ thuở ban đầu (phần thứ hai hoặc phụng vụ Lời Chúa) đến thời điểm khi cùng với những thành viên mới được tái sinh trong phép rửa tội (phần thứ ba), Giáo hội được mời gọi đến bàn thánh do Chúa chuẩn bị cho Giáo hội, tưởng niệm cái chết và sự phục sinh của Chúa, cho đến khi Chúa đến (phần thứ tư)".

"Thứ tự phụng vụ này không được thay đổi bởi bất cứ ai theo sáng kiến riêng của mình."

Vì vậy, các nghi thức trên kia có một luận lý thiêng liêng nội tại, vốn bị phá vỡ, khi nghi thức không được tôn trọng.

Một số các thao tác, được độc giả của chúng tôi mô tả, là quá nghiêm trọng đến nỗi người ta có thể nói rằng nghi thức ấy không còn là của Giáo hội Công giáo nữa. (Zenit.org 20-3-2012)

Ai hát bài Exsultet (Mừng Vui Lên)?

Hỏi: Có một lý do nào cho phép một linh mục hát bài Exsultet (Mừng vui lên) không, khi có một một phó tế ở đó và phó tế này có thể hát được bài này, chỉ bởi vì linh mục ấy thích tự làm mà thôi? - L. E., Oxon Hill, Maryland (Mỹ)

Đáp: Chữ đỏ trong sách lễ nói rõ ràng điều này:

"Việc công bố Tin mừng Phục Sinh có thể được thực hiện, trong trường hợp không có Phó tế, bởi chính linh mục hoặc bởi một linh mục đồng tế khác. Tuy nhiên, nếu vì nhu cầu, một ca viên giáo dân có thể hát bài công bố này; trong trường hợp này, các chữ từ "Hợp nhau đây, tôi xin anh chị em rất thân yêu..." đến cuối lời mời gọi được bỏ không hát, cũng như không hát lời chào "Chúa ở cùng anh chị em".

Chữ đỏ này bao hàm nhiều việc. Một là ai là người ưu tiên để hát bài Exsultet. Và lý do khi cần thiết, một ca viên giáo dân có thể thay thế một linh mục và phó tế, nếu các vị không thể hát bài này.

Hai là, sau khi xem xét mọi điều, thừa tác viên thích hợp và ưu tiên nhất để hát bài Exsultet là thầy phó tế.

Vì vậy, một linh mục không nên thay thế một phó tế đủ trình độ, và chắc chắn không phải chỉ vì linh mục thích được hát bài này.

Tuy nhiên, luôn có thể rằng một phó tế đặc biệt (hay linh mục) đánh giá cao khả năng ca hát của mình, trong khi một linh mục biết âm nhạc nghĩ rằng một bài ca tương đối khó như bài Exsultet vượt ngoài khả năng của người ấy. Vì thế, linh mục có thể quyết định tự mình hát bài Exsultet nhằm tôn trọng buổi cử hành long trọng nhất của năm phụng vụ, và cũng để cứu thầy phó tế một khoảnh khắc bối rối trước toàn bộ cộng đoàn giáo xứ.

Xin mừng lễ Phục Sinh cho tất cả! (Zenit.org 3-4-2012)

Được ngồi khi nghe đọc bài Thương Khó không?

Hỏi: Một độc giả hỏi về việc một linh mục bảo giáo dân ngồi khi nghe đọc bài Thương khó là đúng không?

Đáp: Việc này không được đề cập trong sách lễ chính thức. Đôi khi tôi đã nhìn thấy nó chèn vào như là một chữ đỏ trong các sách lễ được xuất bản riêng, nhưng không ghi thẩm quyền nào cho phép.

Trong khi một người già, hay bất cứ ai gặp khó khăn về thể lý, có thể lựa chọn việc ngồi, nếu việc đứng hoặc quỳ là đặc biệt gánh nặng cho họ, tôi không nghĩ rằng thật là thích hợp – về tinh thần, pháp lý hoặc mục vụ - để mời toàn bộ cộng đoàn ngồi để nghe bài Thương Khó.

Nhiều người trong mọi lứa tuổi dường như có thể đứng hàng giờ, thậm chí cả ngày, để mua vé xem văn nghệ, có mặt tại một sự kiện thể thao, hoặc là những người đầu tiên có được phiên bản cuối cùng của một tiện ích mà họ có thể không thực sự cần.

Do đó, có quá lắm không khi yêu cầu người Công giáo đứng trong 25 phút, hoặc đứng dưới chân Thánh Giá, hiệp cùng Đức Mẹ, và đoàn kết với Chúa Kitô đã chết để cứu chuộc chúng ta? Liệu việc ngồi có là một cử chỉ thích hợp vào thời điểm đọc bài Thương Khó không?

(Zenit.org 3-4-2012)

Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của Đức Thánh Cha làm công việc gì?

Đức ông Guido Marini, Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của ĐTC, cầm sách đứng bên trái ĐTC.

Hỏi: Trong các buổi cử hành phụng vụ của ĐTC Biển Đức XVI, tôi chú ý đến vị Trưởng Ban Nghi lễ và tự hỏi liệu việc các người khác "giúp" cho ngài, và tất nhiên giúp ĐTC, được gọi là gì? Tôi biết vị Thư ký riêng của Ngài đứng bên Ngài, nhưng không chia sẻ vai trò của vị Trưởng Ban Nghi lễ. Các người khác làm ư? Có người nói với tôi rằng chỉ có một vị Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của ĐTC mà thôi, đó là Đức Ông Guido Marini. Tôi biết rằng ĐTC thường có một người Mỹ đi kèm theo Ngài, nhưng tôi không biết tên, nhưng đoán là một Tổng Giám mục. Câu hỏi của tôi là: Vai trò của vị này là gì? Có một phẩm trật giữa các vị hay không? Khi còn là một chủng sinh, tôi đã phục vụ tại các Thánh lễ đại triều với các Giám mục, Tổng Giám mục và Hồng y, và tôi biết thường có các Trưởng Ban Nghi Lễ thi hành các vai trò khác nhau trong phụng vụ, nhưng luôn có một Trưởng Ban Nghi Lễ chính thức trong buổi lễ. - D. M., Toronto, Canada.

Đáp: Đức Ông Guido Marini (không có quan hệ bà con

với người tiền nhiệm, Đức Tổng Giám Mục Piero Marini) hiện là Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của ĐTC, và là Trưởng Văn phòng Nghi Lễ Phụng Vụ của ĐTC.

Vai trò của Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của ĐTC phát sinh ít là từ thế kỷ 15. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Nghi Lễ đã được điều chỉnh trong nhiều thế kỷ, và các quy định mới nhất xuất phát từ Tông Hiến Pastor Bonus (Mục tử nhân hậu) năm 1988.

Tông Hiến này tăng cường vai trò của Văn phòng Nghi lễ Phụng vụ, làm cho nó trở thành một tổ chức mới của Giáo triều Rôma với các luật lệ riêng và thẩm quyền riêng.

Theo hồ sơ của văn phòng trên trang web của Vatican, nhiệm vụ của văn phòng "là chuẩn bị mọi sự cần thiết cho Nghi lễ phụng vụ, hoặc mọi nghi thức thánh do ĐTC chủ tọa, hoặc Ngài tham dự hay hiện diện tại đó, hoặc nghi lễ do một Hồng y hay Đặc sứ chủ tọa thay cho ĐTC.

Các sự chuẩn bị này bao gồm mọi sự cần thiết nhằm bảo đảm sự cử hành xứng hợp và sự tham gia tích cực của các tín hữu. Phạm vi công việc của văn phòng còn là: cử hành Mật nghị Hồng y, và hướng dẫn cử hành phụng vụ của Hồng y đoàn khi trống ngôi Giáo hoàng. Một nhiệm vụ quan trọng nhất của văn phòng là lên kế hoạch, in ấn và phân phối một tập tài liệu kinh nguyện đặc biệt cho mỗi buổi phụng vụ, nhằm bảo đảm sự tham gia xứng đáng và tích cực của những người hiện diện."

Tông hiến nói thêm rằng nhiệm vụ của vị Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ là “duyệt lại và thích ứng các nghi lễ phụng vụ của Giáo hoàng, theo nhu cầu và theo yêu cầu, trong sự hòa hợp với tinh thần của Công Đồng chung Vatican II, và phù hợp với nét đặc trưng của nghi lễ phụng vụ của ĐTC. Một nhiệm vụ quan trọng nhất là lên kế hoạch và hướng dẫn tất cả các nghi thức phụng vụ của Giáo hoàng, trong các chuyến thăm của ĐTC đến các giáo xứ hoặc các tổ chức trong giáo phận Rôma, cũng như các nghi thức phụng vụ của Giáo hoàng trong các chuyến tông du của Ngài trên toàn thế giới."

Từ năm 1991, vị Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ cũng chịu trách nhiệm về Phòng Thánh của ĐTC, các nhà nguyện bên trong cho Dinh Tông Tòa, bao gồm nhà nguyện Sistine, Nhà nguyện Thánh Phaolô và nhà nguyện *Redemptoris Mater* (Mẹ Chúa Cứu Thế).

Trong nhiệm vụ này, vị Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ được sự trợ giúp của khoảng 12 vị phụ tá Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ. Ít nhất một trong các vị này là chức sắc của Văn phòng Nghi lễ Phụng vụ, trong khi các vị khác làm việc trong các cơ quan khác của Giáo triều Rôma. Ngoại trừ những vị nào là chức sắc, các vị khác thường chỉ giúp đỡ trong các buổi phụng vụ ở Rôma, và không cùng đi với ĐTC trong các chuyến tông du. Vào các dịp lễ này, vị Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ của ĐTC được hỗ trợ bởi những người chịu trách nhiệm về phụng vụ ở cấp giáo phận địa phương.

Trong khi trực tiếp hỗ trợ ĐTC, vị Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ cũng giúp hướng dẫn các thừa tác viên khác trong buổi phụng vụ, như các phó tế, thầy giúp lễ và các vị đồng tế. Ít nhất bốn Chưởng nghi phụng vụ có mặt trong một lễ đại triều có ĐTC. Các trợ lý Trưởng ban Nghi lễ cũng giúp các Hồng y trong các dịp đặc biệt, chẳng hạn Mật nghị Hồng y, lễ nắm quyền ở các nhà thờ hiệu tòa, và các buổi lễ quan trọng khác được tổ chức tại Rôma, chẳng hạn lễ tấn phong Giám mục.

Trong thời kỳ trống tòa Giáo hoàng (*Vacante Sede*): Trưởng Ban Nghi Lễ Phụng Vụ làm nhiệm vụ trong các cuộc họp của các Hồng y, và tham gia Mật nghị Hồng y với các công tác đặc biệt. Với thẩm quyền của Văn phòng, Trưởng ban Nghi lễ phụng vụ là công chứng viên. Do đó, Trưởng ban phải soạn thảo văn bản chính thức của chức năng mà vị này tham dự, như là phần việc của Văn phòng của mình, bao gồm các hồ sơ của Mật Nghị Hồng y, và hồ sơ bầu chọn Tân Giáo hoàng.

Về khía cạnh thực tiễn của mọi công tác này, Văn phòng Nghi Lễ Phụng Vụ có bảy chức sắc (ba linh mục, hai nữ tu và hai giáo dân) bên cạnh vị Trưởng Ban nghi lễ. Họ chịu trách nhiệm, trong nhiều công tác như soạn thảo các tập cẩm nang,

sách lễ, và các tài liệu khác vốn được cung cấp cho các tín hữu ở mỗi buổi lễ. Văn phòng tọa lạc trong Vatican, và ở tầng hầm phía dưới của bức tranh khảm Mater Ecclesiae (Mẹ Giáo Hội) ở Quảng trường Thánh Phêrô. Ngoài ra, còn có sáu cố vấn được bổ nhiệm cho Văn phòng, để tư vấn chuyên môn về khía cạnh lịch sử và kỹ thuật của phụng vụ.

Ngoài các vị trực tiếp tham gia trong phụng vụ, ĐTC thường được đi kèm trong cuộc rước bởi các thư ký riêng của Ngài, và Trưởng Văn phòng đặc trách các vấn đề Nội chính của ĐTC (The Prefect of the Papal Household).

Theo hồ sơ của mình, "nhiệm vụ của Văn phòng đặc trách các vấn đề Nội chính của ĐTC là phối hợp các công việc của Phòng chờ ngoài, và tổ chức các cuộc hội kiến của ĐTC với các vị Quốc trưởng, các Vị Đứng đầu Chính phủ, các Bộ trưởng và các quan chức cấp cao khác, cũng như các Đại sứ bên cạnh Vatican đến trình Ủy nhiệm thư. Văn phòng lo chuẩn bị mọi cuộc tiếp kiến – riêng tư, đặc biệt và khoáng đại - và các chuyến thăm của những vị được chính ĐTC tiếp. Văn phòng cũng chịu trách nhiệm sắp xếp các nghi lễ của ĐTC - trừ các buổi cử hành phụng vụ - cũng như cuộc Tĩnh tâm của ĐTC, Hội nghị Hồng y đoàn và Giáo triều Rôma. Ngoài ra, Văn phòng giám sát việc sắp xếp phù hợp theo yêu cầu mỗi khi ĐTC rời Dinh Tông Tòa để đi thăm thành phố Rôma, hoặc thăm trong phạm vi nước Ý".

Đối với chúng ta là những người không phải là đại sứ hay Quốc trưởng, việc tiếp xúc với Văn phòng đặc trách các vấn đề Nội chính của ĐTC thường bị hạn chế, do phải xin giấy để tham dự các thánh lễ của ĐTC và các cuộc gặp gỡ với Ngài.

Vị trưởng Văn phòng này hiện nay là Đức Tổng Giám mục James Michael Harvey, người Mỹ ở thành phố Milwaukee, bang Oregon, và do đó là người mà độc giả trên đây tò mò muốn biết. Trong thực tế, Ngài thường hộ tống ĐTC trong mỗi cuộc lễ và cuộc tiếp kiến ở Vatican và các nơi khác, và thường được nhìn thấy đi kín đáo ngay sau ĐTC. (Zenit.org 24-4-2012)

Giáo xứ áp dụng niên lịch riêng của các Dòng tu được không?

Hỏi: Tôi là thành viên của một giáo xứ Công giáo do các cho Dòng Phanxicô coi sóc. Liệu các giáo xứ do cha Dòng coi sóc có chọn lựa tuân theo niên lịch phụng vụ cho giáo phận mình (cùng với sách các nghi lễ thánh v.v.), hoặc họ có thể xin phép tuân theo niên lịch và sử dụng sách các nghi lễ thánh riêng (trong trường hợp của chúng tôi, là niên lịch dòng Phanxicô) của một Dòng tu không? - M. P., Indianapolis, Indiana (Mỹ).

Đáp: Câu trả lời cho câu hỏi này phụ thuộc vào nhiều trường hợp. Có trường hợp liên quan đến các tu sĩ Dòng, có trường hợp liên quan đến nhà thờ.

Giáo hội đã đưa ra luật nhiều lần liên quan đến việc sử dụng các niên lịch riêng, nhất là với "các Qui luật Tổng quát của Năm Phụng vụ và Niên Lịch" vào năm 1969, và "*Particularia Calendaria*" (Lịch riêng) vào năm 1970. Nói chung, các luật này đưa ra ưu tiên cho niên lịch chung, nhưng cũng có các khoản về việc sử dụng niên lịch giáo phận, giáo miền, quốc gia và Dòng tu.

Theo các Qui luật Tổng quát:

"Số 52. Một niên lịch riêng được chuẩn bị bằng cách chèn vào Niên lịch chung các đại lễ, lễ trọng, và lễ kính riêng cho niên lịch ấy.

"a) Trong niên lịch của giáo phận, ngoài lễ thánh bổn mạng của Giáo phận và lễ cung hiến nhà thờ chính tòa, còn có các thánh và các chân phước có liên quan đặc biệt với giáo phận, chẳng hạn, nơi sinh, nơi ở trong thời gian dài hoặc nơi qua đời của vị thánh ấy.

"b) Trong niên lịch Dòng tu, ngoài lễ mừng tước hiệu của Dòng, Đấng sáng lập hoặc thánh bổn mạng của Dòng, còn

có các vị thánh và chân phước thành viên của Dòng hoặc có mối quan hệ đặc biệt với Dòng".

Sau sự cải tổ của niên lịch chung, hầu hết các Dòng tu đã sửa lại niên lịch riêng của mình để hòa hợp truyền thống của mình càng nhiều càng tốt với niên lịch chung. Nguyên tắc bao quát trong việc chuẩn bị sự cải tổ này là tránh một số lượng quá nhiều của lễ mừng kỷ niệm riêng.

Một thông báo năm 1997 về Lịch riêng, do Thánh Bộ Phụng tự công bố, đã nêu:

"Số 25. Cần phải nhớ rằng việc đưa một số lượng quá nhiều các lễ kỷ niệm vào các niên lịch khác nhau có thể tạo ra bất trắc (các Qui luật Tổng quát, số 53; Calendaria particularia, số 17). Nó sẽ làm quá tải cho niên lịch của một giáo phận hoặc một Dòng tu, cũng như của một quốc gia, của một giáo miền, hoặc của một Tỉnh Dòng, v.v. Biện pháp khắc phục có thể là góp nhóm các thánh và chân phước vào một lễ kỷ niệm chung duy nhất (các Qui luật Tổng quát, số 53a; Calendaria particularia, số 17a); việc áp dụng nguyên tắc phụ đới của các lễ kỷ niệm, đưa vào cấp địa phương, nhấn mạnh đến việc dành cho các địa phương nhỏ mừng kính các thánh và chân phước, khi các vị này không có sự sùng kính phổ biến rộng rãi (các Qui luật Tổng quát, số 53b, 53c; particularia Calendaria, số 17b)".

Liên quan đến các Dòng tu, các Qui luật Tổng quát nói:

"Số 55. Các lễ mừng kỷ niệm đưa vào trong một niên lịch riêng phải được tuân giữ bởi những ai buộc phải theo niên lịch ấy. Chỉ với sự chấp thuận của Tòa Thánh, các lễ kỷ niệm ấy có thể được loại bỏ khỏi niên lịch hoặc được thay đổi trong bậc hạng".

Mức độ mà một tu sĩ bị ràng buộc để tuân theo một niên lịch riêng sẽ phụ thuộc vào luật nội bộ của cộng đoàn, đã được phê duyệt bởi Tòa Thánh. Vì vậy, nếu đã bị ràng buộc bởi luật đã được phê duyệt, tu sĩ thường không cần xin phép để sử dụng niên lịch của Dòng.

Nếu các tu sĩ Phanxicô trong một giáo xứ bị ràng buộc bởi niên lịch của họ, thì họ cứ tuân giữ niên lịch của mình. Nếu

một Giám mục muốn giao một giáo xứ cho một Dòng tu với các phong tục và truyền thống xa xưa như nhiều đặc ân Giáo Hoàng khác, thì Dòng thường nên đi đến thỏa thuận với Giáo phận, trước khi chấp nhận phục vụ giáo xứ ấy.

Một thỏa thuận như thế sẽ làm cân bằng các đòi hỏi của truyền thống Dòng tu với các nhu cầu mục vụ của tín hữu. Đối với niên lịch, thỏa thuận nên cho phép cử hành các lễ riêng của Dòng tu, trừ ra khi niên lịch chung hoặc của Giáo phận có quyền ưu tiên. Như các Qui luật nói:

"Thành viên của các cộng đồng Dòng tu nên tham gia với cộng đồng của Giáo Hội địa phương, trong việc cử hành ngày kỷ niệm cung hiến nhà thờ chính tòa, và các thánh bổn mạng chính của địa phương và của khu vực rộng lớn, nơi họ sinh sống".

Các niên lịch riêng của các Dòng tu tương đối mới thường có ít lễ đặc biệt, và thường theo niên lịch chung trong phần lớn thời gian.

Một nhà thờ thuộc một cộng đồng Dòng nam hay Dòng nữ, vốn thường mở cửa cho công chúng, luôn có thể tuân theo niên lịch riêng của Dòng ấy. Nếu các tín hữu muốn tham gia vào các lễ kỷ niệm của một vị thánh trong niên lịch này, họ có thể đi đến nhà thờ ấy theo gợi ý của Thông báo năm 1997, vì Thông báo viết:

"Số 35. Hơn nữa, nên lưu ý rằng mỗi Dòng tu mừng kính các Thánh và chân phước của mình theo niên lịch đã được phê duyệt bởi Bề trên cả của Dòng và được Tòa thánh chuẩn y. Do đó, các tín hữu nào muốn làm như vậy, họ thường được tự do tham dự các lễ kỷ niệm ấy trong các nhà thờ của các Dòng tu. Hơn nữa, các tín hữu cũng có thể liên kết cách thiêng liêng với các Dòng tu, bằng cách tham gia việc cử hành phụng vụ, vốn diễn ra với các bài đọc riêng và trong bối cảnh của một cuộc hành hương chẳng hạn. Vì mục đích này, xét thấy không cần thiết để đưa thêm các lễ mừng này, đặc biệt cho các tu sĩ, vào niên lịch của giáo phận".

Ngay cả khi một Dòng tu không có một niên lịch riêng cho mình, họ vẫn có thể cử hành lễ các thánh riêng của họ thánh, với sự long trọng đặc biệt. Như các Qui luật Tổng quát hướng dẫn:

”Số 54. Các lễ mừng riêng có thể đưa vào niên lịch như là lễ kính bắt buộc hoặc tùy chọn, trừ phi các quy định khác được thực hiện cho họ trong Bảng các ngày Phụng vụ, hoặc có các lý do lịch sử hay mục vụ đặc biệt. Nhưng không có lý do tại sao một số lễ kỷ niệm có thể không được tuân giữ với sự long trọng lớn hơn ở một số địa phương, so với phần còn lại của cộng đồng giáo phận hay Dòng tu".

Điều này có nghĩa là, ví dụ, một lễ kính tùy chọn của một vị thánh thân yêu của Dòng tu có thể được cử hành một cách long trọng, mà không cần thay đổi thể loại của lễ này trong Bảng các ngày Phụng vụ. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc sử dụng hương trầm, thánh ca, và các yếu tố khác tăng thêm sự long trọng của buổi lễ.

Cuối cùng, Thông báo nhắc lại khả năng chung là có thể cử hành lễ của bất kỳ vị thánh nào được tìm thấy trong Danh bộ các thánh tử đạo Rôma, khi ngày phụng vụ được tự do cho các lễ mừng khác.

“Số 33. Ngoài ra nên nhớ rằng các khả năng, được cung cấp bởi “Qui chế Tổng Quát của Sách Lễ Rôma”, cho linh mục cử hành vào các ngày trong tuần của mùa Thường Niên, hoặc các ngày của Mùa Vọng trước ngày 17-12, hoặc của mùa Giáng sinh từ ngày 2-1 trở về sau, hoặc các ngày của mùa Phục Sinh. Trong các thời gian ấy, ngay cả khi có một Lễ nhớ tùy chọn, linh mục có thể cử hành hoặc Thánh Lễ của ngày trong tuần, hoặc của bất kỳ vị thánh nào của ngày ấy có tên trong Danh bộ các thánh tử đạo Rôma. Tương tự như thế cho việc linh mục cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ (x. Qui chế Tổng quát của các Giờ Kinh Phụng Vụ, số 244). Như vậy, thật là hoàn toàn hợp pháp trong các hoàn cảnh ấy để mừng kính một vị Thánh không có tên trong niên lịch chung và niên lịch riêng. Rõ ràng, các

trường hợp như thế kêu gọi sự thực thi cảm thức mục vụ tốt về phía vị chủ tế".

Có thể gọi Chân phước là Thánh nhân không, trước khi được chính thức phong thánh?

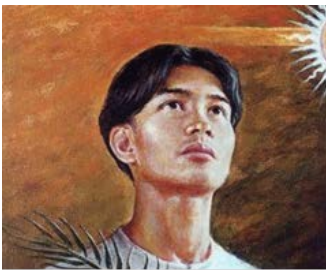

Liên quan đến câu hỏi về lịch phụng vụ (xem ngày 5-6), có người từ Philippines hỏi về việc phong thánh sắp tới:

Hỏi: "Tại Philippines, chúng tôi rất phấn khởi cho việc phong thánh sắp tới của Chân Phước Pedro Calungsod, người có phép lạ đã được công nhận ngày 19-12-2011. Hiện nay nhiều người đã mua Lịch các Thánh và nhận thấy tác giả / nhà sản xuất lịch năm 2012 đã đưa "Thánh Pedro Calungsod" vào lịch này. Việc này đúng không? Chúng ta có thể gọi Chân phước Pedro là một Thánh nhân không, ngay cả khi chưa chính thức phong thánh? Trong Lịch các Thánh có tên các Chân phước, Tôi Tớ của Chúa không?. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng lịch này không có imprimatur (được phép in) và nihil obstat (không gì trở ngại)".

Đáp: Bởi vì lễ phong thánh cho Chân Phước Pedro được dự kiến vào ngày 21-10-2012, ngày Chủ Nhật Truyền Giáo, và trong bối cảnh của Thượng Hội đồng Giám mục về Tân Phúc Âm Hóa, lịch phụng vụ đã phạm một lỗi trong việc đi trước lễ phong thánh.

Không ai có thể chính thức được gọi tên hoặc tôn kính như một vị thánh cho đến khi ĐTC long trọng tuyên bố vị ấy là Thánh. Việc ấn định ngày phong thánh không thể làm điều gì khác với qui định này. Một trường hợp tương tự là một người

nam không trở thành linh mục hoặc một đôi lứa không trở thành vợ chồng, chỉ vì ngày đã được ấn định cho việc truyền chức hoặc lễ cưới.

Hơn nữa, vì ngày lễ kính Chân Phước Pedro rơi vào ngày 2-4, nên Ngài không được mừng lễ như một vị thánh cho đến năm 2013.

Các Giám mục Philippines cũng có thể xin phép, trong bối cảnh của lễ phong thánh, thay đổi ngày mừng lễ. Cũng như trong trường hợp của Chân Phước Gioan Phaolô II, người đã đi vào vinh quang ngày 2-4, nhưng ngày này là bất tiện cho việc mừng kính vị thánh, vì thường nó rơi vào khoảng Tuần Thánh.

Những vị đã được phong Chân phước có thể được đưa vào trong lịch phụng vụ địa phương hoặc quốc gia. Các vị này không được đưa vào trong lịch phụng vụ phổ quát, nhưng được đưa vào Danh bộ các thánh tử đạo Rôma. (Zenit.org 19-6-2012)

"Chúa xuống ngục tổ tông" nghĩa là gì?

Hỏi: Tôi đã rất hài lòng với bản dịch mới của Kinh Tin Kính các Tông đồ, vốn đã trở thành cách nào đó chính thức dưới thời của ĐTC Gioan Phaolô II. Tại sao nó bị gỡ bỏ trong bản dịch tiếng Anh mới của Sách Lễ Rôma (ấn bản châu Phi)? Đây là những gì tôi nhớ lại bản dịch mới, mà tôi thích rất nhiều vì sự đơn giản của nó: "Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất. Tôi tin kính Đức Giêsu Kitô là Con Một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi. Người xuống thai bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần, sinh bởi Bà Maria đồng trinh. Chịu

nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây Thánh Giá, chết và táng xác. Xuống ở nơi kẻ chết. Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại. Lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng. Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết. Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần. Tôi tin có Hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các Thánh thông công. Tôi tin phép tha tội. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại. Tôi tin hằng sống vậy. Amen". Tôi nhớ một số giải thích về các thay đổi so với phiên bản cũ hơn: 'Xuống thai bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần', 'xuống ở nơi kẻ chết', vv.. Xin vui lòng sửa cho tôi nếu tôi sai. Tôi thích bản dịch mới hơn bản cũ. Tại sao chúng ta lại quay trở lại để nói đến "ngục tổ tông", nếu nhiều người cần nhiều giải thích của "ngục tổ tông" có nghĩa là trong bối cảnh này? – A. D., Nairobi, Kenya

Đáp: Bản văn của Kinh Tin Kính các Tông Đồ được tìm thấy trong bản dịch mới của Sách lễ như sau:

"Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất. Tôi tin kính Đức Giêsu Kitô là Con Một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi. Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi Bà Maria đồng trinh. Chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây Thánh Giá, chết và táng xác. Xuống ngục tổ tông. Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại. Lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng.

Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết. Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần. Tôi tin có Hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các Thánh thông công. Tôi tin phép tha tội. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại. Tôi tin hằng sống vậy. Amen".

Trước khi giải quyết vấn đề bản dịch, tôi nghĩ thật nên bình luận về sự thay đổi trong các chữ đỏ, vốn liên quan đến việc sử dụng của Kinh Tin Kính các Tông đồ trong phụng vụ của Thánh Lễ.

Trước khi xuất bản Sách lễ mới Latinh vào năm 2001, Kinh Tin kính các Tông Đồ ít được sử dụng cho Thánh Lễ. Chữ đỏ cho phép sử dụng Kinh này trong Thánh Lễ dành cho trẻ em. Trong một số nước, các Hội đồng Giám mục đã xin phép và được phép sử dụng Kinh này trong các dịp khác. Thật vậy, như một hệ quả, trong một số trường hợp, việc sử dụng Kinh Tin kính Nicea-Constantinopoli gần như biến mất.

Ấn bản thứ ba của Sách Lễ Rôma đã cho phép sử dụng Kinh Tin Kính các Tông Đồ trong một số trường hợp. Chữ đỏ hiện nay nói: "Thay vì Kinh Tin kính Nicea-Constantinopoli, đặc biệt là trong Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, Kinh Tuyên xưng Đức tin của Giáo hội Rôma, được gọi là Kinh Tin Kính các Tông đồ, có thể được sử dụng".

Việc sử dụng mở rộng này có lẽ là một lý do tại sao cần một bản dịch mới hơn và chính xác hơn.

Độc giả của chúng tôi nói rằng ông thích phiên bản cũ và đặc biệt xem sự trở lại của cụm từ "xuống ngục tổ tông" là thích hợp hơn so với cụm từ "xuống ở nơi kẻ chết", do sự cần có sự giải thích của từ ngữ.

Tôi cho rằng có lẽ sự cần thiết cho một lời giải thích là lý do tại sao bản dịch cần phải chính xác và thực sự cung cấp một cơ hội, để minh họa cho sự phong phú của giáo huấn Công giáo. Điều này có thể được nhìn thấy trong bản dịch tiếng Anh của Sách Giáo lý Giáo hội Công giáo. Trong đoạn 197, Sách Giáo lý cung cấp bản dịch được độc giả của chúng tôi ưa thích và đã được sử dụng trong phụng vụ của Thánh Lễ dành cho trẻ em tại thời điểm xuất bản.

Tuy nhiên, khi trong các đoạn 631-636, Sách Giáo lý Giáo hội Công giáo giải thích đoạn trên, Sách bỏ qua bản dịch phụng vụ và dịch Kinh Tin kính theo nghĩa đen: "Chúa xuống ngục tổ tông"; mời đọc (Bản dịch tiếng Việt của nhóm dịch thuật Sài Gòn năm 1993):

631 "Đức Giê-su đã xuống tận các vùng sâu thẳm dưới đất. Đấng đã xuống, cũng chính là Đấng đã lên" (Ep 4, 9-10). Kinh Tin Kính các tông đồ tuyên xưng, trong cùng một tín điều,

việc Đức Kitô xuống ngục tổ tông và việc ngày thứ ba Người bởi trong kẻ chết mà sống lại. Vì trong cuộc Vượt qua của Người, chính từ trong lòng cái chết mà Người làm vọt lên sự sống:

Đức Kitô, Con yêu quí của Cha, Đấng đã từ cõi chết sống lại, đem ánh sáng thanh bình chiếu soi muôn dân. Người là Đấng hằng sống hiển trị muôn đời. Amen (MR. Sách lễ: bài công bố Tin Mừng Phục Sinh-đêm vọng P. S.).

632 Nhiều đoạn Tân Ước khẳng định Đức Giêsu "chỗi dậy từ cõi chết" (Cv 3, 15; Rm 8, 11; 1Cr 15, 20), tức là, trước khi sống lại, Người đã ở nơi kẻ chết (x. Dt 13, 20). Khi rao giảng việc Đức Giêsu xuống ngục tổ tông, các tông đồ muốn nói là: Đức Giêsu đã chết như mọi người, và linh hồn Người xuống cõi âm, nhưng xuống với tư cách là Đấng Cứu Độ, để loan báo Tin Mừng cho các vong linh bị giam cầm nơi đó (x. 1Pr 3, 18-19).

633 (1033) Kinh Thánh gọi nơi trú ngụ của các vong linh là âm phủ (Shéo1) hoặc âm ty (Hadés) (x. Pl 2, 10: Cv 2, 24; Kh 1, 18; Ep 4, 9). Trước khi Đấng cứu chuộc đến, mọi người đã chết, dù lành hay dữ (x. Tv 89, 49; Is 28, 19; Ed 32, 17-32), đều phải vào chốn này. Ở đó, họ không được nhìn thấy Thiên Chúa (x. Tv 6, 6; 88, 11-13) và đang chờ đợi Đấng Cứu Chuộc. Số phận của họ không giống hệt nhau, như Đức Giê-su cho thấy qua dụ ngôn Ladarô nghèo khổ được rước vào "lòng Ápraham" (x. Lc. 16, 22-26). "Khi xuống ngục tổ tông, Đức Giêsu giải thoát chính những tâm hồn lành thánh "trong lòng Ápraham" ấy đang chờ đợi Đấng giải thoát" (x . Giáo lý Rôma l. 6, 9). Đức Giêsu xuống ngục tổ tông không phải để giải thoát những kẻ bị án phạt đời đời hoặc để phá hủy địa ngục đọa đày (x. DS 1011;1077), nhưng để giải thoát những người công chính đã chết trước khi Người đến (x. Cđ Tôlêđô IV năm 625: DS 485; Mt 27, 52-53).

634 (605) "Tin Mừng cũng được loan báo cho cả kẻ chết... " (1Pr 4, 6). Việc Đức Giêsu xuống ngục tổ tông hoàn tất cách sung mãn việc rao giảng Tin Mừng cứu độ. Đây là chặng

cuối cùng trong sứ mạng Mêsia của Đức Giêsu, tuy diễn ra trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng có ý nghĩa vô cùng lớn lao là công cuộc cứu độ được mở rộng cho mọi người thuộc mọi thời và mọi nơi. Như vậy, tất cả những kẻ được cứu độ đều do Đức Kitô.

635 Như thế Đức Kitô đã xuống âm phủ (x. Mt 12, 40; Rm 10, 7; Ep 4, 9) để "kẻ chết nghe tiếng Con Thiên Chúa và ai nghe thì được sống" (Ga 5, 25). Đức Giêsu, "Đấng khơi nguồn sự sống" (Cv 3, 15), đã "nhờ cái chết của Người, tiêu diệt tên lãnh chúa gây ra sự chết, tức là ma quỷ, và đã giải thoát những ai vì sợ chết mà suốt đời sống trong tình trạng nô lệ" (Dt 2, 14, 15). Từ nay, Đức Kitô Phục Sinh "nắm giữ chìa khóa của sự chết và âm phủ" (Kh 1, 18) và "khi vừa nghe Danh Thánh Giêsu, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ" (Pl 2, 10):

Hôm nay mặt đất hoàn toàn thinh lặng, hoàn toàn thinh lặng và hoàn toàn cô quạnh. Hoàn toàn thinh lặng vì Đức Vua an giấc. Trái đất run rẩy rồi yên tĩnh lại, vì Thiên Chúa đang ngủ trong xác phàm và Người đi đánh thức những kẻ đang ngủ từ bao đời ... Người đi tìm nguyên tổ Ađam như tìm con chiên lạc. Người muốn thăm viếng tất cả những ai đang ngồi trong tối tăm và trong bóng sự chết. Vừa là Thiên Chúa, vừa là con cháu của nguyên tổ, Người đi giải thoát Ađam và Evà đang đau khổ trong gông cùm xiềng xích ... "Ta là Chúa của ngươi, nhưng vì ngươi, Ta đã trở thành con của ngươi. Hỡi người ngủ mê, hãy chỗi dậy! vì Ta dựng nên ngươi không phải để cho ngươi ở lại đây trong gông cùm âm phủ. Hãy chỗi dậy từ cõi chết, vì Ta là sự sống của những kẻ đã chết (Bài giảng cổ vào thứ bảy tuần thánh)".

Như vậy, trong khi khái niệm của "Người xuống ở nơi kẻ chết" là dễ dàng hơn, nó lại mất sự tương phản giữa "xuống ngục tổ tông" và "lên trời", cũng như các nền tảng Kinh thánh của Kinh Tin Kính các Tông đồ.

Phụng vụ sẽ luôn luôn đòi hỏi một số trung gian và giải thích, để các tín hữu có thể nắm bắt đầy đủ sự phong phú của nó. (Zenit.org 26-6-2012)

Có chức danh "quản trị viên mục vụ" không?

Hỏi: Trong giáo phận của tôi, Đức Giám mục đã chỉ định một số giáo dân (thường là nữ tu) để điều hành các giáo xứ. Lý do được đưa ra cho các sự chỉ định này là do chúng ta đang trải qua một tình trạng thiếu linh mục. Điều xảy ra trong các tình huống này là người giáo dân này được phụ trách một hoặc nhiều giáo xứ, và được được gọi là "quản trị viên mục vụ". Một hoặc nhiều linh mục được chỉ định để phục vụ trong các cộng đồng này, và mỗi vị được gọi là "thừa tác viên bí tích".

Các quản trị viên mục vụ này mang áo alba, thường lên tiếng trong thánh lễ, tham gia vào việc giảng, và có tiếng nói cuối cùng trong các quyết định của giáo xứ (vài ví dụ, như liệu có xông hương trong Thánh lễ không, giờ giấc cử hành Thánh lễ, cộng đoàn dâng lễ bằng tiếng Latinh hay không, vv). Tôi có một số câu hỏi liên quan đến các quản trị viên mục vụ, họ là ai và họ được phép làm gì theo luật của Giáo hội? Trước tiên, liệu tên gọi quản trị viên mục vụ là hợp pháp không? Thứ hai, liệu các quản trị viên mục vụ được Giáo hội cho phép một cách hợp pháp không?

Giám mục địa phương của chúng tôi trích dẫn Điều 517, 2 (Bản dịch Việt ngữ của Bộ Giáo luật do các Linh mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh thực hiện) để biện minh cho việc chỉ định các giáo dân phụ trách việc chăm sóc mục vụ cho các giáo xứ, nhưng Điều 517, 2 nói: "Nếu vì thiếu các linh mục, Giám mục giáo phận xét thấy cần phải ủy thác sự tham gia thi hành công tác mục vụ cho một phó tế hoặc cho một người nào khác không có chức linh mục, hoặc cho một cộng đoàn, thì ngài cần phải đặt một linh mục có quyền hành và năng ân dành cho một Cha sở để lo điều hành việc săn sóc mục vụ". Nhiều quản trị viên mục vụ địa phương đã tham gia vào giảng thuyết trong một số nhà thờ ở khu vực. Điều xảy ra là trong khi linh mục chỉ giảng một vài phút, thì một giáo dân

(có thể là quản trị viên mục vụ hay không) nói khoảng 6-8 phút nữa. Đức Giám mục địa phương biện minh cho hành vi này trong một bức thư có đoạn: "Tuy nhiên một số vị chủ tịch trong địa phận, đồng ý với một điều khoản khác của các qui định giáo phận, cho thấy là hữu ích khi sử dụng "đối thoại" trong bài giảng, chẳng hạn, bằng cách chia sẻ bài giảng với một thừa tác viên khác của Giáo hội..."

Trong trường hợp trên, nhà giảng thuyết có chức thánh bắt đầu bài giảng, rồi mời một hay vài nhà giảng thuyết được cho phép phát triển một phần của bài... Hơn nữa, sự thực hành này phù hợp với "Huấn thị Liên bộ về một số vấn đề liên quan sự cộng tác của các tín hữu không chức thánh trong thừa tác vụ thánh của các linh mục", được ban hành bởi Tòa Thánh vào ngày 15-8-1997 (Điều 3, § 3)". - J. N., bang New York, Mỹ.

Đáp: Đây là một câu hỏi rất phức tạp, pha trộn các chủ đề vốn trực tiếp liên quan đến giáo luật và các chủ đề liên quan đến luật phụng vụ. Tất nhiên, luật phụng vụ là luật không kém hơn giáo luật. Tuy nhiên, luật phụng vụ không phải lúc nào cũng được viết với độ chính xác pháp lý của giáo luật, và đôi khi là mô tả hơn là qui định.

Với sự tôn trọng các khía cạnh giáo luật, tôi sẽ cần được hướng dẫn bởi các nhà bình giải có thẩm quyền, vì đây không phải là chuyên môn của tôi. Nhiều người trong số các nhà bình giải này nói rằng Huấn thị Liên bộ *Ecclesiae de Mysterio* cung cấp một sự giải thích xác thực của Điều 517, 2, và xác định các giới hạn của Điều ấy.

Hiểu như thế, tôi sẽ cố gắng giải quyết các câu hỏi như sau.

Trước tiên là: Chức danh "quản trị viên mục vụ" là hợp pháp không? Huấn thị *Ecclesiae de Mysterio,* số 1.3, cho biết: "Thật là trái pháp luật khi các tín hữu không chức thánh chu toàn các chức danh như "mục tử", "tuyên úy", "điều phối viên" "người điều hành", hoặc các chức danh khác tương tự, vốn có

thể gây lẫn lộn vai trò của họ và vai trò của vị Mục tử, người luôn phải là Giám mục hay Linh mục". Chú thích đi kèm với đoạn văn này (số 58) là: "Các ví dụ này phải bao gồm tất cả các diễn đạt ngôn ngữ, vốn trong các ngôn ngữ của các nước khác nhau, là tương tự hoặc tương đương, và nói lên một vai trò chỉ đạo của lãnh đạo, hay sự hoạt động thay thế như vậy".

Tôi muốn nói rằng bởi vì chức danh quản trị viên nói lên một vai trò lãnh đạo trong tiếng Anh phổ thông, và được sử dụng tương tự trong giáo luật để chỉ một linh mục hay Giám mục trong một vai trò chỉ đạo (ví dụ, giám quản giáo phận hoặc giám quản tông tòa), chắc chắn nó có thể dẫn đến sự nhầm lẫn, và sẽ là trái pháp luật trong ánh sáng của Huấn thị *Ecclesiae de Mysterio.*

Mặc dù các tài liệu chính thức không đề xuất một chức danh thích hợp, một chuyên viên giáo luật nổi tiếng gợi ý rằng "người cộng tác đời sống giáo xứ" có thể phục vụ mục đích ấy, bởi vì điều này diễn tả tốt hơn rằng một người hoặc một nhóm người có sự chia sẻ, hoặc tham gia vào công tác vụ mục vụ, nhưng không trực tiếp hướng dẫn nó.

Thứ hai là: Hình ảnh được mô tả trong Điều 517,2 về một người hoặc vài người được phép chia sẻ trong việc chăm sóc mục vụ là hợp pháp, khi tất cả các điều kiện cần thiết được đáp ứng. Theo các chuyên viên giáo luật, các điều kiện này là:

- Sự sắp xếp được thiết lập bởi vị Giám mục, vì Ngài có quyết định thận trọng về sự cần thiết của vấn đề.

- Sự sắp xếp này là đặc biệt và đòi hỏi một sự thiếu hụt thực sự các linh mục để điền vào mọi vị trí trong giáo phận. Nếu tình hình thiếu hụt này xảy ra, thì khả năng thực hiện Điều luật này được tính đến. Huấn thị *Ecclesiae de Mysterio*, số 75, gợi ý rằng trước khi sử dụng Điều 517, 2 "các khả năng khác có thể được sử dụng, chẳng hạn dùng các linh mục về hưu vẫn có khả năng làm mục vụ, hoặc ủy thác nhiều giáo xứ cho một linh mục, hay cho một coetus sacerdotum [một nhóm hoặc toán linh mục]".

- Sự sắp xếp đòi hỏi việc bổ nhiệm một linh mục giám đốc với quyền hạn và năng ân của một mục tử. Linh mục giám đốc không phải là mục tử của giáo xứ (việc này là theo Điều 526, 1), nhưng là lãnh đạo cộng đồng. Giáo xứ như vậy là trống ngôi về mặt kỹ thuật. Việc linh mục giám đốc có quyền hạn và năng ân của mục tử có nghĩa là ngài sẽ có tiếng nói cuối cùng về các quyết định hành chính và mục vụ.

- Sự sắp xếp liên quan đến việc uỷ thác một sự chia sẻ về chăm sóc mục vụ cho các phó tế hoặc giáo dân. Họ tham gia vào việc chăm sóc mục vụ, nhưng không thực thi việc chăm sóc đầy đủ các linh hồn, bởi vì công tác này chỉ có thể ủy thác cho một linh mục mà thôi. Trong việc chỉ định công tác ấy, Giám mục nên ưu tiên cho các phó tế trước khi chỉ định người khác. Có một ít dấu hiệu chính thức cho các chức năng thực tế của những người đã được giao phó nhiệm vụ này. Chắc chắn nó có nghĩa là cung cấp ít nhất sự chăm sóc mục vụ tối thiểu, loại trừ những gì là dành riêng cho một linh mục có chức thánh, để cho giáo xứ không phải bị đóng cửa. Nếu một giáo dân được giao các chức năng này, thì người này (nam hay nữ) cũng có thể đòi hỏi thêm việc ủy quyến của các năng ân xem ra cần thiết.

Trong số các nhiệm vụ mà giáo dân có thể thực hiện, trong sự cộng tác với vị linh mục giám đốc, là việc quản trị thông thường, tổ chức và chỉ đạo các chương trình giáo lý, chuẩn bị cho việc lãnh nhận các bí tích, và giúp đỡ các bệnh nhân và người túng thiếu.

Tùy thuộc vào mức độ thiếu linh mục, họ cũng có thể được giao phó một số chức năng phụng vụ, ví dụ, hướng dẫn việc cử hành Phụng vụ Lời Chúa với việc cho Rước lễ khi vắng mặt linh mục và mang Mình Thánh cho người bệnh. Nếu tình trạng linh mục là rất khan hiếm, thì giáo dân có thể được giao cho việc rửa tội, chứng hôn và làm nghi thức tang lễ. Trong những dịp như vậy, vì vắng mặt linh mục, họ cũng có thể được mời gọi rao giảng Lời Thiên Chúa.

Huấn thị *Ecclesiae de Mysterio*, các số 2-4, cho biết: "Điều 766 của *Bộ Giáo luật* (Codex Canonici Iuris) thiết lập các

điều kiện, theo đó cơ quan thẩm quyền có thể cho phép các tín hữu không chức thánh rao giảng trong nhà thờ hay trong nhà nguyện (*in ecclesa vel oratorio*). Sự sử dụng từ ngữ *admitti possunt* (có thể cho phép) cho thấy rõ ràng rằng đây không phải là một quyền lợi, vì đây là quyền riêng và đặc biệt của Giám mục, hoặc một năng quyền mà các linh mục và phó tế được hưởng...

"§ 4. Trong một số khu vực, các hoàn cảnh có thể phát sinh, trong đó có sự thiếu hụt của các thừa tác viên có chức thánh, và các tình hình thường xuyên, có thể kiểm chứng cách khách quan, của nhu cầu hay lợi ích xuất hiện, có thể đề nghị sự chấp thuận các tín hữu không có chức thánh được phép giảng.

"Việc giảng thuyết trong nhà thờ hoặc nhà nguyện của các tín hữu không có chức thánh chỉ có thể được phép như là sự hỗ trợ cho các thừa tác viên có chức thánh, và cho các lý do đặc biệt đã được dự kiến bởi luật phổ quát của Giáo hội, hoặc bởi Hội đồng Giám mục địa phương. Tuy nhiên, nó không thể được xem như là sự thường xảy ra, hoặc không là một sự thăng tiến đích thực của hàng giáo dân".

Thứ ba là: Liệu các người này có thể giảng trong Thánh Lễ không, và liệu việc một linh mục bắt đầu bài giảng và một người khác tiếp tục bài giảng là một trường hợp "đối thoại" hay không?

Huấn thị *Ecclesiae de Mysterio*, số 3.3, cho biết: "Khi một sự hỗ trợ trình bày và cung cấp sự hỗ trợ này không ủy thác nhiệm vụ rao giảng cho người khác, thừa tác viên chủ lễ nên thận trọng sử dụng sự "đối thoại" trong bài giảng, phù hợp với các qui tắc phụng vụ".

Chú thích liên quan nhắc đến số 48 của Chỉ dẫn cho Thánh Lễ trẻ em, viết: "Bài giảng giải thích Lời Chúa phải được làm nổi bật trong tất cả các Thánh Lễ trẻ em. Đôi khi bài giảng dành cho trẻ em nên trở thành một cuộc đối thoại với các em, trừ khi tốt hơn các em nên lắng nghe trong thinh lặng".

Trong ánh sáng của điều này, tôi không thể thấy làm thế nào cách thực hiện được mô tả bởi độc giả của chúng tôi có thể được xếp hạng là "đối thoại". Thuật ngữ này đòi hỏi việc sử dụng một định dạng hỏi đáp trong bài giảng như một công cụ sư phạm. Không ai có thể mong chờ linh mục khởi đầu một bài giảng, và cho phép một thiếu niên tiếp tục nói tiếp phần ngài bỏ dở.

Thay vì cuộc đối thoại, sự thực hành này được xem là vì mọi mục đích thực tiễn "ủy thác nhiệm vụ rao giảng cho người khác", và do đó trái với các qui tắc của huấn thị.

Vì vậy, tôi sẽ kết luận rằng việc giải thích về Huấn thị *Ecclesiae de Mysterio*, số 3.3, là không chính xác, và do đó việc thực hành được mô tả bởi độc giả của chúng tôi là trái với các qui tắc phụng vụ hiện nay. (Zenit.org 10-7-2012)

Chúa sống lại hơn một lần sao?

Lời giải đáp của tôi ngày 26-6 về Kinh Tin kính các Tông đồ đã làm cho một số độc giả gửi thêm câu hỏi. Ví dụ, một người **hỏi:** "Cả hai Kinh tin kính các Tông đồ và Kinh Tin kính Nicene bằng tiếng Anh đều nói rằng “on the third day, he rose again' (vào ngày thứ ba, Người sống lại nữa). Chữ again (nữa, lại) này dường như ngụ ý rằng Chúa Giêsu đã sống lại (trỗi dậy) nhiều hơn một lần từ cõi chết. Trong bản tiếng Latinh, tiếng Pháp và các các ngôn ngữ khác viết rằng “ngày thứ ba, Người đã sống lại (trỗi dậy) từ trong kẻ chết”. Xin cha giải thích rõ điều này”.

Đáp: Đây chỉ đơn giản là một nhược điểm của ngữ pháp tiếng Anh mà không có trong tất cả các ngôn ngữ. Nó không nhất thiết có nghĩa rằng hành động đã được thực hiện trước đó rồi. Ví dụ, nếu chúng ta nói: "Phêrô đang đi bộ trong rừng, anh

vấp vào một gốc và ngã úp mặt xuống đất, Với tiếng rên, và chà tay vào mũi mình, anh lại đứng dậy (*he got up again*)". Cụm từ "anh lại đứng dậy" hoặc "anh đứng dậy nữa" không ngụ ý rằng anh đã ngã xuống hơn một lần.

Cấu trúc trong tiếng Anh như thế cũng được dùng trong bản dịch King James và các bản dịch khác của Tân Ước, khi nhắc đến sự sống lại của Chúa Kitô.

Ví dụ, Mt 20, 18-19: "Này chúng ta lên Giêrusalem, và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế và kinh sư. Họ sẽ kết án xử tử Người, sẽ nộp Người cho dân ngoại nhạo báng, đánh đòn và đóng đinh vào thập giá và, ngày thứ ba, Người sẽ trỗi dậy (*he shall rise again*)" (điều này được lặp lại trong Mc 10, 33-34, Lc 18, 31-33).

Ngoài ra, 1 Cr 15, 3-4: "Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là: Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh, rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã trỗi dậy (*he rose again*), đúng như lời Kinh Thánh". (Zenit.org 10-7-2012)

Chủ nhật Thăng Thiên được tính là Chủ nhật Mùa Thường niên không?

Hỏi: "Chủ nhật Thăng Thiên" có được tính vào số Chủ nhật của Mùa Thường niên không? Tôi cho rằng Chủ Nhật Hiện Xuống nên được đồng thời xem là ngày nối lại Mùa Thường niên. Lý do của tôi là để cho mùa Phục Sinh có đủ 50 ngày. - A. A., tỉnh Isabela, Philippines

Đáp: Trên thực tế, Chủ nhật Thăng Thiên (hoặc thứ năm Thăng Thiên) không hề là một yếu tố để tính

vào số các chủ nhật Mùa Thường niên. Trong các quốc gia chuyển lễ Thăng Thiên từ ngày thứ năm truyền thống vào Chủ nhật kế tiếp, lễ bị mất là Chúa Nhật thứ 7 mùa Phục Sinh, chứ không phải một Chủ nhật Mùa Thường niên. Số lượng ngày cho mùa Phục Sinh vẫn giữ nguyên: nó luôn luôn có 50 ngày, kể từ Chủ Nhật Phục Sinh đến Chủ Nhật Hiện Xuống.

Lý do tại sao Mùa Thường niên đôi khi có 33 tuần và đôi khi có 34 tuần là dựa vào các yếu tố khác.

Trong Giáo hội Công giáo, Mùa Thường niên bắt đầu vào ngày tiếp sau lễ Chúa chịu phép rửa.

Giáo hội thường cử hành lễ này vào ngày Chủ Nhật sau lễ trọng Hiển Linh (ngày 6-1). Tuy nhiên, một số quốc gia luôn cử hành Lễ Hiển Linh vào ngày Chủ Nhật sau Lễ trọng Mẹ Thiên Chúa (ngày 1-1). Trong trường hợp thứ hai này, nếu lễ Hiển Linh rơi vào ngày Chủ nhật, ngày 7 hoặc 8-1, các quốc gia này chuyển lễ Chúa chịu phép rửa vào ngày thứ Hai kế tiếp, ngày 8 hay 9-1, và tuần 1 cùa Mùa Thường niên bắt đầu từ ngày thứ ba ngay sau đó, ngày 9 hay 10-1.

Có tuần 1 Mùa Thường niên nhưng không có Chủ nhật thứ nhất Mùa Thường niên. Chủ nhật sau lễ Chúa chịu phép rửa luôn luôn là Chúa Nhật thứ 2 Mùa Thường niên.

Mùa Thường niên tiếp tục cho đến ngày trước Thứ tư Lễ Tro, vốn rơi vào khoảng giữa ngày 4-2 đến ngày 10-3, và đánh dấu sự khởi đầu của mùa Chay. Do đó, Mùa Thường niên giữa mùa Giáng sinh và mùa Chay có thể kết thúc giữa tuần thứ 4, tuần thứ 5, tuần thứ 6, tuần thứ 7, tuần thứ 8 hoặc tuần thứ 9 của Mùa Thường niên.

Mùa Thường niên sẽ trở lại vào ngày thứ hai sau Chủ Nhật Hiện Xuống, vốn có thể rơi vào giữa ngày 10-5 và 13-6, và kết thúc vào chiều thứ Bảy trước Chủ Nhật thứ nhất Mùa Vọng (khoảng giữa ngày 28-11 và 3-12). Như vậy, Mùa Thường niên luôn bao trùm các tháng Bảy, Tám, Chín và Mười, và phần lớn hoặc toàn bộ tháng Sáu và tháng Mười Một. Trong một số năm, Mùa Thường niên bao gồm một phần tháng Năm, một ngày hay

hai ngày đầu tháng Mười Hai, hoặc cả hai. Lễ Chúa Kitô Vua được cử hành vào Chủ nhật cuối cùng của Mùa Thường niên.

Chiều dài của mùa Vọng thay đổi giữa ba đến bốn tuần lễ, tùy thuộc vào ngày lễ Chúa Giáng sinh. Tuy nhiên, Giáo hội muốn đảm bảo rằng các bài đọc trong tuần 34 của Mùa Thường niên luôn được đọc. Để đạt được điều này, Giáo Hội thường bỏ qua tuần lễ vốn thường đi trước sự trở lại của Mùa Thường niên sau Chủ Nhật Hiện Xuống.

Vì lý do này, số lượng thực tế của các tuần lễ đầy đủ hoặc không đầy đủ của Mùa Thường niên trong bất cứ năm nào là đa số 33 tuần, và thỉnh thoảng 34 tuần. Ví dụ, trong năm 2012, Chủ Nhật trước thứ Tư Lễ Tro là Chủ nhật thứ 7 Mùa Thường niên, và ngày sau ngày Chủ nhật Hiện Xuống bắt đầu tuần thứ 8 trong Mùa Thường niên, và do đó chúng ta sẽ có 34 tuần của Mùa Thường niên.

Tuy nhiên, trong năm 2013, tuần lễ trước Thứ Tư Lễ Tro sẽ là tuần lễ thứ 5, trong khi tuần lễ thứ 7 sẽ bắt đầu sau lễ Hiện Xuống, bỏ qua tuần lễ thứ 6. (Zenit.org 17-7-2012)

Có kinh nhật tụng "ngoại lịch" trong sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ không?

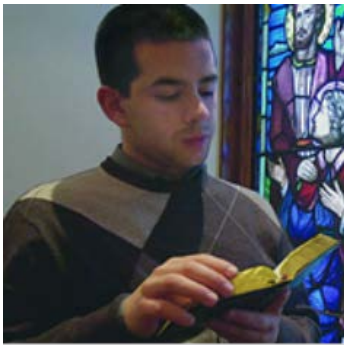

Hỏi: Con là một chủng sinh và chỉ mới bắt đầu đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Câu hỏi của con là: Liệu có kinh nhật tụng "ngoại lịch" giống như Thánh Lễ "ngoại lịch" không? Chẳng hạn được phép cử hành kinh nhật tụng kính Thánh Tâm vào các ngày thứ Sáu đầu tháng không? Con không nhớ bất cứ điều gì trong hướng dẫn, và cuốn sách dường như chỉ có phần nhật tụng kính Đức Mẹ cho ngày thứ bảy, giống như phần kinh nhật tụng "ngoại lịch". Con đã hỏi ba linh mục tại

chủng viện, và có ba câu trả lời khác nhau. - M. S., Rôma

Đáp: Chủ đề này được giải quyết trong Văn kiện trình bày và quy định các Giờ Kinh Phụng Vụ, đặc biệt là trong các số 245-252. Văn kiện này nói:

"245. Ngoài các lễ trọng, chủ nhật Mùa Vọng, Mùa Chay, Mùa Phục Sinh, Thứ Tư Lễ Tro, Tuần Thánh, các ngày trong tuần bát nhật Phục Sinh, và ngày 2-11, thì vì lợi ích chung hay lòng sùng kính riêng, có thể cử hành toàn bộ hay một phần kinh nhật tụng theo ý mình chọn, như khi hành hương, mừng lễ địa phương, hay kính một vị thánh cách long trọng bề ngoài.

"246 Trong vài trường hợp đặc biệt, khi đọc kinh nhật tụng, có thể chọn một số công thức khác với những công thức quen dùng, miễn là không phương hại gì tới cách sắp đặt chung của mỗi giờ kinh và phải giữ những luật sau đây.

"247 Trong ngày chủ nhật, lễ trọng, và lễ kính Chúa có ghi trong lịch chung, các ngày Mùa Chay và Tuần Thánh, các ngày trong tuần Bát nhật Lễ Phục Sinh và Giáng sinh, cũng như các ngày từ 17 đến 24-12 không bao giờ được phép thay đổi các công thức dành riêng hay thích hợp cho những ngày đó, chẳng hạn như các điệp ca, Thánh thi, bài đọc, xướng đáp, lời nguyện, và thường khi cả các Thánh vịnh nữa.

"Có thể tùy nghi thay các Thánh vịnh ngày Chúa nhật bằng các Thánh vịnh ngày Chúa nhật của một tuần khác. Nếu có giáo dân tham dự, có thể chọn những Thánh vịnh khác nữa, để dần dần giúp họ hiểu thêm các Thánh vịnh.

"248 Giờ Kinh Sách bao giờ cũng phải đọc bài Kinh Thánh theo tuần lễ chỉ định. Khi đọc Kinh nhật tụng cũng phải nhớ lời của Giáo hội là "trong khoảng thời gian mấy năm nhất định phải đọc cho giáo dân phần Kinh Thánh quan trọng hơn cả".

"Vì thế, Mùa Vọng, Mùa Giáng Sinh, Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, không được bỏ đứt quãng các bài Kinh Thánh dành cho giờ Kinh Sách. Mùa Thường Niên, khi có lý do chính đáng như tĩnh tâm, hội học về mục vụ, cầu nguyện cho Giáo Hội được

hiệp nhất và những trường hợp tương tự, thì một ngày nào đó, hay nhiều ngày liên tiếp, có thể chọn những bài Kinh Thánh trong số những bài khác hay dành cho các ngày khác.

”249. Nếu gặp lễ trọng, lễ kính hay lễ nào đặc biệt, mà phải gián đoạn đọc các bài đọc liên tiếp, thì trong tuần lễ đó được phép đọc thêm các phần đã bỏ, hay tùy ý lựa chọn.

"250 Giờ Kinh Sách, thay vì đọc bài thứ hai ngày hôm đó, thì khi có lý do chính đáng, có thể chọn một bài khác thuộc cùng một mùa. Có thể tìm bài đọc trong sách các Giờ Kinh Phụng Vụ hay trong Sách các bài đọc được tùy ý lựa chọn (số 161). Ngoài ra, trong các ngày Mùa Thường Niên, và ngay cả Mùa Vọng, Mùa Giáng Sinh, Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, có thể tùy nghi đọc gần như liên tục tác phẩm của một giáo phụ nào hợp với tinh thần Kinh Thánh và Phụng vụ.

"251. Lời Chúa, lời nguyện, các câu hát (thánh thi, điệp ca), và các lời chuyển cầu những ngày thường trong một mùa đặc biệt, thì có thể đọc vào những ngày khác cùng một mùa.

"252. Ta nên lưu ý đọc Thánh vịnh theo chu kỳ từng tuần một, nhưng nếu vì lý do thiêng liêng hay mục vụ, thì thay vì đọc Thánh vịnh theo ngày, thì có thể đọc các Thánh vịnh cùng một giờ nhưng thuộc ngày khác. Lại cũng có những trường hợp đặc biệt được phép chọn những thánh vịnh thích hợp, hay những phần kinh khác giống như khi được quyền chọn kinh nhật tụng ngoại lịch" (Bản dịch Việt ngữ của Nhóm CGKPV).

Vì vậy, trong khi các quy định cho phép một sự áp dụng rộng rãi trong việc thích nghi với các hoàn cảnh đặc biệt, sự áp dụng đòi hỏi một sự hiểu biết nhất định với các phức tạp của cuốn sách và một mức độ nhất định về trình độ thần học và phụng vụ.

Hơn nữa, có ít chọn lựa cho kinh nhật tụng “ngoại lịch” trong sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ hơn so với các Thánh Lễ “ngoại lịch” trong Sách Lễ Rôma.

Một lý do cho việc này là ưu tiên chung cho việc duy trì chu kỳ bốn tuần đầy đủ cho các thánh vịnh càng nhiều càng tốt. Do đó, các quy định trên chỉ gợi ý rằng kinh nhật tụng “ngoại

lịch" được sử dụng trên tất cả vì lý do mục vụ, chứ không vì lòng sùng mộ cá nhân, chẳng hạn như ngày thứ Sáu đầu tháng.

Một lý do khả dĩ khác là sự phát triển lịch sử của Kinh nhật tụng là khác hơn so với sự phát triển lịch sử của Thánh Lễ. Việc tham dự đọc các Giờ Kinh Phụng Vụ nhanh chóng trở thành gần như độc quyền của hàng giáo sĩ và tu sĩ. Còn Thánh Lễ, bởi bản tính của nó, được dành cho tất cả người Công giáo.

Do đó hoàn toàn tự nhiên rằng, theo dòng thời gian, người ta đòi hỏi một Thánh Lễ "ngoại lịch" theo lòng sùng kính của họ, hơn là đòi hỏi một kinh nhật tụng "ngoại lịch". Thật vậy, khái niệm của một Thánh Lễ "ngoại lịch" là nó không buộc tương ứng với kinh nhật tụng của ngày hôm ấy, nhưng Thánh lễ này được dành cho một "votum", hay ý chỉ đặc biệt. Các Thánh lễ nghi thức (truyền chức chẳng hạn) và Thánh lễ an táng cũng sẽ được xem là các thánh lễ "ngoại lịch" theo nghĩa rộng.

Đã có một số dấu vết của các Thánh Lễ được cử hành theo các ý chỉ đặc biệt như vậy trong các tác phẩm của Thánh Augustinô, mặc dù thuật ngữ Thánh Lễ "ngoại lịch" xuất hiện lần đầu trong các sách phụng vụ vào khoảng giữa thế kỷ thứ V.

Kinh nhật tụng "ngoại lịch" xuất hiện lần đầu vài thế kỷ sau đó, thông thường tương ứng với sự sùng kính của các Dòng tu. Các kinh nhật tụng bổ sung ngắn này được đọc ngoài các Giờ Kinh quy định để vinh danh Thiên Chúa Ba Ngôi, Đức Mẹ, các thánh, Thánh Giá, các đẳng linh hồn...

Chính các kinh nhật tụng bổ sung này, hơn là Thần Vụ, đã trở thành phổ biến với giáo dân có học thức trong thời Trung cổ. Vì vậy, đã hình thành các sách chép tay có hình vẽ minh họa, được gọi là Sách Các Giờ Kinh bằng tiếng Latinh, và *prymers* (Sách Kinh) bằng tiếng Anh.

Là một hình thức đặc biệt của kinh nhật tụng, "kinh nhật tụng kính Đức Trinh Nữ Maria" được đặc biệt phổ biến và là phần thêm bắt buộc vào Thần Vụ của một số Dòng tu. Các cuốn sách kinh nguyện này là thuộc loại sách nổi tiếng của thời Trung cổ, và nhiều bản kinh vẫn còn tồn tại ngày nay.

Trong quá trình chỉnh sửa của sách Nhật tụng Rôma, một số ít kinh nhật tụng, nhất là các kinh dành tôn kính Đức Maria, các thánh và các đẳng linh hồn, đã đi vào bản văn chính thức. Tuy nhiên, một cách hợp lý, các kinh nhật tụng "ngoại lịch" này là ít hơn so với các thánh lễ "ngoại lịch".

Sách lễ hiện nay phân biệt giữa "Thánh Lễ tùy nhu cầu" và "Thánh lễ ngoại lịch." Thánh lễ tùy nhu cầu đề cập đến các công thức khẩn cầu ân sủng cho một loạt các hoàn cảnh Giáo Hội hoặc dân sự, trong khi Thánh Lễ "ngoại lịch" được tổ chức để tôn vinh Ba Ngôi Thiên Chúa, Đức Maria và các thánh.

Dường như chỉ Thánh lễ "ngoại lịch" có thể tùy thuộc vào một kinh nhật tụng "ngoại lịch" cùng với Kinh nhật tụng cho các đẳng linh hồn. Không có kinh nhật tụng đặc biệt trong Sách giờ kinh, vốn tương ứng với Thánh Lễ tùy nhu cầu trong Sách lễ. (Zenit.org 18-9-2012)

Tài liệu nào hướng dẫn cách phát âm tiếng Latinh?

Hỏi: Sau khi tôi (Cha Edward McNamara) trả lời ngày 11-9 về việc sử dụng một ngôn ngữ không quen thuộc trong thánh lễ đồng tế, một bạn đọc ở Michigan, Mỹ, hỏi: "Cha nói lên tầm quan trọng của việc dùng tiếng Latinh và nhiều linh mục trẻ sử dụng tiếng Latinh nhiều hơn. Tôi là một chủng sinh và tôi chia sẻ mong muốn có thể sẽ dâng Thánh lễ và đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ bằng tiếng Latinh. Tuy nhiên, tôi có một rào cản nghiêm trọng là tôi không biết cách phát âm chính xác các từ ngữ Latinh Giáo hội. Xin cha đưa ra một số hướng dẫn về những gì Giáo hội xem là cách phát âm đúng đắn tiếng Latinh Giáo hội?".

Đáp: Cách nhanh nhất là bạn hãy học tiếng Ý, bởi vì tiếng Latinh Giáo hội là chủ yếu tiếng Latinh phát âm giống như một người Ý nói tiếng Latinh.

Một lời giải thích ngắn gọn nhưng rất rõ ràng về cách phát âm của Latinh Giáo hội có thể được tìm thấy tại trang web: http://www.preces-latinae.org/thesaurus/Introductio/Pronunciatio.html và trang web:

http://www.ewtn.com/expert/answers/ecclesiastical_latin.htm.

Lẽ tất nhiên tiếng Latinh là một ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi, và có mức độ khác nhau về cách sử dụng và cách phát âm. Quãng thời gian từ nhà văn Horace đến thánh Augustinô là tương đương với quãng thời gian từ Shakespeare đến chúng ta - và không có máy in và truyền hình để thống nhất các cách sử dụng khác nhau.

Mặc dù không ai biết chính xác Hoàng đế Julius Caesar đã nói như thế nào, các học giả của tiếng Latinh cổ điển đã ít nhiều đồng ý về quy tắc phát âm chung cho Ciceron, Livy và Ovid. Các quy tắc này khác với tiếng Latinh Giáo hội về nhiều điểm.

Bởi vì sự phát âm của tiếng Latinh Giáo hội là điểm quy chiếu cho việc hát đúng nhạc bình ca và các bài sáng tác trong đa âm thánh thiêng, hầu hết các trưởng ca đoàn và dàn hợp xướng tuân theo qui tắc của Giáo hội.

Tuy nhiên, một số người Bắc Âu chọn lối phát âm và hát các bản kinh Latinh trong một cách gần gũi hơn với các quy tắc cổ điển, hay thậm chí theo giọng tiếng mẹ đẻ của họ. Các kết quả này có thể thật sự là 'choáng' cho những người đã quen với tiếng Latinh truyền thống của Giáo hội.

Một số độc giả hỏi liệu các quy tắc liên quan đến một ngôn ngữ chung cho Kinh Nguyện Thánh Thể cũng được áp dụng cho các phần chung được đọc bởi cả cộng đoàn không.

Tôi sẽ nói rằng, như một quy tắc của ngón tay cái, là được, nhưng không phải là chặt chẽ như đối với Kinh Nguyện Thánh Thể.

Ít nhất là trong một số trường hợp đặc biệt, có thể để cho ca đoàn hát một số phần, chẳng hạn như *Sanctus* (Thánh Thánh

Thánh) và *Agnus Dei* (Lạy Chiên Thiên Chúa). Các phần này luôn có thể được hát bằng tiếng Latinh, cả khi Thánh Lễ đang dùng ngôn ngữ khác và đôi khi, như trong Thánh Lễ đa chủng tộc, chúng có thể được hát hay đọc trong các ngôn ngữ khác nhau.

Tuy nhiên, tôi cho rằng Kinh Lạy Cha là một thể loại khác biệt, trong đó thật là tốt hơn khi cả cộng đoàn cùng hát hay đọc chung một Kinh Lạy Cha, hoặc bằng tiếng địa phương chính hoặc bằng tiếng Latinh. (Zenit.org 26-9-2012)

Có qui định về Thánh ca với Danh Chúa ở ngôi thứ nhất số ít không?

Hỏi: Tôi có một câu hỏi về việc sử dụng âm nhạc trong phụng vụ. Một linh mục đã nói rằng chúng ta không nên hát những bài hát mà chúng ta hát như thể là Chúa đang nói: "Ta, Chúa của đại dương và bầu trời, Ta đã nghe tiếng dân ta kêu khóc..." hoặc "Ta là bánh sự sống ..." Có qui định gì về điều này không? Tôi đã làm một nghiên cứu nhỏ, nhưng không thể tìm ra câu trả lời. - D. E., San Jose, California (Mỹ)

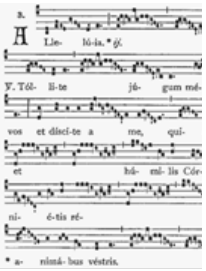

Đáp: Mặc dù có một ý kiến rộng rãi cho rằng các bài hát này không nên được sử dụng, nhưng trong thực tế không có qui định nào rõ ràng cấm chúng cả.

Một số người lập luận rằng lời của các bài thánh ca như vậy không tạo ra một phần của truyền thống phụng vụ Công giáo. Trong đó, có một lý luận hợp lệ, vì các bài hát của loại này là khá mới lạ trong danh mục bài hát. Tuy nhiên, đó không phải là một lý luận rất mạnh mẽ, bởi vì việc đưa các bài hát vào Thánh Lễ là một sự mới lạ hậu Công đồng trong Giáo hội, vì vậy không có truyền thống cho việc này.

Đúng là trong một số nền văn hóa, các tín hữu đã hát thánh ca trong khi Thánh lễ đang diễn ra. Nhưng các bài thánh

ca này, trong một cách nào đó, là tiếp sát với thánh lễ, chứ không hội nhập vào chính Thánh lễ. Tôi nghĩ đúng là phải nói rằng ngoài Các Giờ Kinh Phụng Vụ, người Công giáo trước Công Đồng chung Vatican II đã hát các Thánh thi, chủ yếu như là một phần của đạo đức bình dân, chứ không phải trong Thánh Lễ.

Cũng là điều quan trọng là phải nhớ rằng ngay cả ngày nay, các bài thánh ca ấy được xem như là thay thế cho việc hát các bản văn chính thức, chẳng hạn ca nhập lễ và điệp ca hiệp lễ. Kiểu thức bốn bài hát, vốn trở thành điển hình trong Thánh Lễ trong hình thức thông thường, đã phát triển, bởi vì các phiên bản âm nhạc bản xứ của các bản văn chính thức hầu như không tồn tại, và khả năng hợp pháp của việc sử dụng các bài bình ca hiện tại vẫn không được dùng đến.

Trong những năm gần đây, một vài nhạc sĩ đã bắt đầu soạn nhạc cho các bản văn của chính Thánh lễ bằng ngôn ngữ địa phương. Người ta hy vọng rằng phong trào này sẽ tiếp tục phát triển và cuối cùng thay thế cho kiểu thức bốn bài hát.

Chúng ta hãy quay trở lại câu hỏi về bản văn đặt Thiên Chúa trong ngôi thứ nhất. Để đạt được một phán đoán, tôi nghĩ rằng lúc này chúng ta có thể bỏ qua cuộc thảo luận về chất lượng âm nhạc của các bài thánh ca này, vốn đi từ tao nhã đến vô vị.

Tôi cũng nghĩ thật là công bằng để nói rằng không ai thực sự nghĩ rằng họ đang nói như là Chúa nói, khi họ hát các bài hát ấy. Thay vào đó, họ nhận thức rằng đây là Kinh Thánh và sứ điệp được nói với họ và với nhiều người khác nữa. Chắc chắn rằng các bản văn dựa vào Kinh Thánh là một phần của truyền thống Công giáo và các khuyến nghị của Giáo hội về bài thánh ca.

Tôi xin nói rằng câu hỏi, về tính hợp pháp và sự tiện lợi của các bản văn này, chủ yếu tóm lại là liệu chúng ta có thể tìm thấy bất kỳ nền tảng cho chúng, trong các nguồn truyền thống và nguồn phụng vụ chính thức không.

Thỉnh thoảng chúng ta tìm thấy một vài bài thánh ca, trong đó ca đoàn hoặc cộng đoàn hát hoặc đọc bản văn, mà ở đó Chúa là ở ngôi thứ nhất số ít. Ví dụ rõ ràng nhất là các lời trách móc trong Thứ Sáu Tuần Thánh: "Dân Ta ơi, Ta đã làm gì cho ngươi, hay Ta đã làm phiền chi ngươi. Hãy trả lời Ta đi... Phải chăng vì Ta dẫn ngươi qua sa mạc bốn mươi năm trường, cho ngươi ăn manna, và đưa ngươi vào đất hứa, mà người dọn thập tự cho Đấng đã cứu ngươi..."

Đôi khi các điệp ca hiệp lễ sử dụng bản văn ở ngôi thứ nhất số ít, mặc dầu thường chèn một cụm từ, chẳng hạn "Chúa nói", vốn loại bỏ mọi ngờ vực về ai đang nói. Do đó, thứ Hai tuần đầu tiên của Mùa Chay: "Amen, Thầy bảo thật cho anh em: sự gì anh em làm cho người bé mọn nhất của Ta, là làm cho Ta, Chúa nói. Hãy đến, hỡi người được Cha ta chúc phúc, hãy tiếp nhận Nước Trời dọn sẵn cho anh em từ thuở tạo dựng trời đất...".

Tuy nhiên, có những lần các chữ thêm này bị bỏ qua. Ví dụ, điệp ca hiệp lễ của Chủ Nhật thứ hai Mùa Chay: "Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng ta mọi đàng". Và điệp ca hiệp lễ của Chủ Nhật Lễ Lá: "Lạy Cha, nếu có thể được thì xin cho Con khỏi uống chén này, đừng theo như ý Con, một xin vâng ý Cha đã định trước muôn đời". Cũng thế, Thứ Năm sau Chủ Nhật thứ hai Phục Sinh: "Này, Thầy ở lại với anh em luôn mãi, cho tới ngày tận thế, alleluia".

Danh mục các bài bình ca cũng có một vài ví dụ về bài hát có Chúa ở ngôi thứ nhất số ít. Ví dụ, Alleluia của ngày lễ Thánh Tâm, "*Tollite iugum meum* ... [Hãy mang lấy ách của Ta]" được lấy từ Mt 11, 29. Một điệp ca dâng lễ được sử dụng vào ngày lễ này, "*Improperium expectavit cor meum* ... [Lời thóa mạ làm tim Ta tan vỡ]", là một câu của Tv 69, 20 nhưng mà Phụng vụ đặt lời này vào miệng của Thánh Tâm Chúa.

Để kết luận, bất kỳ bài hát nào thực sự đồng hóa ca sĩ với Thiên Chúa sẽ sa vào sai lầm tín lý, và không bao giờ được sử dụng.

Tuy nhiên, nếu một bài hát lấy lời từ bản văn Kinh Thánh, hoặc liên quan chặt chẽ với bản văn Kinh Thánh, do đó không có nguy hiểm về sai lầm tín lý, tôi sẽ nói rằng việc sử dụng chúng không thể bị loại trừ như là một vấn đề nguyên tắc. Thật là cần thiết để xem xét riêng từng bài hát, và đánh giá nó trên giá trị giáo lý, văn chương và âm nhạc của nó. (Zenit.org 9-10-2012)

Thần học phụng vụ nghi thức Latinh và nghi thức Đông phương có khác nhau không?

Thánh lễ theo nghi thức
Syro-Malabar ở Kerela, Ấn Độ

Hỏi: Có sự khác biệt nào giữa Thánh Lễ nghi thức Latinh và Thánh Lễ nghi thức Đông phương, chẳng hạn nghi thức Ukraina hoặc Syro-Malabar không? Có sự khác biệt nào trong thần học đằng sau các nghi thức này không? - M. M., Ottawa, Canada

Đáp: Câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất là liệu có sự khác biệt trong Thánh Lễ giữa phụng vụ nghi thức Rôma và nghi thức Đông phương không, là khá dễ: Không có sự khác biệt. Thánh Lễ là như nhau ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Câu trả lời cho câu hỏi thứ hai liên quan đến thần học của Thánh Lễ thì có phần phức tạp hơn và có thể được mô tả như là "không" và "có" cùng một lúc. Câu trả lời là "không", nếu sự khác biệt trong thần học mà chúng ta hiểu là một sự khác biệt liên quan đến một sự thiết yếu. Mọi gia đình phụng vụ của Giáo hội đều cho rằng việc cử hành Thánh Thể là hiện tại hóa hy lễ của Chúa Kitô qua sự can thiệp của Chúa Thánh Thần.

Tất cả đều tin rằng rước lễ là rước Mình và Máu thánh của Chúa Kitô. Nói cách khác, các khía cạnh thiết yếu của thần học Thánh Thể là chung cho tất cả.

Tuy nhiên, câu trả lời có thể là "có", nếu qua sự khác biệt chúng ta hiểu rằng nhiều nghi thức, thông qua việc cử hành, có xu hướng nhấn mạnh vài khía cạnh của một mầu nhiệm hơn là các khía cạnh khác.

Trong ý nghĩa này, thần học của Nghi thức Rôma, và đặc biệt là Kinh nguyện Thánh Thể thứ nhất, liên tục nhấn mạnh chủ đề của việc Chúa Cha thương nhận của lễ hy sinh. Do đó, Kinh nguyện nầy bắt đầu:

"Lạy Cha rất nhân từ, nhờ Đức Giêsu Kitô, Con Cha, Chúa chúng con, chúng con khẩn khoản nài xin Cha thương nhận, và ban phúc cho những của lễ hiến dâng, của lễ thượng tiến, của lễ hy sinh tinh tuyền và thánh thiện này".

Các lời cầu nguyện chuyển cầu tiếp theo thể hiện của lễ hy sinh được dâng để cầu cho ai: Cầu cho Giáo hội, Đức giáo hoàng, các Giám mục, và mọi người hiện diện, là những người cũng dâng của lễ hy sinh cho chính họ và những người thân yêu của họ. Lý do họ dâng của lễ hy sinh là:

"Hầu linh hồn họ được cứu chuộc, thân xác được an lành mạnh khỏe như lòng mong ước: Như vậy, họ được tôn vinh Chúa là Thiên Chúa thật, hằng hữu và hằng sống".

Chủ đề của việc thương nhận của lễ hy sinh cũng được đưa vào các phần khác của Kinh nguyện. Ví dụ:

"Vì vậy, lạy Chúa, xin vui lòng chấp nhận lễ vật của chúng con là tôi tớ Chúa, và của toàn thể gia đình Chúa. Xin an bài cho đời chúng con được sống trong bình an của Chúa, cứu chúng con thoát khỏi án phạt đời đời, và nhận chúng con vào đoàn những người Chúa chọn".

"Lạy Chúa, xin thương ban phúc, chấp nhận, chuẩn y, làm cho những lễ vật này được hoàn hảo và đẹp lòng Chúa..."

"Xin Chúa ghé mắt nhân từ và khoan hậu nhìn đến những lễ vật này, và thương nhận như đã nhận lễ vật của Abel tôi trung của Chúa, hy lễ của Abraham tổ phụ chúng con, hy lễ thánh thiện và lễ vật tinh tuyền của Melkisêđê, thượng tế của Chúa".

"Lạy Chúa toàn năng, chúng con nài xin Chúa sai Sứ thần dâng lễ vật này lên bàn thờ cao sang trước tôn nhan uy linh Chúa..."

Chúng tôi đã sử dụng Lễ Quy Rôma như minh họa tốt nhất cho truyền thống thần học của Nghi thức này. Các Kinh nguyện Thánh Thể khác, hoặc đi theo truyền thống này, hoặc như trường hợp của Kinh Nguyện Thánh Thể thứ tư, được lấy cảm hứng từ các mô hình Đông phương.

Mỗi một Giáo hội Đông phương có một sự nhấn mạnh khác nhau về mầu nhiệm. Ví dụ, hầu hết các Giáo hội theo truyền thống Byzantine nhấn mạnh nhiều vào hành động của Chúa Thánh Thần trong bí tích Thánh Thể. Chủ đề này là hầu như ít được đề cập đến trong phụng vụ Rôma, mặc dù nó đã là minh nhiên hơn trong các Kinh nguyện Thánh Thể mới.

Một ví dụ là Kinh Khẩn cầu Thánh Linh, được đọc sau khi truyền phép trong Giáo hội Công giáo Ukraina:

"Linh mục (thinh lặng một chút): Một lần nữa chúng con dâng lên Chúa của lễ linh thiêng và không đổ máu này, và chúng con khẩn cầu, cầu nguyện, và khấn xin Chúa gửi Chúa Thánh Thần xuống trên chúng con và trên các của lễ dâng ở đây. (làm phép bánh) Và làm cho bánh này nên Mình châu báu của Đức Kitô, (làm phép chén thánh) và làm cho rượu trong chén thánh này trở nên Máu châu báu của Đức Kitô. (làm phép cả hai) Sau khi đã được biến đổi bởi Chúa Thánh Thần:

"Linh mục (thinh lặng một chút): Vì vậy, xin cho những ai chia sẻ Mình và Máu thánh Chúa được thanh luyện linh hồn, được tha thứ tội lỗi, hiệp thông trong Chúa Thánh thần, hưởng sự viên mãn của Nước Trời, tin cậy vào Chúa, không bị phán xét hoặc án phạt.

"Linh mục (thinh lặng một chút): Hơn nữa, chúng con cũng dâng lên Chúa của lễ hy sinh thiêng liêng để cầu cho những linh hồn ra đi trước chúng con trong đức tin: tổ tiên, ông bà cha mẹ, tổ phụ, ngôn sứ, tông đồ, nhà rao giảng, nhà truyền giáo, các thánh tử đạo, các thánh hiển tu, các vị khổ tu và mọi người công chính đã qua đời trong đức tin".

Các ví dụ về sự khác biệt trong sự nhấn mạnh thần học có thể là vô số.

Điều quan trọng cần nhớ là, thay vì là một nguồn chia rẻ, các khác biệt ấy giúp cho thấy chiều sâu khôn dò của mầu nhiệm Thánh Thể. Chính đây là một món quà khôn tả đến nỗi không cá nhân hoặc cộng đồng nào có thể diễn tả mầu nhiệm này thật đầy đủ được.

Đây là một lý do cho thấy tại sao Giáo hội tìm cách duy trì và cỗ vũ mọi truyền thống phụng vụ đa dạng của mình. Toàn thể Giáo hội sẽ bị nghèo đi nếu một trong các truyền thống ấy không còn nữa. (Zenit.org 13-11-2012)

Được đặt cây Giáng sinh trong cung thánh không?

Cây thông Noel trên quảng trường thánh Phêrô năm 2009

Hỏi: Trong nhà thờ của chúng tôi, đã trở thành thói quen trong mấy năm qua là người ta đặt một cây Giáng sinh lớn và được thắp sáng, ở cung thánh trong mùa Vọng và mùa Giáng sinh. Nó được nhìn thấy khá dễ dàng trong nhà thờ. Bởi vì cây Noel này lớn và đèn nhấp nháy theo chu kỳ, nó khá gây mất sự tập trung cho mọi người trong Thánh Lễ. Có người đã xin cha xứ tắt đèn nhưng không thành công, vì xét nó trái với tinh thần của mùa. Thưa cha, có điều gì ủng hộ ý kiến trên trong chữ đỏ không? - M. T., Wellington, New Zealand

Đáp: Không hiểu vì sao, với quá nhiều công việc phải làm, Tòa Thánh đã không ban hành bất kỳ qui định phổ quát nào liên quan đến cây Noel đặt trong cung thánh hoặc nơi khác.

Liên quan đến các nguyên tắc bao quát, Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 305, cho biết:

"Nên giữ chừng mực khi trang hoàng bàn thờ. Trong Mùa Vọng, bàn thờ được chưng hoa cách vừa phải, thích hợp với đặc tính của mùa, để không cho thấy quá sớm niềm vui trọn vẹn của ngày Sinh Nhật Chúa. Mùa Chay không được chưng hoa trên bàn thờ, trừ Chúa Nhật Laetare (IV Mùa Chay), các lễ trọng và lễ kính.

"Việc chưng hoa phải luôn luôn điều độ, và nên đặt hoa chung quanh bàn thờ hơn là trên bàn thờ".

Nguyên tắc chung của sự chừng mực đối với sự chưng hoa mở rộng cho toàn bộ khu vực bàn thờ.

Tài liệu "Xây dựng các viên đá sống động", do các Giám mục Mỹ phổ biến, có một số nhận xét thú vị, mặc dầu chúng không có trọng lượng pháp quy bên ngoài đất nước Mỹ:

"123. Truyền thống trang hoàng hoặc không trang hoàng nhà thờ cho các mùa phụng vụ và lễ trọng đề cao sự nhận thức về bản chất lễ trọng, lễ kính hoặc sám hối của các mùa này. Trí óc và tâm hồn con người được kích thích bởi âm thanh, cảnh quan, và hương thơm của mùa phụng vụ, vốn kết hợp để tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và kéo dài của các ân sủng dồi dào và phong phú, riêng biệt cho mỗi mùa.

"124. Kế hoạch trang trí theo mùa nên bao gồm các khu vực khác, ngoài cung thánh. Việc trang trí là nhằm thu hút người ta đến với bản tính đích thực của mầu nhiệm được cử hành hơn là việc trang trí tự nó là cùng đích. Hoa tự nhiên, thảo mộc, vòng hoa và dải vải, và các vật trang trí khác theo mùa có thể được sắp xếp để tăng cường các điểm tập chú chính của phụng vụ. Bàn thờ cần được sáng rõ và đứng một mình, không có tường trang trí hoa lớn hoặc hang đá Giáng sinh, và lối đi trong khu vực cửa chính vào nhà thờ, lòng nhà thờ và cung thánh cần được sáng rõ, không trang hoàng.

"125. Các trang trí theo mùa được duy trì trong suốt mùa phụng vụ. Bởi vì mùa Giáng sinh bắt đầu với Lễ Vọng Giáng sinh và kết thúc với lễ Chúa Giêsu chịu phép rửa, việc lắp đặt và tháo gỡ vật trang trí Giáng sinh phải trùng khớp với các ngày này. Do mùa Phục Sinh kéo dài 50 ngày, kế hoạch trang trí sẽ

bao gồm các cách thức để duy trì các trang trí cho đến ngày thứ năm mươi lễ Hiện Xuống.

"126. Trong năm phụng vụ, các ngày lễ trọng và lễ nhớ của Đức Mẹ và các thánh với ý nghĩa đặc biệt cho giáo xứ cung cấp cơ hội để thể hiện lòng sùng kính, bằng cách trang trí tranh tượng với sự sắp xếp hoa trang nhã hay thảo mộc.

"127. Vải nghệ thuật trong hình thức của các biểu ngữ và trướng rước kiệu có thể là một cách hiệu quả để truyền đạt tinh thần của mùa phụng vụ, đặc biệt là thông qua việc sử dụng màu sắc, hình dạng, kết cấu và hình thức biểu tượng. Việc sử dụng hình ảnh hơn là chữ viết là phù hợp với phương tiện truyền đạt này.

"128. Các vật như vòng hoa mùa Vọng, hang đá Giáng sinh, và các thiết bị theo mùa truyền thống tương xứng với kích thước của không gian và các đồ trang trí khác, có thể củng cố việc cầu nguyện và sự hiểu biết của cộng đoàn giáo xứ".

Thêm một lần nữa, các nguyên tắc chung liên quan là rằng các trang trí theo mùa củng cố việc cầu nguyện và sự hiểu biết của cộng đoàn giáo xứ.

Tôi có thể nói rằng một cây Giáng sinh được trang trí trong cung thánh khó có thể được xem như là một sự trang trí vừa phải, ngay cả khi các đèn nhấp nháy được tắt đi. Như vậy, thay vì "củng cố việc cầu nguyện và hiểu biết", các tín hữu dường như chia sẻ nhiều hơn với kinh nghiệm của độc giả trên là họ bị chia trí trong Thánh lễ.

Giống như các văn kiện phổ quát, tài liệu "Xây dựng các viên đá sống động" không đề cập đến cây Giáng sinh. Điều này là bởi vì ít khi tìm thấy cây Giáng sinh trong cung thánh Công giáo.

Vì vậy, tôi xin nhắc lại những gì tôi đã nói trong một lần giải đáp cách đây vài năm (ngày 29-11 và ngày 13-12-2005):

"Cây thông Noel được dựng cách thích hợp hơn bên ngoài cung thánh và nhà thờ, và tốt nhất nên đặt ở tiền sảnh hoặc sân nhà thờ. Đây đã là một tập tục trên Quảng trường Thánh Phêrô từ thời ĐTC Gioan Phaolô II .... Trong nhà thờ, ngoài

hang đá, mùa Giáng sinh có thể được gợi lên bằng cách sử dụng, ví dụ, cây trạng nguyên truyền thống, cây nhựa ruồi và các vật liệu truyền thống khác tùy theo nền văn hóa".

Và: "Tôi không thấy sự khó khăn với cây Giáng sinh, nhưng ... Tôi nghĩ rằng việc đặt nó trong cung thánh không phải là một sự thực hành phổ biến trong Giáo hội. Do đó việc đặt như thế là không nên bởi vì, như một biểu tượng phổ biến, nó không còn có một ý nghĩa độc quyền tôn giáo, và có thể dễ dàng gợi lên khía cạnh vật chất và thương mại của mùa lễ thánh". (Zenit.org 11-12-2012)

THÁNH LỄ

Đấng Bản quyền nào được nhắc đến tên trong Thánh lễ?

Hỏi: Khi một linh mục cử hành phụng vụ của một nghi lễ trong một nhà thờ hoặc cơ sở của một nghi lễ khác, Đấng Bản quyền nào được ưu tiên nhớ tới trong thánh lễ: Giám mục của nghi lễ đang cử hành, hay Giám mục, mà nhà thờ hoặc cơ sở đang cử hành ấy thuộc giáo phận của Ngài? Tương tự như vậy, tôi thuộc về một cộng đoàn tu sĩ nghi lễ Đông phương. Tuy nhiên, do các sứ vụ phúc âm của chúng tôi - ví dụ, sinh hoạt 'Gặp gỡ giới trẻ' và Cursillo - trong trung tâm thiêng liêng của cộng đoàn của chúng tôi, chúng tôi có khả năng thực hiện hai nghi thức trong nghi lễ Rôma. Đa số người tham dự của chúng tôi thuộc về nghi lễ Rôma.

Vì vậy, câu hỏi là: Khi chúng tôi cử hành Thánh Lễ trong nghi thức Rôma, mà Đấng Bản quyền phải được ưu tiên nhớ đến, thì phải nhớ Đấng Bản quyền của cơ sở chúng tôi hay nhớ Đấng Bản quyền nghi lễ Rôma địa phương? Cuối cùng, tôi đã thực thi sứ vụ tại một cơ sở địa phương hỗ trợ sự sống.

Vị linh mục cũ đã dâng lễ nhiều năm theo nghi lễ Libăng, và vị giám đốc xã hội xin tôi tiếp tục theo nghi lễ này. Kể từ khi cha đã cử hành phụng vụ Maronite (bằng tiếng Anh, lẽ tất nhiên) cho tín hữu, tôi cũng làm như vậy. Tuy nhiên, đa số người của cộng đoàn nhỏ bé này theo nghi lễ Rôma. Một lần nữa, có câu hỏi: Đấng Bản quyền nào có ưu tiên trong việc được nhớ đến, Đấng Bản quyền Maronite hay Đấng Bản quyền của giáo phận địa phương? (Cơ sở ấy không là cơ sở Công giáo.) – J. T, Methuen, Massachusetts, Mỹ.

Đáp: Đây không phải là một câu hỏi dễ, và có thể không có câu trả lời rõ ràng dứt khoát, vì hoàn cảnh thay đổi rất khác nhau.

Mục đích của việc nhắc tên của Đức Giáo hoàng, Đấng Bản quyền địa phương, và trong một số trường hợp, Đức Thượng phụ hoặc vị Tổng Giám mục chính trong Kinh Nguyện Thánh Thể, không phải là một vấn đề danh dự, hoặc tôn trọng, nhưng là vấn đề hiệp thông. Khi Lễ quy Rôma nói, chúng ta cầu nguyện "*una cum*", "cùng với", tức là Đức Giáo hoàng và Giám mục địa phương. Theo một cách nào đó, việc nhắc nhớ này biến một cộng đồng địa phương thành một sự diễn tả thật sự của Giáo hội phổ quát.

Trong nghi lễ Latinh, tiêu chí nhắc nhớ đến Giám mục địa phương là dựa trên thẩm quyền lãnh thổ. Chỉ có một Giám mục, người có thẩm quyền hiện nay trên lãnh thổ, hoặc nơi cử hành Thánh Lễ, được nhắc đến tên.

Linh mục có thể tùy chọn nhắc đến tên của Giám mục phụ tá; hoặc nhắc nhớ tập thể nếu có nhiều hơn một Giám mục phụ tá. Không nhắc đến tên của các Giám mục hưu trí, hoặc các Giám mục chủ tế thánh lễ ngoài lãnh thổ của các vị.

Có một số trường hợp đặc biệt, trong đó thẩm quyền lãnh thổ không trùng hợp với ranh giới của giáo phận. Ví dụ, một Đấng Bản quyền quân sự thường thực thi thẩm quyền lãnh thổ của mình trên các căn cứ quân sự trong cả đất nước, và danh tánh của Ngài được nhắc đến, khi Thánh Lễ được cử hành trong

các căn cứ hoặc tên tàu hải quân. Đấng Bản quyền Công giáo gốc Anh giáo mới được bổ nhiệm sẽ thực thi thẩm quyền của Ngài đối với các nhà thờ và các tổ chức thuộc về Hạt Đại diện, và danh tánh của Ngài được nhắc đến khi Thánh Lễ được cử hành trong các nhà thờ này.

Khi linh mục đi du lịch, các vị chỉ nhắc đến tên của Giám mục sở tại của nơi mà các vị đang dâng Thánh lễ, chứ không nhắc đến tên Đấng Bản quyền của mình, ngay cả khi các vị đang cử hành Thánh lễ cho các đoàn thể thuộc giáo phận gốc của các vị.

Đây là trường hợp của nghi lễ Latinh. Đối với các Giáo hội Công giáo Đông phương, kiến thức của tôi không mở rộng đến các luật và tập tục đặc biệt của mỗi một Giáo hội này. Tôi tin rằng các Giáo hội ấy tuân theo cùng một luật cơ bản của thẩm quyền lãnh thổ, nhưng một số Giáo hội có thể có hình thức đặc biệt khác về thẩm quyền.

Chẳng hạn, thẩm quyền trong Giáo hội Syro-Malabar ở Ấn Độ là cơ bản lãnh thổ, mặc dù thẩm quyền của Tổng giáo phận Kottayam là hợp tác rộng rãi với thẩm quyền lãnh thổ của Giáo hội Syro-Malabar. Giáo phận Đông phương này chỉ phục vụ các thành viên của cộng đồng Knanaya, vốn có dấu vết nguồn gốc từ một nhóm của 72 gia đình Kitô gốc Do thái giáo đã đến Ấn Độ từ Lưỡng Hà vào năm 345. Nếu một thành viên của giáo phận này kết hôn với người ngoài cộng đồng, người đó không còn thuộc về Tổng giáo phận, và sát nhập vào giáo phận nơi mình cư trú.

Vì vậy, sự đa dạng của các Giáo hội Đông Phương đáng kính ngăn cản một câu trả lời dứt khoát cho tất cả các trường hợp. Đồng thời, tôi tin rằng thật là an toàn để nói rằng khi cử hành Thánh lễ theo một phụng vụ Đông phương, câu hỏi về Giám mục nào được nêu tên trong Kinh nguyện Thánh thể, nên được giải quyết theo luật và phong tục của Giáo hội Đông phương, chứ không theo luật và phong tục của nghi lễ Latinh.

Với ý nghĩ như thế, tôi sẽ nói điều sau đây đối với các câu hỏi cụ thể.

Nếu Thánh Lễ được cử hành trong một nhà thờ hay tu viện, vốn thuộc về thẩm quyền lãnh thổ của một Giám mục Đông phương, thì Giám mục này được nhắc tên, cả trong các trường hợp khi Thánh lễ theo nghi lễ Latinh. Giám mục địa phương nghi lễ Latinh vẫn có thẩm quyền về việc cử hành Thánh Lễ nghi lễ Latinh tại nhà thờ, và mọi qui định Ngài ban ra, liên quan đến tập tục phụng vụ cho giáo phận Ngài, cần được tuân giữ.

Như đã đề cập ở trên, khi một linh mục Đông phương dâng thánh lễ theo nghi thức riêng của mình bên ngoài một nơi thuộc thẩm quyền lãnh thổ của Giám mục riêng của mình, việc nhắc đến tên của Giám mục sẽ được dựa trên luật và phong tục của chính nghi lễ. Nếu các luật này cho phép nhắc tên của Đấng Bản quyền địa phương Latinh, thì là điều tốt; nếu không, linh mục tuân theo truyền thống riêng của mình. Thực tế là hầu hết các người nghi lễ Latinh, khi tham dự một thánh lễ Đông phương, không xác định được vị Giám mục nào được nhắc đến tên trong Kinh nguyện Thánh Thể. (ZENIT.org 27-9-2011)

Các chọn lựa cho nghi thức Rửa chân

Hỏi: Trong một giáo xứ chỉ có một linh mục, linh mục này sẽ làm gì cho nghi thức Rửa chân ngày thứ Năm Tuần Thánh, khi ngài không thể quỳ xuống để rửa chân? Có các chọn lựa khác không? - J. K., Opelika, Alabama (Mỹ)

Đáp: Đây có lẽ sẽ là một khó khăn ngày càng gia tăng đối với nhiều linh mục trong những năm sắp tới.

Sự chọn lựa đầu tiên và đơn giản nhất là bỏ qua nghi thức Rửa chân. Mặc dù nhiều người không nhận thức được sự việc, việc Rửa Chân là một nghi thức có thể chọn lựa. Phần chữ đỏ của Thánh Lễ Tiệc Ly của Chúa nói: "Tùy vào hoàn cảnh mục vụ, việc rửa chân có thể thực hiện sau bài giảng".

Chắc chắn, đôi khi trong phụng vụ không có gì bắt buộc hơn là một chọn lựa. Nhưng trong trường hợp này, nếu linh

mục không còn đủ sức khỏe để thực hiện Nghi thức Rửa chân, ngài có thể bỏ qua.

Nhưng nếu linh mục cứ muốn rửa chân, do giá trị mục vụ của nghi thức diễn ra một lần một năm, người ta có thể sắp xếp thế nào để các người được rửa chân ngồi trên một đài cao, nhằm cho linh mục có thể đứng rửa chân cho họ được. Đây là cách thức mà ĐTC Gioan Phaolô II đã chọn trong những năm cuối triều đại Ngài, khi bệnh Parkinson (liệt run) cản trở Ngài quỳ và cúi xuống.

Nếu việc thiết lập đài cao cho 12 người ngồi là quá phức tạp, thì có thể giảm số người cho đủ chỗ. 12 người cũng có thể luân phiên cứ hai hay ba người được rửa chân một đợt, miễn là quá trình rửa chân có thể được thực hiện với sự tạm dừng và đàng hoàng nghiêm túc.

Như một luật định, số người được rửa chân cần được hỏi ý kiến trước; điều này đặc biệt là cần thiết khi chủ tế gặp một số khó khăn về sức khỏe. Một buổi thực tập trước Thánh Lễ có thể là rất hữu ích, trong việc bảo đảm nghi thức diễn ra êm xuôi, đúng phẩm cách và trang trọng, theo yêu cầu của thời điểm và tầm quan trọng của buổi lễ. (Zenit.org 12-4-2011)

Cử chỉ bằng tay phải trong nghi lễ Phụng vụ?

Hỏi: Việc quỳ gối được thực hiện bằng cách uốn đầu gối bên phải (Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma [GIRM], số 274), và Dấu thánh giá được thực hiện bằng bàn tay phải. Các quy tắc này có tuyệt đối không? Một người thuận tay trái có thể làm Dấu thánh giá bằng tay trái hoặc quỳ gối với đầu gối trái không? - P. T., New Orleans, Louisiana, Mỹ

Đáp: Là một người thuận tay trái, tôi hoàn toàn thông cảm với tình trạng khó khăn của độc giả này. Rất may, sự kỳ thị gắn liền với việc thuận tay trái trong thời gian trước đây dường

như đã biến mất. Nó chắc chắn không không gây trở ngại cho ba trong bốn vị Tổng thống Mỹ gần đây nhất thuận tay trái.

Từ quan điểm phụng vụ, các chỉ dẫn trong Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) chỉ đơn thuần mô tả những gì mà đa số người làm một cách tự nhiên, và chỉ nói về một tập tục được thiết lập. Vì thường không có nhiều khó khăn cho người thuận tay trái để thực hiện các cử chỉ này, việc làm này là tốt hơn và phù hợp với quy luật chung về tay phải. Ngay cả trong xã hội dân sự, đại đa số người thuận tay trái sẽ chìa tay phải để bắt tay người khác. Nó nhanh chóng trở nên quá tự nhiên và tự phát ***để*** sử dụng tay phải cho việc quỳ gối và chúc lành, mà người ta sẽ phải thực hiện một nỗ lực có ý thức để hành động cách khác.

Cá nhân tôi, tôi hiếm khi thấy việc thuận tay trái là một trở ngại cho việc thực hiện các cử chỉ và cử động phụng vụ, ngoại trừ có thể là khi múc hương từ bình hương qua lư hương.

Tuy nhiên, không có lý do sâu xa thần học để thích bàn tay này hay bàn tay khác. Đó là một vấn đề của tập tục thực tế và lâu đời, tương tự như các cách khác nhau để làm Dấu thánh giá, chẳng hạn di chuyển bàn tay từ phải sang trái trong hầu hết các người Công giáo Đông phương, trong khi nghi thức Latin truyền thống thích di chuyển tay từ trái sang phải.

Đúng là có nhiều đoạn Thánh Kinh nói về sức mạnh của tay phải Thiên Chúa, và Chúa chúng ta ngồi "bên hữu Chúa Cha". Các hình ảnh văn chương trong những bản văn này là đáng kể trong nhiều ngữ cảnh thần học, và chắc chắn liên quan đến việc phụng vụ thích sử dụng bàn tay phải. Nhưng tôi nghĩ rằng phụng vụ có thể buộc vấn đề sử dụng bàn tay phải để loại trừ khả năng khác, hoặc biến việc sử dụng bàn tay phải thành một luật tuyệt đối. Các văn bản này chỉ đơn giản phản ánh việc sử dụng các biểu tượng phổ quát của việc thuận tay phải, dựa vào thực tế rằng 90% người thuận tay phải.

Nếu trong hoàn cảnh bắt buộc, thì sẽ có thể chọn một sự thay thế. Ví dụ, nếu ĐTC Gioan Phaolô II gãy tay phải, Ngài sẽ không hề cảm thấy e ngại trong việc sử dụng tay trái của mình

để ban phép lành cho các tín hữu. Tương tự như vậy, một người không đứng vững trên đôi chân của mình, có thể quỳ gối theo bất cứ chân nào giữ thăng bằng hơn.

Dùng Sách Lễ cầm tay trong Thánh lễ

Hỏi: Cộng đoàn theo dõi phụng vụ, kể cả các bài đọc, bằng cách sử dụng Sách lễ nhỏ cầm tay được không? Một số Giám mục và linh mục nói rằng Lời Chúa là cần được lắng nghe, chứ không đọc. Sách lễ nhỏ chỉ dành cho các phần khác của Thánh Lễ, đúng không? - M. R., Greenville, bang Rhode Island (Mỹ).

Đáp: Mặc dù đây là một điểm mở cho cuộc tranh luận, đúng là nói chung người ta khuyên không đọc Sách Lễ nhỏ như một sự trợ giúp để tham gia Thánh lễ.

Năm 1998, Ủy ban phụng vụ của Hội đồng giám mục Mỹ đã ban hành một tập sách thật hay về "Hướng dẫn cho việc công bố các công cụ giúp tham gia phụng vụ". Về Phụng Vụ Lời Chúa, sách này cho biết:

"Qua việc Lời Chúa được công bố trong Thánh Lễ, Chúa Thánh Thần làm 'cho những gì chúng ta nghe bên ngoài có ảnh hưởng bên trong chúng ta' (GILFM [Giới thiệu chung Sách Bài Đọc Thánh Lễ] 8). Tuy nhiên, việc này chỉ có thể diễn ra khi các bài đọc được công bố trong 'một phong cách nói về phía người đọc sách, nghĩa là dễ nghe, rõ ràng, và thông minh' (GILFM 14), và khi có sự khuếch đại âm thanh đầy đủ (GILFM 34).

"Rõ ràng, tốt hơn là Lời Chúa được nghe rõ ràng bởi tất cả những người tham gia trong phụng vụ, vì 'Trong khi nghe Lời Chúa, Giáo hội được xây dựng và lớn lên' (GILFM 7). Vì lý do này, việc in các bài đọc và lời nguyện của chủ tế trong sách trợ giúp tham gia phụng vụ không được khuyến khích, trừ khi các hoàn cảnh khác không thể làm cho Lời Chúa được công bố có hiệu quả. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này, tốt hơn là

có các bước để bảo đảm việc công bố Lời Chúa, thay vì cung cấp bản đọc kèm theo cho các thành viên của cộng đoàn".

Vì vậy, điều lý tưởng là tham gia, bằng sự lắng nghe bên ngoài và bên trong cách chăm chú, việc công bố Lời Chúa và các lời nguyện của chủ tế trong Thánh Lễ, thay vì chỉ đơn giản là đọc theo.

Việc sử dụng của Sách Lễ cầm tay trở nên phổ biến trong những năm đầu thế kỷ 20, để theo dõi Thánh lễ trong những gì bây giờ gọi là hình thức ngoại thường (tiếng Latinh). Bằng cách này, việc sử dụng Sách Lễ nhỏ đánh dấu một bước tiến trong Phong trào Phụng vụ, vì nó đặt các bản văn phụng vụ Latinh, cùng với bản dịch tiếng địa phương, vào tay các tín hữu. Sự việc rằng hình thức thông thường của Thánh lễ hiện nay thường được thực hiện bằng tiếng địa phương, không có nghĩa là Sách Lễ cầm tay bị gạt sang một bên. Nó là một công cụ tuyệt vời để chuẩn bị tham gia tích cực, bằng cách người ta dùng nó để suy niệm các bài đọc và lời nguyện trước khi dự lễ. Nó cũng có thể được sử dụng để nắm bắt được logic bên trong của nghi thức và lời nguyện dài, nhờ đó giúp duy trì sự tập trung.

Ngoài ra còn có một yếu tố chủ quan nữa. Không ít người cảm thấy khó khăn trong việc đạt lý tưởng của việc lắng nghe chăm chỉ bên ngoài và bên trong, vì nhiều lý do chính đáng. Tôi sẽ nói rằng nếu một người Công giáo tìm thấy lợi ích tinh thần trong việc sử dụng Sách Lễ cầm tay trong Thánh Lễ, người đó có tự do để làm như vậy.

Sự việc, rằng Ủy ban phụng vụ của Hội đồng Giám mục Mỹ cảm thấy sự cần thiết công bố các hướng dẫn trên, là bằng chứng rằng các Ngài không mong muốn chỉ đơn thuần là xóa bỏ việc sử dụng Sách Lễ cầm tay và các hỗ trợ khác cho việc tham gia phụng vụ. (Zenit.org 25-10-2011)

“Cho nhiều người” khác với “cho mọi người” không?

Đấm ngực mấy lần khi đọc kinh Cáo mình?

Hỏi: Trong bản dịch mới của Thánh Lễ theo Sách Lễ Rôma bằng tiếng Anh, tôi ngạc nhiên về thiếu qui định số lần đấm ngực trong Kinh Cáo mình. Sách lễ cho thấy rằng những ai đọc kinh Cáo mình đều đấm ngực, khi đọc tới câu "lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng”. Tôi là người trung niên nên còn nhớ rằng phải đấm ngực ba lần thời tiền Công đồng chung Vatican II khi đọc kinh Cáo mình, nhưng tôi tự hỏi liệu sự thực hành này còn được duy trì ở các nơi khác trong Giáo hội, bởi các nhóm sử dụng ngôn ngữ khác cho Sách Lễ Rôma không. Có sự áp dụng chung cho mọi nơi không? Hoặc sự thiếu qui định trong Sách Lễ mới là một dấu hiệu cho thấy một lần đấm ngực cũng đủ rồi chăng? – A. L., Gallitzin, Pennsylvania (Mỹ)

Đáp: Việc thiếu qui định là trong Chữ đỏ tiếng Latinh, khi chỉ viết "[P] ercutientes sibi pectus" (đấm ngực mình), trong khi các hình thức ngoại thường qui định rằng phải đấm ngực ba lần khi đọc kinh Cáo mình.

Tuy nhiên, có một thay đổi nhỏ nhưng đáng chú ý khi dịch thuật Chữ đỏ này. Bản dịch trước đây, với một lần thú tội mà thôi, nói rằng các tín hữu cần “đấm ngực”, như thế qui định đấm ngực một lần. Còn bản dịch hiện nay cho thấy "và đấm ngực, khi đọc ba lần thú tội”.

Câu này cho thấy đó là một hành động tiếp diễn, và tôi có thể nói rằng mặc dầu số lần đấm ngực không được qui định trong Chữ đỏ, việc sử dụng lối diễn tả năng động trên hàm ý rằng số lần đấm ngực tương ứng với số lần thú tội cá nhân trong Kinh Cáo mình. Tôi nghĩ rằng điều này cũng là điều đa số người nghĩ một cách tự nhiên, trong bất kỳ trường hợp nào.

Điều này cũng được xác nhận bởi sự áp dụng trong các quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý, vốn luôn duy trì ba lần đấm ngực khi đọc kinh Cáo mình. Sách Lễ tiếng Tây Ban Nha dịch Chữ đỏ ấy là "*golpeándose el pecho, dicen*:", có nghĩa là đấm ngực một lần hoặc nhiều lần. Ở những nước này, các linh mục và tín hữu có thói quen đấm ngực ba lần khi đọc kinh Cáo mình.

Mặc dầu Công Đồng chung Vatican II đã yêu cầu loại bỏ các "việc lặp đi lặp lại vô dụng", cần phải nói rằng không phải mọi lần lặp đi lặp lại là vô ích cả đâu. Một số hình thức truyền thông nhất thiết phải sử dụng những gì kỹ thuật gọi là dư thừa, nghĩa là tăng cường tín hiệu mang một sứ điệp nhiều hơn cần thiết thực sự, để vượt ra ngoài sự giao thoa và nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.

Việc lặp đi lặp lại ba lần các lời và cử chỉ trong kinh Cáo mình có thể được xem như trường hợp trên đây. Với bản dịch trước đây, người ta khá dễ dàng bỏ qua cử chỉ đấm ngực hoặc rất ít quan tâm đến ý nghĩa của nó. Việc đấm ngực ba lần nhấn mạnh sự quan trọng của nó, và giúp chúng ta tập trung vào ý nghĩa bên trong của những gì chúng ta nói và làm.

Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận rằng lập luận trên đây là không chặt chẽ, và một lần đấm ngực cũng có thể là một sự giải thích hợp lệ cho Chữ đỏ. (Zenit.org 13-12-2011)

Có được từ chối cho Rước Lễ không?

Hỏi: Một linh mục (hoặc một phó tế hoặc thừa tác viên ngoại thường cho Rước lễ) phải làm gì trong trường hợp một người đi lên để Rước lễ, trong khi người ấy không ở trong ân nghĩa Chúa theo nhiều người biết? Một người sống mối quan hệ đồng tính luyến ái tích cực có thể Rước lễ không? Nếu một người đồng tính luyến ái đang sống một cuộc sống khiết tịnh và độc thân, người đó có được xét là sống trong ân nghĩa Chúa không, bao lâu mà người ấy đi nhà thờ và đã xưng tội? Liệu một

người đang trong một mối quan hệ đồng tính luyến ái tích cực có thể làm thừa tác viên ngoại thường không, hoặc làm người phục vụ bàn thánh được không? - D. B., Pittsburgh, bang Pennsylvania (Mỹ)

Đáp: Độc giả trên đây chắc là lấy cảm hứng từ một cuộc tranh cãi gần đây liên quan việc từ chối cho Rước lễ tại Tổng Giáo Phận Washington, Mỹ. Mặc dù vụ này đã được bình luận rộng rãi, tôi không tự xem mình là được thông tin đầy đủ về các sự việc, để đưa thêm các nhận định khác hơn là bày tỏ hy vọng rằng vụ việc sẽ cuối cùng được giải quyết, và mọi sự hiểu lầm được làm sáng rõ.

Sau khi nói như thế, tôi sẽ cố gắng giải quyết vấn đề trong tầm tay mình.

Trước hết, bổn phận của mỗi tín hữu là đánh giá liệu mình có sống trong ân nghĩa Chúa hay không để Rước lễ. Để biết điều này với sự chắc chắn luân lý hợp lý, người ta không biết phạm tội nào mà đã không xưng, hoặc không phải ở trong một tình trạng, vốn thông thường sẽ loại trừ việc có thể lãnh nhận bí tích, ví dụ, một cuộc hôn nhân bất thường không được Giáo hội công nhận là hợp lệ.

Trong khi thi hành sứ vụ, linh mục và thậm chí các thừa tác viên khác thường chiều theo lòng tin tốt của những người đến với bí tích.

Chỉ có Thiên Chúa biết chắc chắn tuyệt đối tình trạng sống trong ân nghĩa Chúa của một người. Cá nhân mỗi người có thể đạt được sự chắc chắn luân lý hợp lý về tình trạng hiện tại của linh hồn mình. Linh mục thường không biết về tình trạng sống trong ân nghĩa Chúa của một người khác. Thậm chí nếu một linh mục biết rằng một người nào đó là người phạm tội thường xuyên, linh mục cũng không thể biết liệu trước khi lên Rước lễ, người ấy đã sám hối chưa, xưng tội chưa và cố gắng chừa tội chưa.

Thậm chí nếu một linh mục trong thực tế biết rằng một người không nên Rước lễ, và sẽ phạm sự thánh nếu Rước lễ,

linh mục không công khai từ chối cho Rước lễ. Không ai, ngay cả người phạm tội trọng, bị công khai phơi bày về các lỗi che giấu của họ. Mọi người đều có quyền bảo vệ thanh danh của mình, trừ khi thanh danh bị mất do các hành vi công khai của người phạm tội, hoặc vì một hình phạt công khai.

Đây là một tình huống rất khó khăn cho một linh mục gặp phải, nhưng bằng cách này ngài cũng chia sẻ cùng một thái độ mà Chúa đã chọn, khi làm cho mình sẵn sàng trong Bí Tích Thánh Thể. Hiếm khi một linh mục bị đặt trong một tình huống khó khăn như vậy; Chúa Thánh Thể phải đối mặt với nó mỗi ngày.

Điều 915 của Giáo Luật cho biết các trường hợp chủ yếu, trong đó việc Rước lễ có thể bị từ chối cách công khai. Điều này nói, "Không được nhận rước lễ: những người bị vạ tuyệt thông và cấm chế sau khi hình phạt đã tuyên kết hay tuyên bố; những người khác cố chấp trong một tội nặng công khai".

Trường hợp đầu tiên nhắc đến những người mà một hình phạt giáo luật về vạ tuyệt thông hay cấm chế đã được công khai áp đặt vì một tội nặng theo Giáo luật.

Nó không nhắc đến những người có thể đã rơi vào một hình phạt tự động (chẳng hạn tham gia việc phá thai) mà không biết. Tất nhiên, những người trong tình huống này không nên Rước lễ, cho đến khi bị vạ tuyệt thông được cất bỏ, nhưng linh mục không nên từ chối cho Rước lễ ngay cả khi ngài biết rằng hình phạt vẫn còn.

Trường hợp thứ hai, những người cố chấp kiên trì trong tội nặng tỏ tường, là khó hơn để xác định và thường đòi hỏi một nghiên cứu cho mỗi trường hợp. Ngay cả những chuyên gia giáo luật không đồng ý về các áp dụng thực tế. Nhưng hầu như tất cả đều đồng ý rằng luật nên được giải thích cách hạn hẹp và rằng mọi yếu tố - sự cố chấp kiên trì và tội nặng hiển nhiên - phải được đồng thời hiện diện, trước khi việc Rước lễ có thể được công khai từ chối.

Thật khó xác định liệu một tội nặng là hiển nhiên. Để được như vậy, tội này phải được biết bởi một phần lớn của cộng

đồng, và điều này cũng có thể tùy thuộc vào bản chất của bản thân cộng đồng. Ví dụ, nó là một điều thuộc về một ngôi làng thôn quê yên tĩnh, nơi ai nấy đều biết mặt nhau, hoặc nó là một điều thuộc về một giáo xứ thành phố lớn, nơi sự việc chỉ có thể được biết khi nó xuất hiện trên các phương tiện truyền thông.

Sự cố chấp kiên trì cũng khó để xác định, và thường đòi hỏi rằng linh mục đã có thể trò chuyện với người phạm tội, và đã cảnh báo là không cho Rước lễ cho đến khi người ấy không còn phạm tội nữa.

Vì cả hai yếu tố phải hiện diện, linh mục chỉ có thể đưa ra lời cảnh báo rằng việc Rước Lễ sẽ bị công khai từ chối, khi tội lỗi được biết đến rộng rãi, và ngài đã không biết rõ điều đó qua Bí tích Hòa giải.

Có thể có các trường hợp khi mọi yếu tố đều hiện diện, bởi cách thức mà một người tiến đến gần bàn thờ. Ví dụ, nhiều Giám mục Mỹ đã từ chối cho Rước lễ đối với người choàng khăn quàng vai cầu vồng. Trong trường hợp này, người ấy sử dụng một biểu tượng, vốn công khai bênh vực một lối sống mà Giáo hội cho là phạm tội nặng.

Có thể có một số trường hợp khác, khi một linh mục phải quyết định do sự thôi thúc của thời điểm, ví dụ, khi một người ở trong một tình trạng mặc trang phục khác phái quá rõ ràng, và không nhận thức đầy đủ về việc mình làm. Các trường hợp như vậy liên quan nhiều hơn đến trật tự công cộng và tôn trọng Mình Thánh Chúa, hơn là phán đoán đến tình trạng nội tâm của người ấy.

Một trường hợp khác là khi một người là không Công giáo cách rõ ràng. Tình huống như vậy thường phát sinh tại các đám cưới và đám tang. Nhiều giáo phận và giáo xứ đã chuẩn bị cách xử lý cho các dịp như vậy, và khuyên nhủ những người tham dự về các điều kiện để rước lễ trong Giáo hội Công giáo. Điều này giúp như là một lời nhắc nhở cả cho người Công giáo, ít thực hành đức tin của họ, cũng như cho tín hữu thuộc các giáo phái khác và tôn giáo khác.

Cuối cùng, Giáo hội phân biệt giữa một xu hướng đồng tính luyến ái và hành vi đồng tính luyến ái. Trong khi xu hướng là bị rối loạn, nó không làm cho người ta thành người có tội – miễn là người đó sống một cuộc sống khiết tịnh. Thật vậy, không có lý do một người như vậy không thể đạt được một mức độ cao của sự thánh thiện.

Còn một người hành động trên xu hướng đồng tính luyến ái thì phạm tội trọng. Với ý thức này, tôi nghĩ rằng rõ ràng những người đồng tính luyến ái tích cực không được Rước lễ. Tuy nhiên, cánh cửa bí tích hòa giải luôn luôn là mở cửa cho họ, khi họ có sự hối cải chân thành và sửa đổi.

Bất cứ ai, vì bất kỳ tội nặng nào, không được Rước lễ và không tham gia vào tác vụ. Có thể có trường hợp ngoại lệ cho quy tắc này, khi một người tạm xa rời ân nghĩa Chúa mà không kịp xưng tội trước khi tham dự Thánh lễ. Tuy nhiên, không có trường hợp ngoại lệ trong trường hợp của những người thường xuyên bị loại trừ khỏi việc Rước lễ. (Zenit.org 27-3-2012)

Nói thêm về việc từ chối cho Rước lễ

Liên quan đến câu hỏi từ chối một người nào đó được Rước Lễ (xem ngày 27-3) là câu hỏi về hậu quả của người rước lễ bất xứng:

Hỏi: "Một người đàn ông có gia đình bỏ vợ mình và sống với một phụ nữ khác thì không được Rước lễ. Tuy nhiên, nếu ông cố ý Rước lễ đang khi mắc tội như thế, ông có bị vạ tuyệt thông không? Nếu có, và sau đó ông sám hối, ông cần phải làm gì để có được hòa giải?"

Đáp: Bất kỳ ai cố tình và cố ý Rước lễ trong tình trạng tội trọng thì phạm thêm tội phạm thánh và không tôn trọng đối với Chúa Kitô. Tình trạng tinh thần của họ càng thêm trầm trọng bởi một hành vi ý thức về việc xem thường Bí tích. Sự gia tăng của ân sủng, vốn thường sẽ tích luỹ cho một người Rước Lễ, bị

mất mãi mãi và thực sự được chuyển thành một động lực cho sự kết án người ấy.

Tuy nhiên, người ấy không chính thức bị vạ tuyệt thông. Con đường của bí tích hòa giải vẫn còn mở.

Khi người ấy xưng thú tội lỗi, người ấy không chỉ xưng các tội đã làm cho mình mất đời sống ân sủng, nhưng còn xưng việc Rước lễ cách bất xứng nữa.

Khi đưa ra việc đền tội, linh mục cần chú ý đến tội đặc biệt này, và có thể quy định một hành động cụ thể về đền tạ Thánh Thể, miễn là việc ấy có thể được thực hành nhanh chóng và đơn giản.

Ở đây chúng ta đang nói về tội cố ý trong việc Rước Lễ. Chúng ta không đề cập đến các trường hợp đặc biệt, như khi một người trong giây lát đã phạm tội và đã không kịp xưng tội trước Thánh Lễ, và trong Thánh lễ này người ấy buộc hoặc ước muốn hợp lý được Rước lễ.

Đây có thể là trường hợp của một linh mục, phó tế hay thừa tác viên khác, thường phải Rước lễ trước mặt cộng đoàn.

Nếu điều này xảy ra, người ấy có thể ăn năn tội cách trọn, vốn bao hàm cam kết xưng tội càng sớm càng tốt. Như thế người ấy không phạm một tội khi Rước lễ, và thực sự phát triển trong ân sủng. (Zenit.org 17-4-2012)

Được nhìn thừa tác viên khi Rước lễ không?

Một độc giả Nhật hỏi: "Cha suy nghĩ gì về việc tiếp xúc bằng mắt giữa linh mục (hay phó tế hoặc thừa tác viên cho Rước lễ) và người rước lễ. Tôi được dạy rằng người ta có thể tiếp xúc bằng mắt. Vì đã phục vụ một thời gian trong một đan viện kín, tôi không còn biết chắc như vậy nữa. Có thể không có câu trả lời chính đáng, nhưng tôi quan tâm nhiều đến suy nghĩ của cha."

Đáp: Thành thật mà nói, tôi nghĩ rằng một chỉ dẫn như thế đặt nhiều gánh nặng cho thừa tác viên. Chức năng chính của người này là đảm bảo rằng Mình thánh được trao trong một cách

trang nghiêm xứng đáng, cho dù trên lưỡi hoặc trong tay, và đảm bảo rằng Mình Thánh được nuốt đi.

Người tín hữu đến gần cung thánh để Rước Chúa, chứ không để gặp thừa tác viên cho Rước lễ. Một số người nhìn thừa tác viên; một số người khác nhắm mắt khi rước lễ trên lưỡi. Nếu xảy ra việc tiếp xúc bằng mắt, thì cũng tốt thôi, nhưng tôi thấy không có lý do đặc biệt nào để cố gắng hoàn thành nó. (Zenit.org 17-4-2012)

Có mấy kinh khẩn cầu Thánh Linh trong Kinh nguyện Thánh Thể I?

Việc nâng Bánh Rượu phải kéo dài bao lâu?

Hỏi: Việc nâng Bánh Rượu phải kéo dài bao lâu? Linh mục của chúng tôi nâng Bánh thánh và Chén thánh gần hai phút mỗi khi truyền phép. Sau đó có hai lần ngài nâng Bánh thánh và Chén thánh. Mỗi lần như thế, ngài nâng Bánh và Chén cao hết cả cánh tay, càng cao càng tốt. - H. B., Bethlehem, Pennsylvania, Mỹ

Đáp: Trước tiên độc giả của chúng tôi nên tri ân vì có một linh mục nhiệt tâm, mặc dầu phải nhìn nhận rằng hai phút là quá lâu cho mỗi lần nâng Bánh thánh và Chén thánh. Tôi vẫn nghi ngờ về thời gian này trong thực tế, mặc dầu độc giả này nói chắc là đúng thôi.

Chữ đỏ nói có ba lần nâng Bánh thánh và Chén thánh, mặc dầu nhiều chuyên viên phụng vụ cho rằng thực ra chỉ có một lần nâng cao xét về kỹ thuật mà thôi.

Lần đầu tiên là ngay lập tức sau khi linh mục thánh hiến bánh rượu. Chữ đỏ nói rằng linh mục "nâng Bánh thánh cho tín hữu nhìn ngắm, sau đó đặt Bánh vào Đĩa thánh, và bái gối thờ lạy." Tương tự như vậy cho Chén thánh, "Linh mục nâng Chén

thánh cho các tín hữu nhìn ngắm, rồi đặt Chén thánh trên khăn thánh, và bái gối thờ lạy."

Không có dấu hiệu chỉ dẫn về thời gian nâng Bánh và Rượu, hoặc thời gian bái gối. Ở đây người ta phải được hướng dẫn bởi các nguyên tắc chung của nghi thức Rôma, vốn tránh các cử chỉ phóng đại hoặc có tính sân khấu. Bởi vì việc nâng là nhằm cho các tín hữu nhìn thấy Bánh thánh và Chén thánh, và sự quỳ gối là một hành động tôn thờ, các cử chỉ này không nên được thực hiện cách vội vàng, nhưng với một mức độ kéo dài vừa phải và đàng hoàng, vốn nhấn mạnh chức năng phụng vụ của việc này.

Có lẽ độ cao tốt nhất là Linh mục nâng Bánh và Rượu ở ngang đầu của ngài, để ngài có thể chiêm ngưỡng Bánh Rượu một cách tự nhiên.

Việc nâng cao Bánh thánh và Chén thánh ở mức cao nhất có thể, là tốt nhất dành cho khi linh mục dâng lễ ad orientem (hướng mặt về bàn thờ theo kiểu cũ, chứ không hướng về cộng đoàn). Nếu việc nâng cao được thực hiện trong khi linh mục hướng về cộng đoàn, việc ấy có thể là vô duyên và là nguyên nhân gây chia trí hơn là xây dựng.

Việc nâng cao cho phép Bánh Rượu được chiêm ngắm, nhưng không nên kéo dài quá mức, vì đó không phải là lần nâng quan trọng nhất xét về mặt phụng vụ.

Lần nâng Bánh Rượu quan trọng nhất về mặt phụng vụ là lần nâng thứ hai trong Vinh tụng ca ở cuối Kinh Nguyện Thánh Thể. Nghi thức này được thực hiện bởi bản thân linh mục, hoặc cùng với một thầy phó tế hoặc một linh mục đồng tế. Chữ đỏ nói rằng linh mục cầm Chén thánh, Đĩa thánh có Bánh thánh, nâng cao cả hai, và đọc: "Chính nhờ Người, ..." Một thầy phó tế hoặc một linh mục đồng tế hiện diện, nâng Chén thánh.

Về việc nâng này, cần chú ý các điểm sau đây:

- Chỉ Đĩa thánh có Mình Thánh được nâng lên; Mình thánh không được hiển thị rõ cho cộng đoàn tại thời điểm này.

- Chỉ có một Chén thánh và Đĩa thánh có Mình Thánh được nâng cao. Nếu có nhiều Bình thánh bên cạnh Bình thánh chính, chúng đều được để yên trên bàn thờ.

- Cả Chén thánh và Đĩa thánh được nâng cao cho đến khi cộng đoàn kết thúc chữ "Amen" cuối cùng của Kinh Nguyện Thánh Thể, dù khi chữ Amen được hát hoặc được lặp đi lặp lại lâu hơn thường.

Bản chất của cử chỉ này, thường đi kèm với việc linh mục hát Vinh tụng ca, thường có nghĩa là Chén thánh và Đĩa thánh được nâng lên hơi thấp một chút so với lần thánh biến Bánh Rượu. Một luật là ngón tay cái của linh mục ở ngang tầm mắt của linh mục, hoặc hơi cao hơn một chút.

Lần nâng thứ ba cũng là lần cuối diễn ra ngay trước khi linh mục rước lễ. Chữ đỏ nói rằng, sau kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian...", trong đó linh mục thầm lặng dọn mình rước lễ, và bẻ chút Bánh cho vào Chén thánh, "linh mục bái gối, rồi cầm bánh, và nâng Bánh hơi cao trên Đĩa thánh hay trên Chén thánh, hướng về phía cộng đoàn, và đọc to: "Đây chiên Thiên Chúa, đây Đấng xóa tội trần gian, phúc cho ai được mời đến dự tiệc Chiên Thiên Chúa".

Sự chọn nâng Bánh thánh trên Đĩa thánh hoặc trên Chén thánh là tùy ý của linh mục, mặc dù cử chỉ này có vẻ thích hợp về mặt thẩm mỹ hơn.

Vị linh mục nên giữ cao Bánh thánh cho đến khi ngài và cộng đoàn đọc xong câu: "Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự vào nhà con..."

Một lần nữa, tốt hơn là không nên nâng Bánh thánh quá cao, nhưng ở mức như lần nâng thứ hai là vừa.

Sẽ có lỗi phụng vụ khi nâng Bánh mà không có Đĩa thánh hoặc Chén thánh ở phía dưới, tức là chỉ nâng Bánh trên Khăn thánh. Bởi vì vào lúc này, Bánh đã được bẻ ra, khả năng vụn bánh có thể rơi ra nhiều hơn, do đó tốt hơn vụn bánh cần rơi trực tiếp lên Đĩa thánh hoặc vào Chén thánh.

Nói thêm về việc nâng cao Mình Máu Chúa và Kinh Nguyện Thánh Thể IV

Sau câu trả lời của chúng tôi ngày 2-5 (xem Vietcatholic) về việc nâng cao Mình Máu Thánh Chúa trong Thánh lễ, một linh mục ở Washington, D.C. (Mỹ), góp ý như sau:

Hỏi: "Tôi muốn nêu lên vài ý kiến liên quan đến câu trả lời của cha về việc nâng cao Mình Máu Thánh trong thánh lễ.

"1. Tôi không thấy rằng việc nâng cao Mình Máu Thánh 'ở ngang đầu của linh mục' sẽ tạo dễ dàng cho việc linh mục nhìn ngắm Mình Máu Thánh cách tự nhiên hơn. Theo tôi, việc nâng lên ở ngang tầm đôi mắt là hợp lý hơn. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, kích thước nhà thờ cũng góp phần xác định việc nâng Mình Máu Thánh lên ở mức nào, để cho mọi người có thể nhìn ngắm được.

"2. Có vẻ như rằng bởi vì việc nâng Mình Máu Thánh lần thứ hai được gọi chính thức là việc nâng, hoặc đưa cao (chứ không phải là trưng ra), cho nên chắc chắn lần nâng này là cao nhất trong ba lần nâng Mình Máu Thánh. Về mặt thần học, điều này là đúng, bởi vì đó là lúc dâng lễ vật hy sinh lên Chúa Cha, tức là dâng mọi lễ vật của các người hiện diện, hiệp nhất với hy lễ tối cao của Chúa Kitô, lên Chúa Cha để được chấp nhận. Tôi chưa bao giờ gặp khó khăn khi hát Vinh tụng ca, bởi vì tôi nâng Mình Máu Thánh cao trên đầu tôi.

"3. Sự hiểu biết của tôi về lý do chọn việc nâng, hoặc Đĩa thánh một mình hoặc cả Đĩa Thánh và Chén Thánh, khi đọc "Đây Chiên Thiên Chúa", không phải là một vấn đề về "thẩm mỹ", mà là phụ thuộc vào việc liệu linh mục sẽ cho Rước Lễ với Mình Thánh hay cả Mình và Máu Thánh, tức dưới một hình hay hai hình. Chính lời đọc mời gọi việc Rước lễ kia mà".

Đáp: Về điểm 1 và 2, tôi chỉ nói thêm một chút. Bởi vì không có qui định chính xác, nên không rõ những gì tôi đã nói trong bài viết ngày 2-5 hoặc quan điểm trên đây của cha là nhất

thiết đúng hay sai. Còn có một số mức độ linh hoạt và uyển chuyển, tùy vào thể hình của linh mục, vì điều xem ra là vô duyên cho người này có thể là thanh lịch cho người khác.

Khi đề cập đến việc nâng cao Chén thánh chỉ ngang trên đầu, tôi đã cố gắng chuyển tải ý tưởng rằng cộng đoàn có thể sẽ nhìn thấy Mình Máu Thánh rõ ràng, trong khi linh mục có thể nhìn rõ với độ cao ngang đầu của ngài, thay vì phải giựt cổ ra sau.

Tôi đồng ý với cha rằng thường không có khó khăn trong việc nâng Mình Máu Thánh cao hơn đầu trong lần nâng ở Vinh tụng ca; thực ra, đây là cách tôi thường làm. Tuy nhiên, câu hỏi đầu tiên là nói về trường hợp một linh mục nâng Mình Máu Thánh lên quá cao, vốn không phải là một cử chỉ phổ biến.

Về điểm thứ ba, tôi xin phép có ý kiến khác với cha. Không có gì trong chữ đỏ nói rằng khả năng nâng Mình thánh trên Chén thánh là liên quan đến việc rước lễ dưới hai hình.

Đúng hơn tôi nên nói rằng khả năng này được đưa vào trong Sách lễ như một cách tái lập cho hình thức thông thường một cử chỉ biểu tượng đẹp, vốn hiện diện trong hình thức ngoại thường, chính xác như lời kết luận của Vinh tụng ca, trong đó linh mục nâng cao cả Mình Thánh và Chén Thánh.

Cử chỉ của Mình Thánh được nâng trên Chén Thánh, thường được tìm thấy trong các bức tranh và hình ảnh đạo đức, đã hoàn toàn biến mất khỏi Thánh Lễ. Tôi tin rằng điều này, chứ không phải là một sự phân biệt giữa việc rước lễ dưới một hình hay hai hình, là đứng đằng sau khả năng được cung cấp trong Sách lễ sẽ được xuất bản lần thứ ba. (Zenit.org 15-5-2012)

Giải thích thêm về Kinh khẩn cầu Thánh Linh trong Kinh Nguyện Thánh Thể

Hỏi: Câu trả lời của cha ngày 17-4 về Kinh khẩn cầu Thánh Linh trong Lễ Quy Rôma đã nhắc tôi nhớ lại câu hỏi đến từ Palo Alto, California: "Liệu Kinh Nguyện Thánh Thể thứ

nhất, được biết đến như là Lễ Quy Rôma, có là Kinh nguyện Thánh Thể quy phạm cho Thánh lễ Chủ nhật không?"

Đáp: Trong khi có lẽ là đi hơi xa khi nói rằng Lễ Quy Rôma là Kinh Nguyện "quy phạm" cho Thánh Lễ Chúa Nhật, tôi nghĩ thật công bằng để nói rằng Kinh nguyện này, cùng với Kinh Nguyện Thánh Thể III, là các Kinh nguyện được ưa thích nhất vào ngày Chủ nhật.

Kinh Nguyện Thánh Thể II, tuy không bị cấm sử dụng ngày Chủ nhật, đặc biệt được khuyến khích sử dụng cho các ngày trong tuần. Sự ngắn gọn của nó có thể tạo ra một sự thiếu cân đối nhất định giữa Phụng Vụ Lời Chúa dài ngày chủ nhật với ba bài đọc, Kinh Tin kình, Lời nguyện Tín hữu bắt buộc và Phụng vụ Thánh Thể.

Kinh Nguyện Thánh Thể IV không thể bị tách rời khỏi Kinh Tiền tụng của nó, do đó, nếu sử dụng kinh này ngày Chủ nhật, nó chỉ có thể được sử dụng trong mùa thường niên. Thật là tốt để sử dụng nó trong dịp đặc biệt, khi sứ điệp các bài đọc có thể được liên kết vào cái nhìn tổng quan của lịch sử cứu độ. Kinh Nguyện Thánh Thể này ban đầu được dành riêng cho các nhóm tín hữu có trình độ Kinh thánh tốt. Nói chung, người Công giáo đã khá hiểu biết Kinh thánh hơn trong các thập niên qua, sau cuộc cải tổ phụng vụ, và kinh nghiệm đã cho thấy rằng Kinh nguyện IV có thể được sử dụng cho tác dụng mục vụ tốt, khi nó được sử dụng một cách khôn ngoan.

Kinh Nguyện Thánh Thể xin ơn Hoà giải là tốt nhất khi sử dụng vào Chủ Nhật mùa Chay, nhưng với kinh Tiền tụng Mùa Chay thích hợp.

Bởi vì các Kinh Nguyện Thánh Thể riêng cho "Các Thánh Lễ vì các nhu cầu khác nhau" và "cho các thánh lễ thiếu nhi" bị giới hạn cho các công thức Thánh lễ đặc biệt hoặc cho các nhóm cụ thể, như học sinh trẻ, các Kinh nguyện này trong thực tế không bao giờ được sử dụng cho Thánh Lễ chủ nhật ở giáo xứ. (Zenit.org 30-4-2012)

Kinh Nguyện Thánh Thể 4 sử dụng thế nào?

Một độc giả khác, ở Southampton, Vương quốc Anh, gợi ý rằng tôi đã mắc sai lầm trong bài ngày 2-5 (xem Vietcatholic) về các khả năng sử dụng Kinh Nguyện Thánh Thể 4:

Hỏi: "Cha nói rằng vì Kinh Nguyện Thánh Thể 4 có kinh Tiền tụng riêng – đúng là như vậy – nên nó chỉ có thể dùng trong mùa thường niên. Tôi nghĩ rằng điều này là không đúng. Kinh Nguyện Thánh Thể 4 không có thể được sử dụng vào một ngày có kinh Tiền tụng riêng của nó. Ví dụ, nó không thể được sử dụng trong lễ Đức Mẹ Lên Trời hay Đức Mẹ Vô nhiễm. Tuy nhiên, nó có thể được sử dụng vào những ngày chỉ có kinh Tiền tụng theo mùa (Mùa Vọng, Giáng Sinh, Mùa Chay trừ các chủ nhật có kinh Tiền tụng riêng, lễ Phục sinh). Trong trường hợp đó, kinh Tiền tụng của Kinh Nguyện Thánh Thể 4 thay thế kinh Tiền tụng theo mùa, bởi vì Kinh Nguyện Thánh Thể 4 chỉ có thể được sử dụng trong toàn bộ của nó. Tôi nhìn nhận sẽ là một quyết định mục vụ đặc biệt cao khi sử dụng Kinh Nguyện Thánh Thể 4 trong lễ Giáng Sinh hoặc Chủ nhật Phục sinh, nhưng về mặt lý thuyết không có gì sai trong đó, vì các lễ này không có kinh Tiền tụng riêng."

Đáp: Độc giả có lý khi nói rằng một kinh Tiền tụng theo mùa có thể được thay thế bằng Kinh Nguyện Thánh Thể IV. Đó là lý do mà tôi nói rằng nó được sử dụng trong các Chủ nhật của mùa thường niên, vì có một số tác giả từ chối việc sử dụng Kinh nguyện Thánh Thể 4 trong mọi ngày Chủ nhật.

Tuy nhiên, tôi sẽ đặt câu hỏi liệu sự sử dụng các kinh Tiền tụng theo mùa trong các Chủ nhật của các mùa phụng vụ chính là cùng loại với nhau không. Các Chủ nhật này có một vị trí cao hơn so với lễ trọng trong lịch phụng vụ, và các bài đọc của các Chủ nhật này không thể được thay thế băng các bài đọc khác. Ví dụ, nếu một lễ cưới hoặc lễ truyền chức linh mục diễn

ra vào một Chủ nhật như thế, thì các bài đọc của ngày Chủ nhật được ưu tiên hơn so với bài đọc lễ cưới hay lễ truyền chức linh mục.

Nếu lễ cưới hoặc lễ truyền chức linh mục diễn ra vào một Chủ nhật mùa thường niên hoặc mùa Giáng sinh, thì phụng vụ Chủ nhật có thể được thay thế toàn bộ, trừ phi nó trùng hợp với Thánh lễ cầu cho giáo dân.

Do luật ưu tiên như vậy, tôi có thể nói rằng trong các ngày ấy, việc chỉ định sử dụng kinh Tiền tụng theo mùa trong chữ đỏ ràng buộc mạnh mẽ hơn, so với vào ngày Chủ nhật mùa thường niên.

Tương tự như vậy, chữ đỏ đôi khi cũng rất là đặc biệt. Ví dụ, vào Chúa Nhật Phục Sinh và trong tuần bát nhật Phục Sinh, chữ đỏ bảo đọc kinh Tiền tụng Phục Sinh I, chứ không đọc bất cứ kinh Tiền tụng Phục sinh nào. Vì vậy trong trường hợp này, kinh Tiền tụng Phục Sinh I là kinh Tiền tụng của ngày, chứ không phải kinh Tiền tụng theo mùa. Ngày lễ Giáng sinh cung cấp sự lựa chọn giữa ba kinh Tiền tụng Giáng sinh, nhưng một trong ba phải được chọn.

Các Chủ nhật mùa Phục sinh và các mùa mạnh khác qui định một kinh Tiền tụng theo mùa phải được chọn, trong khi đối với các Chủ nhật mùa thường niên, chữ đỏ không gợi ý chọn kinh Tiền tụng nào. Tôi tin rằng việc này cho thấy một sự phân biệt rõ ràng giữa hai giai đoạn liên quan sự chọn lựa kinh Tiền tụng, và như một hệ quả, khả năng sử dụng Kinh Nguyện Thánh Thể 4. (Zenit.org 15-5-2012)

Các Kinh Nguyện Thánh Thể dành cho Thánh lễ thiếu nhi còn được phép sử dụng không?

Hỏi: Trong Sách Lễ Rôma mới bằng tiếng Anh, không có các Kinh nguyện Thánh Thể dùng cho Thánh Lễ thiếu nhi. Có lý do đặc biệt nào cho việc này không? Sự thiếu sót này có nghĩa là chúng không thể được sử dụng sao? Liệu được phép sử

dụng chúng có sẵn trong Sách lễ trước đó không? - J. S., Naxxar, Malta

Đáp: Các Kinh nguyện Thánh Thể dành cho Thánh lễ thiếu nhi lần đầu tiên được giới thiệu vào năm 1974. Vào thời đó, ba Kinh nguyện Thánh Thể đã được giới thiệu trên cơ sở thử nghiệm. Các Hội đồng Giám mục có thể sử dụng một trong các Kinh Nguyện này, và được cho phép thực hiện một bản dịch khá tự do các bản văn, trong khi vẫn tôn trọng cấu trúc cơ bản. Hầu hết các Hội đồng Giám mục yêu cầu cho phép sử dụng tất cả ba Kinh Nguyện Thánh thể ấy, và việc này thường được ban cho các Hội đồng Giám mục trong một khoảng thời gian nhất định. Năm 1980, ĐTC Gioan Phaolô II cho phép tiếp tục sử dụng các Kinh Nguyện này cho đến khi quyết định khác được ban hành.

Do tình trạng thử nghiệm của chúng, và các hạn chế về việc sử dụng chúng cho các nhóm thiếu nhi thuộc lứa tuổi Rước lễ vỡ lòng, các Kinh Nguyện Thánh Thể này thường không được in trong Sách Lễ Rôma, nhưng trong các sách riêng. Chúng có thể đã được đưa vào trong Sách lễ ở một số nơi, nhưng không phải là một sự thực hành chung.

Khi ấn bản thứ ba của Sách Lễ Rôma bằng tiếng Latinh được xuất bản vào năm 2002, nó bao gồm các Kinh nguyện Thánh Thể cho thiếu nhi trong phần phụ lục. Sự đưa vào này chỉ có thể đơn giản vì lợi ích của sự đầy đủ, vì không chắc rằng chúng sẽ được sử dụng, do sự khan hiếm của các chuyên viên về thiếu nhi lứa 8 tuổi.

Lần in đầu tiên của Sách lễ Latinh có nhiều lỗi đánh máy. ĐTC Gioan Phaolô II cũng đã đưa thêm một số bổ sung mới cho niên lịch phụng vụ phổ quát, sau khi xuất bản Sách lễ. Các bổ sung này bao gồm lễ Đức Mẹ Guadalupe, và các lễ nhớ thánh Juan Diego và thánh Pio Pietrelcina.

Vì vậy, khi cần in lại Sách lễ trong năm 2008, Thánh Bộ Phụng Tự đã không tự giới hạn mình vào việc sửa lỗi đánh máy. Thay vào đó, Thánh bộ thực hiện một số cải tiến hơn nữa cho

bản văn, và các chữ đỏ, trong đó có việc loại bỏ các bản văn Latinh của Thánh Lễ dành cho thiếu nhi.

Bởi vì điều này bao hàm một sự thay đổi trong bản văn chính thức, việc bỏ bớt này được trình lên ĐTC để xin chuẩn y cùng với hai thay đổi khác cho Sách lễ. ĐTC Biển Đức XVI phê chuẩn sự thay đổi này, vốn được ban hành bởi Sắc lệnh ngày 8-5-2008 (Sắc lệnh số 652-08L, Notitiae 45 (2008) trang 175-176). Sắc lệnh cũng quy định rằng từ nay về sau các bản văn Thánh Lễ dành cho thiếu nhi nên được in tách rời Sách Lễ Rôma, ngay cả trong các bản dịch được duyệt lại trong tương lai.

Bởi vì lần tái bản thứ hai này là cơ sở cho việc dịch Sách Lễ sang tiếng Anh, các Kinh Nguyện Thánh Thể cho thánh lễ thiếu nhi không có trong Sách lễ nữa.

Điều này không có nghĩa rằng chúng không còn có thể được sử dụng. Chúng vẫn được chấp thuận cho sử dụng, theo cùng các điều kiện như trước kia.

Nếu cuối cùng Tòa Thánh duyệt lại các bản văn và kỷ luật của các Kinh Nguyện ấy, Tòa Thánh vẫn cho rằng tốt hơn nên tách rời chúng khỏi Sách lễ chung. Có lẽ điều này đã được thực hiện, để loại bỏ bất cứ sự cám dỗ nào nhằm xem chúng như là Kinh nguyện Thánh Thể để sử dụng chung với mọi cộng đoàn, chứ không phải là một sự giới thiệu sư phạm cho phụng vụ dành cho thiếu nhi. (Zenit.org 29-5-2012)

Dùng iPad để đọc Tin Mừng trong Thánh lễ được không?

Hỏi: Tôi muốn biết liệu tinh thần của "Qui chế Tổng Quát của Sách Lễ Rôma" sẽ cho phép linh mục sử dụng iPad để đọc Tin Mừng được không? Nếu được, sau khi đọc xong, linh mục hôn iPad hay hôn Sách Tin Mừng? - H. A., Lashibi, Ghana

Đáp: Cho đến nay, Giáo hội hoàn vũ chưa có tuyên bố chính thức nào về việc sử dụng các máy tính bảng điện tử trong phụng vụ. Ít nhất một Đức Hồng y, khi cử hành thánh lễ trong nhà thờ chính tòa của ngài, đã công khai sử dụng một máy tính bảng thay cho sách lễ, nhưng điều này không tạo ra sự phê chuẩn chính thức. Ngược lại, một tuyên bố gần đây của Hội đồng Giám mục New Zealand nói rằng máy tính bảng không được sử dụng cho Thánh Lễ và các nghi lễ công khai khác.

Do đó những gì tôi nói không có chỗ đứng chính thức nào. Tôi tự giới hạn vào điều tôi xem có liên quan đến các nguyên tắc phụng vụ mà thôi.

Mặc dù tôi sử dụng một máy tính, tôi thừa nhận rằng tôi không ái mộ công nghệ và tự quản lý để tồn tại, mà không bị ràng buộc bởi điện thoại di động hay máy tính bảng.

Liên quan đến việc sử dụng điện thoại hoặc máy tính bảng, tôi không thấy bất kỳ khó khăn lớn nào cho linh mục hay bất cứ ai khác, trong việc sử dụng các thiết bị này để đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ, nhất là khi đi đường xa hoặc du lịch.

Đối với việc sử dụng một máy tính bảng để thay thế cho sách lễ, sách bài đọc và sách Tin Mừng trong Thánh Lễ, tôi sẽ do dự nhiều hơn.

Một mặt, người ta có thể lập luận rằng các sách phụng vụ, giống như bất kỳ cuốn sách nào khác, là một phương tiện lưu giữ và truyền tải thông tin. Trong ý nghĩa này, máy tính bảng thực hiện tốt chức năng tương tự như các trang sách in, nhưng với một số lợi thế gia tăng khác. Ví dụ, máy tính bảng có thể chứa tất cả các sách nghi lễ vào một chỗ, và nó cho phép chủ tế có thể chuyển đổi bản văn từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác khi cần thiết, và điều chỉnh kích cỡ chữ để đọc cách thoải mái nhất.

Mặt khác, có một nguyên tắc, vốn trong khi không cần thiết cho phụng vụ, là nên cân nhắc cẩn thận trước khi sử dụng các công cụ như vậy.

Giáo hội có truyền thống dành riêng các vật dụng được sử dụng trong phụng vụ cho các chức năng thiêng liêng mà thôi. Do đó, các vật dụng này thường được làm phép, để tách rời chúng ra khỏi tất cả các sự sử dụng khác. Người ta không được dùng chén thánh cho mục đích gia dụng; linh mục cũng không được lái xe xung quanh thị trấn trong bộ áo lễ. Lý do cho điều này là không phải sự phi thực tế của hành động, nhưng bởi vì các vật dụng thánh thiêng được dành riêng cho một thời gian, một địa điểm và một chức năng đặc biệt.

Tương tự như vậy, các cuốn sách được sử dụng trong việc cử hành phụng vụ thường được làm phép và chỉ dành cho việc sử dụng linh thiêng. Chúng cũng được in và bị ràng buộc trong một định dạng, vốn nhấn mạnh mục đích thánh thiêng của chúng.

Tuy nhiên, máy tính bảng, do bản chất của nó, có khả năng đa dụng. Có một cái gì đó phi lý trong việc sử dụng một máy tính bảng như là một sách lễ hoặc sách bài đọc, và ngay sau đó nó được sử dụng nó để trả lời điện thư, lướt web, hoặc tải về máy một bộ phim.

Sách Tin Mừng là một trường hợp, mà trong đó tôi tin rằng các qui tắc hiện hành áp dụng cho vấn đề của chúng ta. "Qui chế Tổng Quát của Sách Lễ Rôma", số 120D, xác định rằng chỉ có sách Tin Mừng, chứ không phải sách bài đọc, có thể được rước đi trong cuộc rước đầu lễ, đặt trên bàn thờ. Sự phân biệt này chắc chắn có nhắm tới máy tính bảng đa dụng, do đó tôi nghĩ chúng ta có thể nói rằng các qui tắc ấy đã loại trừ việc rước máy tính bảng, đặt nó trên bàn thờ, và xông hương cho nó.

Có thể suy đoán rằng sau này ai đó có thể phát triển một máy tính bảng để sử dụng độc quyền cho phụng vụ, với một thiết kế thích hợp và không có các chương trình khác được cài đặt kèm theo. Lúc ấy, điều đó có thể làm thay đổi cuộc tranh luận về vấn đề này.

Cho đến khi thời gian ấy xảy ra, tôi nghĩ rằng tốt nhất chúng ta nên tránh sử dụng các công cụ này, để duy trì sự nổi biệt thiêng liêng của phụng vụ khỏi sự buồn tẻ của các hoạt động thông thường.

Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như khi một linh mục đi du lịch, tự tìm thấy mình bị bắt buộc và không có sách lễ nào để sử dụng, tôi tin rằng linh mục ấy có thể sử dụng một máy tính bảng để cử hành Thánh Lễ. (Zenit.org 12-6-2012)

Sử dụng iPad như thế nào trong phụng vụ?

Nhiều độc giả viết thư góp ý thêm về bài của tôi ngày 12-6 về việc dùng iPad như một Sách lễ hoặc Sách bài đọc. Thực tế, tất cả đều đồng ý với lập luận rằng truyền thống gìn giữ các đồ vật thánh cho việc phụng vụ mà thôi có thể loại trừ các công cụ như là iPad trong cung thánh. Một độc giả nhận xét: "Tất cả là vì sự thánh thiện, hoặc bây giờ, là thiếu sự thánh thiện. Vì lý do tốt lành, Giáo hội đã trao cho chúng ta các công cụ thích hợp (trong trường hợp này, là Sách lễ, Sách bài đọc) để sử dụng, và thật buồn để nói rằng có những người muốn làm theo ý riêng họ, bất kể là gì".

Một số độc giả hỏi về việc sử dụng các công cụ này (chẳng hạn iPad) trong các lĩnh vực khác của phụng vụ. Một ca trưởng ở Mỹ nhận xét: "Con muốn nói với cha rằng con có cả một thư viện âm nhạc trong iPad, và con chỉ sử dụng nó độc quyền trong việc cử hành Thánh Lễ, như là một phần của thừa tác âm nhạc. Ngoài ra con không sử dụng iPad này vào việc gì

khác. Tuy nhiên, nếu ai đó nói với con rằng nó có thể được linh mục dùng thay sách lễ, con thực sự phải suy nghĩ về điều đó. Nếu nó là một sự lựa chọn duy nhất, Thiên Chúa chắc là muốn Lời Ngài được tuyên bố như thế".

Tôi thấy không có trở ngại nào trong việc các nhạc sĩ và những người khác sử dụng các thiết bị này, chẳng hạn iPad, thay vì phải dùng nhiều sách, tập nhạc và các bản sao.

Mặc dù độc giả trên không nói rõ về điểm này, cần nhắc lại rằng trong khi chức năng phát lại (playback) của các thiết bị này có thể được sử dụng để giúp học các bài thánh ca mới trong khi tập hát, từ lâu Giáo hội đã cấm sử dụng bất kỳ hình thức âm nhạc nào được thu sẵn trong phụng vụ, và việc cấm này không cho phép sử dụng âm nhạc như thế trong thánh lễ.

Cuối cùng, một độc giả ở bang California, Mỹ, đưa ra vài nhận xét thú vị: "Mặc dù iPad và các phương tiện truyền thông điện tử khác đang ngày càng trở nên đáng tin cậy hơn và thân thiện với người sử dụng, khả năng xảy ra sự cố hoặc lỗi của người sử dụng thiết bị là có thực (tôi nghĩ về các vấn đề micro hú tại một số giáo xứ). Mặc dù các trường hợp này là các vấn đề có thể giải quyết được (pin không được sạc, nhấn sai phím điều khiển, giảm âm lượng), các vấn đề đòi hỏi sự chú ý và một sự đáp trả am hiểu và lanh lẹ. Tôi nghĩ rằng việc sử dụng các phương tiện truyền thông điện tử trong phụng vụ công cộng sẽ có một sự xao lãng và rối trí, có lẽ là một sự xao lãng không phù hợp. Các ca trưởng sử dụng công nghệ chủ yếu là không có vấn đề, nhưng họ không cừ hành Thánh Lễ. Tôi là người mắt kém, nên may mắn sử dụng một iPad khi đi xa. Việc sử dụng một iPad sẽ giúp việc hát các bài thánh ca chưa quen thuộc, nhưng tôi cử hành Thánh lễ thuộc lòng. Tôi đọc trước các bài đọc ở nhà trước Thánh Lễ, trên màn hình máy tính chữ lớn. Do đó, khi tôi nghe các bài đọc trong Thánh Lễ, tôi có thể hiểu hoàn toàn. Xin lỗi cha vì tôi viết dài dóng, nhưng tôi muốn cha biết tôi đánh giá cao công nghệ biết bao trong việc phụng tự của tôi, nhưng tôi thấy nó có thể gây xao lãng".

Tôi cũng nghĩ vậy. Một linh mục mắt kém có thể sử dụng các thiết bị ấy để cử hành Thánh lễ, mặc dầu giáo luật có các giải pháp khác có sẵn (chẳng hạn như cho phép linh mục học thuộc lòng nghi thức một Thánh lễ, và cử hành Thánh lễ mỗi ngày với nghi thức ấy).

Một sự cho phép tổng quát về việc sử dụng thiết bị điện tử (chẳng hạn iPad) trong mọi trường hợp như vậy phải được cân nhắc cẩn thận. Như câu ngạn ngữ pháp lý nói "Trường hợp khó làm luật thành xấu", luật phụng vụ có nhiều sự cho phép trong các trường hợp đặc biệt, vốn được dần dần mở rộng vào sự áp dụng rộng rãi, hoặc thậm chí sự lạm dụng nữa. (Zenit.org 26-6-2012)

Màu sắc lễ phục của các linh mục trong thánh lễ đồng tế

Hỏi: Liệu các linh mục đồng tế một Thánh Lễ buộc phải mang lễ phục cùng màu với lễ phục của vị chủ tế không? Có ba ví dụ mà tôi đã nhìn thấy dẫn tôi đến việc đặt ra câu hỏi này. Trong ba ví dụ, các vị đồng tế mang dây stola mà không mang áo lễ. Ví dụ đầu tiên xảy ra tại một Thánh Lễ an táng: vị chủ tế mang lễ phục đen, các vị đồng tế mang dây stola trắng, và tấm đậy chén thánh cũng màu trắng. Ví dụ thứ hai cũng xảy ra tại một Thánh Lễ an táng: vị chủ tế và hai vị đồng tế mặc lễ phục màu trắng; vị đồng tế thứ ba mang dây stola màu tím. Ví dụ thứ ba xảy ra trong thánh lễ chủ nhật Gaudete (Mừng vui lên, Chủ nhật III Mùa Vọng): vị chủ tế mang lễ phục màu hồng; vị đồng tế mang dây stola màu tím. Sự gì thích hợp hơn? Sự gì được cho phép? - T. N., Arlington, Virginia (Mỹ).

Đáp: Đề tài này được nói trong 'Quy chế tổng quát Sách lễ Rôma' (GIRM, bản Việt ngữ do linh mục P.X. Nguyễn Chí Cần, GP Nha Trang, dịch) và trong Huấn thị Bí tích Cứu độ (*Redemptionis Sacramentum*, bản Việt ngữ của Hội đồng Giám mục Việt Nam).

"Quy chế tổng quát Sách lễ Rôma" nói:

"Số 209. Các vị đồng tế mặc lễ phục nơi phòng thánh hay một nơi khác xứng hợp, như thường mặc khi làm lễ một mình. Tuy nhiên khi có lý do chính đáng, chẳng hạn: đông số đồng tế quá mà thiếu lễ phục, thì các vị đồng tế, luôn luôn trừ vị chủ tế, có thể bỏ áo lễ, chỉ mang dây stola trên áo alba".

Luật này được nói rõ hơn trong Huấn thị *Redemptionis Sacramentum*:

"Số 124. Ngoại trừ vị chủ tế phải luôn luôn mặc áo lễ theo màu ấn định, Sách Lễ Rôma cho quyền các linh mục đồng tế trong Thánh Lễ "khỏi mặc áo lễ, mà chỉ mang dây stola trên áo alba", trước một lý do chính đáng, ví dụ như số các vị đồng tế quá đông và không có đủ lễ phục. Nhưng mà, nếu người ta có thể tiên liệu một trường hợp như thế, phải cố gắng hết sức cho có đủ lễ phục. Ngoại trừ vị chủ tế, các vị đồng tế có thể, khi cần, mặc áo lễ màu trắng nữa. Về phần còn lại, các ngài phải tuân thủ các quy tắc khác của những sách phụng vụ". Điều này nói rõ rằng thật là thích hợp hơn khi mọi vị đồng tế mang áo lễ, và nên mang áo lễ màu trắng chứ không theo màu của ngày ấy.

Nếu không có đủ áo lễ màu trắng, thì tôi có thể nói rằng sự thích hợp kế tiếp là các vị đồng tế mang dây stola theo đúng màu của ngày hôm đó. Nếu dây stola cùng màu cũng không đủ cho các vị, các vị nên dùng dây stola màu trắng

Mặc dù quy chế chỉ đề cập đến việc vị chủ tế phải mang áo lễ theo đúng màu của ngày hôm đó, tôi tin rằng một sự kết hợp có trật tự các màu sắc hợp pháp của các vị đồng tế cũng đúng với luật.

Ví dụ, mới đây tôi tham dự một lễ truyền chức linh mục trong Vương cung thánh đường Thánh Phêrô, trong đó màu đỏ là màu sắc của ngày. Vì có hơn 120 vị đồng tế, nên phòng thánh của vương cung thánh đường đáng kính không thể cung cấp áo lễ màu đỏ cho đủ cho dịp này. Do đó, 80 vị đồng tế mang áo lễ màu đỏ, và số các vị đồng tế còn lại mang dây stola màu đỏ.

Để duy trì sự trang nghiêm, các linh mục mang đúng lễ phục cần được xếp đứng gần bàn thờ nhất, trong khi các vị khác được bố trí đứng ở một nơi khác thích hợp.

Sự sắp xếp cơ bản này cũng có thể được áp dụng trên một quy mô nhỏ hơn. Ví dụ, nếu một giáo xứ có bốn hoặc năm bộ lễ phục phù hợp, ngoài áo lễ của vị chủ tế, chúng có thể được sử dụng bởi các linh mục đứng gần nhất bàn thờ trong phần Kinh Nguyện Thánh Thể.

Việc sử dụng các lễ phục phù hợp cho các vị đồng tế, và không là lễ phục cùng màu, không phải là một yêu cầu nghiêm ngặt của luật, nhưng rõ ràng là thích hợp hơn cho trật tự chung và sự trang nghiêm của thánh lễ.

Nếu các vị đồng tế phải mang dây stola, thì tôi nghĩ tốt nhất nên sử dụng một màu duy nhất. Ví dụ thứ hai được cung cấp bởi độc giả của chúng tôi về một thánh lễ an táng, trong đó vị chủ tế mặc áo lễ màu trắng, còn một vị đồng tế mang dây stola tím, minh họa cho trường hợp tương phản màu sắc không cần thiết. Sẽ là thích hợp hơn nếu các vị đều mang màu trắng. Các ví dụ khác của việc vị chủ tế mang áo lễ đen hoặc hồng, trong khi các vị đồng tế mang dây stola thích hợp, là phù hợp với qui tắc phụng vụ.

Cuối cùng, sẽ là hữu ích khi nhắc lại các quy tắc bao quát cho việc sử dụng màu sắc phụng vụ được diễn tả bởi "Quy chế tổng quát Sách lễ Rôma":

"Số 345. Các màu sắc khác nhau của phẩm phục nhằm diễn tả cách hữu hiệu và ra bên ngoài khi thì đặc tính của các mầu nhiệm đức tin được cử hành, khi thì ý nghĩa của đời sống Kitô giáo, theo diễn tiến của năm phụng vụ".

“Số 346. Về màu sắc của phẩm phục thánh, nên giữ thói quen truyền thống sau đây:

a. Màu trắng được dùng trong Thần vụ và Thánh Lễ mùa Phục Sinh và mùa Giáng Sinh, trong các lễ kính Chúa, ngoại trừ cuộc Thương Khó của Người, các lễ kính Đức Trinh Nữ Maria, các Thiên Thần, các Thánh không tử đạo, lễ trọng kính Các Thánh (1-11), kính Gioan Tẩy Giả (24-6), các lễ kính thánh Gioan Thánh sử (27-12), Ngai Toà Phêrô (22-2), thánh Phaolô trở lại (25-1).

b. Màu đỏ được dùng trong Chủ Nhật Thương Khó và thứ Sáu Tuần Thánh, Chủ Nhật Hiện Xuống, các cử hành cuộc Thương Khó của Chúa, lễ các Tông Đồ và Thánh Sử, và lễ các Thánh Tử Đạo.

c. Màu xanh dùng trong Thần vụ và Thánh Lễ mùa "Thường Niên".

d. Màu tím dùng trong mùa Vọng và mùa Chay. Có thể dùng trong các nghi thức phụng vụ và Thánh Lễ cầu cho người qua đời.

e. Màu đen có thể dùng trong lễ cầu cho người qua đời, ở đâu có thói quen này.

f. Màu hồng có thể dùng trong Chủ Nhật Gaudéte (Chủ nhật III Mùa Vọng) và Laetare (Chủ nhật IV Mùa Chay), ở đâu có thói quen này.

g.Vào các ngày lễ trọng hơn, nghĩa là quý báu hơn, áo lễ có thể được sử dụng theo màu không đúng màu của ngày hôm đó.

h. Áo lễ màu vàng quý hoặc màu bạc có thể được sử dụng vào các dịp lễ long trọng ở các giáo phận của Mỹ”.

“Số 347. Trong các lễ nghi thức, dùng màu riêng của lễ, hay màu trắng hay màu lễ hội; còn các lễ tùy nhu cầu thì dùng màu của ngày hôm đó hay màu của mùa hay màu tím, nếu có tính cách thống hối (x. các số 31, 33, 38); các lễ tùy ý thì dùng màu thích hợp với lễ cử hành, hay màu của ngày hôm đó hoặc màu của mùa”.

Huấn thị *Redemptionis Sacramentum*, số 127, cung cấp một giải thích chính thức cho số 346g trong Quy chế tổng quát Sách lễ Rôma:

"Số 127. Trong các sách phụng vụ, có một năng quyền đặc biệt được ban để, trong những ngày thật trọng thể, sử dụng các phục phụng vụ dành cho các ngày lễ và đặc biệt đẹp, dù chúng không đúng màu sắc của ngày lễ hôm đó. Tuy nhiên, quyền này, liên quan một cách đặc thù đến các lễ phục phụng vụ rất cổ xưa, nhằm bảo toàn di sản của Giáo Hội, lại bị nới rộng một cách quá đáng đến những đổi mới; do đó, bỏ qua cách làm truyền thống, người ta chấp nhận những hình dáng và màu sắc, căn cứ trên những tiêu chuẩn chủ quan, và như thế là làm yếu đi ý nghĩa của một quy tắc, hại cho truyền thống. Những ngày lễ, các phẩm phục thánh màu vàng hay bạc có thể thay thế, tuỳ lúc, các màu sắc phụng vụ khác nhau, trừ ra màu tím và màu đen". (Zenit.org 3-7-2012)

Góp ý riêng của VietCatholic về Mầu Vàng áo lễ tại Việt Nam:

Hiện nay tại Việt Nam khi có thánh lễ đồng tế thấy có nhiều linh mục mặc áo vàng chói, (giống y như mầu vàng của các nhà sư sãi). Nếu đề ý quan sát thì Mầu vàng này chưa hề thấy linh mục nào thuộc các quốc gia trên thế giới sử dụng. Tại Rôma cũng như nhiều quốc gia khác, khi sử dụng mầu vàng cho phẩm phục đồng tế thì thường mầu vàng có nét thanh tao, hầu như là mầu có chút vàng nhạt trắng chứ không phải mầu vàng lèo loẹt, trông rất lạ mắt và chóe!

Xin được góp ý và đề nghị Ban Phụng Vụ thuộc Hội Đồng Giám mục Việt Nam nghiên cứu kỹ và sâu rộng về việc sử dụng mầu vàng này trong lễ nghi Phụng Vụ.

Màu xanh dương có phải là màu phụng vụ không?

ĐTC Biển Đức XVI chỉ mặc áo lễ xanh dương trong vài dịp lễ trọng Đức Mẹ mà thôi

Liên quan đến bài trả lời của chúng tôi về màu áo phụng vụ (xin xem bài ngày 3-7), có một câu hỏi liên quan đến sự thay đổi màu áo lễ. Một độc giả từ Oregon, Mỹ, **hỏi**: "Liệu một linh mục có thể thêm vào hoặc thay đổi màu áo lễ, vốn được chỉ định cho mỗi mùa phụng vụ không. Chẳng hạn, trong Mùa Vọng, thay vì màu tím, cha xứ giáo xứ tôi sử dụng áo lễ màu xanh dương như là màu sắc của mùa này. Cha giải thích là cha muốn tránh màu lẫn lộn giữa Mùa Vọng và Mùa Chay, và cũng để tôn vinh Đức Maria, nên màu xanh dương là màu sắc phù hợp hơn".

Đáp: Màu xanh dương không phải là một trong các màu sắc phụng vụ bình thường. Tuy nhiên, áo lễ xanh dương có thể được sử dụng như một đặc ân của Đức Giáo hoàng. Đặc ân này đã được ban cho một số đền Đức Mẹ và cho một số quốc gia dành cho các lễ trọng của Đức Trinh Nữ. Màu xanh dương này không thể được sử dụng để thay thế cho màu tím.

Nếu một cha xứ nghĩ rằng cần phải phân biệt Mùa Vọng và Mùa Chay, thì ngài có thể sử dụng các sắc thái khác nhau của màu tím cho áo lễ. Như vậy cha không cần phải làm trái luật phụng vụ, khi kết hợp màu sắc không được chấp thuận cho qui định chung của phụng vụ.

Một độc giả khác **hỏi**: "Tại sao trong ngày lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu, áo lễ lại màu trắng? Điều này gây khó hiểu cho tôi, bởi vì trong lễ Máu Châu Báu Chúa Kitô, linh mục dùng áo lễ màu đỏ".

Đáp: Lý do cho sự khác biệt bắt nguồn từ trong lịch sử và ý nghĩa của cả hai lễ này.

Trong Sách Lễ Rôma hiện tại, việc cử hành lễ Máu Châu Báu chỉ đơn giản là công thức của một Thánh Lễ tùy nhu cầu. Trong lịch của hình thức ngoại thường, lễ này vẫn là một lễ trọng.

Lễ này dường như bắt nguồn ở Tây Ban Nha hồi thế kỷ 16. Lễ được đưa đến Rôma bởi Thánh Gaspar del Bufalo (1786-1837), vị sáng lập Dòng Thừa Sai Máu Châu Báu.

Lễ này trước tiên được cấp phép cho Dòng này, và được chỉ định vào ngày thứ sáu sau Chủ nhật 4 Mùa Chay. Một số giáo phận trên khắp thế giới, trong đó có vài giáo phận Mỹ, cũng chọn mừng lễ này.

Lễ Máu Châu Báu vẫn là một lễ địa phương cho đến năm 1849. Trong năm ấy, do tình hình rối loạn chính trị, ĐTC Piô IX đã phải chạy khỏi Rôma và đến ở tại Gaeta. Trong cuộc lưu vong, Ngài được tháp tùng bởi Linh mục Giovanni Merlini, bề trên tổng quyền Dòng Thừa Sai Máu Châu Báu. Vị linh mục thánh thiện này đề nghị với ĐTC nên có lời hứa mở rộng lễ Máu Châu Báu cho toàn thể Giáo Hội, nếu Ngài quay trở về lại Rôma. ĐTC xét là chưa thích hợp để đưa ra lời hứa như thế, nhưng Ngài sẵn sàng mở rộng lễ nầy cho toàn Giáo hội. Ngày hôm đó là ngày Thứ Bảy 30-6, và trùng hợp với ngày Rôma được giải thoát khỏi các phần tử nổi dậy. Vì lý do này, ĐTC ban sắc lệnh rằng lễ Máu Châu Báu sẽ được cử hành vào Chủ nhật đầu tiên của tháng Bảy mỗi năm.

Vì vậy, ở nhiều nơi, lễ này được cử hành hai lần, một lần trong Mùa Chay và một lần trong tháng Bảy. Sau này ĐTC Piô X, trong một nỗ lực để giảm số lượng của các lễ mừng vào ngày Chủ nhật, đã ấn định lễ Máu Châu Báu được mừng vào ngày 1-7 hàng năm. ĐTC Piô XI đã nâng hạng phụng vụ của lễ vào năm 1933 nhân dịp mừng 1900 năm ngày Chúa Giêsu chịu nạn chịu chết, nhưng bậc của lễ được giảm một lần nữa, trong cuộc cải cách phụng vụ của ĐTC Gioan XXIII.

Năm 1969, lễ này được gỡ khỏi lịch Giáo hội hoàn vũ. Lý do đưa ra là: "bởi vì Máu Châu Báu của Chúa Kitô Cứu Thế đã được tôn kính trong các lễ trọng cuộc Khổ nạn, lễ Mình và Máu Thánh Chúa Kitô (Corpus Christi) và lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu, và trong ngày lễ Suy Tôn Thánh Giá. Nhưng Lễ Máu Châu Báu của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, được đặt trong số các Lễ tùy nhu cầu".

Thật là hợp lý khi người ta dùng áo lễ màu đỏ, bởi vì nguồn gốc lễ này được liên kết chặt chẽ với cuộc Khổ nạn của Chúa Kitô. Cũng thật là hợp lý khi Máu của Người là châu báu, bởi vì Máu này là giá chuộc mà Người đã trả cho việc cứu chuộc nhân loại.

Trong khi đó lễ Thánh Tâm, với chủ đề Khổ nạn không hề thiếu vắng, lại tập turng nhiều hơn vào chủ đề của tình yêu mãi mãi mà Chúa Kitô dành cho chúng ta, và nó liên quan mật thiết đến việc tôn kính Thánh Thể. Vì lý do này, và bởi vì nó là một lễ trọng phụng vụ, áo lễ màu trắng là thích hợp hơn.

Sự khác biệt về lối nhấn mạnh ấy có thể được nhìn thấy trong lời nguyện mở đầu của hai lễ này:

"Lạy Chúa Giêsu, Chúa đã trối lại cho chúng con bí tích Mình Và Máu Thánh Chúa, để chúng con đời đời tưởng nhớ Chúa đã chịu khổ hình và sống lại vinh quang. Xin cho chúng con biết một niềm sùng kính mến yêu bí tích kỳ diệu này để luôn được nghiệm thấy ơn Chúa cứu chuộc chúng con. Chúa hằng sống và hiển trị cùng Thiên Chúa Cha, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời".

"Lạy Chúa, khi chúng con cử hành lễ Thánh Tâm Đức Kitô, Con Một Chúa yêu dấu, Chúa ban cho chúng con được vui mừng tưởng niệm những kỳ công Người đã thực hiện vì thương yêu chúng con. Xin dạy chúng con biết tìm đến Thánh Tâm Người để hưởng tận nguồn ơn cứu độ trào dâng. Người là Thiên Chúa hằng sống và hiển trị cùng Chúa, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời". (Zenit.org 17-7-2012)

Nghi thức bẻ bánh là quan trọng ra sao?

Hỏi: Là một linh mục, tôi gặp khó khăn với sự việc rằng, với Sách Lễ Rôma hiện tại, linh mục bỏ một chút Bánh Thánh vào trong Chén thánh, trước nghi thức bẻ bánh, vốn diễn ra trong khi đọc Kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa". Tại sao có sự thay đổi đặc biệt này? – S. K., Milford, bang Connecticut (Mỹ).

Đáp: Trên thực tế, sự thay đổi là trong vị trí của chữ đỏ trong Sách Lễ Rôma hơn là sự thay đổi trong thực hành.

Trong bản dịch trước đây, chữ đỏ vào lúc bẻ bánh nói:"Sau đó, hát hoặc đọc kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa...."

Sau Kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa", chữ đỏ nói tiếp: "Kinh này có thể lặp lại nhiều lần cho đến khi việc bẻ bánh hoàn tất, nhưng lần cuối cùng vẫn kết "Xin ban bình an cho chúng con".

"Trong khi đó, linh mục bẻ bánh trên đĩa, lấy một miếng nhỏ bỏ vào chén và đọc thầm: "Xin cho việc hòa Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, mà chúng con sắp lãnh nhận đem lại cho chúng con sự sống muôn đời".

Còn bản dịch mới, theo sách lễ tiếng Latinh, có một cách tiếp cận hơi khác. Sau khi "mọi người tỏ cho nhau dấu bình an và bác ái theo phong tục địa phương. Chủ tế chúc bình an cho phó tế hay cho người giúp lễ", chữ đỏ nói: "Rồi linh mục bẻ bánh trên đĩa, lấy một miếng nhỏ bỏ vào chén và đọc thầm: "Xin cho việc hòa Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, mà chúng con sắp lãnh nhận đem lại cho chúng con sự sống muôn đời".

Sách lễ tiếp tục: "Trong khi đó, hát hoặc đọc kinh “Lạy Chiên Thiên Chúa”....Nếu việc bẻ bánh kéo dài, có thể lặp lại nhiều lần kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa", nhưng lần cuối cùng vẫn kết "xin ban bình an cho chúng con".

Như thế, mặc dù thứ tự của chữ đỏ đã bị đảo ngược, các hành động được mô tả là chính xác như nhau: Bánh thánh được bẻ ra, và một chút bánh được bỏ vào Chén thánh, trong khi cộng đoàn hát hay đọc kinh “Lạy Chiên Thiên Chúa”. Chìa khóa để hiểu cả hai chữ đỏ này là sự sử dụng từ ngữ “trong khi”. Trong các bản dịch trước đây, chữ "trong khi" được đặt ở hành động bẻ Bánh thánh, còn trong bản dịch mới, chữ "trong khi" được đặt ở lúc hát hay đọc kinh “lạy Chiên Thiên Chúa”.

Từ quan điểm này, chúng ta không thực sự xử lý một sự thay đổi nhưng với một sự sửa chữa. Trình tự trong bản dịch mới thực sự là đúng bản gốc, và được tìm thấy trong các ngôn ngữ khác. Chính bản dịch cũ bằng tiếng Anh là khác với các bản dịch khác.

Mặc dù hành động được mô tả là giống hệt nhau, tôi nghĩ rằng việc nhắc đến sự bẻ bánh trước là nhằm nhấn mạnh rằng đây là yếu tố phụng vụ quan trọng nhất tại thời điểm này. Kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa" đi kèm theo hành động bẻ bánh và chuẩn bị sẵn sàng cho việc rước lễ, như thế là nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bẻ bánh.

Thật vậy, việc bẻ bánh là một trong bốn yếu tố cơ cấu của việc cử hành Thánh Thể, vốn luôn hiện diện ở trong hình thức này hay hình thức khác kể từ thời các Tông đồ. Bốn yếu tố là: chuẩn bị bánh và rượu; lời nguyện chúc phúc và tạ ơn được nói trên các lễ vật bởi vị linh mục chủ sự, để bánh rượu sẽ trở nên Mình và Máu Chúa Kitô; Bánh Thánh được bẻ ra; Mình Máu thánh được trao cho các tín hữu Rước lễ. Bằng cách này, hành động của Chúa Kitô vào ngày Thứ Năm Tuần Thánh – cầm lấy, dâng lời cảm tạ, bẻ ra và trao cho các môn đệ - được thực hiện để tưởng nhớ Người muôn đời.

Một điều nguy hiểm có thể có của bản dịch cũ, khi nhắc trước tiên đến kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa", có thể làm cho các

tín hữu tin rằng việc hát kinh này là hành động chính, trong khi nghi thức bẻ bánh lại mờ nhạt, đến độ gần như có thể nói là linh mục làm cho nhanh việc bẻ bánh này. (Zenit.org 24-7-2012)

Được phép dịch từ bản dịch Sách Lễ tiếng Anh không?

Hỏi: Ở nhiều nước nói tiếng Anh có bản dịch mới của Sách Lễ Rôma được sử dụng, nhiều người đã bắt tay vào dịch sách lễ này sang các ngôn ngữ địa phương khác. Về phụng vụ, liệu được phép cử hành Thánh Lễ với vài phần được dịch của Nghi thức Thánh Lễ không, trong khi toàn bộ bản dịch là chưa hoàn thành? - M. L., Kasama, Zambia

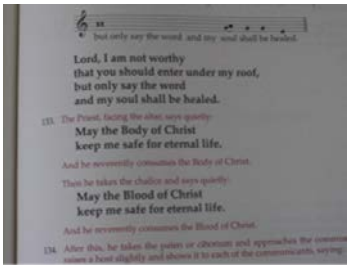
but only say the word and my soul shall be healed.

Lord, I am not worthy
that you should enter under my roof,
but only say the word
and my soul shall be healed.

133. The Priest, facing the altar, says quietly:
May the Body of Christ
keep me safe for eternal life.
And he reverently consumes the Body of Christ.
Then he takes the chalice and says quietly:
May the Blood of Christ
keep me safe for eternal life.
And he reverently consumes the Blood of Christ.
134. After this, he takes the paten or ciborium and approaches the communicants, raises a host slightly and shows it to each of the communicants, saying:

Đáp: Tôi chắc rằng độc giả này đang đề cập đến việc sử dụng bản dịch tiếng Anh như một nền tảng để dịch qua các ngôn ngữ địa phương khác, trong một quốc gia dùng tiếng Anh như một ngôn ngữ thông dụng chính thức, trong khi tại địa phương, đa số người dân dùng các ngôn ngữ riêng khác.

Vì vậy, thực sự có hai câu hỏi. Trước tiên, liệu các Sách lễ bằng tiếng địa phương có thể được dịch trực tiếp từ bản dịch tiếng Anh không? Và tiếp đến, liệu các bản dịch này có thể được sử dụng một phần, trước khi toàn bộ bản dịch Sách lễ được hoàn thành không?

Câu trả lời là rõ ràng cho câu hỏi thứ nhất, đó là thực sự không được phép dịch như thế, nhưng dẫu sao bạn có thể làm điều này.

Nói cách khác, tất cả các bản dịch phụng vụ phải được dịch trực tiếp từ bản gốc Latinh. Huấn thị *Liturgiam Authenticam* (Phụng vụ đích thật), tài liệu của Tòa thánh quy định việc dịch, nói rõ như sau:

"24. Hơn nữa, không được phép thực hiện bản dịch từ các bản dịch khác, vốn đã được thực hiện trong các ngôn ngữ khác; đúng hơn, bản dịch mới phải được thực hiện trực tiếp từ nguyên bản, cụ thể là tiếng Latinh, liên quan đến các văn bản được soạn thảo mà Giáo hội công nhận, hoặc tiếng Do Thái cổ, tiếng Aram, hoặc tiếng Hi Lạp, tùy theo trường hợp, chẳng hạn các văn bản của Kinh Thánh".

Đồng thời, Tòa Thánh cũng biết rằng đối với nhiều Hội đồng Giám mục nhỏ và nghèo, đặc biệt các Hội đồng Giám mục sử dụng nhiều ngôn ngữ địa phương, số lượng người có khả năng cho một công việc dịch thuật nặng nề như vậy là hạn chế.

Đây là một lý do tại sao sự phát triển của bản dịch tiếng Anh đã được theo dõi một cách cẩn thận. Thánh bộ Phượng Tự cũng nhận thức rằng, mặc dù có các qui định như trên, một số các bản dịch trong tương lai có thể dịch theo bản tiếng Anh, trong khi phải rà soát với bản tiếng Latinh. Điều này cũng sẽ đúng khi các ngôn ngữ chính khác hoàn thành bản dịch cuối cùng của họ. Đây là một lý do mà Thánh bộ Phượng tự yêu cầu như sau:

”86. Trong trường hợp của các ngôn ngữ ít được phổ biến rộng rãi, mọi sự cần được chuẩn bị như đã nói ở trên. Tuy nhiên, công việc dịch thuật phải được chuẩn bị rất cẩn thận trong một trong các ngôn ngữ được biết đến rộng rãi [tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Tây Ban Nha], tạo ý nghĩa cho mỗi từ ngữ của ngôn ngữ địa phương. Chủ tịch và Thư ký của Hội đồng Giám mục, sau mọi tham vấn cần thiết với các chuyên viên đáng tin cậy, phải làm chứng cho tính xác thực của bản dịch".

Thánh bộ Phượng tự có nhiệm vụ đảm bảo một bản dịch đầy đủ rất nghiêm chỉnh, và đây là một lý do tại sao Thánh bộ yêu cầu có nhiều cấp độ tham vấn.

Điều này dẫn đến cách trả lời cho câu hỏi thứ hai của chúng tôi. Trước hết, trách nhiệm phê duyệt một bản dịch thuộc về Hội đồng Giám mục quốc gia, vốn phải chấp thuận với hai phần ba số phiếu mới hợp lệ.

Huấn thị cũng quy định cụ thể:

"71. Ở các quốc gia sử dụng nhiều ngôn ngữ, các bản dịch sang các ngôn ngữ địa phương phải được chuẩn bị và đệ trình cho việc xem xét đặc biệt của các Giám mục liên quan. Tuy nhiên, chính Hội đồng Giám mục giữ quyền và năng quyền của mình để thừa nhận tất cả các việc làm này, vốn được đề cập trong Huấn thị này liên quan đến Hội đồng Giám mục; do đó, toàn thể Hội đồng Giám mục Quốc gia cần phải phê duyệt một văn bản, và trình cho Tòa Thánh để được chuẩn y".

Vì vậy, không cá nhân nào, kể cả một Giám mục, có thể giới thiệu một bản dịch của mình cho bất kỳ văn bản chính thức của phụng vụ.

Liệu các bản dịch này có thể được sử dụng một phần? Huấn thị *Liturgiam Authenticam* nói rõ:

"78. Trong trường hợp các ngôn ngữ càng ít được phổ biến để được chấp thuận cho sử dụng trong phụng vụ, các sách phụng vụ lớn hoặc đặc biệt quan trọng hơn có thể được dịch theo nhu cầu mục vụ, và với sự đồng ý của Thánh Bộ Phượng Tự và Kỷ luật Bí tích. Do đó, các cuốn sách riêng được chọn phải được dịch trọn vẹn, theo cách mô tả trong số 66 ở trên. Đối với các sắc lệnh, các *institutio generalis* (qui chế tổng quát), các *praenotanda* (nhập đề tổng quát) và các hướng dẫn, được phép in chúng trong một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ được sử dụng trong buổi lễ, tuy nhiên ngôn ngữ này phải được linh mục chủ tế hoặc phó tế trong cùng một lãnh thổ hiểu rõ. Được phép in bản tiếng Latinh của các sắc lệnh, hoặc in thêm vào bản dịch hoặc thay thế bản dịch".

Vì vậy, mặc dù có thể không phải tất cả các cuốn sách được dịch xong, nhưng các cuốn được dịch là phải dịch xong cả cuốn. Vì với một lý do chính đáng, Tòa Thánh có thể cho phép rằng một phần của phụng vụ (ví dụ, các phần của tín hữu) được giới thiệu ở giai đoạn sớm hơn so với sách lễ trong toàn bộ của nó, để các tín hữu trở nên quen thuộc với các văn bản mới.

Cuối cùng, trong trường hợp của phương ngữ hoặc các ngôn ngữ mà vì lý do thực tế không thể được dịch thành một Sách lễ đầy đủ, huấn thị gợi ý:

"13. Hơn nữa, sự việc rằng một ngôn ngữ không được giới thiệu vào việc sử dụng phụng vụ đầy đủ không có nghĩa rằng nó bị hoàn toàn loại trừ khỏi phụng vụ. Nó có thể được sử dụng, ít nhất là thỉnh thoảng, trong Lời Nguyện Giáo dân, trong các văn bản hát, trong các lời mời hoặc hướng dẫn cho các tín hữu, hoặc trong các phần của bài giảng, đặc biệt là nếu ngôn ngữ là riêng của một số tín hữu của Chúa Kitô đang tham dự. Tuy nhiên, luôn có thể sử dụng hoặc tiếng Latinh hoặc ngôn ngữ khác được sử dụng rộng rãi tại nước này, ngay cả nếu nó có thể không là ngôn ngữ của tất cả - hoặc thậm chí của đa số - các tín hữu đang tham dự lễ nghi, miễn là tránh bất hòa giữa các tín hữu". (Zenit.org 31-7-2012).

Thánh giá bàn thờ quay về phía nào?

Hỏi: Khi một thánh giá bàn thờ được sử dụng trong cử hành Thánh Lễ, liệu hình Chúa chịu nạn được quay về phía linh mục hay phía cộng đoàn? - D. V., Washington, D.C, Mỹ.

Đáp: Các chỉ dẫn trong Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma nói rất ít về hướng nhìn của hình Chúa chịu nạn trên thánh giá.

"Số 308. Trên bàn thờ hay gần cạnh, phải có thánh giá có hình Chúa chịu nạn, mà giáo dân tập họp có thể thấy rõ. Thánh giá như thế sẽ gợi cho trí các giáo dân nhớ sự thương khó cứu độ của Chúa, và được để thường xuyên gần bàn thờ ngay cả ngoài lúc cử hành

phụng vụ. (Bản dịch tiếng Việt 'Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma' do Linh mục P.X. Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang, thực hiện)

Lấy gợi ý từ Sách giáo khoa phụng vụ của Đức Ông Peter Elliott, chúng tôi nói thêm rằng thánh giá nên được đặt trên bàn thờ, bên cạnh bàn thờ, ngay sau bàn thờ hoặc treo phía trên bàn thờ. Thánh giá rõ ràng có liên quan đến bàn thờ khi giáo dân nhìn lên.

Như Đức ông Elliott nhận xét: "Thánh giá phụng vụ không là ưu tiên cho lòng sùng kính riêng của chủ tế, nhưng là một dấu hiệu ở giữa cộng đoàn Thánh Thể tuyên xưng rằng Thánh Lễ là Hy lễ giống như đồi Canvê xưa kia".

Vì vậy, nói đúng ra, thánh giá bàn thờ có mối liên quan với bàn thờ, chứ không chỉ cho linh mục, và vì lý do này "hình Chúa chịu nạn" thường quay về phía bàn thờ.

Một thánh giá bàn thờ có thể không quay về phía giáo dân, và giáo dân không nhìn thấy hình Chúa chịu nạn. Đây là một vấn đề tương đối mới bởi vì, trước khi có cải tổ phụng vụ, toàn cộng đoàn, linh mục và giáo dân, đều quay mặt về bàn thờ và thánh giá theo cùng một chiều.

Vì lý do này, giải pháp tốt nhất là dùng một thánh giá lớn treo thường xuyên sau và phia trên bàn thờ.

Nếu điều này là không thể được, thì sự linh hoạt của các qui định cho phép cho một cây thánh giá rước kiệu, hoặc một cây thánh giá lớn hơn nhưng di chuyển được trên một trụ đứng, được đặt gần bàn thờ trong một vị trí, vốn rõ ràng có liên quan đến bàn thờ trong khi giáo dân vẫn nhìn thấy được thánh giá.

Trong Thánh lễ có được thay đổi vị chủ tế không?

Hỏi: Khi một linh mục được cử làm cha xứ mới, tôi thấy một điều mà tôi chưa hề thấy trước đó – các cha thay nhau làm chủ tế trong Thánh lễ. Bối cảnh: Khi vắng mặt Giám mục, Đức Ông A đại diện cho ngài. Bắt đầu lễ, Đức ông A là chủ tế, mang y phục phụng vụ, trong khi linh mục V không

mang áo lễ. Sau khi Đức ông A giảng xong, chúng tôi có một nghi lễ nhận chức của cha xứ. Đức ông A yêu cầu chúng tôi đưa bàn tay ra; sau khi ngài đọc lời nguyện, ngài cởi áo lễ; và từ lúc ấy, cha V là chủ tế. Nếu có Giám mục ở đó, tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu ngài chuyển giao vai trò chủ tế trong Thánh Lễ. Tôi muốn hỏi thêm điều khác. Vào chủ nhật kế tiếp, cha rước sách Bài đọc trước khi đọc sách, ngay sau phần thú tội. Chúng tôi không có sách Tin Mừng, cũng không có Phó tế trong giáo xứ. Người đọc bài đọc thứ hai rước sách từ cuối nhà thờ đi lên, dẫn đầu là hai người giúp lễ, cúi đầu trước bàn thờ, rồi đi tới bục đọc sách, nâng cao sách trước cộng đoàn, sau đó đưa cho người đọc bài thứ nhất đang đứng chờ để đọc. Mới đây, chúng tôi ngưng việc rước sách, khi cha xứ nói rằng việc rước sách Tin Mừng phải do một phó tế thực hiện. - J. V., Auckland, New Zealand

Đáp: Trên nguyên tắc, không có trường hợp nào thay đổi vị chủ tế trong phụng vụ cả. Điều này đã được nhấn mạnh trong một thư riêng năm 2007 của Thánh bộ Phụng tự giải quyết một trường hợp của việc thay đổi chủ tế. Thánh bộ đã viết: "Từ quan điểm phụng vụ, không thể chấp nhận có sự thay đổi vị chủ tế trong cùng một buổi cử hành phụng vụ".

Để ngăn chặn các thắc mắc khác có thể có, thư riêng này cũng đề cập đến các trường hợp ngoại lệ rõ ràng với nguyên tắc trên, chẳng hạn "khi Đức Giám mục chủ tọa một việc cử hành trong y phục kinh hội, hoặc khi một Giám mục mới được tấn phong trở thành chủ tế Thánh lễ kể từ lúc ngài được tấn phong". Ví dụ đầu tiên xảy ra khi một Giám mục tham dự Thánh Lễ nhưng không cử hành Thánh lễ, chẳng hạn nhân dịp lễ mừng ngân khánh của một linh mục. Trong các trường hợp này, Giám mục có thể giảng và ban phép lành cuối lễ.

Thư riêng kết luận rằng đây không phải là các trường hợp ngoại lệ thật sự, nhưng "phát sinh từ bản chất của tác vụ Giám mục, và không có quy tắc chung".

Một trường hợp tương tự của một sự thay đổi vị chủ tế có thể xảy ra khi một tân Giám mục nhận giáo phận của ngài trong một Thánh lễ. Nếu ngài chủ sự lễ nhận chức, ngài được

tiếp đón bởi hàng linh mục của nhà thờ chính tòa, họ trao thánh giá cho ngài hôn và trao nước thánh để ngài rảy trên chính mình và trên cộng đoàn. Ngài chầu Mình Thánh Chúa chốc lát, sau đó đi vào phòng thánh, mặc y phục phụng vụ và chủ sự Thánh Lễ ngay từ đầu.

Bắt đầu Thánh Lễ, ngài đi tới ngai tòa của mình, ngồi xuống và đội mũ mitra. Người ta đọc thư bổ nhiệm Giám mục của ngài cho cộng đoàn nghe. Sau đó, ngài được chào mừng bởi hàng linh mục và một số giáo sĩ. Kế tiếp, ngài bỏ qua nghi thức sám hối (và có thể Kinh Thương xót), và ngài xướng ngay kinh Vinh danh.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, vị tân Giám mục được giới thiệu việc nhận giáo phận bởi Đức Tổng Giám mục của giáo khu. Trong trường hợp này, số 1145 của sách Nghi Thức Giám mục nói: "Tuy nhiên, nếu Tổng Giám mục dẫn Đức Giám mục vào nhà thờ chính tòa của vị này, ngài giới thiệu Đức Giám mục tại cửa nhà thờ cho thành viên cao cấp nhất của kinh sĩ hội, và chủ sự nghi thức rước vào; trong nhà thờ chính tòa, ngài chào mọi người và yêu cầu thư bổ nhiệm được trưng ra và được đọc to lên cho mọi người nghe. Sau khi thư đọc xong và cộng đoàn hoan nghênh, Tổng Giám mục mời tân Giám mục ngồi vào ngai tòa của Giám mục. Sau đó Giám mục đứng lên và xướng Kinh Vinh danh theo chữ đỏ".

Như chúng ta thấy, đây là tất cả các trường hợp ngoại lệ và chỉ dành cho các Giám mục. Vì vậy, không đúng về phụng vụ khi thay thế vị chủ tế trong một Thánh lễ, mà ở đó linh mục nhận chức cha xứ mới của giáo xứ. Các nghi thức khả dĩ khác được mô tả trong sách Nghi thức Giám mục, các số từ 1185 đến số 1198. Mặc dù khả năng được dự kiến là cha xứ mới chủ sự thánh lễ, do Giám mục không cử hành Thánh lễ, nhưng không chỗ nào dự kiến việc thay đổi vị chủ tế cả.

Một trường hợp rất đặc biệt liên quan đến một sự thay đổi vị chủ tế là khi một linh mục bị đột quỵ, hoặc qua đời trong khi cử hành Thánh lễ. Trong trường hợp này, một linh mục khác

có thể tiếp tục cử hành từ lúc vị chủ tế trước dừng lại, cho đến hết Thánh lễ.

Về việc rước sách Bài đọc, Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 120, nói rằng trong đoàn rước có thể "có Thầy đọc sách, thầy này cầm sách Tin Mừng, chứ không phải sách Bài Đọc, nâng cao lên một chút". Nếu có một phó tế ở đó, thầy này thường cầm sách Tin Mừng.

Vì vậy, không có việc rước sách Bài đọc được dự kiến trong Thánh Lễ. (Zenit.org 21-8-2012)

Được hôn nhau khi chúc bình an trong Thánh lễ không?

Hỏi: Vị hôn thê của tôi và tôi đã nhận thấy các cặp vợ chồng, khi chúc bình an cho nhau trong thánh lễ, thường hôn nhau trên má thay vì bắt tay nhau. Vị hôn thê của tôi thích ý tưởng này, xem như là một dấu hiệu đặc biệt giữa các cặp vợ chồng. Thưa cha, việc hôn như thế là được khuyến khích hay bị cấm? Mối lo ngại duy nhất của tôi là nó có thể là một lời chào độc quyền (điều mà tôi không muốn chia sẻ với các người khác), trong khi việc chúc bình an được coi là một cái gì đó mà bạn chia sẻ với các người khác xung quanh bạn. - N. M., Canberra, Úc.

Đáp: Các quy định là rất cởi mở đối với các phương thức của nghi thức chúc bình an. Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 82, cho biết:

"82. Tiếp theo là nghi thức chúc bình an: Hội Thánh cầu bình an và hiệp nhất cho chính mình, cho toàn thể gia đình nhân loại, và các tín hữu tỏ bày sự hiệp thông cộng đoàn và lòng thương mến nhau, trước khi rước Thánh Thể.

"Các Hội đồng Giám mục sẽ tùy theo tinh thần và phong tục của mỗi dân tộc mà ấn định cách thức chúc bình an. Mỗi người chỉ nên tỏ dấu trao bình an cách chừng mực cho những người gần mình" (Bản dịch Việt ngữ của Lm. Phanxicô Xaviê Nguyễn Chí Cần, Giáo phận Nha Trang).

Hơn nữa Huấn thị *Redemptionis Sacramentum* đưa thêm các chi tiết kỹ thuật:

"72. "Mỗi người nên chúc bình an một cách giản dị và chỉ với những người ở chung quanh mình". "Linh mục có thể chúc bình an cho các thừa tác viên, nhưng ở trong cung thánh, để khỏi làm xáo trộn việc cử hành. Nếu muốn và với lý do chính đáng, ngài sẽ chúc bình an như thế cho vài tín hữu". "Về những gì liên quan đến dấu hiệu để chúc bình an, cách thức của nó được Hội đồng Giám mục ấn định, theo tâm tính, phong tục và tập quán của các dân tộc khác nhau", và được Tông Toà xác nhận" (Bản dịch Việt ngữ của Hội đồng Giám mục Việt Nam). ĐTC Biển Đức XVI, trong Tông Huấn *Sacramentum Caritatis*, đã đưa ra các suy tư sau đây trong ánh sáng của Thượng Hội đồng Giám mục năm 2005 về Thánh Thể:

"Chúc bình an

"49. Thánh Thể tự bản chất là một bí tích bình an. Trong Thánh Lễ, mầu nhiệm Thánh Thể diễn tả cách đặc biệt chiều kích này trong việc trao ban bình an. Chắc chắn dấu chỉ này có giá trị to lớn (x. Ga 14,27). Trong thời đại của chúng ta, đầy sợ hãi và xung đột, cử chỉ này đã trở nên quan trọng đặc biệt, khi Hội Thánh không ngừng ý thức trách nhiệm của mình là cầu xin ơn bình an và hợp nhất cho chính mình và cho toàn thể gia đình nhân loại. Hòa bình là một khát vọng không thể tan biến trong mỗi trái tim. Hội Thánh trở thành tiếng nói kêu gọi hòa bình và hòa giải dâng lên từ tâm hồn của mỗi người thiện tâm, hướng tiếng đó lên Đấng là "bình an của chúng ta" (Ep 2,14) và có thể hoà giải các dân tộc và con người, ngay cả khi những nỗ lực của con người thất bại. Từ tất cả những điều này, chúng ta hiểu xúc cảm được nghiệm thấy khi thực hiện dấu chỉ ban bình an trong buổi cử hành phụng vụ. Dù vậy, Thượng Hội đồng Giám mục

cũng lưu ý cần điều tiết khi thực hành cử chỉ này, vì rất thường mang những hình thức thái quá và làm cho bầu khí cộng đoàn loãng đi trước lúc hiệp lễ. Nên nhớ rằng không có gì mất mát nếu bình an được trao ban bằng một cử chỉ thanh tao cần thiết để duy trì bầu khí thích hợp cho buổi cử hành, ví dụ, giới hạn việc trao ban bình an cho những người ở gần nhất" (Bản dịch Việt ngữ của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam)

Sau Thượng Hội đồng, đã có một số cuộc thảo luận và tham vấn rộng rãi về khả năng thay đổi thời điểm của nghi thức chúc bình an. Kết quả tổng thể là không đưa ra kết luận, nhưng với một xu hướng chung là đề nghị duy trì vị trí truyền thống của nghi thức chúc bình an trước khi rước lễ.

Dựa theo các văn bản trên, chúng tôi có thể nói như sau:

- Nếu Hội đồng Giám mục quốc gia đã đặt ra luật liên quan đến hình thức thực hiện việc chúc bình an, và luật này đã được Tông Tòa xác nhận, thì hình thức ấy là bắt buộc.

- Nếu Hội đồng Giám mục đã chưa đặt ra luật, thì hình thức của việc chúc bình an nên được thực hiện theo phong tục địa phương, với các người ở gần nhất, và trong một cách giản dị.

-Phong tục địa phương có thể thay đổi khác nhau. Ở một số nước, một sự cúi đầu và mĩm cười là phổ biến, trong khi ở một số nước là việc bắt tay nhau, và ở một số nước khác là nắm tay nhau và cúi đầu.

- Người ta có thể lập luận rằng, trong một sồ nền văn hóa, việc hôn má nhau giữa vợ chồng là một dấu hiệu phù hợp cho việc chúc bình an, trong khi việc bắt tay là hình thức hơn. Tập tục địa phương có thể khoan dung một sự khác biệt giữa các cử chỉ cho gia đình thân cận và cho người khác, mà không ai cho là xúc phạm.

Nói cách khác, không có lý do tại sao cử chỉ chúc bình an phải là phổ quát, nếu tập tục địa phương sẵn sàng chấp nhận sự khác biệt, với điều kiện là phải tránh sự di chuyển không cần thiết và các cử chỉ thái quá. (Zenit.org 28-8-2012)

Được phép chúc bình an cho nhau khi rước lễ không?

Hỏi: "Tôi thấy nhiều người chúc bình an cho nhau ngay khi rước lễ. Việc này được chấp nhận không, thưa cha?"

Đáp: Chúng ta cần phải nhớ rằng việc chúc bình an, mặc dầu được đề cao và khuyến khích, là một nghi thức tùy chọn, và có thể hủy bỏ vì một lý do tốt lành.

Như chúng ta đã thấy trong bài tôi trả lời ngày 28-8, Đức Thánh Cha đã thường xuyên gợi ý rằng tầm quan trọng của việc chúc bình an không nên được phóng đại, và rằng nó chỉ là một cử chỉ đơn giản được thực hiện với các người xung quanh mình, mà không rời khỏi ghế của mình.

Nếu được thực hiện một cách chính xác, nghi thức chúc bình an chỉ kéo dài khoảng 30-45 giây, sau đó nó chấm dứt, và tất cả mọi người tham gia việc hát hoặc đọc kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa", để chuẩn bị phần rước lễ.

Độc giả trên cũng hỏi rằng liệu các từ ngữ khẩn xin khác có thể được đưa thêm vào kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa" không, chẳng hạn "Lạy Hoàng Tử Hòa Bình", "Lạy Chúa Giêsu", vv..?

Đây là luật chung cần phải tuân giữ. Kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa" có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần nếu cần, cho tới khi nghi thức bẻ bánh được thực hiện xong, nhưng kinh này luôn phải kết thúc bằng câu "Xin ban bình an cho chúng con".

Do đó, không có điều khoản nào hoặc sự cho phép nào để có thể đưa thêm các từ ngữ khẩn xin khác. Các việc đưa thêm bổ sung như vậy đòi hỏi sự chấp thuận của Hội đồng Giám mục quốc gia địa phương và của Tòa Thánh. (Zenit.org 11-9-2012)

Tại sao nhiều "Lời nguyện mở đầu" không còn sử dụng?

Hỏi: "Ở đây, trong Tổng Giáo Phận Manila, chúng tôi đang dần dần sử dụng Phiên bản thứ ba của Sách Lễ Rôma, vốn

sẽ được thực hiện đầy đủ trong tháng 12-2012. Trong ấn bản mà chúng tôi đang sử dụng hiện giờ (phiên bản xuất bản ở Mỹ) cho Thánh Lễ Chúa Nhật, trong Lời nguyện mở đầu có hai kinh (bao gồm cả một kinh tùy chọn). Kèm theo phần đầu của Lời nguyện mở đầu, một chủ đề kinh đề nghị được đưa ra (trong ngoặc vuông), và có một khoảng dừng ngắn để cầu nguyện thinh lặng. Bản văn của Lời nguyện mở đầu là như thế. Tuy nhiên, ở Phiên bản thứ ba mà chúng tôi sẽ sử dụng từ tháng 12-2012, không có lời nguyện thay thế được đưa ra, và thuật ngữ "Lời nguyện nhập lễ" (Collecta) được sử dụng thay cho "Lời nguyện mở đầu". Tôi phỏng đoán rằng thuật ngữ "Lời nguyện nhập lễ" giả định rằng đã có các lời cầu nguyện thinh lặng được thu thập. Nhưng không có chủ đề cầu nguyện gợi ý được nêu ra, và không có gợi ý thinh lặng chốc lát để cầu nguyện riêng, trước khi "Lời nguyện nhập lễ" được chủ tế đọc. Phải chăng có sự quên sót của các vị chịu trách nhiệm bản văn lời nguyện này? Liệu linh mục chủ tế có thể dùng sự thận trọng của mình để cung cấp điều mà bản văn không nêu ra không? Liệu ngài được tự do đưa thêm những gì rõ ràng là còn thiếu không?" - Một độc giả, Philippines.

Đáp: Thuật ngữ "Lời nguyện nhập lễ" là một bản dịch chính xác của lời cầu nguyện này từ ấn bản gốc Latinh. Nó đã được sử dụng trong ấn bản Latinh ở thập niên 1970 và được sử dụng như trong hầu hết các bản dịch. Trong trường hợp này, bản dịch tiếng Anh ở thập niên 1970 chọn chữ "Lời nguyện mở đầu" thay vì "Lời nguyện nhập lễ".

Trong hình thức ngoại thường, lời nguyện này được gọi đơn giản là oratio. Sách lễ thời ĐTC Phaolô VI đã chọn từ ngữ "Lời nguyện nhập lễ", vốn được sử dụng trong thế kỷ thứ 10 ở Rôma. Không rõ liệu từ ngữ này ban đầu có nghĩa là lời tổng nguyện vốn tập hợp các lời nguyện riêng của các tín hữu (colligere, thu thập), hoặc là lời nguyện được đọc trước mặt cộng đồng tụ họp (collecta) trước khi bắt đầu cuộc rước về phía nhà thờ, nơi Thánh lễ sẽ được cử hành.

Khoảnh khắc thinh lặng vẫn còn duy trì, mặc dầu chữ đỏ không nhắc lại mỗi lần điều này.

Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 54, là khá rõ ràng:

”Lời nguyện nhập lễ

“54. Tiếp đến, vị tư tế mời giáo dân cầu nguyện; và mọi người cùng vị tư tế thinh lặng trong giây lát, để ý thức mình đang ở trước thánh nhan Chúa và có thể gợi lên trong tâm hồn các ước nguyện của mình. Rồi vị tư tế đọc lời nguyện, thường được gọi là lời "tổng nguyện" diễn tả đặc tính của buổi lễ. Theo truyền thống cổ kính của Hội Thánh, lời nguyện thường hướng về Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần và câu kết mang nét Ba Ngôi, nghĩa là câu kết dài:

- Nếu lời nguyện hướng về Chúa Cha, thì đọc "Per Dominum Nostrum Iesum Christum Filium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitate Spiritus Sancti, Deus, per omnia saecula saeculorum. Nhờ Đức Giêsu Kitô, Con Cha và là Chúa chúng con, Người hằng sống và hiển trị cùng Cha, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời";

- Nếu lời nguyện hướng về Chúa Cha, nhưng câu cuối có nhắc đến Chúa Con, thì đọc: "Qui tecum vivit et regnat in unitate Spiritus Sancti, Deus, per omnia saecula saeculorum. Người hằng sống hằng trị cùng Cha, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời";

- Nếu hướng về Chúa Con, thì đọc: "Qui vivis et regnas cum Deo Patre in unitate Spiritus Sancti, Deus, per omnia saecula saeculorum. Người hằng sống hằng trị cùng Chúa Cha, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời".

Giáo dân chung lòng hợp ý với lời nguyện, tung hô "Amen", để làm cho lời nguyện đó thành của mình.

Trong Thánh Lễ luôn luôn chỉ đọc một lời nguyện nhập lễ” (bản dịch Việt ngữ của Lm. Phanxicô Xaviê Nguyễn Chí Cần, Giáo phận Nha Trang).

Trong "Nghi thức Thánh lễ”, chữ đỏ nói:

“Dứt kinh Vinh Danh, linh mục chấp tay nói:

Lm: Chúng ta dâng lời cầu nguyện.

Mọi người cùng linh mục thinh lặng trong giây lát. Sau đó linh mục dang tay đọc lời nguyện nhập lễ.

Giáo dân thưa: Amen".

Chủ đề cầu nguyện và Lời nguyện mở đầu tùy chọn không bao giờ là một phần của sách lễ Rôma Latinh. Chúng là các bản soạn của các dịch giả Sách lễ ở Mỹ, và sau đó được phê duyệt bởi các Giám mục Mỹ và Tòa Thánh.

Bởi vì chúng không được dùng trong các nước khác nói tiếng Anh, và một số lời nguyện là kém hoàn hảo hơn lời nguyện phụng vụ, nên chúng đã bị loại ra khỏi Sách lễ và có thể không còn được sử dụng nữa. (Zenit.org 28-8-2012)

Có "Thánh Lễ kèm chầu Mình Thánh Chúa" không?

Hỏi: Một trong các cha xứ của giáo xứ chúng tôi đã từng nói rằng trong một Thánh Lễ có chầu Mình Thánh Chúa đi theo, việc ban phép lành và nghi thức giải tán cuối lễ không được thực hiện, bởi vì phép lành sẽ được thực hiện với việc giơ cao hào quang, và rằng Thánh Lễ không hoàn thành cho đến sau khi chầu Mình thánh, khi lời "Ite Missa est" (Lễ xong, chúc anh chị em đi bình an) được nói. Còn các cha xứ khác của giáo xứ chúng tôi, kể cả cha xứ hiện nay, chưa bao giờ nghe nói về điều này trước đó. Xin cha vui lòng làm sáng tỏ điều này. - J. M., Sydney, Australia

Đáp: Trước tiên, tôi nghĩ rằng cần phải nói rõ rằng các qui định hiện nay không hề nói đến một "Thánh Lễ kèm chầu Mình Thánh Chúa". Điều này có nghĩa rằng không được phép đặt Mình Thánh Chúa cuối Thánh lễ với mục đích duy nhất là ban phép lành.

Chỉ được phép đặt Mình Thánh Chúa sau hiệp lễ, tốt hơn với một Bánh Thánh được truyền phép trong thánh lễ ấy, nếu có thời gian dài hay ngắn để chầu Minh Thánh hoặc Rước kiệu Thánh Thể tiếp sau Thánh lễ ấy.

Trong trường hợp này, vì không có phép lành chung được ban trong sự hiện diện của Mình Thánh Chúa được đặt trên bàn thờ, việc không ban phép lành cuối lễ như thế là đúng.

Trong trường hợp có chầu Mình Thánh Chúa liên tục sau Thánh Lễ, phải giữ nghi thức sau đây:

- Mình Thánh Chúa được đặt ngay sau phần rước lễ.

- Linh mục đọc lời nguyện kết thúc. Việc ban phép lành và nghi thức giải tán được bỏ.

- Linh mục và người giúp lễ xếp hàng ở phía trước bàn thờ, bái gối và quỳ xuống.

- Hát một bài thánh ca thờ lạy, Mình Thánh Chúa được xông hương như trong các lần chầu Mình Thánh bình thường, và các linh mục và người giúp lễ quỳ gối một lát và cầu nguyện riêng.

- Tất cả bái gôi và quay trở về phòng thánh trong thinh lặng. Việc Chầu Thánh Thể vẫn tiếp tục trong một thời gian nữa, sau đó phép lành được ban qua việc giơ cao hào quang.

Câu "*Ite Missa est*" (Lễ xong, chúc anh chị em đi bình an) không được nói, vì Thánh Lễ đã kết thúc trước đó với lời nguyện kết thúc rồi. Nó được bỏ qua cách đơn giản. (Zenit.org 4-9-2012).

Linh mục được phép đồng tế trong ngôn ngữ mình không biết chăng?

Hỏi: Trong đời linh mục của tôi, thỉnh thoảng tôi được mời đồng tế Thánh lễ, bởi các cộng đồng người nước ngoài, nhưng tôi không biết ngôn ngữ của họ. Trong một văn bản phụng vụ, tôi đọc rằng không được phép đồng tế nếu chúng ta không thể nói ngôn ngữ của cộng đoàn ấy. Nhưng tôi thấy các linh mục khác đọc thầm Kinh Nguyện Thánh Thể trong ngôn ngữ riêng của họ. Được phép làm vậy không, thưa cha? Có lẽ tốt nhất trong trường hợp này, chỉ nên tham dự Thánh Lễ chứ không nên đồng tế, đúng không cha? - J. L., Paris (Pháp)

Đáp: Bản văn phụng vụ mà độc giả này đề cập đến là Huấn thị *Redemptionis Sacramentum*, do Thánh bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích ban hành ngày 25-3-2004. Về ngôn ngữ của việc cử hành Thánh lễ đồng tế, Huấn thị này nói:

"112. Thánh Lễ được cử hành bằng tiếng La tinh hay bằng một ngôn ngữ khác, với điều kiện phải sử dụng những bản văn phụng vụ đã được phê chuẩn theo quy tắc luật định. Ngoại trừ các Thánh Lễ phải cử hành trong ngôn ngữ của dân chúng, theo thời khóa biểu và theo thời gian do giáo quyền ấn định, các linh mục được phép cử hành Thánh Lễ bằng tiếng La tinh, ở mọi nơi và mọi lúc.

"113. Khi Thánh Lễ được nhiều linh mục đồng tế, Kinh Nguyện Thánh Thể phải được đọc trong ngôn ngữ mà tất cả các linh mục và dân chúng hiện diện trong buổi cử hành đều biết.

Có thể xảy ra trường hợp, trong số các linh mục hiện diện, có vị không biết ngôn ngữ được dùng khi cử hành và không thể đọc các phần Kinh Nguyện Thánh Thể, dành riêng cho mình. Trong trường hợp này, các ngài không đồng tế, nhưng tốt hơn các ngài chỉ tham dự cử hành và mặc y phục kinh hội, theo quy định" (Bản dịch Việt ngữ của Hội đồng Giám mục Việt Nam).

Như vậy, qui định là khá rõ ràng rằng nếu một linh mục không có khả năng đọc các phần mà mọi linh mục phải đọc, thì linh mục ấy không nên đồng tế.

Không có thể có sự lựa chọn hợp pháp để đọc lời truyền phép trong ngôn ngữ của mình trong khi các vị đồng tế khác đọc trong ngôn ngữ khác. Tuy nhiên, mặc dù là bất hợp pháp, hành động này sẽ không làm mất hiệu lực Thánh Lễ cho vị đồng tế này.

Điều này là bởi vì qui định trên là nhằm thúc đẩy một buổi cử hành trang trọng và chính xác của các mầu nhiệm thánh, vốn đòi hỏi mức độ cao nhất của sự tôn trọng và kính cẩn.

Điều đáng lưu ý là sự nhấn mạnh trên là về việc đọc Kinh nguyện, chứ không về nắm vững ngôn ngữ. Ví dụ, một

linh mục, nếu có kiến thức sơ đẳng về một ngôn ngữ, đủ để có thể đọc các lời nguyện chung, thì có thể cử hành lễ đồng tế, mặc dù ngài không thể tự mình cử hành Thánh Lễ trong ngôn ngữ ấy, hoặc thậm chí dám một mình công bố một phần của Kinh Nguyện Thánh Thể.

Tôi cũng nói rằng trong một số trường hợp, sẽ là hợp pháp cho một Giám mục hay một linh mục đọc từ một bản ghi âm, để ngài có thể đọc ngôn ngữ không quen cho chính xác. Điều này cho rằng ngài có khả năng đọc từ bản ghi âm và biết rõ Kinh Nguyện Thánh Thể, mà ngài đang đọc và biết nơi ngài có mặt tại một thời điểm đặc biệt.

Một giải pháp thực tiễn cho các dịp khi các linh mục quây quần bên nhau trong một khung cảnh quốc tế, thì nên dùng tiếng Latinh cho Kinh Nguyện Thánh Thể. Tiếc là một số linh mục ít biết tiếng Latinh; nhưng đây là một vấn đề cần giải quyết, chứ không phải là một tình huống để được chấp nhận. Có các dấu hiệu đáng khích lệ rằng nhiều linh mục trẻ và linh mục tương lai sẽ có thể ít nhất là cử hành Thánh lễ trong ngôn ngữ của Giáo hội.

Các qui định trên được áp dụng cho nghi lễ Rôma. Các quy tắc về đồng tế là khác nhau cho mỗi Giáo hội Công giáo Đông phương. Nguyên tắc chung là một linh mục nghi lễ Latinh có thể được nhìn nhận là vị đồng tế bởi vị Giám mục địa phương nghi lễ Đông phương (khoản luật số 701 của Bộ luật Đông phương). Trong trường hợp này, tốt hơn vị đồng tế nên mang lễ phục theo nghi lễ của mình.

Phần còn lại sẽ phụ thuộc vào những gì được yêu cầu đối với các vị đồng tế trong nghi lễ đặc biệt. Nếu các linh mục đồng tế được yêu cầu phải đọc phần kinh Tiến hiến (Kinh Nguyện Thánh Thể) và phụng vụ được cử hành trong một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ, thì tốt hơn vị linh mục nghi lễ Latinh nên áp dụng các tiêu chuẩn nêu trên của Huấn thị *Redemptionis Sacramentum* và từ chối đồng tế. (Zenit.org 11-9-2012)

Thừa tác viên có bái gối khi lấy bình thánh từ nhà tạm không?

Hỏi: Tại giáo xứ của tôi, chúng tôi vẫn đến nhà tạm, khi cộng đoàn đọc kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa", để lấy thêm bánh thánh, ngoài các bánh thánh đã được truyền phép trong Thánh lễ, nhằm đáp ứng đủ cho số người rước lễ. Đôi khi ba hoặc bốn Bình thánh đầy được đưa từ nhà tạm ra, và đặt trên bàn thờ. Sau khi thầy phó tế đặt các bình thánh lên bàn thờ, thầy bái gối, nhưng linh mục không bái gối. Linh mục đợi cho đến khi kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa ..." được hát hoặc đọc xong, mới bái gối. Ngoài hướng dẫn từ Quy chế Tổng quát Sách lễ Rôma là không sử dụng bánh thánh từ nhà tạm, liệu thầy phó tế bái gối vào lúc này có đúng không? (Tất nhiên thầy cũng bái gối khi mở hoặc đóng cửa nhà tạm.) – R. V., Chicago, Mỹ.

Đáp: Trước hết, người đọc của chúng tôi là chính xác khi nói rằng tốt nhất các tín hữu lãnh nhận các bánh thánh được truyền phép trong cùng một Thánh Lễ. Quy chế Tổng quát Sách lễ Rôma (GIRM), số 85, nói:

"Như chính vị tư tế buộc phải làm thì ước mong các tín hữu rước Mình Thánh Chúa với những bánh thánh được truyền phép ngay trong chính Thánh Lễ, và trong những trường hợp đã được trù liệu, họ cũng được rước Máu Thánh Chúa (x. số 283), để nhờ cả những dấu chỉ, họ thấy rõ việc hiệp lễ là tham dự vào hy lễ đang cử hành" (Bản dịch Việt Ngữ của linh mục PX Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Lẽ tất nhiên, thật là cần thiết để đổi các bánh thánh trong nhà tạm, và ít nhất trong một số trường hợp, các bánh thánh ấy được sử dụng để cho rước lễ.

Ngoài ra, có nhiều lần người ta khó đếm được số lượng bánh thánh cần có, do đó việc có sự lưu giữ bánh thánh trong nhà tạm là một điều cần thiết mục vụ.

Tuy nhiên, nó sẽ không là một câu trả lời đúng theo ước muốn của Giáo Hội, khi phần lớn bánh thánh thường được lấy ra từ nhà tạm.

Còn đối với câu hỏi chính xác, tôi có thể nói như sau: tập tục thông thường là bái gối, trước khi lấy và sau khi cất Mình Thánh Chúa trong một nơi đặc biệt. Tuy nhiên, việc bái gối có thể được bỏ qua một cách tự nhiên trong trường hợp trên, bởi vì Chúa Kitô đã thực sự hiện diện trên bàn thờ và dưới cả hai hình bánh và rượu.

Việc linh mục bái gối sau kinh "Lạy Chiên Thiên Chúa" là một hành động nghi thức của Thánh Lễ, và có liên quan đến việc ngài rước lễ. Việc bái gối này không hề liên quan gì đến sự hiện diện hoặc không hiện diện của bình thánh lấy từ nhà tạm ra và đặt trên bàn thờ.

Tôi cũng sẽ nói rằng nếu nhà tạm là trực tiếp ở phía sau bàn thờ và gần bàn thờ, thì thầy phó tế không nên bái gối trước khi lấy bình thánh cho rước lễ, vì Chúa Kitô đã hiện diện ngay sau thầy rồi. Nếu nhà tạm được để một bên hoặc trong một nhà nguyện riêng biệt, thì thầy bái gối trước khi lấy bình thánh từ nhà tạm.

Thầy sẽ bái gối trước khi đặt bình thánh vào nhà tạm sau phần rước lễ. Thầy cũng bái gối trước khi đóng cửa nhà tạm.

(Zenit.org 26-9-2012)

Nên kết thúc bài giảng như thế nào?

Hỏi: Tôi đã được dạy rằng bài giảng, bất cứ diễn ra lúc nào, là một phần của Thánh Lễ, nhiều khi là bắt buộc (các Chủ nhật và lễ trọng), và luôn luôn được khuyến khích, khi có thể được. Bài giảng lễ nên dẫn các tín hữu từ bàn tiệc Lời Chúa đến với bàn tiệc Thánh Thể. Trong thực tế, thật là tốt khi các lời cuối cùng của bài giảng nên có sự qui chiếu rõ ràng nào đó cho phép Thánh Thể. Đó là lý do tại sao tôi

luôn hiểu rằng các bài giảng không nên kết thúc với câu: "Nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần". Việc nói như thế này phá vỡ sự thống nhất giữa Phụng Vụ Lời Chúa và Phụng Vụ Thánh Thể. Phần cuối bài giảng nên là một sự chuyển đoạn thích hợp cho nghi thức phép Thánh Thể. Các lời ấy phải được nói ở đầu và ở cuối Thánh Lễ, nhưng không phải ở cuối của bài giảng. Câu hỏi của tôi là: Điều ấy có đúng không? Liệu nó được kết hợp với một nơi nào đó trong Chữ đỏ hoặc trong phần Giới thiệu chung của Sách Lễ Rôma không? Liệu cần dạy nó cho các linh mục già và trẻ, vì các vị có thể quên chăng? Lời khẩn cầu với Thiên Chúa Ba Ngôi, thật là quá đẹp, là không thích hợp cho bài giảng, nhưng có lẽ phù hợp cho các bài diễn thuyết hoặc bài trình bày về giáo lý Kitô giáo, bên ngoài Thánh Lễ, chẳng hạn trong tuần cửu nhật, vv – A. D., Nairobi, Kenya

Đáp: Lời tuyên bố gần đây nhất và chính thức đầy đủ về tầm quan trọng của bài giảng được tìm thấy trong Tông huấn hậu Thượng Hội đồng Giám mục năm 2010, *Verbum Domini* (Lời Chúa):

"số 59. Mỗi người "đều có bổn phận và nhiệm vụ liên quan tới Lời Thiên Chúa: Các tín hữu phải lắng nghe và suy niệm Lời; còn chỉ những ai đã nhận được nhiệm vụ Giáo huấn do bí tích Truyền chức thánh hoặc những ai đã được giao phó cho thi hành thừa tác vụ này", tức là các Giám mục, các linh mục và các phó tế, thì mới trình bày Lời Chúa. Từ đó, ta hiểu được vì sao Thượng Hội đồng rất chú ý tới bài giảng lễ. Trong Tông huấn hậu Thượng Hội đồng Giám mục Sacramentum caritatis, tôi đã nhấn mạnh rằng "liên hệ đến tầm quan trọng của Lời Thiên Chúa, cần phải cải thiện phẩm chất của bài giảng. Bài giảng lễ 'là một phần của hành động phụng vụ'; bài giảng lễ có chức năng giúp hiểu biết Lời Thiên Chúa rộng rãi hơn và hữu hiệu hơn trong đời sống các tín hữu". Quả thế, bài giảng lễ là một việc hiện tại hóa sứ điệp Kinh Thánh, sao cho các tín hữu được đưa đến chỗ khám phá ra sự hiện diện và tính hiệu năng của Lời Thiên Chúa trong cuộc sống hằng ngày của họ. Bài

giảng phải giúp hiểu Mầu nhiệm đang được cử hành, mời người ta dấn thân cho sứ mạng, khi chuẩn bị cho cộng đoàn tuyên xưng đức tin, cầu nguyện phổ quát và cử hành phụng vụ Thánh Thể. Vì thế, do thừa tác vụ chuyên biệt, những ai được đề cử lo việc giảng dạy, phải rất quan tâm đến bổn phận này.

Phải tránh những bài giảng mơ hồ và trừu tượng, che giấu mất tính đơn giản của Lời Thiên Chúa, cũng như phải tránh những kiểu nói lan man lạc đề vô bổ rất có thể lôi kéo chú ý đến người giảng hơn là chú ý đến trọng tâm của sứ điệp Tin Mừng. Các tín hữu phải thấy rõ ràng rằng điều mà vị giảng thuyết đang bận tâm, đó là cho thấy Chúa Kitô, trung tâm của mọi bài giảng. Vì thế, các vị giảng thuyết cần phải quen biết và tiếp xúc chuyên cần với bản văn thánh; họ phải chuẩn bị bài giảng bằng suy niệm và cầu nguyện, để có thể giảng với xác tín và say mê. Thượng Hội Đồng Giám Mục đã khuyến khích lưu ý đến các câu hỏi sau đây:

"Các bài đọc được công bố muốn nói gì? Các bài đọc ấy nói gì riêng với tôi? Tôi phải nói gì với cộng đoàn, trong khi quan tâm tới hoàn cảnh cụ thể của họ?". Vị giảng thuyết "phải là người đầu tiên được thúc bách bởi Lời Thiên Chúa mà ngài loan báo", bởi vì như thánh Augustinô đã nói: "Người giảng dạy Lời Thiên Chúa ở bên ngoài mà không nghe Lời ấy ở bên trong thì không thể mang lại hoa trái". Cần đặc biệt chăm sóc bài giảng Chúa nhật và các lễ trọng; nhưng trong các lễ cum populo trong tuần, nếu có thể, xin cũng đừng bỏ cung cấp những suy tư vắn tắt hợp thời giúp các tín hữu đón nhận và làm sinh hoa kết quả Lời họ vừa lắng nghe" (Bản dịch tiếng Việt của Ủy Ban Kinh Thánh trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam)

Văn bản này nói nhiều về tầm quan trọng của bài giảng, nhưng trong thực tế không có gì liên quan đến các câu hỏi, chẳng hạn làm thế nào bắt đầu hay kết thúc một bài giảng. Quả thực không có bất kỳ quy tắc nghiêm ngặt nào về việc này, mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau.

Trong văn bản trên, ĐTC Biển Đức XVI khẳng định trên tất cả rằng Chúa Kitô là trung tâm của bất kỳ bài giảng nào, và

tôi tin rằng bài giảng là đủ để kết nối bàn tiệc Lời Chúa và bàn tiệc Thánh Thể. Việc đòi hỏi người giảng luôn cố gắng có một tham chiếu rõ ràng đến Thánh Thể có thể là phản tác dụng, và áp đặt một sự xây dựng vụ công thức và giả tạo.

Một cái gì đó tương tự có thể được nói về việc sử dụng công thức Ba Ngôi. Một số nhà giảng thuyết có thể làm như vậy như là một hành động đạo đức, và như một cách để nhấn mạnh rằng việc rao giảng của họ được thực hiện nhân danh Thiên Chúa, chứ không vì vinh quang cá nhân. Tuy nhiên, ngay cả khi động cơ cao quý như vậy tồn tại, tôi không nghĩ rằng việc luôn kết luận bài giảng như thế là một ý tưởng tốt. Tôi tin rằng nói chung nên chuẩn bị tốt một lời kết luận phù hợp với các bài đọc thánh lễ. Trong một số trường hợp, có thể là một cách để tránh tạo ra một kết luận thật thích hợp, đó là cách sử dụng một câu nắm bắt tất cả.

Tuy nhiên, không có điều cấm rõ ràng về việc làm như thế. Thật vậy, việc kết thúc bài giảng với một lời chúc tụng Thiên Chúa Ba Ngôi là khá phổ biến trong thời các Giáo phụ, khi vinh tụng ca phục vụ vai trò của việc tuyên xưng đức tin của người giảng thuyết, trước khi có việc đưa kinh Tin Kính vào thánh lễ. Một số nhà thuyết giảng thời trung cổ, chẳng hạn như Thánh Phêrô Đamianô, cũng thường kết thúc bài giảng với vinh tụng ca Thiên Chúa Ba Ngôi.

Cả Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II và ĐTC Biển Đức XVI của chúng ta có xu hướng kết thúc bài giảng với một lời khuyên, hay một lời cầu nguyện chuyển cầu. Việc sử dụng công thức Ba Ngôi là rất hiếm, mặc dù công thức này kết luận ít nhất một bài giảng trong ngày lễ Chúa Ba Ngôi.

Hầu hết các bài giảng ĐTC Biển Đức XVI kết thúc với chữ "Amen" sau một lời cầu nguyện. Ví dụ, mới đây Ngài kết thúc bài giảng nhân lễ trọng Đức Bà Hồn Xác Lên Trời như sau: "Chúng ta hãy phó thác mình cho lời cầu bầu của Đức Mẹ, mà Đức Mẹ xin cùng Chúa để Chúa củng cố đức tin của chúng ta trong sự sống đời đời; xin Đức Mẹ giúp chúng ta sống cách tốt nhất thời gian mà Chúa ban cho chúng ta với niềm cậy trông.

Xin cho đó là đức cậy Kitô giáo, nó không chỉ là nỗi nhớ quê trời, nhưng là niềm khát vọng sống động và tích cực về Chúa, Đấng ở đây trong thế giới này, một niềm khát vọng về Chúa làm cho chúng ta trở thành khách hành hương không biết mệt mỏi, nuôi dưỡng trong chúng ta lòng can đảm và sức mạnh của đức tin, đồng thời cũng là lòng can đảm và sức mạnh của tình yêu. Amen".

Nhiều tác giả cho rằng ĐTC Biển Đức XVI sẽ được nhớ đến nhiều nhờ chất lượng của các bài giảng của Ngài. Tôi tin chắc rằng nhiều linh mục sẽ được hưởng lợi từ sự tiếp xúc gần gũi với các bài giảng của Ngài. Các tín hữu có thể sẽ biết ơn nhiều về việc này. (Zenit.org 2-10-2012)

Trong trường hợp nào, linh mục bái gối trước Nhà tạm khi lấy Bánh Thánh trong Thánh lễ?

Sau bài giải đáp của tôi ngày 25-9-2012 về việc bái gối trong Thánh lễ, một độc giả nêu ý kiến **thắc mắc** như sau: "Trong bài của cha, cha nói là không bái gối nếu Nhà tạm là quá gần Bàn thờ. Nhưng theo con, con xem Bàn thờ là khác biệt với Nhà tạm. Đây là hai địa điểm khác nhau, một nơi để dâng hy tế và một nơi để lưu giữ, với hai mục đích khác nhau. Do đó, con bái gối trước khi rời bàn thờ và đi đến Nhà tạm, cách đó mấy bước, và bái gối trước Nhà tạm..."

Đáp: Tôi không hoàn toàn đồng ý với thực hành này. Đúng là Bàn thờ và Nhà tạm là hai nơi riêng biệt. Tuy nhiên, cũng đúng rằng việc đi đến Nhà tạm để lấy thêm Bánh Thánh trong nghi thức bẻ bánh của Thánh lễ không phải là một thời điểm nghi thức riêng biệt, nhưng là một nhu cầu thực tế trong Thánh lễ.

Trong trường hợp này, tôi tin rằng phụng vụ sẽ không khuyến khích đưa thêm các cử chỉ nghi thức hơn mức cần thiết thực sự. Tại thời điểm ấy, các Qui chế tập trung vào sự chú ý các Bánh Thánh mới được truyền phép trên bàn thờ. Phó tế hay

linh mục, đi đến Nhà tạm, vẫn luôn ở trong một việc cử hành Thánh lễ và trong chức năng thừa tác của mình.

Điều quan trọng là phải nhớ rằng trong khi các cử chỉ nghi thức được dựa vào giáo lý, chúng không ở trong các tuyên bố tín lý chính thức, và cũng tuân thủ các nhận định thực tế. Ví dụ, quy tắc chung, rằng các người mang các vật dụng trong cuộc rước không phải bái gối (Nghi thức Giám mục, số 70), không có thể được giải thích như nói rằng việc cầm nến là quan trọng hơn việc bái chào Chúa hiện diện. Nó là một qui chế thực tế để đảm bảo một sự êm xuôi trôi chảy của các cử chỉ nghi thức mà thôi.

Hãy quay trở lại trường hợp đang nói. Tôi nói rằng nếu Nhà tạm nằm trong Cung thánh, thì thầy phó tế hay linh mục không cần bái gối trước khi rời khỏi Bàn thờ, cũng không bái gối khi mở Nhà tạm, cũng không bái gối khi đặt Bình thánh lên Khăn thánh cùng với các Bánh Thánh khác trên Bàn thờ. Nếu Nhà tạm ở bên ngoài Cung thánh, ngài chỉ bái gối khi mở cửa Nhà tạm. Tương tự như vậy, nếu cần thiết lấy thêm Bánh Thánh trong khi cho rước lễ, ngài cũng bái gối khi mở cửa Nhà tạm. (Zenit.org 9-10-2012)

Tại sao linh mục mang áo lễ như thường trong vùng khí hậu nóng bức?

Hỏi: Tại sao các linh mục và tu sĩ vẫn mang áo Dòng, áo chùng đen, áo lễ, áo chùng trắng... trong thế giới hiện đại của chúng ta? Tôi ở Ghana và thời tiết là quá nóng đến nỗi thật tội nghiệp cho các linh mục trong áo dòng, áo chùng trắng và áo lễ trong Thánh lễ - E. S., Accra, Ghana (châu Phi)

Đáp: Tôi nghĩ rằng độc giả này đã đụng đến các động cơ sâu xa hơn so với thực tế hoặc vấn đề thực hiện tốt các luật phụng vụ.

Tôi nghĩ rằng câu hỏi có thể được chia thành hai phần, một là lý thuyết: Tại sao các linh mục mang lễ phục như thế trong thế giới hiện đại của chúng ta? Phần thứ hai nói về các thay đổi nào thể được thực hiện vì lý do khí hậu.

Lý do tại sao các linh mục mặc lễ phục phụng vụ ngày nay là cùng một lý do tại sao linh mục đã mang lễ phục trong hầu hết lịch sử của Giáo hội. Đúng là không có lễ phục đặc biệt dành cho việc cử hành thánh lễ trong vài thế kỷ đầu tiên, nhưng chúng đã phát triển như một quá trình tự nhiên, trong đó lễ phục tốt nhất đã được dành riêng cho phụng vụ, và dần dà lễ phục phát triển các hình thức độc quyền để sử dụng trong thánh lễ.

Áo dòng và lễ phục giúp mọi người liên quan hiểu được vai trò thích hợp của chúng. Chúng nhắc nhở linh mục và tín hữu rằng linh mục là trước hết một thừa tác viên có chức thánh.

Mặc dù chúng giúp chúng ta nhận biết linh mục, trong thực tế, cá nhân, với các tật xấu và phẩm chất của người ấy, biến mất dưới biểu tượng của vai trò thừa tác viên.

Cách đây nhiều năm, tôi nhớ đọc câu chuyện của một tù nhân chiến tranh Công giáo người Anh trong chiến tranh thế chiến thứ hai. Một linh mục tuyên úy quân đội Đức đã đến dâng thánh lễ ở nhà tù. Người lính Anh đã nhận xét rằng, một khi quân phục đối phương được che phủ bởi áo lễ, người Đức ấy là đơn giản một linh mục đại diện cho Thiên Chúa, Giáo hội, chứ không ai khác.

Lễ phục phụng vụ, với hình thức rộng lớn, cũng nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đang ở trong một thời điểm long trọng, khi các hành vi được thực hiện với tốc độ thong thả và sự tôn kính phải lẽ. Nói cách khác, chúng làm cho chúng ta trở nên thư thả và nhắc nhở chúng ta dành cho Chúa thì giờ nói chuyện với chúng ta.

Vẻ đẹp của áo lễ cũng là một cách nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa xứng đáng những gì tốt nhất của chúng ta. Lễ phục cũng là một phương tiện giáo huấn, thông qua việc sử dụng màu sắc và biểu tượng phụng vụ.

Đối với phần thứ hai của câu hỏi, trước tiên tôi có thể nói rằng không cần phải tới Ghana mới biết khí hậu; mùa hè ở Rôma cũng oi bức lắm rồi.

Tuy nhiên, khi có thể được, công nghệ hiện đại làm cho khí hậu giảm sự không thoải mái để linh mục mang áo lễ cách dễ chịu hơn so với thời gian trước đây. Ngay cả ở những nơi chưa có máy điều hòa nhiệt độ, có các tùy chọn chẳng hạn áo lễ bằng vải mỏng nhẹ làm giảm bớt sự khó chịu.

Hơn nữa, ở vùng khí hậu rất nóng, một linh mục có thể mang y phục vải mỏng dưới áo lễ, và có thể không mang áo dòng trong áo lễ khi cử hành Thánh Lễ.

Để kết luận, mặc dù có những lúc và những nơi có khí hậu nóng gây khó chịu cho linh mục trong bộ áo lễ, đây đúng là sự hy sinh nhỏ cho linh mục để dâng lên Chúa những gì tốt nhất của chúng ta trong hành vi thờ phượng.

Đây là lý do tại sao Giáo hội yêu cầu rằng các qui tắc phụng vụ phải được tôn trọng ở khắp nơi. Nhiều linh mục đã nêu ra các gương mẫu tuyệt vời, không chỉ là tuân phục lề luật, nhưng trên hết một cảm thức về tầm quan trọng của thừa tác vụ thánh của các ngài. (Zenit.org 19-10-2012)

Được phép gián đoạn thánh lễ không?

Hỏi: Giáo xứ của tôi đang hướng dẫn một tuần tĩnh tâm giáo xứ, vốn bao gồm các chuyến thăm tại nhà và đỉnh điểm là một Thánh Lễ. Các nhà thừa sai (tất cả là linh mục) và cộng đoàn dừng lại sau bài giảng để thảo luận, và khoảng 45 phút sau, thánh lễ được tiếp tục.Vì không phải tất cả những người tham dự Thánh Lễ - có nghĩa là ca đoàn, nhân viên bảo vệ, các chú giúp lễ, người đọc sách, vv. – là người tham gia tĩnh tâm, nên trong 45 phút nghỉ

ấy, ca đoàn ôn bài hát, người bảo vệ kiếm người nói chuyện, các chú giúp lễ chơi đùa, người đọc sách gửi tin nhắn. Tôi đã hỏi ý kiến các linh mục khác nhau và nghe họ nói rằng, mặc dầu thời gian nghỉ là không đúng theo phụng vụ, nhưng cha xứ có tiếng nói cuối cùng. Thưa cha, việc này là đúng không? - W. T., Singapore

Đáp: Có hai câu hỏi liên quan ở đây. Câu thứ nhất: Việc thực hành ấy là đúng không? Câu thứ hai: Liệu cha xứ có tiếng nói cuối cùng trong vấn đề này không?

Với câu hỏi thứ nhất, tôi nghĩ rằng Huấn thị *Redemptionis Sacramentum*, năm 2004, đưa ra câu trả lời rất rõ ràng:

"60. Trong cử hành Thánh Lễ, phụng vụ Lời Chúa và Phụng Vụ thánh Thể liên kết chặt chẽ với nhau, và chúng hợp thành cùng một hành vi phụng tự duy nhất. Vậy, không được phép tách rời chúng ra, cũng không được cử hành chúng vào những giờ và những nơi khác nhau.

Cũng thế, không được phép cử hành những phần khác nhau của Thánh Lễ vào những lúc khác nhau, kể cả cùng trong một ngày" (Bản dịch Việt Ngữ của Hội đồng Giám mục Việt Nam).

Trong trường hợp như độc giả trình bày trên đây, sự hiệp nhất của Thánh Lễ như là một hành vi phụng tự duy nhất bị gián đoạn, vì dành giờ cho cuộc thảo luận, và do đó đi ngược lại với các qui tắc.

Việc này không giống trường hợp hợp pháp là tách trẻ em ra riêng để giảng cho phù hợp với nhu cầu đặc biệt của các em. Sau đó các em trở lại với thánh lễ như thường.

Liên quan đến câu hỏi liệu cha xứ có thể cho phép các thay đổi ấy không: Một lần nữa, Huấn thị *Redemptoris Sacramentum* có thể giúp chúng ta về điểm này khi nói về quy tắc của phụng vụ thánh:

"14. Việc điều hành Phụng Vụ thánh chỉ tùy thuộc thẩm quyền của Giáo hội mà thôi : Nghĩa là thuộc quyền Tông Toà và, chiếu theo quy tắc luật pháp, cũng thuộc quyền Giám mục".

"21. Quả thực, "Giám mục giáo phận có quyền ban hành các quy luật về phụng vụ, buộc mọi người phải giữ, trong Giáo hội đã được uỷ thác cho ngài và trong giới hạn thẩm quyền của ngài". Nhưng, Giám mục phải luôn luôn chăm lo đừng làm mất sự tự do, đã được các sách phụng vụ dự liệu, để thích ứng, một cách sáng suốt, việc cử hành vào cơ cấu thánh, hay vào nhóm tín hữu, hay là vào các hoàn cảnh mục vụ, để thế nào toàn bộ nghi lễ thánh được thực sự thích nghi vào tâm thức của con người".

"22. Giám mục điều khiển Giáo hội địa phương đã được ủy thác cho mình, và, thi hành chức vụ thánh mà ngài đã lãnh nhận khi được truyền chức Giám mục, nên ngài có nhiệm vụ đưa vào nề nếp, điều khiển, động viên và đôi khi quở trách, để xây dựng đoàn chiên trong chân lý và thánh thiện. Ngài có nhiệm vụ giải thích ý nghĩa thực sự của các nghi lễ và các bản văn phụng vụ, và chính ngài có nhiệm vụ phải nuôi dưỡng các linh mục, phó tế và giáo dân tinh thần của Phụng Vụ thánh, để tất cả họ đều được hướng dẫn đến một việc cử hành Phép Thánh Thể cách tích cực và có hiệu quả. Sau cùng, Giám Mục cũng phải chăm chú theo dõi để toàn thân của Giáo hội có thể được phát triển toàn bộ, trong sự hiệp nhất yêu thương về các mặt giáo phận, quốc gia và toàn cầu".

"24. Về phần mình, dân Kitô giáo có quyền đòi hỏi Giám mục giáo phận chăm chú theo dõi các lạm dụng len lỏi vào kỷ luật giáo hội, nhất là về những gì liên quan đến tác vụ Lời Chúa, đến việc cử hành các bí tích và á bí tích, đến việc phụng thờ Thiên Chúa và tôn kính các thánh".

"32. Cha quản xứ cố gắng để Phép Thánh Thể Chí Thánh trở nên trung tâm của cộng đoàn giáo xứ ; ngài cố gắng làm cho tín hữu được hướng dẫn và nuôi dưỡng nhờ việc cử hành sốt sắng các bí tích và đặc biệt họ thường xuyên lãnh nhận Thánh Thể và bí tích thống hối ; ngài cũng hãy cố gắng hướng dẫn các

tín hữu biết cầu nguyện, kể cả việc cầu nguyện trong gia đình, và biết tham dự cách ý thức và tích cực vào Phụng Vụ thánh mà, chính ngài với tư cách là quản xứ, dưới quyền của Giám mục giáo phận, phải lo điều hành trong giáo xứ mình và phải theo dõi đừng để xảy ra những lạm dụng. Để chuẩn bị một cách thoả đáng các cử hành phụng vụ, đặc biệt là Thánh Lễ, cha quản xứ nên nhờ nhiều tín hữu khác giúp mình ; tuy nhiên, không một trường hợp nào ngài được nhường cho họ những gì thuộc riêng phần sứ vụ của ngài về mặt phụng vụ".

Về điều này, chúng tôi có thể nêu thêm một câu từ văn kiện Công đồng *Sacrosanctum Concilium*, số 22: "Vì vậy, tuyệt đối không ai khác, dầu là linh mục, được lấy quyền riêng tư thêm bớt hay thay đổi một điều gì trong Phụng Vụ" (Bản dịch Việt ngữ của Giáo hoàng Học viện Piô X Đàlạt).

Vì vậy, tôi nghĩ rằng thật là khá rõ ràng khi Giáo hội không trao các quyền thay đổi như thế cho các cha xứ. Cha xứ chắc chắn không có tiếng nói cuối cùng về một việc thực hành, vốn đã bị Tòa Thánh bác bỏ một cách cụ thể và dứt khoát. (Zenit.org 30-10-2012)

Rước lễ qua ống dẫn thức ăn được không?

Hỏi: Trong một chương trình giúp chuẩn bị các phụ huynh của trẻ em rước lễ vỡ lòng, một người cha hỏi về con của mình bị căn bệnh nặng từ khi sinh ra. Cô bé không thể ăn uống bình thường, nhưng nhận được chất dinh dưỡng trực tiếp vào dạ dày bởi một ống dẫn thức ăn.. Cô bé đi học bình thường, nói năng hơi khó khăn, nhưng thông minh và sống một cuộc sống bình thường. Làm thế nào cô bé có thể rước lễ? Liệu cô bé có thể lãnh nhận bí tích mà không có thể ăn uống bình thường chăng? - A. A., Dundee, Scotland

Đáp: Trong mọi khả năng là có, nhưng với sự cho phép đặc biệt. Vào cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, Bộ Thánh Vụ (nay là Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin) cấp phép một số

người Công giáo để có thể rước lễ, đặc biệt là Máu Thánh, thông qua một ống dạ dày (*Canon Law Digest* 5, trang 434, 6, trang 562-565). Một đề nghị tương tự đối với việc Rước lễ thông qua một ống mũi đã bị từ chối.

Các phép này được ban trước khi xuất bản Bộ Giáo luật hiện hành, vốn trao năng quyền rộng hơn cho các Giám mục. Do đó một số chuyên viên giáo luật lập luận rằng hiện nay Giám mục có quyền cấp phép như thế, dựa vào sự hiểu biết về việc thực hành đã được thiết lập của Tòa Thánh.

Đồng thời, thật là tốt nếu Văn phòng Tòa Giám mục trình bày trường hợp tham khảo này với Thánh Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích. Bằng cách này, các giám chức có thể xác định rõ ràng hơn các khía cạnh thực tế của việc cho rước lễ theo các điều kiện đặc biệt, để bảo đảm sự tôn trọng thích hợp cho Mình Máu Thánh.

Việc rước lễ theo cách trên duy trì tất cả các ân sủng và sự hiệp nhất với Chúa hằng sống, như việc rước lễ bằng miệng. (Zenit.org 6-11-2012)

Có thể thắp nến Vòng hoa mùa Vọng trong nghi thức Sám hối không?

Hỏi: Tôi do dự trình bày thêm về các nghi thức đầu lễ trong mùa Vọng; Giáo hội bỏ kinh Vinh Danh (Gloria) trong Mùa Vọng để nhắc nhở chúng ta về sự đơn giản của mùa Vọng và thậm chí tính chất sám hối trong mùa này. Tuy nhiên, vòng hoa Mùa Vọng đã trở thành một biểu tượng quan trọng trong nhiều giáo xứ. Việc thắp sáng các ngọn nến của Vòng hoa mùa Vọng trong lễ Chủ nhật, mà không thắp vào các ngày trong tuần ít tạo ý nghĩa cho các tín hữu, vì họ thường chỉ tham dự thánh lễ chủ nhật. Tôi đã giải quyết việc này bằng cách bảo người giúp lễ thắp nến trong nghi thức Sám hối. Chúng tôi dùng hình thức thứ ba, bởi vì trong ba chủ nhật đầu của mùa Vọng, chúng tôi dùng hình thức thứ nhất: "Chúa đến để qui tụ các dân nước..." Vào

ngày Chủ Nhật cuối của mùa Vọng, và vào dịp lễ Giáng sinh, chúng tôi dùng hình thức thứ hai: "Lạy Chúa Giêsu, Chúa là Thiên Chúa uy hùng và Hoàng tử hòa bình ..." Vì vậy, có câu được đọc hay hát đi kèm việc thắp nến, chứ không phải việc thắp nến là làm cho có lệ. Vào các ngày thường, nến được thắp sáng trước Thánh Lễ. Cha có ý kiến nào về việc này không? - T. D., Tây Úc.

Đáp: Các ý kiến đã được thúc đẩy ngay từ đầu bởi một bài giải đáp của tôi ngày 20-12-2011, trong đó tôi đã viết: "Về quan điểm phụng vụ, chỉ có việc làm phép Vòng hoa mùa Vọng vào Chủ nhật thứ nhất mùa Vọng được tiến hành trong Thánh lễ. Nghi thức này đã nhận được sự chấp thuận của Tòa Thánh đối với các quốc gia đề nghị đưa nghi thức ấy vào Sách các Phép. Nó không có trong Sách các Phép gốc Latinh".

"Nhiều nghi thức và nghi lễ khác, vốn đã phát triển xung quanh việc thắp nến sáng cho Vòng hoa mùa Vọng, nhắm chủ yếu đến sự cử hành trong gia đình. Chúng có thể được sử dụng hữu ích trong nhà thờ, nhưng phải ngoài Thánh lễ. Ví dụ, có thể tổ chức một việc cầu nguyện trước Thánh Lễ tối thứ Bảy".

"Tuy nhiên, nếu không có nghi thức ngoài Thánh Lễ để thắp sáng các ngọn nến vào các chủ nhật thứ hai, thứ ba và thứ tư mùa Vọng, tôi nghĩ rằng thật là hợp pháp khi linh mục cho thắp nến ấy vào Thánh lễ đầu tiên của Chủ nhật tương ứng (hoặc tối thứ Bảy), mà không có nghi thức hoặc câu đọc kèm theo. Ví dụ, sau khi bái gối trước Nhà tạm hoặc cúi bái trước Bàn thờ, vị chủ tế đơn giản thắp một dây nến từ một ngọn nến sáng trước đó, và thắp lửa từ dây nến vào ngọn nến tiếp theo, mà không nói gì cả. Sau đó, ngài hôn bàn thờ và tiếp tục thánh lễ như thường lệ. Người phụ trách phòng thánh sẽ thắp sáng các ngọn nến của Vòng hoa mùa Vọng trước khi diễn ra các thánh lễ sau đó".

Trong khi tôi đồng ý với độc giả trên đây rằng vai trò của vòng hoa Mùa Vọng đã trở thành quan trọng hơn, nó vẫn chỉ là một biểu tượng không có tính phụng vụ, và không nên phóng đại tầm quan trọng của nó. Phụng vụ Mùa Vọng là đủ để cung

cấp mọi chất liệu giáo huấn cần thiết nhằm chuẩn bị cho lễ Giáng sinh.

Đúng như câu trả lời trước đây của tôi, tôi thấy không có khó khăn lớn nào trong việc thắp sáng ngọn nến vào đầu mỗi Thánh Lễ Chúa Nhật theo cách đơn giản, mà tôi đã mô tả.

Tuy nhiên, tôi sẽ phản đối việc thắp nến trong nghi thức Sám hối, theo cách thức mà độc giả trên đã mô tả. Tôi xin nêu ra bốn lý do.

Trước hết, nguyên tắc tổng quát của phụng vụ không cho phép bất cứ ai, dựa vào quyền của mình, đưa thêm hoặc loại bỏ bất cứ điều gì từ các nghi thức thánh.

Thứ hai, sự đề nghị này loại bỏ sự tự do cần thiết của vị chủ tế, để sử dụng bất kỳ hình thức nào khác của nghi thức sám hối, và do đó làm cho phụng vụ qui phục các nhu cầu của một việc thực hành đạo đức.

Thứ ba, tôi nghi ngờ rằng việc kết hợp thắp sáng nến với nghi thức Sám hối gửi đi một thông điệp đúng đắn. Việc nhìn nhận tội lỗi của chúng ta là một phần quan trọng của Thánh lễ, bởi vì chúng ta chuẩn bị linh hồn mình để sống các mầu nhiệm thánh. Sự kết hợp việc sám hối với thắp nến sáng có thể gây lơ là cho ý nghĩa chủ yếu, mà lại chú ý đến các thông điệp khác, vốn tốt nhất nên dành cho lúc khác.

Sau cùng, vòng hoa Mùa Vọng có các sắc thái khác nhau về ý nghĩa, và tự thân không chủ yếu có ý nghĩa sám hối. Vòng tròn của vòng hoa, không có nơi bắt đầu hay nơi kết thúc, được làm bằng các cành lá cây thường xanh, tượng trưng cho sự vĩnh cửu và sự sống bất diệt trong Chúa Kitô. Bốn cây nến (gồm ba nến tím và một nến hồng) tượng trưng cho bốn tuần của Mùa Vọng, mà sự thắp sáng tăng dần thể hiện sự mong đợi và hy vọng xung quanh việc Đấng Mêsia đến.

Các sắc thái này có thể bị mất đi, khi kết hợp việc thắp nến sáng với nghi thức Sám hối.

Tôi tin vào lòng thành và ước muốn của độc gỉa trên đây, để có lợi ích mục vụ tốt nhất từ hành vi đạo đức ấy. Tuy nhiên, tôi vẫn không tin rằng đề xuất này là một hành động mục vụ khả

thi và phù hợp hoàn toàn với các qui tắc phụng vụ. (Zenit.org 27-11-2012)

Có quy định về sắc thái của màu tím phụng vụ Mùa Vọng không?

Màu tía hoàng gia (đậm) Máu tía Rôma (nhạt)

Hỏi: Lịch của nhà xuất bản Paulist Press năm 2011 nói: "Màu sắc chính thức của Mùa Vọng là màu tím. Để phân biệt giữa mùa Vọng và mùa Chay sám hối đặc biệt, các sắc thái xanh đậm hơn của màu tím có thể được sử dụng trong mùa Vọng. Tuy nhiên, lễ phục màu xanh nhạt hơn không được phép sử dụng tại Mỹ". Còn lịch của nhà xuất bản Paulist Press năm 2012 lại nói: "Màu sắc chính thức của Mùa Vọng là màu tím hoặc màu tía Rôma. Để phân biệt giữa mùa Vọng và mùa Chay sám hối đặc biệt, các sắc thái nhạt hơn và đỏ hơn của màu tím, nhưng không phải sắc thái chàm, có thể được sử dụng trong mùa Vọng. Lễ phục màu xanh dương không được sử dụng tại Mỹ". Liệu các gợi ý màu sắc này ('có thể được sử dụng') là ý kiến của nhà xuất bản (khác nhau giữa bản in của hai năm liên tiếp) hoặc là của một văn kiện chính thức nào đó mà nhà xuất bản qui chiếu? Tại giáo xứ chúng tôi, chúng tôi luôn sử dụng các sắc thái xanh hơn của màu tím (màu tía hoàng gia) cho Mùa Vọng (các ngày chờ mong, Lễ Đêm) và sắc thái đỏ hơn của màu tím (màu tía Rôma) cho Mùa Chay (khía cạnh hy sinh, Chúa Nhật Lễ Lá, Thứ Sáu Tuần Thánh). - F. L., Rochester, New York, Mỹ.

Đáp: Các khuyến nghị khác nhau có thể là một lỗi cắt-và-dán từ năm trước, một sự thay đổi trong quan điểm của nhà

xuất bản, hoặc một quảng cáo cao siêu để gia tăng mức bán lễ phục phụng vụ.

Đối với mục đích của việc sử dụng màu sắc phụng vụ khác nhau, huấn thị Redemptionis Sacramentum, số 121, nói: ""“Việc dùng các màu khác nhau cho lễ phục phụng vụ nhằm diễn tả cách hiệu quả và rõ ràng đặc tính của các mầu nhiệm đức tin được cử hành, và, do đó, ý nghĩa của đời sống Kitô giáo đang tiến triển qua tiến trình của năm phụng vụ. Việc sử dụng các màu sắc đa dạng vừa có tính sư phạm vừa có tính biểu tượng của các lễ phụng vụ và các mùa phụng vụ khác nhau".

Đối với màu sắc được nói trên đây, ‘Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma’, số 346.d, nói như sau:

d. Màu tím dùng trong mùa Vọng và mùa Chay. Có thể dùng trong các nghi thức phụng vụ và Thánh Lễ cầu hồn".

Có thể đưa thêm việc làm sáng tỏ từ huấn thị Redemptionis Sacramentum:

"[127.] Trong các sách phụng vụ, có một năng quyền đặc biệt được ban để, trong những ngày thật trọng thể, sử dụng các lễ phục phụng vụ dành cho các ngày lễ và đặc biệt đẹp, dù chúng không đúng màu sắc của ngày lễ hôm đó. Tuy nhiên, quyền này, liên quan một cách đặc thù đến các lễ phục phụng vụ rất cổ xưa, nhằm bảo toàn di sản của Giáo hội, lại bị nới rộng một cách quá đáng đến những đổi mới; do đó, bỏ qua cách làm truyền thống, người ta chấp nhận những hình dáng và màu sắc, căn cứ trên những tiêu chuẩn chủ quan, và như thế là làm yếu đi ý nghĩa của một quy tắc, hại cho truyền thống. Những ngày lễ, các phẩm phục thánh màu vàng hay bạc có thể thay thế, tuỳ lúc, các màu sắc phụng vụ khác nhau, trừ ra màu tím và màu đen”. (Bản dịch Việt ngữ của Hội đồng Giám mục Việt Nam).

Các qui chế cho thấy sự sử dụng màu tím hoặc màu tía. Màu tím (violaceus) là màu tương tự như màu của các hoa màu tím, và được tự điển Collins định nghĩa là "một nhóm các màu sắc khác nhau trong sự bão hòa, nhưng có cùng sắc thái tím-xanh dương. Chúng nằm ở một đầu của quang phổ có thể nhìn

thấy, bên cạnh màu xanh dương" - trong thực tế, bên cạnh màu chàm - "gần đúng bước sóng 445-390 nanomet".

Màu tía là một màu sắc tương tự và bao gồm "các màu sắc khác nhau với một sắc thái nằm giữa màu đỏ và màu xanh dương, và thường được bão hòa cao; một màu không quang phổ".

Các qui chế phụng vụ không chọn ưu tiên cho bất kỳ sắc thái của một trong hai màu trên, và bất cứ một trong hai màu hoặc cả hai màu ấy đều có thể được sử dụng cho lễ phục phụng vụ.

Trong các qui chế chính thức, không hề có sự phân biệt giữa các sắc thái của màu sắc được dùng trong Mùa Vọng và Mùa Chay – nhưng không cho lễ an táng.

Đồng thời, không có gì sẽ cấm hoặc phản đối một sự phân biệt như thế, ngoại trừ có lẽ là hỏi tại sao một giáo xứ đòi hỏi một cách không cần thiết cả hai loại lễ phục màu tím.

Tương tự như vậy, người ta có thể hỏi một cách hợp pháp là liệu có cơ sở văn hóa nào để xác định lý do tại sao một sắc thái của màu tía hoặc màu tím là có tính sám hối hơn màu kia. Người ta có thể tìm ra các lý lẽ tốt trong việc bênh và chống với màu tía đậm cho mùa Vọng, và sắc thái nhạt hơn cho Mùa Chay, hoặc ngược lại. Cuối cùng, lại còn tùy theo sở thích cá nhân mỗi người nữa.

Cuộc tranh luận có thể được kéo dài: Liệu chúng ta có nên dùng một sắc thái cho lễ phục đỏ cho lễ Chúa Thánh Thần, và một sắc thái khác cho lễ phục đỏ cho lễ các thánh tử đạo chăng?

Trong kết luận, nếu một giáo xứ muốn sử dụng các sắc thái khác nhau của màu tím cho Mùa Vọng và Mùa Chay, thì giáo xứ cứ tự do thực hiện. Tuy nhiên, không có gì trong luật phụng vụ hoặc tập tục để làm cho sự lựa chọn này trở nên bắt buộc, thậm chí cũng không gợi ý sự chọn lựa ấy như là một thực hành đáng được khuyến khích hơn.

Nếu sau này, theo dòng thời gian, sự thực hành này phát triển và trở nên phổ biến, thì nó có thể có sức trở nên tập tục và được ghi nhận trong luật. Còn hiện nay, sự tự do vẫn ngự trị.

Cuối cùng, có lẽ độc giả của chúng tôi đã có sự sai lỗi nhẹ khi nói: "Tại giáo xứ chúng tôi, chúng tôi luôn sử dụng các sắc thái xanh hơn của màu tím (màu tía hoàng gia) cho Mùa Vọng (các ngày chờ mong, Lễ Đêm) và sắc thái đỏ hơn của màu tím (màu tía Rôma) cho Mùa Chay (khía cạnh hy sinh, Chúa Nhật Lễ Lá, Thứ Sáu Tuần Thánh)".

Thật ra, màu sắc riêng của lễ phục Lễ Đêm là màu trắng; màu sắc riêng của lễ phục Chúa Nhật Lễ Lá và Thứ Sáu Tuần Thánh là màu đỏ. (Zenit.org 4-12-2012)

Dùng nước rửa tay diệt khuẩn trước khi cho rước lễ được không?

Hỏi: Sau dịch cúm heo năm ngoái, có sự thực hành trong nhiều giáo xứ của giáo phận chúng tôi là dùng nước rửa tay diệt khuẩn, trước khi các thừa tác viên ngoại thường cho các tín hữu rước lễ. Trong một giáo xứ, linh mục chủ tọa thậm chí cũng dùng nước rửa tay diệt khuẩn trước khi cho rước lễ nữa. Liệu tôi có lo lắng quá mức không hoặc đây là một sự thực hành kỳ lạ? Nó gây chia trí cho nhiều người. - C. M., Springfield, Massachusetts (Mỹ)

Đáp: Tôi không nghĩ rằng nhất thiết phải có một câu trả lời đúng hoặc sai cho một câu hỏi như vậy. Tình hình y tế và các nguy hiểm khả dĩ cụ thể thay đổi từ năm này sang năm khác, và sự đáp ứng mục vụ phải thay đổi tùy theo các tình huống.

Tôi đồng ý rằng một tình huống nghiêm trọng trong một năm không mở đường cho việc đưa ra các sự thực hành khẩn

cấp trên cơ sở lâu dài, vì điều này có thể dẫn đến sự chia trí cho các tín hữu.

Trong thời kỳ nguy hiểm nghiêm trọng của sự lây nhiễm, một Giám mục thậm chí có thể miễn cho tín hữu khỏi dự lễ buộc chủ nhật và ra lệnh hủy bỏ các Thánh lễ công khai. Trong những năm gần đây, và vì các mức độ lây nhiễm khác nhau, các tình huống như vậy đã phát sinh ở Ireland và Mexico.

Trong các tình huống ít nghiêm trọng hơn, các biện pháp phòng ngừa thấp hơn có thể được thực hiện, chẳng hạn không bắt tay nhau trong nghi thức chúc bình an, hoặc sử dụng nước rửa tay diệt khuẩn cách kín đáo và thận trọng, như trường hợp độc giả trên cho biết.

Nếu việc sử dụng nước rửa tay diệt khuẩn là cần thiết, thì tốt hơn các thừa tác viên ngoại thường nên rửa tay trong phòng mặc áo trước khi bắt đầu công tác của họ.

Trong trường hợp của linh mục, trừ khi ngài có một số triệu chứng cảm cúm, thì việc ngài rửa tay trước khi bắt đầu Thánh Lễ là đủ rồi. Dường như ngài không thể lây bệnh trong thời gian Thánh lễ, nên cử chỉ rửa tay sẽ làm cho tín hữu càng thêm lo lắng, chứ không giảm lo lắng, khi đi lên rước lễ.

Ví dụ, theo kinh nghiệm của tôi, rất nhiều trung tâm chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi yêu cầu khách đến thăm phải làm vệ sinh trước khi vào cơ sở, mặc dù họ có thể có thời gian tiếp xúc lâu dài với các người ở trong đó.

Tuy nhiên, mặc dù như thế, các phương cách này cần được sử dụng ngay trước khi rước lễ, nếu tình hình đảm bảo nó. Nếu Giáo phận không đưa ra các qui định cụ thể, linh mục chánh xứ có thể hỏi ý kiến ngành y tế về thực hiện các biện pháp hợp lý.

Các tín hữu nên biết rằng việc bị nhiễm lạnh hoặc cảm cúm là một biện minh đủ để không tham dự Thánh Lễ.

Trong trường hợp nghiêm trọng hơn, việc không tham dự một thánh lễ đông người có thể được coi là một bổn phận bác ái, nhờ việc không đặt người khác vào nguy cơ lây nhiễm.

Cuối cùng, chúng ta phải nhớ rằng, trong khi sự thận trọng là cần thiết, hầu hết những người bị cảm lạnh và cúm không đến tham dự Thánh Lễ, nhưng vẫn ở nhà, nơi làm việc và trường học, nơi mà họ sống hầu hết thời gian và tiếp xúc gần gũi với các người khác. (Zenit.org 18-12-2012)

CÁC BÍ TÍCH

Được hát bài Ave Maria tại đám tang không?

Hỏi: Tôi quen một phụ nữ Công giáo, và khi gần chết, bà xin cho bài Ave Maria của nhạc sĩ

Schubert được hát trong đám tang của mình. Tuy nhiên, khi con gái bà là bạn của tôi đến giáo xứ để sắp xếp tang lễ của mẹ mình, cô nghe người giám đốc tang lễ nói rằng bài hát "Ave Maria" đã "lỗi thời", và hơn nữa, "không thích hợp về phụng vụ" cho một đám tang. Người giám đốc tang lễ từ chối tôn trọng sự lựa chọn của phụ nữ gần qua đời, như là một phần của chính sách giáo xứ. Cha nghĩ sao về việc này? Trước đó, tôi đã nghe hát bài Ave Maria tại một tang lễ Công giáo. Liệu một sự thực hành phụng vụ không thích hợp như thế không còn trong phụng vụ Công giáo hiện giờ hay sao? - T. W., Las Vegas, Nevada (Mỹ)

Đáp: Các ý kiến thay đổi rất nhiều liên quan việc dùng bài hát Ave Maria của Shubert trong phụng vụ Công giáo, đặc biệt là đối với đám cưới và đám tang. Ở một số nơi bài hát này không được khuyến khích và thậm chí bị cấm, trong khi ở nhiều nơi khác, nó được coi là hoàn toàn chấp nhận được.

Trong thực tế không có gì là chính thức về chủ đề này, về một trong hai cách cả.

Tôi nghĩ rằng cần có một số sự phân biệt. Trước hết, có bản kinh Kính mừng gốc (Ave Maria) đã được sử dụng trong nhiều thế kỷ, như là một điệp ca trong Phụng Vụ Các Giờ Kinh. Nó không được sử dụng như một văn bản chính thức phụng vụ

trong Thánh Lễ, nhưng ở nhiều nơi, nó được sử dụng như một bài thánh ca suy niệm, hoặc trong khi dâng lễ vật, hoặc sau hiệp lễ.

Một vấn đề khác liên quan đến bản văn được sử dụng, và điều này đặt ra vấn đề phức tạp của phong cách âm nhạc chấp nhận được. Một số giai điệu được sáng tác trực tiếp cho kinh Kính Mừng, trong khi các giai điệu khác, chẳng hạn như bài Ave Maria của Shubert, được sáng tác nguyên thuỷ trong một bối cảnh thế tục, mặc dù không phải không có tình cảm tôn giáo.

Nói chung, Giáo hội có một nguyên tắc lâu dài để tránh sử dụng âm nhạc thế tục trong phụng vụ, trong khi đồng thời Giáo hội không đưa ra các phán đoán dứt khoát về sự nhạy cảm âm nhạc. Do đó, một số hình thức âm nhạc có thể bị loại trừ tại một thời kỳ này và được thừa nhận tại một thời kỳ khác, và một số tác phẩm thế tục nguyên thuỷ đã trở thành không thể tách rời với phiên bản tôn giáo.

Tuy nhiên, phong cách âm nhạc chỉ là một nguyên tắc liên quan. Còn có phong cách khác, chẳng hạn khả năng của âm nhạc để có lợi ích cho việc cầu nguyện. Ngay cả khi không đưa ra phán đoán luân lý liên quan đến một hình thức âm nhạc, Giáo hội vẫn có thể loại bỏ nó khỏi phụng vụ, nếu nó không có khả năng chu toàn một chức năng phụng vụ. Ví dụ, Thánh Giáo hoàng Piô X đã cấm các "Bộ lễ", được sáng tác trực tiếp cho phụng vụ cuối thế kỷ 19, nhưng được lấy cảm hứng từ phong cách của các nhà hát nhạc kịch, và chúng đòi hỏi một lối trình tấu nhạc kịch, vốn thu hút người ta chú ý đến ca sĩ và rời xa mầu nhiệm.

Về bài Ave Maria, một số phiên bản cổ điển, như thường được gán cho là của Schubert, đã mất gần hết sự liên quan đến bài gốc thế tục, và trong trường hợp này, một phiên bản Kinh Kính Mừng của Ellen của được lấy từ bài thơ của "Đức Bà trên hồ" của Sir Walter Scott. Do bối cảnh tôn giáo này, cá nhân tôi thấy không có khó khăn trong việc sử dụng nó vào các thời điểm thích hợp tại đám cưới và đám tang.

Thật vậy, bài Ave Maria đã được sử dụng chính xác theo cách này trong một khuôn khổ rất công khai, nhân dịp tang lễ của Thượng nghị sĩ Mỹ Edward Kennedy, trước sự hiện diện của một Hồng y và các Giám mục khác.

Thậm chí người ta còn nói rằng bài Ave Maria, với lời xin tha thiết "cầu cho chúng con là kẻ có tội", là đặc biệt thích hợp cho đám tang, được dùng như là đối trọng cho xu hướng phong thánh người quá cố ngay lập tức. Việc sử dụng bài hát lúc ấy có thể là lời nhắc nhở về thực tại tội lỗi, giáo lý về luyện ngục, và sự cần thiết để cầu khẩn cho linh hồn người đã qua đời. (Zenit.org 30-11-2011)

Các ngăn trở cho người muốn chịu chức Linh mục

Hỏi: Xin cha giải thích và thảo luận về các ngăn trở cho người muốn chịu chức Linh mục. Cám ơn cha. – L. B., Madison, Wisconsin (Mỹ)

Đáp: Đây là một chủ đề rất phức tạp và rơi nhiều vào lĩnh vực Giáo luật hơn là Phụng vụ. Tuy nhiên, ít nhất chúng ta có thể phác thảo các khái niệm chủ yếu được tìm thấy trong các Điều Giáo luật từ số 1040 đến số 1049. Các Điều này giải quyết các ngăn trở và điều bất hợp luật đối với việc chịu chức Linh mục và hành sử chức thánh.

Đây không phải là toàn bộ các điều kiện để chịu chức Linh mục; còn có các điều kiện khác, như hoàn thành các môn học thần học cần thiết, được kết nạp vào hàng ứng viên linh mục, đã lãnh nhận tác vụ đọc sách và giúp lễ, phải tự viết đơn và ký tên vào đơn xin chịu chức linh mục, và dự tĩnh tâm theo qui định trước khi chịu chức (Xem các Điều 1033-1039).

Các điều Giáo luật liên quan mang tên:

"Những Điều Bất Hợp Luật Và Những Ngăn Trở Khác" (Bản dịch Việt ngữ của Bộ Giáo luật do các Linh Mục sau đây

thực hiện: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Điều 1040. "Những người vướng mắc một ngăn trở nào đó hoặc vĩnh viễn, - luật gọi là "điều bất hợp luật" -, hoặc đơn thường, phải bị loại trừ không được lãnh chức thánh. Tuy nhiên, không ai bị coi là mắc ngăn trở, ngoài những ngăn trở liệt kê trong các điều luật sau đây".

Một điều bất hợp luật là một ngăn trở vĩnh viễn, mặc dù đôi khi có sự miễn chuẩn. Một ngăn trở đơn thường có thể chấm dứt bằng các cách khác. Ví dụ, một người khi còn trẻ có hành vi ly giáo và sau đó được hòa giải với Giáo hội, sẽ luôn cần sự miễn chuẩn trước khi chịu chức.

Một người đàn ông đã lập gia đình có một ngăn trở đơn giản, vốn sẽ biến mất, nếu ông góa vợ hoặc, trong trường hợp hiếm hoi, được miễn chuẩn.

Việc miễn chuẩn này hầu hết được ban cho các cựu giáo sĩ Tin lành đã lập gia đình, khi họ được nhận vào chức linh mục. Đôi khi nó được cấp, khi cả hai vợ chồng trong một cuộc hôn nhân hợp lệ quyết định theo đuổi một ơn thiên triệu linh mục, nhưng trường hợp như vậy là hiếm có.

Vì vậy, Những Điều Bất Hợp Luật Và Những Ngăn Trở Khác là:

Điều 1041. "Những trường hợp 'bất hợp luật' để chịu chức là:

1. Người mắc bệnh điên khùng, hay bị một tâm bệnh khác mà theo ý kiến các nhà chuyên môn, đương sự không thể chu toàn đúng phép thừa tác vụ cách thích đáng được;

2. Người phạm tội bội giáo, lạc giáo hay ly giáo;

3. Người đã kết hôn, cho dù chỉ kết hôn dân sự, khi bị ngăn trở hôn nhân vì đã thành hôn trước đó, hoặc vì có chức thánh, hay có lời khấn công khai giữ khiết tịnh trọn đời; hoặc vì đương sự kết hôn với một người nữ đã kết hôn hữu hiệu hay đã bị ràng buộc bởi lời khấn khiết tịnh như vậy;

4. Người phạm tội cố sát hoặc phá thai có hiệu quả, và tất cả những người cộng tác tích cực vào các tội đó;

5. Người chủ tâm cưa cắt thân thể của mình hay của người khác cách nặng nề, hoặc đã mưu toan tự vẫn;

6. Người đã thi hành một hành vi thánh chức dành riêng cho Giám mục và Linh mục, khi không có chức thánh đó hay đã có thánh chức nhưng đã bị cấm thi hành do một hình phạt giáo luật đã tuyên bố hay tuyên kết".

Điều 1042. "Những trường hợp ngăn trở đơn thường không được chịu chức là:

1. Người nam đang có đôi bạn, trừ khi được tiến cử hợp lệ lên chức Phó Tế vĩnh viễn;

2. Người đang đảm nhiệm một chức vụ hay một việc quản trị có kèm theo việc tường trình mà giáo luật điều 285 và 286 cấm giáo sĩ. Ngăn trở này chấm dứt khi đương sự hết đảm nhiệm những công việc đó, hay đã hoàn tất việc tường trình;

3. Người tân tòng, trừ khi Bản quyền xét thấy họ đã vững vàng".

Điều 1043. " Nếu các tín hữu Kitô giáo biết được ngăn trở đối với chức thánh, họ có bổn phận tiết lộ chúng cho Đấng bản quyền hoặc cha xứ, trước lễ truyền chức".

Các Điều Giáo luật phân biệt giữa việc chịu chức Linh mục và hành sử chức thánh. Nói cách khác, các ngăn trở trên đây không nhất thiết làm cho việc chịu chức là không hợp lệ. Một người đàn ông có thể được truyền chức với một ngăn trở, vấn đề là liệu người ấy có thể hành sử chức thánh mình đã lãnh nhận hay không. Điều này được quy định trong các điều sau đây.

Các điều này là rất rõ rằng người nào được chịu chức Linh mục, khi đang có điều bất hợp luật hoặc ngăn trở chưa được miễn chuẩn, thì bị cản trở hành sử chức thánh. Trường hợp ngoại lệ là có phạm tội trước về bội giáo, lạc giáo, ly giáo, trừ phi nó được công khai biết đến. Nếu che giấu, sự ngăn trở cản trở việc chịu chức, nhưng không cản trở việc hành sử chức thánh đã nhận.

Điều 1044 "(1) Những trường hợp bất hợp luật để hành sử các chức thánh đã lãnh nhận là:

1. Người đã lãnh nhận thánh chức cách bất hợp pháp, bởi vì mắc một điều bất hợp luật để chịu chức;

2. Người đã phạm tội nói đến trong điều 1041, số 2, nếu tội đã thành công khai;

3. Người đã phạm tội nói đến trong điều 1041, các số 3, 4, 5, 6.

(2) Những trường hợp ngăn trở không được hành sử chức thánh là:

1. Người đã chịu chức cách bất hợp pháp vì bị ngăn trở không được chịu chức.

2. Người mắc bệnh điên rồ hay một tâm bệnh nào khác đến nói trong điều 1041, số 1, cho đến chừng nào Bản Quyền cho phép hành sử chức thánh, sau khi đã bàn hỏi ý kiến của nhà chuyên môn".

Điều 1045. "Việc không biết các trường hợp bất hợp luật và các ngăn trở không giải trừ cho các đương sự."

Điều 1046. "Các điều bất hợp luật và các ngăn trở tăng thêm lên do những nguyên nhân khác nhau, chứ không do cùng một nguyên nhân lặp đi lặp lại, trừ trường hợp bất hợp luật do tội cố sát hay phá thai có hiệu quả.

Điều 1047 "(1) Tòa Thánh dành quyền miễn chuẩn các điều bất hợp luật, nếu sự kiện làm nền tảng đã bị đưa ra tòa án.

(2) Tòa Thánh cũng dành quyền miễn chuẩn các điều bất hợp luật và các ngăn trở cấm chịu chức sau đây:

1. Những bất hợp luật do tội phạm công khai nói ở điều 1041, các số 2 và 3;

2. Bất hợp luật do tội phạm hoặc công khai hoặc kín đáo nói ở điều 1041, số 4;

3. Ngăn trở nói ở điều 1042, số 1.

(3) Tòa Thánh cũng dành quyền miễn chuẩn các điều bất hợp luật để hành sử chức thánh đã lãnh, nói ở điều 1041, số 3, nhưng chỉ trong những trường hợp đã trở thành công khai; và nói ở điều 1041, số 4, cả trong những trường hợp còn kín đáo.

(4) Bản Quyền có thể miễn chuẩn những điều bất hợp luật và ngăn trở không dành cho Tòa Thánh".

Điều 1048. "Trong những trường hợp còn kín và rất khẩn cấp, nếu không thể đến với Bản Quyền được, hoặc không thể đến Tòa Ân Giải Tòa Thánh khi gặp những bất hợp luật nói ở điều 1041, số 3 và 4, và có nguy cơ thiệt hại nặng hay nguy cơ mất tiếng tốt, thì ai mắc phải bất hợp luật để hành sử chức thánh vẫn có thể cứ hành sử, nhưng họ có bổn phận phải đến sớm hết sức với Bản Quyền hay Tòa Ân Giải Tòa Thánh để xin miễn chuẩn, qua trung gian cha giải tội và không cần xưng danh tánh".

Điều 1049. "(1) Trong đơn xin chuẩn các điều bất hợp luật và các ngăn trở, phải kê khai tất cả mọi bất hợp luật và ngăn trở. Tuy nhiên, ơn miễn chuẩn tổng quát có giá trị cho cả những bất hợp luật và ngăn trở đã vô tình quên kê khai, trừ những bất hợp luật nói ở điều 1041, số 4 và những bất hợp luật khác đã đưa ra tòa án; nhưng không có giá trị cho bất hợp luật và ngăn trở đã giấu diếm vì gian ý.

(2) Nếu là bất hợp luật cố sát hoặc phá thai, thì để sự miễn chuẩn được hữu hiệu, cần phải nói rõ số lần phạm tội nữa.

(3) Ơn miễn chuẩn tổng quát về các bất hợp luật và ngăn trở cấm lãnh thánh chức, có giá trị cho mọi chức thánh".

Có nhiều vấn đề cần được giải quyết liên quan đến việc áp dụng các điều bất hợp luật và các ngăn trở, và mỗi trường hợp phải được giải quyết theo giá trị của nó. Các chuyên viên Giáo luật tranh luận về các điểm tinh tế của luật, để biết khi nào một số ngăn trở có thể được áp dụng hay không. Ví dụ, cần phải làm gì khi điều kiện tâm thần không là thường xuyên? Liệu một người đàn ông gây ra một cái chết do lái xe thiếu thận trọng có là bị sự ngăn trở do giết người không? Liệu một nỗ lực tự tử hồ nghi có là điều bất hợp luật không?

Đây chỉ là một số trong các vấn đề cần phải được giải quyết.

Cuối cùng, hầu hết các chuyên viên Giáo luật sẽ đồng ý rằng hầu hết các điều bất hợp luật và các ngăn trở sẽ không áp dụng cho một người không là Công giáo vào thời gian phạm tội, mặc dù chúng phải được cân nhắc cẩn thận trong việc đánh giá

liệu một người phù hợp với việc chịu chức Linh mục không. (Zenit.org 7-2-2012)

Dầu nào có thể được sử dụng lúc xức dầu khẩn cấp?

Hỏi: Liệu một linh mục có thể dùng dầu parafin tại bệnh viện để rửa tội khẩn cấp, làm phép Thêm sức khẩn cấp và Xức dầu khẩn cấp cho bệnh nhân không? Đây là loại dầu không động vật thường được tìm thấy trong các bệnh viện một cách dễ dàng. Tôi tin rằng nó được chưng cất từ dầu mỏ. Liệu ba bí tích trên có thành sự khi được ban bởi dầu này không, bởi vì dầu đúng cách là không có sẵn trong trường hợp khẩn cấp? Câu hỏi thứ hai là, nếu việc làm phép dầu là đơn giản với kinh "nhân danh Cha và Con và Thánh Thần", vì các công thức làm phép dầu không có sẵn khi khẩn cấp, thì việc ban bí tích cho người bệnh nặng có thành sự không? - J. T., Đài Loan

Đáp: Có nhiều vấn đề liên quan ở đây.

Trước tiên, những loại dầu nào cần được nói tới? Dành cho các bí tích, Giáo hội Công giáo làm phép ba loại dầu riêng biệt trong Thánh Lễ Truyền Dầu ngày Thứ Năm Tuần Thánh. Dầu dự tòng (OS) được sử dụng cho nghi thức bổ sung không cần thiết của bí tích rửa tội. Dầu bệnh nhân (OI) tạo nên chất thể của bí tích xức dầu bệnh nhân. Và Dầu thánh hiến (SC), vốn là chất thể thiết yếu của bí tích Thêm sức và cũng được sử dụng trong các nghi thức bổ sung của bí tích rửa tội, Bí tích Truyền chức và một số nghi thức khác, chẳng hạn cung hiến nhà thờ hay bàn thờ.

Thành phần cơ bản của hai loại dầu đầu tiên là dầu ô liu; chỉ có công thức làm phép mới phân biệt hai dầu này. Dầu thánh hiến là một hỗn hợp của dầu ô liu và nhựa.

Trong ba dầu này, chỉ trong trường hợp của dầu bệnh nhân, có thể sử dụng dầu khác, với việc linh mục làm phép dầu trong trường hợp khẩn cấp. ĐTC Phaolô VI nói về khả năng này trong Tông hiến Sacram Unctione Infirmorum năm 1972. Đề cập đến chất thể của bí tích, ĐTC nói:

"Hơn nữa, bởi vì dầu ôliu, vốn cho đến nay đã được quy định cho việc ban bí tích thành sự, là không thể kiếm được hoặc khó kiếm được ở một số nơi trên thế giới, chúng tôi tuyên lệnh, theo yêu cầu của nhiều Giám mục, rằng trong tương lai, tùy theo trường hợp, dầu của bất cứ loại nào khác cũng có thể được sử dụng, miễn là nó được chiết từ thực vật, bởi vì nó gần giống như chất liệu được chỉ định trong Kinh Thánh".

Ngài cũng cho phép các linh mục làm phép dầu này trong trường hợp khẩn cấp. Qui định này sau đó được đưa vào Điều 999 của Bộ Giáo Luật (Bản dịch Việt ngữ của Bộ Giáo luật do các Linh Mục sau đây thực hiện: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh), vốn xác định những người có thể làm phép dầu:

"Ngoài Giám mục ra, những người có thể làm phép dầu để dùng vào việc xức dầu là:

1. Những người được Giáo luật đồng hóa với Giám mục giáo phận;

2. Khi khẩn thiết, thì bất cứ Linh mục nào cũng được, tuy chỉ giới hạn trong chính lần cử hành bí tích này.

Điều 1000: (1) Sự xức dầu phải cử hành nghiêm chỉnh cùng với những lời đọc, theo thứ tự và cách thức đã quy định trong sách phụng vụ. Tuy nhiên, khi khẩn thiết, chỉ xức dầu trên trán hay trên một phần khác của thân thể cũng đủ; nhưng phải đọc trọn vẹn mô thức của Bí Tích.

(2) Thừa tác viên phải xức dầu bằng chính tay của mình, trừ khi có lý do quan trọng khuyên nên dùng một dụng cụ".

Trong các trường hợp mà linh mục đã làm phép dầu cho một tình huống cụ thể, số 22 của Luật Chăm Sóc Mục vụ Bệnh nhân quy định: "Nếu có bất kỳ lượng dầu còn lại sau khi cử

hành bí tích, nó phải được thấm vào vải bông (bông xơ) và đốt cháy."

Không giống như trường hợp của bí tích xức dầu bệnh nhân, Điều 880 § 2 nói; "Dầu dùng trong Bí Tích Thêm Sức phải được thánh hiến bởi Giám mục, cả khi Bí Tích được một Linh mục ban".

Có các qui định ít đặc biệt hơn liên quan đến dầu dự tòng, bởi vì dầu này là không thiết yếu cho bí tích, và trong trường hợp khẩn cấp, chỉ cần Rửa tội với nước và công thức Chúa Ba Ngôi. Đồng thời, nghi thức dự liệu khả năng thực hiện tất cả các nghi lễ trong một hình thức vắn gọn.

Nếu một người lãnh bí tích rửa tội khẩn cấp và sau đó còn sống, các nghi thức rửa tội bổ sung (xức dầu thánh, mang áo trắng, và cầm nến rửa tội) thường được thực hiện vào một ngày thuận tiện trong một nhà thờ hay nhà nguyện.

Vì vậy, xin trả lời các câu hỏi cụ thể của người đọc:

- Dầu parafin là không thích hợp như là chất thể hợp lệ cho bất cứ bí tích nào. Nếu dầu ô liu là không có sẵn để xức dầu bệnh nhân, dầu thực vật khác có thể được sử dụng. Dầu thánh hiến và dầu dự tòng phải được làm phép bởi Giám mục. Vì thế, bổn phận của linh mục chánh xứ và tuyên úy bệnh viện là luôn sẵn sàng có ba loại dầu phù hợp, để sử dụng khi cần.

- Chỉ có dầu bệnh nhân có thể được làm phép bởi một linh mục trong trường hợp khẩn cấp.

Một trong ba công thức để làm phép dầu phải được sử dụng thích hợp, để đảm bảo tính hiệu lực. Công thức thứ ba, trong trường hợp đặc biệt, là ngắn gọn nhất: "Xin Chúa + chúc phúc cho dầu này và anh/chị N., để dầu có thể mang lại cho anh/chị sự phù trợ." Sẽ là không đủ để làm phép dầu một cách chung chung, mà không đề cập đến nội dung của bí tích xức dầu bệnh nhân. (Zenit.org 22-5-2012)

Linh mục được làm phép dầu Dự tòng trong trường hợp khẩn cấp không?

Hỏi: Sau khi chúng tôi đưa ra lời bình về việc linh mục làm phép dầu (ngày 23-5-2012), một độc giả khác mời tôi có ý kiến về việc làm phép dầu Dự tòng (OS).

Đáp: Về dầu dự tòng, "Nghi thức tổng quát về Làm phép dầu, Nghi thức cung hiến Dầu thánh", được tìm thấy trong phần phụ lục của Sách các nghi lễ thánh bằng tiếng Anh, trong số 7 của phần dẫn nhập, đề cập đến khả năng của linh mục làm phép Dầu Dự tòng vì 'lý do mục vụ." Sự cho phép này cũng được tìm thấy trong "Nghi thức Khai tâm Kitô Giáo dành cho người lớn" (RCIA), số 101 trong phiên bản tiếng Anh (hoặc số 129 của bản gốc Latinh)".

Bản văn của "Nghi thức Khai tâm Kitô Giáo dành cho người lớn" nói: "Dầu sử dụng cho nghi lễ này là dầu được làm phép bởi Đức Giám Mục trong Thánh Lễ Truyền Dầu, nhưng vì lý do mục vụ, một linh mục cử hành có thể làm phép dầu cho nghi thức, ngay trước khi xức dầu". (Zenit.org 5-6-2012)

Những khi nào cần cất Mình Thánh Chúa khỏi nhà thờ?

Hỏi: Trong những điều kiện nào, Mình Thánh Chúa phải được cất khỏi nhà thờ? Ví dụ, khi một buổi hòa nhạc hoặc sự kiện thế tục được tổ chức trong nhà thờ, hoặc khi một buổi cầu nguyện đại kết được tổ chức, Mình Thánh Chúa phải được cất khỏi nhà thờ không? - J. L., Pittsfield, New Hampshire (Mỹ)

Đáp: Có nhiều dịp Mình Thánh Chúa phải hoặc nên được cất khỏi nhà thờ.

Tình huống chính khi việc này xảy ra là khi một buổi hòa nhạc được tổ chức trong nhà thờ. Năm 1987, Thánh bộ Phụng tự phổ biến một tuyên bố về các buổi hòa nhạc trong nhà thờ (Prot. 1251-1287).

Mặc dù được tập trung vào chủ đề của các buổi hòa nhạc, tài liệu này nói rõ một số nguyên tắc về tính chất và mục đích của nhà thờ, vốn có thể áp dụng cho các tình huống khác:

"5. Theo truyền thống được thể hiện trong nghi thức về sự cung hiến một nhà thờ và bàn thờ, nhà thờ chủ yếu là nơi mà dân Chúa tập họp, và "trở nên một như Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là một, và là Giáo hội, đền thờ của Thiên Chúa được xây dựng bằng các viên đá sống động, trong đó Chúa Cha được tôn thờ trong tinh thần và chân lý". Đúng như vậy, từ thời cổ đại, danh từ "nhà thờ" đã được mở rộng thành một tòa nhà, trong đó cộng đồng Kitô hữu đoàn kết để nghe lời Chúa, cùng nhau cầu nguyện, nhận lãnh các bí tích, cử hành Hy tế Tạ ơn và kéo dài thời gian cử hành Thánh Lễ trong việc chầu Mình Thánh Chúa (x. Qui định cung hiến một nhà thờ, ch. II, 1).

"Tuy nhiên, các nhà thờ không thể được coi đơn giản như là nơi công cộng cho bất kỳ loại hội họp nào. Nhà thờ là nơi thánh, nghĩa là "được tách riêng ra" một cách thường xuyên cho việc thờ phượng Chúa, qua việc cung hiến và làm phép.

"Là công trình xây dựng hữu hình, các nhà thờ là dấu chỉ của Giáo hội lữ hành trên trần thế; nhà thờ là hình ảnh công bố Giêrusalem trên trời, là nơi mà trong đó được hiện thực hóa mầu nhiệm của sự hiệp thông giữa con người và Thiên Chúa. Ở thành thị cũng như nông thôn, nhà thờ vẫn là nhà của Thiên Chúa, và là dấu chỉ của việc Người hiện diện ở giữa loài người. Nhà thờ vẫn là một nơi thánh thiêng, ngay cả khi không có cử hành phụng vụ.

"Trong một xã hội bị xáo trộn bởi tiếng ồn, đặc biệt là ở các thành phố lớn, nhà thờ cũng là một ốc đảo, nơi người ta qui tụ, trong thinh lặng và cầu nguyện, để tìm kiếm sự bình an của tâm hồn và ánh sáng đức tin.

"Điều đó sẽ chỉ có thể có được khi nhà thờ duy trì căn tính đặc biệt của mình. Khi nhà thờ được sử dụng cho các mục đích khác với các mục đích mà nó được xây dựng, vai trò của nó như là một dấu chỉ của mầu nhiệm Kitô giáo sẽ gặp nguy hiểm, với ít hay nhiều tổn hại lớn cho việc giảng dạy đức tin và sự nhạy cảm của dân Chúa, theo lời Chúa nói: "Nhà ta là nhà cầu nguyện" (Lc 19, 46)".

Tài liệu cũng nêu ra một số chỉ thị thực tế:

"8 Luật sử dụng nhà thờ được quy định bởi Điều 1210 của Bộ Giáo luật: "Trong nơi thánh, chỉ được nhận điều gì giúp vào sự thi hành hay tăng gia việc thờ phượng, đạo đức, và tôn giáo; phải cấm những gì trái nghịch với sự thánh thiện của nơi thánh. Tuy nhiên, Bản Quyền có thể cho phép xử dụng vào những sinh hoạt khác, nhưng chỉ từng lần một, miễn là không trái với sự thánh thiện của nơi thánh".

"Nguyên tắc rằng việc sử dụng nhà thờ không xúc phạm sự thánh thiêng của nơi này, xác định các tiêu chuẩn, mà qua đó các cửa nhà thờ có thể được mở ra cho một buổi biểu diễn thánh ca hay hòa nhạc thánh ca, nhưng cũng có thể loại trừ đồng thời các loại âm nhạc khác.

Ví dụ, âm nhạc giao hưởng đẹp nhất tự nó không có tính chất thánh thiêng. Định nghĩa của thánh nhạc hoặc nhạc đạo rõ ràng phụ thuộc vào việc sử dụng ban đầu của các bản nhạc hoặc bài hát, và tương tự như vậy vào nội dung của chúng. Như vậy không là hợp pháp khi cho trình diễn trong nhà thờ âm nhạc, vốn không từ cảm hứng tôn giáo và được sáng tác nhằm trình diễn trong một bối cảnh thế tục chính xác, không phân biệt đó là âm nhạc cổ điển hay đương đại, chất lượng cao hoặc nhạc bình dân. Một mặt, các trình diễn như vậy sẽ không tôn trọng tính chất thánh thiêng của nhà thờ, và mặt khác, sẽ làm cho âm nhạc được trình diễn trong một bối cảnh không thích hợp.

"Nó liên quan đến giáo quyền được tự do hành sử quyền bính của mình trong các nơi thánh (x. Giáo luật, Điều 1213), và do đó điều chỉnh việc sử dụng nhà thờ trong cách thức duy trì tính chất thánh thiêng của nhà thờ.

"9 Thánh nhạc, tức là âm nhạc được sáng tác dành cho phụng vụ, nhưng vì nhiều lý do khác nhau không còn có thể được thực hiện trong một cử hành phụng vụ, và âm nhạc tôn giáo, tức là âm nhạc lấy cảm hứng từ bản văn Kinh Thánh hoặc Phụng vụ, và nhắc đến Chúa, Đức Trinh Nữ Maria, các thánh hay Giáo hội, cả hai có một vị trí trong nhà thờ, nhưng bên ngoài sự cử hành phụng vụ. Việc chơi đàn organ hoặc các trình tấu âm nhạc khác, dù là thanh nhạc hay khí nhạc, có thể "giúp thúc đẩy lòng đạo đức hay việc thờ phượng". Đặc biệt, chúng có thể:

"a.Chuẩn bị cho các ngày lễ phụng vụ lớn, hoặc giúp một tính cách lễ hội hơn vượt ra ngoài thời điểm của buổi cử hành hiện tại;

"b.Mang lại tính cách đặc biệt của các mùa phụng vụ khác nhau;

"c.Tạo ra trong nhà thờ một khung cảnh thẩm mỹ thuận lợi để suy niệm, để khơi dậy cho cả những người ở xa nhà thờ một sự cởi mở cho các giá trị tinh thần;

"d.Tạo ra một bối cảnh, vốn cổ vũ và giúp tiếp cận việc công bố Lời Chúa, chẳng hạn, việc đọc Tin Mừng theo cung điệu.

"e.Làm sống động các kho báu của âm nhạc Giáo Hội, mà không phải bị mất đi; các đoạn nhạc và thánh ca sáng tác cho Phụng vụ, nhưng không thể sát nhập cách thuận lợi vào việc cử hành phụng vụ trong thời đại mới; âm nhạc thiêng liêng, chẳng hạn các oratorio (thanh xướng kịch) và cantata (đại hợp xướng) tôn giáo, vốn vẫn có thể phục vụ như là phương tiện để giao tiếp tâm linh;

"f.Hỗ trợ du khách và khách du lịch để nắm bắt đầy đủ hơn tính chất thánh thiêng của một nhà thờ, qua buổi trình diễn đàn organ trong thời gian chuẩn bị trước.

"10. Khi có đề nghị sẽ có buổi hòa nhạc trong một nhà thờ, Đấng Bản Quyền sẽ cấp phép *per modum actus* (từng lần một). Các buổi hòa nhạc này là sự kiện không thường xuyên. Điều này loại trừ việc cấp phép cho cả một loạt buổi hòa nhạc,

ví dụ, trong trường hợp của một lễ hội hoặc một chu kỳ của các buổi hòa nhạc.

"Khi có những lý do khác quan trọng xui khiến không tiện xử dụng một nhà thờ vào việc phụng tự nữa, thì Giám Mục giáo phận, sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng Linh m.ục và được sự thỏa thuận của những người có quyền lợi hợp lệ trong nhà thờ, có thể cho xử dụng vào việc phàm tục không uế tạp, miễn là không vì thế mà làm thiệt hại đến ích lợi của các linh hồn" (Điều 1222, đoạn 2).

"Để tính cách thánh thiêng của một nhà thờ được bảo tồn trong vấn đề của buổi hòa nhạc, Đấng Bản Quyền có thể qui định rằng:

"a.Các đơn xin phải được thực hiện bằng văn bản, trong thời gian thuận tiện, nói rõ ngày giờ của buổi hòa nhạc, chương trình, cho biết các tác phẩm và tên của nhà soạn nhạc.

"b.Sau khi đã nhận được sự cho phép của Đấng Bản Quyền, các quản lý và cha xứ của các nhà thờ nên sắp xếp chi tiết với đội hợp xướng và dàn nhạc, để các qui định được chấp hành tốt.

"c.Việc vào nhà thờ là miễn phí và mở cửa cho mọi người.

"d.các ca viên, diễn viên và cử tọa phải mặc y phục xứng hợp với tính cách thánh thiêng của địa điểm.

"e.Nhạc công và ca sĩ không có chỗ trong cung thánh. Sự kính trọng lớn nhất là dành cho bàn thờ, ghế của chủ tế và đài giảng kinh.

"f.Mình Thánh Chúa cần được lưu giữ càng xa càng tốt, trong một nhà nguyện bên cạnh hoặc ở một nơi an toàn và trang hoàng đẹp đẽ. (x. Giáo luật, Điều 938, đoạn 4).

"g.Buổi hòa nhạc cần được giới thiệu hoặc trình bày, không chỉ với các chi tiết lịch sử hay kỹ thuật, nhưng còn trong một cách thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn và sự tham gia nội tâm về phía thính giả.

"h.Người tổ chức buổi hòa nhạc sẽ tuyên bố bằng văn bản rằng ông chấp nhận trách nhiệm pháp lý cho các chi phí liên

quan, cho việc sắp xếp nhà thờ lại trật tự, và đừng có hư hại xảy ra.

"11. Các chỉ thị thực tế trên sẽ hỗ trợ cho các Giám mục và Linh mục quản lý nhà thờ trong trách nhiệm mục vụ của mình, để duy trì tính chất thánh thiêng của nhà thờ, vốn được thiết kế cho các cử hành thiêng liêng, cầu nguyện và thinh lặng".

Các quy tắc tương tự sẽ áp dụng cho các sự kiện thế tục được tổ chức trong các nhà thờ, miễn là chúng được cho phép cách hợp pháp và không trái với sự thánh thiện của nhà thờ.

Liên quan đến các cử hành đại kết, Chỉ Nam Đại kết chỉ nói ít vào chủ đề này khi giải quyết khả năng chia sẻ quyền sở hữu của một không gian thờ phượng của nhiều hơn một cộng đồng:

"139. Khi Đức Giám mục giáo phận cho phép sự sỡ hữu hoặc việc sử dụng nhà thờ, theo các qui định có thể được thiết lập bởi Hội đồng Giám mục hoặc Tòa Thánh, sự xem xét đúng đắn cần được đưa ra cho việc lưu giữ Mình Thánh Chúa, để cho vấn đề này được giải quyết trên cơ sở của một nền thần học bí tích đúng đắn với sự tôn trọng phải lẽ, trong khi cũng quan tâm đến sự nhạy cảm của những người sẽ sử dụng tòa nhà, ví dụ, bằng cách xây dựng một phòng riêng hoặc nhà nguyện riêng".

Tuy nhiên, khuyến nghị này, tức là vấn đề được giải quyết trên cơ sở của một nền thần học bí tích đúng đắn, sự tôn trọng phải lẽ và sự nhạy cảm của những người tham gia, có thể được áp dụng khi chuẩn bị một cử hành đại kết.

Trước đó, Chỉ Nam nói về vị trí của các khoảnh khắc cầu nguyện chia sẻ:

112 Mặc dù một nhà thờ là nơi mà một cộng đồng thường quen với việc cử hành phụng vụ riêng của mình, các cử hành chung được nói ở trên có thể được cử hành trong nhà thờ của cộng đồng này hay của cộng đồng khác có liên quan, nếu việc này được chấp nhận bởi tất cả những người tham gia. Dù nhà thờ nào được sử dụng, nó cần được thỏa thuận của mọi người, có khả năng được chuẩn bị đúng cách và có lợi cho sự thờ phượng".

Ở đây, không đề cập đến việc lưu giữ Mình Thánh Chúa khi cho phép một thỏa thuận như vậy.

Thật vậy, sự hiện diện Thánh Thể có thể là một yếu tố quyết định, để xem liệu các cộng đồng Kitô giáo khác nhau sẽ tìm thấy sự đồng ý để cầu nguyện trong một nhà thờ Công giáo hay không. Một số cộng đồng sẽ không gặp khó khăn và sẽ tỏ ra sự tôn trọng đáng có với niềm tin Công giáo. Trong các trường hợp khác, các nhóm vẫn có thể là xa nhau, nên tốt hơn là tổ chức nghi thức cầu nguyện ở một địa điểm khác.

Tôi không tin rằng việc lưu giữ Mình Thánh Chúa nơi khác, để ủng hộ một số hình thức cầu nguyện chung trong một nhà thờ Công giáo, là một ý tưởng tốt về mặt đại kết. Dường như là khó tốt cho cuộc đối thoại hiệu quả, khi một cộng đồng đặt qua một bên khía cạnh trung tâm của việc sống đạo để tỏ ra cởi mở với cộng đoàn khác.

Tính cách đại kết thật sự thừa nhận sự khác biệt, cũng như nhấn mạnh đến những điểm chung với nhau. (Zenit.org 19-6-2012)

Giáo dân đặt Mình Thánh Chúa được không?

Qua việc chúng tôi trả lời về việc cất Mình Thánh Chúa trong các điều kiện nào (xem bài ngày 20-6), một độc giả hỏi: "*Khi Mình Thánh Chúa được đặt cho cộng đồng chầu, liệu một giáo dân có xứng đáng để đặt Mình Thánh Chúa vào Hào Quang, và, sau khi chầu xong, lấy Mình Thánh Chúa ra và cất trong nhà tạm không? Tôi thấy việc này đã diễn ra trong nhiều nhà thờ. Đức Giáo hoàng đồng ý với việc làm này không? Điều giáo luật nào nói về vấn đề này?*"

Đáp: Các thừa tác viên có chức thánh là các thừa tác viên thông thường của việc đặt mình Thánh Chúa khi chầu, và cất Mình Thánh Chúa vào nhà tạm. Một thầy giúp lễ là một thừa

tác viên ngoại thường theo chức vụ của công việc này, khi hoàn cảnh yêu cầu.

Nhưng chỉ có các thừa tác viên có chức thánh mới có thể cầm Mình Thánh Chúa để ban phép lành.

Trong trường hợp đặc biệt, Giám mục có thể cho phép các thừa tác viên giáo dân đặt và cất Mình Thánh Chúa.

Ví dụ, nếu một giáo xứ thực hành việc chầu Mình Thánh nhiều giờ trong một ngày, nhưng việc chầu Mình Thánh bị gián đoạn trong đêm hoặc trong một thời gian dài trong ngày, Đức Giám mục có thể cho phép một thừa tác viên ngoại thường giáo dân, để đặt và cất Mình Thánh Chúa, nếu không có linh mục hoặc phó tế vào những lúc cần thiết (xem văn kiện "*Eucharistiae Sacramentum*" năm 1973 của Thánh Bộ Phụng Tự, các số 91-92).

Việc đặt và cất Mình Thánh Chúa bởi một thừa tác viên ngoại thường phải là luôn đơn giản. Mình Thánh Chúa chỉ được đặt vào và cất khỏi Hào quang, và hộp đựng Mình Thánh được cất vào nhà tạm. Không xông hương và không cần người giúp lễ, mặc dầu cộng đoàn có thể hát một bài Thánh Thể thích hợp.

Đức Giáo hoàng có đồng ý không ư? Vâng, Đức Thánh Cha chắc chắn sẽ mong ước có đủ các thừa tác viên thông thường cho tất cả các giáo xứ trên thế giới.

Tuy nhiên, vì đây chưa phải là một thực tế, tôi nghĩ rằng Ngài chắc chắn sẽ ủng hộ việc nhờ đến các thừa tác viên ngoại thường được chấp thuận, để cổ vũ việc chầu Mình thánh Chúa liên tục ngày này sang ngày khác. (Zenit.org 3-7-2012)

Một trẻ em đã rửa tội thì hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội chưa?

Hỏi: Gần đây, tôi đã được yêu cầu cho một trẻ em 10 tuổi, đã được rửa tội là người Anh giáo, gia nhập đạo Công giáo. Trong 'Nghi thức Khai tâm Kitô giáo dành cho người lớn' (RCIA), dường như không khoản nào nói về trẻ em đã được

rửa tội, được đưa vào đức tin Công giáo, do đó, tôi chỉ đơn giản sử dụng phần chung "Tiếp nhận các Kitô hữu được rửa tội vào sự hiệp thông trọn vẹn của Giáo hội Công giáo". Phần này dường như chỉ ra rằng việc ban phép Thêm sức có thể diễn ra, nhưng vì trẻ em là chưa đủ tuổi nhận phép Thêm sức như bình thường (phải khoảng 12 tuổi), nên tôi đã bỏ qua phần nghi thức này. Điều này có đúng không, hay là tôi cứ ban phép Thêm sức cho trẻ đó? Trong việc in giấy chứng nhận cho gia đình của đứa trẻ, tôi nên nói đến nghi thức như là "Nhận vào sự hiệp thông trọn vẹn của Giáo hội Công giáo" hay chỉ đơn giản là "Nhận vào Giáo hội Công giáo" – bởi vì đứa trẻ chưa lãnh phép Thêm sức thì chưa có các bí tích khai tâm đầy đủ? – J. D., Leeton, Australia

Đáp: Theo giáo luật:

Điều 889: §1. Tất cả và chỉ những người đã lãnh Bí Tích Rửa Tội và chưa lãnh Bí Tích Thêm Sức mới có khả năng lãnh nhận Bí Tích Thêm Sức.

§2. Ngoài trường hợp nguy tử, muốn lãnh nhận Bí Tích Thêm Sức cách hợp pháp, nếu đương sự biết xử dụng trí khôn, thì phải học hỏi đầy đủ, chuẩn bị xứng đáng và có khả năng lặp lại những lời hứa khi chịu Bí Tích Rửa Tội.

Điều 890: Các tín hữu có bổn phận phải lãnh nhận Bí Tích này vào thời gian thích hợp. Do đó, cha mẹ, các Chủ Chăn, nhất là các Cha Sở, phải lo liệu để các tín hữu được dạy dỗ kỹ lưỡng để lãnh nhận Bí Tích, và được lãnh nhận vào thời gian thích hợp.

Điều 891: Bí Tích Thêm Sức được ban cho tín hữu vào tuổi biết phán đoán, trừ khi Hội đồng Giám mục hạn định một tuổi khác, hoặc gặp trường hợp nguy tử, hay, theo sự nhận định của thừa tác viên, một lý do quan trọng đòi hỏi thể khác. (Bản dịch Việt ngữ của Bộ Giáo luật do các Linh mục sau đây thực hiện: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh)

Ngay cả trong trường hợp mà luật bổ sung tồn tại, Giáo luật 843 §1 nói: "Thừa tác viên thánh không được từ chối ban Bí

Tích khi có người xin lãnh nhận một cách thích đáng, đã được chuẩn bị hợp lệ và không bị giáo luật cấm nhận lãnh Bí Tích". Trong một bài trả lời ngày 29-8-2006, chúng tôi đã xem xét cách thức mà Thánh Bộ Phụng Tự sử dụng khoản luật này, trong việc bênh vực một bé gái 11 tuổi, người đã bị từ chối phép Thêm sức, dựa vào chính sách của giáo phận cho một độ tuổi lớn hơn.

Nói chung, chúng tôi có thể nói rằng đối với khả năng Rước lễ lần đầu và lãnh phép Thêm sức, Giáo hội xem tuổi khôn là đủ rồi.

Điều này giải thích phần nào sự thiếu vắng "Nghi thức Khai tâm Kitô giáo dành cho trẻ em lớn tuổi hơn". Đối với Giáo hội, các trẻ em này có thể được xem như là người lớn. Vì vậy, khi trẻ em đã đến tuổi khôn, được rửa tội hoặc được tiếp nhận vào sự hiệp thông trọn vẹn của Giáo hội Công giáo, thì chính sách chung là cho chúng lãnh các bí tích khai tâm đầy đủ, là Rước lễ vỡ lòng và phép Thêm sức.

Một số Hội đồng Giám mục đã minh nhiên nói về việc thực hành này. Vài năm trước đây, ví dụ, các Giám mục Tây Ban Nha đã công nhận một vấn đề mục vụ tương đối mới cho quốc gia đó. Noi theo các xu hướng phổ biến, một số bậc cha mẹ đã hoãn việc Rửa tội cho con cái của họ. Khi đến tuổi Rước lễ vỡ lòng, các em này, những người thường xuyên tham gia các lớp giáo lý, bắt đầu diễn tả sự mong muốn chia sẻ cùng một tiến trình như các người đồng hành của họ.

Sau khi cân nhắc, các Giám mục đã quyết định rằng các trẻ em này nên tham gia vào một chương trình giáo lý đặc biệt. Chương trình sẽ dẫn các em đến nhận lãnh ba bí tích khai tâm trong cùng một buổi cử hành, thay vì lãnh phép Rửa tội và Rước lễ vỡ lòng với các người đồng hành.

Chính sách này là phù hợp với ý của Giáo hội. Nói cách khác, nếu một đứa trẻ đã đến tuổi khôn, và có ý thức đủ để có thể ước muốn cách tự do và lãnh nhận phép Rửa tội, thì người ta có thể hợp lý giả định rằng đứa trẻ ấy cũng đã sẵn sàng lãnh nhận các bí tích khác.

Đối với giấy chứng nhận, tôi sẽ nói rằng độc giả trên đây chắc là thích sử dụng công thức thứ nhất hơn. Thậm chí nếu đứa trẻ chưa lãnh phép Thêm sức, nó đã ở trong sự hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội rồi. Nếu không, chúng ta có thể suy ra rằng các người Công giáo đã rửa tội mà chưa lãnh phép Thêm sức, thì bằng cách nào đó chưa hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội. (Zenit.org 23-10-2012)

Trẻ em Maronite là người Công giáo hợp pháp không?

Hỏi: Sau khi tôi đã trả lời ngày 23-10 về việc trẻ em gia nhập Giáo hội Công giáo như thế nào, một độc giả đã viết hỏi:"Cháu trai của tôi đã được rửa tội bởi một linh mục nghi lễ Maronite - cha của đứa bé cũng thuộc nghi lễ này – và lãnh phép thêm sức sau khi rửa tội luôn. Vậy cháu đã là người Công giáo hợp pháp không?".

Đáp: Việc này là hoàn toàn hợp pháp. Theo Khoản 29.1 của Bộ Giáo luật của các Giáo hội Đông Phương:

"Một con trai hay con gái, chưa trọn 14 tuổi, nhờ phép Rửa tội được sáp nhập đương nhiên vào Giáo hội mà người cha Công giáo của nó được sáp nhập, hoặc nếu chỉ có mẹ là Công giáo, hoặc nếu cả hai cha mẹ của nó đồng lòng xin cho nó thuộc về Giáo hội của người mẹ của nó…"

Việc đứa con ấy lãnh phép Thêm sức cũng là việc thực hành thông thường trong các nghi lễ ấy, và do đó, đứa bé là người Công giáo hoàn toàn hợp pháp. (Zenit.org 6-11-2012)

Linh mục Công giáo dùng dầu thánh của Chính Thống Giáo được không?

Hỏi: Tôi là một linh mục Công giáo Rôma, phục vụ như một tuyên úy trong một nhà tù của bang. Qui định an ninh

không cho phép đưa vào nhà tù mọi vật dụng phụng vụ, kể cả rượu lễ, sách, bánh lễ, chén thánh, bình rượu nước... Tôi đã để các vật dụng này ngoài cổng nhà tù, nếu không, tôi không được vào nhà tù khi không có giấy phép ở cổng vào. Tuyên úy trưởng là một linh mục Chính thống giáo, và ngài giữ các dầu thánh trong văn phòng của ngài. Tình hình chỉ phát sinh khi một người Công giáo trong bệnh xá yêu cầu được lãnh bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, nhưng người này nhập viện bên ngoài cơ sở, trước khi tôi có thể đến gặp người ấy. Theo qui định, tôi không mang dầu thánh vào cơ sở, khi không có nhu cầu chung hoặc không có giấy phép vào cổng. Hộp dầu bằng kim loại gây báo động an ninh trong mọi trường hợp. Việc đưa lậu vật dụng vào nhà tù mà không có giấy phép vào cổng sẽ bị ít là khiển trách hoặc có thể bị nghỉ việc. Như thế liệu tôi có thể dùng dầu thánh Chính Thống giáo để xức dầu cho một tù nhân Công giáo không? Cũng cần nói rõ thêm, việc kiếm được dầu thực vật (dầu ô liu hoặc dầu khác) cũng là khá khó khăn, bởi vì các dầu này chỉ được dùng tại nhà ăn hoặc nhà bếp trong giờ ăn, và được cất lại vào tủ có khóa trong các giờ khác. Có lẽ giải pháp tốt nhất là tìm cách thu xếp để cất dầu thánh Công giáo trong phòng cha tuyên úy Chính Thống giáo, nhưng hộp dầu bằng kim loại vẫn là chuyện khó giải quyết. - W. S., bang Pennsylvania, Mỹ.

Đáp: Có nhiều điểm cần giải quyết. Như cha đã nói, giải pháp tốt nhất là tìm cách thu xếp để cất dầu thánh Công giáo trong phòng cha tuyên úy Chính Thống giáo. Nếu bình đựng kim loại là một vấn đề không thể vượt qua được, thì có thể bình đựng bằng thủy tinh, gốm sứ hoặc chất liệu khác phù hợp, sẽ được cho phép.

Cũng có thể đưa một bình kim loại vào nhà tù sẵn, và sau đó mỗi năm đưa dầu vào bằng bình khác, và rót dầu vào bình kim loại ấy.

Nếu điều này cũng không khả thi, thì cha có thể sử dụng các loại dầu thánh do linh mục Chính Thống giáo lưu trữ.

Nguyên tắc liên quan là sự công nhận các bí tích của nhau. Giáo hội Công giáo công nhận tính hợp lệ của tất cả các bí tích được thực hiện bởi các Giáo hội Chính thống. Như vậy, Giáo hội cũng nhìn nhận dầu bệnh nhân, do một giám mục Chính thống làm phép hợp lệ, là chất liệu bí tích hợp lệ.

Điều này cũng được xác nhận bởi Sách Hướng dẫn Đại kết, vốn cho phép người Công giáo trong trường hợp khẩn cấp nhận lãnh các bí tích Giao hòa, Bí tích Xức dầu bệnh nhân, và Rước lễ từ một linh mục Chính thống giáo, một cách hợp lệ và hợp pháp.

Vì vậy, nếu một tù nhân Công giáo cần các bí tích này trong trường hợp khẩn cấp, và cha tuyên úy Công giáo không thể đến được, thì cha tuyên úy Chính Thống giáo có thể ban bí tích ấy.

Trên nguyên tắc, sự ngược lại cũng đúng cho một tù nhân Chính Thống giáo và cha tuyên úy Công giáo. Tuy nhiên, trong trường hợp này, cha tuyên úy Công giáo nên xác minh việc thực hành trước với cha tuyên úy Chính Thống giáo, bởi vì luật liên quan đến việc chia sẻ các bí tích có thể thay đổi giữa các Giáo hội khác nhau. (Zenit.org 20-11-2012)

PHỤ LỤC

http://vietcatholic.net/Media/Instruction%20universae%20ecclesiae%20Phap.pdf

Toàn văn Huấn thị "Ecclesiae Universae" (Giáo Hội Hoàn Vũ)

ROMA, Thứ Sáu 13-5-2011 (ZENIT.org) - Chúng tôi đăng tải dưới đây toàn văn của Huấn thị *Ecclesiae Universae* được Phòng báo chí Tòa Thánh công bố ngày 13-5. Ở đây Tòa thánh nói rõ việc áp dụng Tự sắc *Summorum Pontificum* (Các Vị Giáo hoàng), ban hành năm 2007 để cho phép việc cử hành nghi lễ Rôma theo hình thức "ngoại thường", theo phụng vụ cũ trước cuộc cải tổ phụng vụ năm 1970.

* * *

Ủy ban Tòa Thánh "Ecclesia Dei" (Giáo hội của Thiên Chúa)

HUẤN THỊ

về việc áp dụng Tông thư dưới dạng Tự sắc Summorum Pontificum (Các Vị Giáo hoàng) của ĐTC Biển Đức XVI

I. Dẫn nhập

1. Tông thư *Summorum Pontificum*, được ĐTC Biển Đức XVI ban hành dưới dạng *Tự sắc* ngày 7-7-2007 và có hiệu lực từ ngày 14-9-2007, giúp dễ tiếp cận hơn vào sự phong phú của phụng vụ Rôma cho Giáo hội phổ quát.

2. Qua Tự sắc này, ĐTC Biển Đức XVI ban hành một đạo luật phổ quát cho Giáo hội, với ý định đưa ra một khuôn khổ qui định mới cho việc sử dụng phụng vụ Rôma có hiệu lực từ năm 1962.

3. Sau khi nhắc lại sự quan tâm của các ĐTC về phụng vụ thánh và việc duyệt lại các sách phụng vụ, ĐTC lấy lại nguyên tắc truyền thống, được biết đến từ thời xa xưa và duy trì cách cần thiết cho tương lai, theo đó "*mỗi Giáo hội địa phương phải thỏa thuận với Giáo hội phổ quát, không những về giáo lý đức tin và các dấu chỉ bí tích, nhưng còn về các tập quán được đón nhận cách phổ quát từ thánh truyền tông đồ không bị gián đoạn. Người ta phải tuân giữ chúng, không chỉ để tránh các sai lỗi, mà còn để thông truyền sự toàn vẹn của đức tin, bởi vì luật cầu nguyện của Giáo hội thích hợp với luật đức tin (1)*".

4. ĐTC cũng đề cập đến các ĐTC tiền nhiệm rất quan tâm đến công tác này, nhất là thánh Giáo hoàng Gregoire Cả và thánh Giáo hoàng Piô V. ĐTC cũng nhấn mạnh rằng trong số các sách phụng vụ thánh, *sách Lễ Rôma (Missale Romanum*) đã giữ một vai trò đặc biệt trong lịch sử, và đã được cập nhật nhiều lần theo dòng thời gian cho đến thời Chân phước Giáo hoàng Gioan XXIII. Tiếp đến, sau cuộc cải tổ phụng vụ tiếp sau Công Đồng chung Vatican II, ĐTC Phaolô VI phê chuẩn một Sách Lễ mới vào năm 1970 cho Giáo hội theo nghi lễ Latinh, và sau đó

sách được dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nhau. ĐTC Gioan Phaolô II đã ban hành một ấn bản thứ ba vào năm 2000.

5. Nhiều tín hữu, được đào tạo trong tinh thần của các hình thức phụng vụ tiền Công đồng chung Vatican II, đã bày tỏ một ước muốn mạnh mẽ về bảo tồn truyền thống. Vì vậy, với thư luân lưu *Quattuor abhinc annos* (*Bốn năm trước*) do Thánh bộ phụng tự công bố năm 1984, ĐTC Gioan Phaolô II đã nhượng bộ với một số điều kiện quyền tiếp tục sử dụng *Sách Lễ Rôma*, được ban hành bởi Chân phước Giáo hoàng Gioan XXIII. Ngoài ra, với Tự sắc *Ecclesia Dei* năm 1988, ĐTC Gioan Phaolô II khuyên các Giám mục hãy nhượng quyền này cho những tín hữu yêu cầu nó. Cũng theo cách thức ấy, ĐTC Biển Đức XVI ban hành Tự sắc *Summorum Pontificum*, trong đó có một vài tiêu chuẩn cần thiết cần nhắc lại ở đây, cho việc *sử dụng lại (usus antiquior*) nghi lễ Rôma.

6. Các bản văn của *Sách Lễ Rôma* của ĐTC Phaolô VI và ấn bản cuối cùng của sách Lễ ĐTC Gioan XXIII là hai hình thức phụng vụ Rôma, lần lượt gọi là *hình thức bình thường và hình thức ngoại thường*: Đây là hai hình thức được đặt bên nhau của nghi lễ Rôma duy nhất. Cả hai hình thức đều diễn tả *luật cầu nguyện (lex orandi)* của Giáo hội. Do việc sử dụng cổ xưa hơn và đáng kính trọng, *hình thức ngoại thường* phải được gìn giữ với vinh dự đáng phải có.

7. Tự sắc *Summorum Pontificum* được đi kèm với một bức thư của ĐTC gửi hàng Giám mục, được ban hành cùng một ngày (7-7-2007), và đưa ra các sự sáng tỏ rộng hơn về sự phù hợp và cần thiết của chính Tự sắc: Thật vậy, Tự sắc lấp đầy một khoảng trống, bằng cách đưa ra một khuôn khổ qui định mới cho việc sử dụng phụng vụ Rôma có hiệu lực từ năm 1962.

Khuôn khổ này là cần thiết đặc biệt, do sự việc lúc đưa ra sách lễ mới, dường như có vẻ không cần thiết ban hành các

quy định nhằm điều chỉnh việc sử dụng phụng vụ có hiệu lực từ năm 1962. Do số lượng ngày càng tăng của những người tìm cách sử dụng *hình thức ngoại thường*, nên cần thiết đưa ra một số qui định cho vấn đề này.

ĐTC Biển Đức XVI khẳng định: "Không có gì mâu thuẫn giữa ấn bản cũ và ấn bản mới của *Sách lễ Rôma (Missale Romanum*). Lịch sử phụng vụ được hình thành bởi sự phát triển và tiến bộ, nhưng không bao giờ đứt đoạn. Điều gì là linh thánh đối với các thế hệ trước kia thì vẫn là vĩ đại và linh thánh đối với chúng ta, và không thể bất ngờ bị cấm hoàn toàn, thậm chí bị xem là tác hại nữa (2)".

8. Tự sắc *Summorum Pontificum* là một biểu hiện đáng chú ý của Huấn Quyền Giáo hoàng Rôma và *nhiệm vụ (munus*) riêng của Giáo hoàng - thiết lập và qui định phụng vụ thánh của Giáo hội (3) - và nó diễn tả mối quan tâm của Đấng Đại Diện Chúa Kitô và Mục tử của Giao hội Hoàn vũ (4). Tự sắc đề nghị:

a) Cung cấp cho mọi tín hữu phụng vụ Rôma trong cách *sử dụng lại (usus antiquior*) nghi lễ Rôma, như một kho báu cần bảo vệ quý giá;

b) Bảo đảm và bảo vệ thực sự việc sử dụng hình thức ngoại thường cho tất cả những ai mong muốn, trong khi hiểu rằng việc sử dụng phụng vụ Latinh có hiệu lực từ năm 1962 là một quyền được ban vì lợi ích của các tín hữu, và do đó cần giải thích nó một cách thuận lợi cho các tín hữu, là những người chính yếu nhận nó;

c) Cổ vũ hòa giải giữa lòng Giáo hội.

II. Nhiệm vụ của Ủy ban Tòa thánh "Giáo hội của Thiên Chúa" (Ecclesia Dei)

9. ĐTC đã ban cho cho Ủy ban Tòa thánh"*Giáo hội của Thiên Chúa" (Ecclesia Dei*) một quyền tài phán bình thường và đại diện trong lĩnh vực thẩm quyền của Ủy ban, đặc biệt để theo dõi việc tuân thủ và áp dụng các qui định của Tự sắc *Summorum Pontificum* (x. Đoạn 12).

10. § 1. Ủy ban Tòa thánh thi hành quyền này, không những nhờ các quyền đã được ban trước đó bởi ĐTC Gioan Phaolô II và được ĐTC Biển Đức XVI khẳng định (x. Tự sắc *Summorum Pontificum,* đoạn 11-12), mà còn nhờ quyền diễn tả một quyết định, với tư cách là Bề trên phẩm trật, về việc xét xử các đơn khiếu nại chống lại quyết định của Đấng Bản Quyền đi ngược với các qui định của Tự Sắc.

§ 2. Các sắc lệnh, mà qua đó Ủy ban Tòa thánh bày tỏ quyết định của mình về các đơn khiếu nại, có thể bị khiếu nại *theo đúng luật* (*ad normam iuris)* trước Tối cao Pháp viện của Tòa thánh.

11. Sau khi có sự chấp thuận của Thánh bộ Phụng tự và kỷ luật Bí tích, Ủy ban Tòa thánh *Ecclesia Dei* cần đảm bảo việc xuất bản cuối cùng các bản văn phụng vụ liên quan đến *hình thức ngoại thường* của nghi lễ Rôma.

III. Các qui định đặc biệt

12. Sau cuộc điều tra được thực hiện bên cạnh các Giám mục thế giới và để bảo đảm sự giải thích chính xác và sự áp dụng đúng đắn Tự sắc *Summorum Pontificum*, Ủy Ban Tòa thánh, theo thẩm quyền đã được trao và quyền được hưởng, công bố Huấn thị này, phù hợp với điều 34 của *Bộ Giáo luật*.

Thẩm quyền của các Giám mục giáo phận

13. Theo *Bộ giáo luật* (5), các Giám mục giáo phận phải tìm cách bảo đảm lợi ích chung trong phụng vụ, và đảm bảo rằng tất cả mọi thứ diễn ra cách xứng đáng, một cách hài hòa và trong sáng trong giáo phận của các vị, luôn luôn phù hợp với *tinh thần (mens)* của ĐTC được diễn tả rõ ràng qua Tự sắc *Summorum Pontificum* (6). Trong trường hợp tranh chấp hoặc nghi ngờ, dựa vào chủ đề cử hành thánh lễ theo hình thức ngoại thường, Ủy ban Tòa thánh Ecclesia Dei sẽ phán quyết.

14. Giám mục giáo phận phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo sự tôn trọng *hình thức ngoại thường* của nghi lễ Rôma, phù hợp với Tự sắc *Summorum Pontificum*.

Nhóm tín hữu (coetus fidelium) (x. Tự sắc Summorum Pontificum, đoạn 5 § 1)

15. *Một nhóm tín hữu (coetus fidelium*) có thể nói là *ổn định* (stabiliter exsistens), theo nghĩa người ta hiểu đoạn 5 § 1 của Tự sắc *Summorum Pontificum,* nếu nhóm gồm các tín hữu của cùng một giáo xứ, ngay cả sau khi công bố Tự sắc, qui tụ lại vì sự kính trọng phụng vụ được cử hành theo cách *sử dụng lại (usus antiquior*) nghi lễ Rôma, và xin cử hành thánh lễ trong nhà thờ giáo xứ, một nhà nguyện hoặc nguyện đường; *nhóm (coetus*) này cũng có thể bao gồm những người từ nhiều giáo xứ hoặc giáo phận khác nhau, qui tụ với mục đích trên trong một nhà thờ giáo xứ nào đó, một nhà nguyện hoặc nguyện đường.

16. Đôi khi nếu một linh mục có mặt với vài người trong một nhà thờ giáo xứ hoặc một nguyện đường, với mong muốn cử hành Thánh lễ *theo hình thức ngoại thường*, theo quy định tại các đoạn 2 và 4 của tự sắc *Summorum Pontificum,* thì cha xứ, cha phụ trách nguyện đường hoặc nhà thờ sẽ chấp nhận việc cử

hành này, nhưng phải lưu tâm đến các yêu cầu về giờ giấc cử hành phụng vụ của chính nhà thờ ấy.

17. § 1. Trong mỗi trường hợp, cha xứ, cha phụ trách nguyện đường hoặc nhà thờ sẽ lấy quyết định cách thận trọng, bằng cách để cho mình được hướng dẫn bởi sự nhiệt tình mục vụ và tinh thần đón tiếp quảng đại của mình.

§ 2. Trong trường hợp của nhóm ít người hơn, người ta sẽ đề nghị với Đấng Bản quyền để tìm ra một nhà thờ, nơi các tín hữu có thể đến tham dự thánh lễ này, theo cách thức tạo sự dễ dàng cho họ tham dự và cử hành Thánh lễ một cách xứng đáng.

18. Trong các đền thánh và địa điểm hành hương, người ta cũng sẽ tạo khả năng cử hành thánh lễ *theo hình thức ngoại thường* cho các nhóm hành hương có yêu cầu này (x. Tự sắc *Summorum Pontificum,* đoạn 5 § 3), nếu có một linh mục phù hợp.

19. Các tín hữu, có yêu cầu cử hành Thánh lễ *theo hình thức ngoại thường,* không bao giờ cần sự giúp đỡ hoặc thuộc các nhóm phủ nhận tính hiệu lực hoặc tính hợp pháp của Thánh Lễ, hoặc các bí tích cử hành *theo hình thức bình thường,* hoặc chống đối ĐTC như là vị Mục tử tối cao của Giáo Hội hoàn vũ.

Linh mục phù hợp (sacerdos idoneus) (x. Tự sắc Summorum Pontificum, đoạn 5 § 4)

20. Các điều kiện để xem xét một linh mục như là "phù hợp" cho việc cử hành Thánh lễ *theo hình thức ngoại thường* là như sau:

a) Linh mục không bị ngăn cản bởi Giáo luật (7), phải được coi là thích hợp cho việc cử hành Thánh Lễ *theo hình thức ngoại thường*;

b) Ngài phải có một số kiến thức cơ bản của tiếng Latinh, vốn cho phép ngài đọc đúng các chữ Latinh và hiểu ý nghĩa;

c) Sự hiểu biết diễn tiến của Thánh lễ là phải có nơi các linh mục, khi các ngài tự trình diện cách tự phát để dâng lễ *theo hình thức ngoại thường*, và đã cử hành thánh lễ này rồi.

21. Người ta đòi hỏi các Đấng Bản quyền cung cấp cho các giáo sĩ khả năng có được sự chuẩn bị thích hợp để cử hành Thánh lễ *theo hình thức ngoại thường*. Điều này cũng áp dụng cho các chủng viện, nơi người ta cần có sự huấn luyện phù hợp cho các linh mục tương lai bằng cách cho họ học tiếng Latinh (8), và nếu các nhu cầu mục vụ gợi ý, cung cấp khả năng học *hình thức ngoại thường* của nghi lễ.

22. Trong các giáo phận không có linh mục phù hợp, các Giám mục giáo phận có thể yêu cầu sự hợp tác của các linh mục thuộc các Học viện do Ủy ban Tòa thánh *Ecclesia Dei* lập ra, hoặc là để dâng Thánh lễ hoặc để dạy cho linh mục dâng thánh lễ theo hình thức ngoại thường.

23. Khả năng cử hành Thánh Lễ *không có người khác dự* (sine populo) (hoặc với sự tham gia của một mình linh mục dâng lễ) theo *hình thức ngoại thường* của nghi lễ Rôma được Tự sắc cho phép với bất cứ linh mục triều hoặc Dòng nào (x. Tự sắc *Summorum Pontificum,* đoạn 2). Để cử hành Thánh lễ như thế, các linh mục, theo Tự sắc *Summorum Pontificum,* không cần có phép đặc biệt nào của Đấng Bản Quyền hoặc Bề trên của các vị.

24. Các sách phụng vụ của *hình thức ngoại thường* sẽ được sử dụng là chúng viết sao thì làm vậy. Bất cứ linh mục nào muốn cử hành Thánh lễ *theo hình thức ngoại thường* của nghi lễ Rôma phải biết các chữ đỏ ghi sẵn, và tuân theo chúng cách trung thành trong cả buổi lễ.

25. Các vị thánh mới và một số kinh Tiền tụng mới sẽ có thể và phải được đưa vào sách Lễ năm 1962 (9), theo các qui định sẽ được nói sau.

26. Như Tự sắc *Summorum Pontificum* tiên liệu tại đoạn 6, các bài đọc của Thánh Lễ trong Sách Lễ năm 1962 có thể được công bố, hoặc chỉ bằng tiếng Latinh, hoặc bằng tiếng Latinh và sau đó bằng ngôn ngữ địa phương, hoặc chỉ bằng ngôn ngữ địa phương trong trường hợp của Thánh Lễ đọc.

27. Về những gì liên quan các qui định kỷ luật về việc cử hành Thánh lễ, người ta sẽ áp dụng kỷ luật Giáo hội được ấn định trong *Bộ Giáo luật* năm 1983.

28. Hơn nữa, do tính chất của luật đặc biệt, Tự sắc *Summorum Pontificum* bãi bỏ, trong lĩnh vực riêng của nó, các biện pháp luật lệ về các nghi thức thánh thiêng có từ năm 1962 và không phù hợp với các chữ đỏ của các sách phụng vụ có hiệu lực từ năm 1962.

Phép Thêm Sức và Phép Truyền chức thánh

29. Việc cho phép sử dụng công thức cũ cho nghi thức Thêm sức đã được Tự sắc *Summorum Pontificum* (x. đoạn 9 § 2) lấy lại. Trong *hình thức ngoại thường*, không cần thiết phải sử dụng công thức đổi mới của *Nghi Thức Thêm Sức* do ĐTC Phaolô VI ban hành.

30. Đối với nghi thức Cắt tóc, các chức nhỏ và chức Phụ Phó tế, Tự sắc *Summorum Pontificum* không giới thiệu bất kỳ sự thay đổi nào trong kỷ luật của *Bộ Giáo Luật* năm 1983; do đó, trong các Tu hội đời sống thánh hiến và các Tu đoàn đời sống tông đồ, vốn tùy thuộc vào Ủy ban Tòa thánh *Ecclesia Dei,* một phần tử đã khấn trọn đời trong một Dòng tu hoặc đã gia nhập vĩnh viễn vào một Tu đoàn tông đồ giáo sĩ, thì khi lĩnh chức Phó Tế sẽ nhập tịch như một giáo sĩ vào Dòng tu hay vào Tu đoàn ấy, phù hợp với điều 266 § 2 của *Bộ Giáo luật*.

31. Chỉ có các Tu hội đời sống thánh hiến và các Tu đoàn đời sống tông đồ, vốn tùy thuộc vào Ủy ban Tòa thánh *Ecclesia Dei*, và các Tu đoàn mà trong đó vẫn duy trì việc sử dụng sách phụng vụ *theo hình thức ngoại thường*, mới có thể sử dụng *sách Nghi thức phong chức Rôma* có hiệu lực vào năm 1962, để ban các chức nhỏ và chức lớn.

Sách Nhật tụng Rôma

32. Các giáo sĩ có quyền sử dụng *sách Nhật tụng Rôma* có hiệu lực năm 1962, theo đoạn 9 § 3 của Tự sắc *Summorum Pontificum*. Sách phải được đọc đầy đủ và bằng tiếng Latinh.

Tam Nhật Thánh

33. Nếu có một linh mục phù hợp, *nhóm tín hữu (coetus fidelium*) thuộc về truyền thống phụng vụ cũ có thể cử hành *Tam Nhật Thánh theo hình thức ngoại thường*. Trong trường hợp không có nhà thờ hoặc nhà nguyện dành riêng cho việc cử hành Tam Nhật Thánh này, cha xứ hoặc Đấng Bản Quyền cần lấy các biện pháp có lợi nhất cho các linh hồn, bằng cách thỏa thuận với

linh mục, mà không loại trừ khả năng cử hành hai hình thức của Tam nhật thánh trong cùng một nhà thờ.

Các nghi thức của Dòng tu

34. Được phép sử dụng các sách phụng vụ riêng của các Dòng tu có hiệu lực năm 1962.

Sách Nghi thức phong chức và sách Nghi thức Rôma

35. Theo đoạn 28 của Huấn thị này và không ảnh hưởng đến những gì được quy định bởi đoạn 31, việc sử dụng *Sách Nghi thức phong chức* và *sách Nghi thức Rôma,* cũng như *sách Nghi thức của các Giám mục* có hiệu lực vào năm 1962, được cho phép.

Ngày 8-4-2011, trong buổi tiếp Đức Hồng Y William Levada, Chủ tịch Ủy ban Tòa thánh Ecclesia Dei, ĐTC Biển Đức XVI đã phê duyệt Huấn thị này và truyền ban hành.

Làm tại Rôma, ở Văn phòng Ủy ban Tòa thánh *Ecclesia Dei,* ngày 30-4-2011, ngày lễ nhớ thánh Piô V.

Đức Hồng Y William Levada, *Chủ tịch*

Đức ông Guido Pozzo, *Thư ký*

---

1 ĐTC Biển Đức XVI, Tự sắc *Summorum Pontificum*, đoạn 1: *AAS 99 (2007*), trang 777; *La Documentation Catholique* 104 (2007), trang 702-704; x. *Tổng quan về Sách Lễ Rôma,* in lần 3, năm 2002, số 397

2 ĐTC Biển Đức XVI, Thư gửi các Giám mục đi kèm với Tông Thư "dưới dạng Tự sắc" Summorum Pontificum về việc sử dụng phụng vụ Rôma trước cuộc cải tổ năm 1970: AAS 99 (2007), trang 798; La Documentation Catholique 104 (2007), trang 707.

3 *Xem Bộ Giáo luật*, Điều 838, § 1 và § 2.

4 Xem Bộ Giáo luật, Điều 331.

5 *Xem Bộ Giáo luật*, Điều 223 § 2, 838 § 1 và § 4.

6 ĐTC Biển Đức XVI, Thư gửi các Giám mục đi kèm với Tông Thư "dưới dạng Tự sắc" Summorum Pontificum về việc sử dụng phụng vụ Rôma trước cuộc cải tổ năm 1970: AAS 99 (2007), trang 799; La Documentation Catholique 104 (2007), trang 707.

7 *Xem Bộ Giáo luật*, Điều 900 § 2.

8 *Xem Bộ Giáo luật*, Điều 249; Công đồng chung Vatican II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, số 36; Sắc lệnh *Optatam Totius*, 13.

9 Xem ĐTC Biển Đức XVI, Thư gửi các Giám mục đi kèm với Tông Thư "dưới dạng Tự sắc" Summorum Pontificum về việc sử dụng phụng vụ Rôma trước cuộc cải tổ năm 1970: AAS 99 (2007), trang 797; La Documentation Catholique 104 (2007), trang 706.

Dịch từ bản tiếng Pháp, một trong bảy bản văn chính thức bằng tiếng Latinh, Ý, Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, và Bồ Đào Nha

Tài liệu hỏi-đáp do Thánh bộ Phúc âm hóa các Dân tộc soạn thảo liên quan đến các vụ phong chức Giám mục bất hợp pháp tại Trung Quốc

"Vì một số lý do nghiêm trọng, linh mục Phaolô Lôi Thế Ngân (Paul Lei Shiyin) không được bổ nhiệm làm Giám Mục"

Lạc Sơn, Trung Quốc - Đây là một tài liệu hỏi-đáp do Thánh bộ Phúc âm hóa các Dân tộc soạn thảo, thảo luận tuyên bố ngày 4-7 của Tòa Thánh về việc tấn phong Giám mục bất hợp pháp diễn ra ngày 29-6 tại Lạc Sơn.

Tài liệu này được công bố trên blog CatholicsInChina của hãng tin Fides.

* * *

Lưu ý sơ khởi:

- Đây là câu trả lời của Thánh bộ Phúc âm hóa các Dân tộc cho các câu hỏi được nêu ra bởi các tín hữu tại Trung Quốc, liên quan đến Tuyên bố của Tòa Thánh (4-7-2011) về lễ tấn phong Giám mục bất hợp pháp tại Lạc Sơn (29-6-2011).

- Câu trả lời ở đây là về mối quan tâm mục vụ thuần túy.

- Một số chuyên viên Giáo luật đã được tham vấn trong việc soạn thảo câu trả lời.

--- --- ---

Về Linh mục Phaolô Lôi Thế Ngân

Hỏi: Giờ đây, Cha Phaolô Lôi Thế Ngân ở trong tình trạng vạ tuyệt thông tiền kết (*latae sententiae*) không?

Đáp: Có. Bằng hành động được tấn phong Giám mục mà không có sự chuẩn thuận của ĐTC Biển Đức XVI, Cha Phaolô Lôi Thế Ngân đã mắc vạ tuyệt thông tiền kết (*latae sententiae*, Xem Giáo luật 1382), vốn được Tòa Thánh "tuyên bố" công khai sau đó. Vạ tuyệt thông là một hình thức trừng phạt rất nặng trong Giáo hội, vốn loại trừ người bị vạ tuyệt thông ra khỏi sự hiệp thông hữu hình của các tín hữu.

Hỏi: Việc tuyên bố công khai hình phạt nặng này có nghĩa là gì?

Đáp: Một tuyên bố công khai về hình phạt vạ tuyệt thông tiền kết (*latae sententiae*) trong Giáo hội là nhằm nói rõ ràng với người phạm tội rằng người ấy đã vi phạm Giáo luật, và làm cho các tín hữu biết được tình hình phạm luật của người ấy. Trong trường hợp này, nó cũng có nghĩa là kêu gọi cha Phaolô Lôi Thế Ngân sám hối ngay lập tức bằng cách tiếp cận với Tòa Thánh (Giáo luật 1382). Đồng thời, tuyên bố công khai kêu gọi Giáo hội tại Trung Quốc (cụ thể là các Giám mục, Linh mục, Tu sĩ, và Giáo dân) có hành động mạnh mẽ chống lại mọi hình thức tấn phong Giám mục bất hợp pháp. Tòa thánh phải đưa ra lời tuyên bố phạt vạ tuyệt thông, nếu hoàn cảnh bắt buộc vào thời gian

nào đó, và trên hết, khi lợi ích của các linh hồn bị đe dọa nghiêm trọng.

Hỏi: Người bị vạ tuyệt thông có bị trục xuất khỏi Giáo hội không?

Đáp: Không. Giáo hội có cả chiều kích xã hội hữu hình và chiều kích mầu nhiệm vô hình. Người bị vạ tuyệt thông đến một mức độ nào đó bị loại trừ khỏi sự tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng Công giáo, trong một nghĩa xã hội hữu hình với mọi hệ quả pháp lý của nó (Giáo luật 1331). Nhờ bí tích Rửa tội người ấy vẫn còn là một thành viên của Giáo hội – Nhiệm thể của Chúa Kitô. Đó là lý do tại sao người ấy vẫn có thể tiếp cận Tòa Thánh, nơi duy nhất người ấy có thể đến để xin sự hòa giải.

Hỏi: Xin cho biết các hệ quả pháp lý của khoản giáo luật 1331?

Đáp: Người mắc vạ tuyệt thông bị cấm cử hành Thánh Lễ, cấm cử hành và nhận lãnh các bí tích, hoặc cấm hành sử bất cứ chức vụ nào trong Giáo hội. Mặc dù được tấn phong Giám mục, người ấy không có quyền cai quản giáo phận. Vì vậy, các linh mục và tín hữu (ngoại trừ nguyên nhân nghiêm trọng, chẳng hạn lúc nguy tử) không những phải tránh nhận các bí tích từ người ấy, nhưng còn không cho người ấy cử hành mọi hình thức phụng vụ hoặc nghi lễ Giáo hội, và đình chỉ người ấy cử hành phụng vụ hoặc nghi lễ, trong trường hợp người ấy không thi hành việc cấm. Tóm lại, hình phạt vạ tuyệt thông làm cho người ấy mất đi một số lợi ích thiêng liêng, để nhờ hình phạt "điều trị" này, người ấy có thể sớm ăn năn hối lỗi thật sự.

Hỏi: Cha Phaolô Lôi Thế Ngân có thể được tha thứ không?

Đáp: Có chứ. "Tuyên bố công khai" có nghĩa chính xác là nhằm cho điều đó. Cha Phaolô Lôi Thế Ngân phải ngay lập tức tiếp cận với Tòa Thánh để xin tha thứ. Kế tiếp, cha phải thực hiện tỉ mỉ các hướng dẫn do Tòa thánh nói với cha. Sau đó, ĐTC Biển Đức XVI, dựa trên sự ăn năn thật sự của cha, sẽ loại bỏ vạ tuyệt thông cho cha. Cho đến lúc đó, cha sẽ vẫn còn mắc vạ tuyệt thông.

Hỏi: Khi vạ tuyệt thông của cha được xóa bỏ, liệu cha Phaolô Lôi Thế Ngân có được tự động thi hành sứ vụ Giám mục không?

Đáp: Không, cha không thể thi hành sứ vụ được. Việc loại bỏ vạ tuyệt thông là một chuyện; và việc bổ nhiệm Giám mục lại là chuyện khác. Hai chuyện này hoàn toàn khác nhau. Tòa Thánh đã nói rõ rằng do một số lý do nghiêm trọng, cha Phaolô Lôi Thế Ngân không thể được bổ nhiệm làm Giám mục. Nói cách khác, ngay cả khi bị vạ tuyệt thông của cha được loại bỏ, cha không được hành xử như một Giám mục, không đeo phù hiệu của Giám mục, và không phát biểu như một Giám mục.

--- --- ---

Đối với các Giám Mục chủ phong và phụ phong

Hỏi: Tình trạng hiện nay của bảy Giám mục tấn phong cho cha Phaolô Lôi Thế Ngân là như thế nào?

Đáp: Các vị đã tự đặt mình vào biện pháp trừng phạt nghiêm trọng do luật của Giáo hội đưa ra (Tuyên bố ngày 4-7-2011). Điều này có nghĩa rằng "một khi đã có sự vi phạm bên ngoài, thì sự quy trách được suy đoán, trừ khi đã rõ cách nào

khác” (Giáo luật 1321, § 3). "Sự quy trách được suy đoán" có nghĩa là có một lý do đầy đủ để xác định rằng các Giám mục thực sự phạm một lỗi nặng của vô kỷ luật, qua việc tấn phong Giám mục bất hợp pháp, và do đó, được suy đoán là bị vạ tuyệt thông, trừ khi được chứng minh ngược lại.

Hỏi: Các vị có thể tiếp tục sứ vụ Giám mục bình thường không?

Đáp: Không, các vị không thể làm như vậy, bao lâu mà "sự quy trách được suy đoán” của các vị không được loại bỏ.

Hỏi: Các vị nên làm gì?

Đáp: Trước hết và trên hết, nhiệm vụ của các vị là tiếp xúc ngay với Tòa Thánh để xin tha thứ, và để giải thích các lý do mà họ đã tham gia lễ tấn phong Giám mục bất hợp pháp, và chờ câu trả lời của Tòa Thánh.

Hỏi: Nếu một Giám mục tấn phong, trong lương tâm của ngài, cho rằng ngài không bị vạ tuyệt thông, thì sao?

Đáp: "Lương tâm" là một nơi thiêng liêng, nơi đó vị Giám mục liên quan phải thành thực với Chúa. Tuy nhiên, những người khác không thể nhìn thấy qua lương tâm của ngài. Bao lâu "sự quy trách được suy đoán” chưa được loại bỏ, vị Giám mục liên quan phải tránh tất cả các sứ vụ công khai. Trong khi đó, ngài vẫn buộc phải tiếp cận Tòa Thánh.

Hỏi: Các linh mục và tín hữu nên tránh lãnh nhận các bí tích do các Giám mục này ban không?

Đáp: Có, họ nên tránh, không phải vì các linh mục và tín hữu ở một vị trí để xét đoán lương tâm của vị Giám mục liên quan, nhưng vì "sự quy trách được suy đoán" chưa bị loại bỏ.

Hỏi: Các linh mục và tín hữu có thể làm gì khác, khi "sự quy trách được suy đoán" của một Giám mục liên quan chưa bị loại bỏ?

Đáp: Trước hết, họ cần phải kiên vững trong đức tin của họ, và tiếp tục duy trì sự hiệp nhất của cộng đoàn. Đối với vị Giám mục của họ có "sự quy trách được suy đoán", các linh mục và tín hữu được khuyến khích nhiều để cầu nguyện cho ngài, và để nhắc nhở ngài, khi cần thiết, giáo huấn của Giáo hội. Việc tấn phong Giám mục bất hợp pháp này không chỉ vi phạm nghiêm trọng kỷ luật hoặc xáo trộn giáo lý của Giáo hội, nhưng trên hết làm tổn thương sự hiệp thông của Giáo hội.

Việc cầu nguyện là quan trọng nhất để cho các mục tử của chúng ta luôn luôn được vững mạnh, và đi theo Chúa.

Trong thực tế, ở Trung Quốc có các Giám mục đáng ngưỡng mộ. ĐTC Biển Đức XVI nói: "Chúng ta phải tạ ơn Thiên Chúa vì sự hiện diện cố định này - không phải là không có đau khổ- của các Giám mục đã nhận phép truyền chức phù hợp với truyền thống Công giáo, nghĩa là có thông công với Đức Giám mục Rôma, đấng kế vị thánh Phêrô, và được đặt tay trên đầu bởi Giám mục được tấn phong hợp pháp theo như nghi thức của Giáo hội Công giáo". (Số 8, Tông Thư của ĐTC Biển Đức XVI gửi Giáo hội tại Trung Quốc). (Zenit 19-7-2011)

Danh sách 35 Tiến sĩ Giáo Hội

(theo thứ tự thời gian phong danh hiệu Tiến sĩ)

1.Thánh Ambrôsiô (khoảng 340-397), Giám mục giáo phận Milan, Ý, đối thủ lớn của lạc thuyết Arian, đã viết bài và giảng thuyết rất nhiều [phong Tiến sĩ Giáo hội năm 1298].

2.Thánh Âu Tinh thành Hippo (khoảng 354-430), Giám mục Bắc Phi, tác giả của cuốn "Tự thú" (Confessions), "Thành

đô Thiên Chúa" (City of God), và nhiều luận đề, phản bác các phong trào dị giáo, là một trong các nhà thần học có ảnh hưởng nhất của Giáo hội phương Tây, được gọi là "Tiến sĩ Ân sủng" [1298].

3.Thánh Hiêrônimô (Jerome, khoảng 343-420), dịch Cựu Ước từ tiếng Do Thái qua tiếng Latinh, và duyệt lại bản dịch của cuốn Tân ước để làm thành phiên bản Phổ thông (Vulgate) của Kinh Thánh, được gọi là "Cha đẻ của Khoa học Kinh Thánh" [1298].

4.Thánh Grêgôriô Cả (khoảng 540-604), Giáo hoàng, củng cố ngôi Giáo hoàng và làm việc nhiều cho cải cách giáo sĩ và đan tu [1298].

5.Thánh Athanasiô (khoảng 297-373), Giám mục giáo phận Alexandria, đối thủ lớn của lạc thuyết Arian, được gọi là "Cha đẻ của tính Chính Thống" [1298]

6.Thánh Gioan Kim Khẩu (khoảng 347-407), Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Constantinople, nhà giảng thuyết lừng danh, tác giả của nhiều bài bình giải Kinh thánh và các thư Tân ước, bổn mạng các nhà thuyết giáo [1568].

7.Thánh Basiliô Cả (khoảng 329-379), Giám mục giáo phận Caesarea ở Tiểu Á, phản bác các sai lầm của lạc thuyết Arian, viết nhiều luận đề, bài giảng và luật sống đan tu, được gọi là "Cha đẻ lối sống đan viện của phương Đông" [1568].

8.Thánh Grêgôriô ở Nazianzus (khoảng 330-390), Giám mục giáo phận Constantinople, đối thủ của lạc thuyết Arian, viết các luận đề thần học quan trọng cũng như nhiều thư và bài thơ, được gọi là "Ông Demosthenes của Kitô giáo ", và ở phương Đông, được gọi là "Nhà thần học" [1568]

9.Thánh Tôma Aquinas (1225-1274), Dòng Đaminh người Ý, viết sách triết học, sách thần học và tín lý Công giáo một cách có hệ thống, bổn mạng của các trường Công giáo và giáo dục Công giáo, một trong các nhà thần học có ảnh hưởng nhất ở phương Tây [1568].

10.Thánh Bonaventura (khoảng 1217-1274), dòng Phanxicô, Giám mục giáo phận Albano, Ý, Đức Hồng y [1588].

11.Thánh Anselmô thành Canterbury (1033-1109), Tổng Giám mục, được gọi là "Cha đẻ của triết học thần học Kinh viện" [1720].

12.Thánh Isidore thành Seville (khoảng 560-636), Giám mục Tây Ban Nha, nhà bách khoa, và học giả ưu tú cua thời đại Ngài [1722].

13.Thánh Phêrô Kim Ngôn (Chrysologus, khoảng 400-450), Tổng Giám mục tổng giáo phận Ravenna, Ý, nhà giảng thuyết và là nhà văn, phản bác lạc giáo nhất tính thuyết [1729].

14.Thánh Lêô Cả (khoảng 400-461), Đức Giáo hoàng, đã viết tác phẩm Kitô học và nhiều tác phẩm khác chống lại các lạc giáo của thời Ngài [1754].

15.Thánh Phêrô Damian (1007-1072), tu sĩ Dòng Biển Đức và Đức Hồng y người Ý, nhà cải cách Giáo Hội và hàng giáo sĩ [1828].

16.Thánh Bênađô ở Clairvaux (khoảng 1090-1153), viện phụ Xitô người Pháp và là nhà cải tổ đời đan tu, được gọi là "Tiến sĩ mật ngọt" [1830].

17.Thánh Hilariô Poitiers (khoảng 315-368), một trong các nhà văn giáo lý Latinh đầu tiên, chống lại lạc thuyết Arian [1851].

18.Thánh Anphongsô thành Liguori (1696-1787), sáng lập Dòng Chúa Cứu Thế, nhà thần học luân lý xuất sắc và là nhà hộ giáo nổi tiếng, thánh bổn mạng của các vị giải tội và nhà luân lý [1871].

19.Thánh Phanxicô thành Sales (1567-1622), Giám mục giáo phận Geneva, nhà văn sách thiêng liêng, thánh bổn mạng của các nhà văn và báo chí Công giáo [1877].

20.Thánh Cyril thành Alexandria (khoảng 376-444), Giám mục, tác giả của nhiều luận đề tín lý chống lạc thuyết Cảnh giáo (Nestorian) [1882].

21.Thánh Cyril thành Giêrusalem (khoảng 315-386), Giám mục, giáo lý viên, đối thủ mạnh mẽ của lạc thuyết Arian [1882].

22.Thánh Gioan thành Damascus (khoảng 675-749), đan sĩ người Syria, nhà văn sách tín lý, được gọi là "Diễn giả chảy vàng" [1890].

23.Thánh Bêđa Khả kính (khoảng 673-735), tu sĩ Dòng Biển Đức ở Anh, được gọi là "Cha đẻ của Lịch sử nước Anh" [1899].

24.Thánh Ephrem người Syria (khoảng 306-373), chống đối Ngộ Đạo thuyết và lạc thuyết Arian với các bài thơ, bài thánh ca, và các bài viết khác của Ngài [1920].

25.Thánh Phêrô Canisius (1521-1597), linh mục dòng Tên người Hà Lan, giáo lý viên, một gương mặt quan trọng trong cuộc Chống-Cải cách ở Đức [1925].

26.Thánh Gioan Thánh Giá (1542-1591), người sáng lập Dòng Cát Minh Đi Chân đất, được gọi là "Tiến sĩ Thần Nghiệm" [1926].

27.Thánh Rôbertô Bellarminô(1542-1621), linh mục dòng Tên người Ý, Tổng Giám mục tổng giáo phận Capua, thời Cải Cách, viết nhiều tác phẩm bênh vực tín lý thời Cải cách, và các tác phẩm về Giáo hội học và mối quan hệ giữa Giáo hội và Nhà nước [1931].

28.Thánh Anbêtô Cả (khoảng 1200-1280), tu sĩ Đaminh người Đức, Giám mục giáo phận

Regensburg, thầy dạy của thánh Thomas Aquinas, bổn mạng các nhà khoa học, được gọi là "Tiến sĩ Phổ quát" và "Tiến sĩ chuyên gia" [1932].

29.Thánh Antôn thành Pađua (1195-1231), nhà thần học đầu tiên của dòng Phanxicô, nhà giảng thuyết, được gọi là "Tiến sĩ Phúc Âm" [1946]

30.Thánh Lôrensô thành Brindisi (1559-1619), linh mục Dòng Phanxicô Lúp Vuông (Capuchin), nhà giảng thuyết có ảnh hưởng lớn thời hậu Cải cách [1959].

31.Thánh Têrêsa thành Ávila (1515-1582), Nữ tu Dòng Cát Minh Tây Ban Nha, khởi xướng phong trào Dòng Cát Minh Đi Chân đất, nhà văn giỏi về sách thiêng liêng và sách thần nghiệm, vị nữ Tiến sĩ đầu tiên của Giáo hội [1970].

32.Thánh Catarina thành Siena (khoảng 1347-1380), Dòng Ba Đaminh người Ý, tác giả sách thần nghiệm, cũng tích cực hỗ trợ các cuộc Thập Tự Chinh và chính sách của Đức Giáo hoàng [1970].

33.Thánh Têrêsa thành Lisieux (1873-1897), nữ tu Dòng Cát Minh người Pháp, đã viết cuốn tự truyện thiêng liêng mô tả "con đường nhỏ" về sự hoàn thiện thiêng liêng của mình [1997].

34.Thánh Gioan thành Avila (1500-1569), linh mục triều người Tây Ban Nha,là một nhà đại giảng thuyết chống lại cuộc cải cách của Tin Lành tại Tây Ban Nha, là tác giả của nhiều tác phẩm về Kinh Thánh, thần học, tu đức và nhân văn, là bổn mạng hàng giáo sĩ triều Tây Ban Nha, và của các vị tuyên úy quân đội [7-10-2012].

35. Thánh nữ Hildegard von Bingen sinh năm 1098 tại Bermesheim, bên Đức và gia nhập dòng nữ Biển Đức. Năm 1136, chị Hildegard bấy giờ 37 tuổi được chỉ định cai quản nữ đan viện và sau đó di chuyển cộng đoàn Đan tu đến Rupertsberg gần Bingen. Tại đây, mặc dù sức khỏe yếu, nhưng thánh nữ Hildegard hoạt động hăng say trong 30 năm trời, thực hiện nhiều cuộc du hành đến gặp các vị lãnh đạo cấp cao của Giáo Hội và các giới chính trị. Thánh nữ làm chứng về Lời Chúa và thăng tiến đức tin Kitô. Viện mẫu Hildegard rất được các vị Giáo hoàng, các GM và vua chúa kính trọng, nhưng Mẹ cũng là một người tham chiếu đối với dân thường và là một trong những người được kính trọng nhất của Giáo hội hồi thế kỷ 12.

Khi còn nhỏ, thánh nữ Hildegard đã được ơn thị kiến, và với thời gian các thị kiến này càng gia tăng. Vì không rành tiếng la tinh, nên với sự trợ giúp của một thư ký, thánh nữ ghi lại các kinh nghiệm thần bí ấy trong nhiều văn kiện. Các tác phẩm của Viện Mẫu Hildegard được coi như những tác phẩm đầu tiên về thần bí tại Đức. Các văn kiện của Người bàn về nhiều vấn đề khác nhau, từ sức khỏe đến các khoa học thiên nhiên, vụ trụ, các vấn đề đạo đức học, thần học, họp thành một gia sản quan trọng của nền văn hóa thời trung cổ [7-10-2012]. (Theo www.uscatholic.org, bổ sung ngày 7-10-2012)

Việc nhập cư và "Nước Hoa Kỳ sắp tới"

(Bài của ĐTGM José Gomez, Los Angeles)

"Cha chúng ta ở trên Trời không dựng nên dân tộc nào hoặc nhóm sắc tộc nào thấp kém hơn dân tộc khác"

Đây là bài diễn văn của Đức Tổng Giám Mục José Gomez, tổng giáo phận Los Angeles, ngày 28-7 tại Viện Napa. Nhật báo L'Osservatore Romano đã công bố phiên bản này ngày 11-8.

Cuộc tranh luận chính trị của chúng ta về việc nhập cư ở Mỹ làm tôi thất vọng. Tôi thường nghĩ rằng chúng ta đang có nói chuyện xung quanh các góc cạnh của vấn đề thật sự. Cả hai mặt của lập luận này được lấy cảm hứng một ý tưởng đẹp và yêu nước của lịch sử và các giá trị Mỹ. Nhưng gần đây tôi đã bắt đầu tự hỏi: Chúng ta đang thật sự nói về nước Mỹ nào đây?

Mỹ đang thay đổi và đã thay đổi trong một thời gian dài. Các lực lượng của toàn cầu hóa đang thay đổi nền kinh tế của chúng ta, và buộc chúng ta phải xem xét lại phạm vi và mục đích của chính phủ chúng ta. Các mối đe dọa từ kẻ thù bên ngoài đang thay đổi cảm thức chúng ta về chủ quyền quốc gia. Mỹ đang thay đổi bên trong nữa.

Văn hóa của chúng ta đang thay đổi. Chúng ta có một cơ cấu pháp lý, vốn cho phép, và thậm chí trả tiền nữa, sự giết trẻ sơ sinh trong bụng mẹ. Các tòa án và cơ quan lập pháp của chúng ta đang tái định nghĩa các định chế tự nhiên của hôn nhân và gia đình. Chúng ta có một nền văn hóa ưu tú - trong chính phủ, các phương tiện truyền thông và các học viện – vốn là công khai thù địch với đức tin tôn giáo.

Mỹ đang trở thành một nước khác một cách cơ bản. Đây là lúc tất cả chúng ta nhận ra điều này – cho dù lập trường của chúng ta về vấn đề chính trị của việc nhập cư là ra sao chăng nữa. Chúng ta cần nhìn nhận rằng việc nhập cư là một phần của một loạt câu hỏi về căn tính và vận mạng đất nước chúng ta. Nước Mỹ là gì? Làm người Mỹ có nghĩa là gì? Chúng ta là ai với tư cách là một dân, và chúng ta đang hướng về đâu như là một quốc gia? "Nước Mỹ sắp tới" sẽ như thế nào?

Là người Công giáo, là công dân trung thành ở Mỹ, chúng ta phải trả lời các câu hỏi này trong một khung lớn hơn về qui chiếu. Là người Công giáo, chúng ta phải luôn nhớ rằng còn có nhiều điều cho đời sống của bất kỳ quốc gia nào, hơn là các đòi hỏi của thời điểm trong chính trị, kinh tế và văn hóa.

Chúng ta phải xem xét tất cả các đòi hỏi này và các cuộc tranh luận về chúng, trong ánh sáng kế hoạch của Thiên Chúa cho các quốc gia.

Đây là một thách thức lớn đối với chúng ta trong nền văn hóa này. Văn hóa của chúng ta thúc đẩy chúng ta "tư nhân hóa" đức tin của chúng ta, tách rời đức tin ra khỏi đời sống chúng ta trong xã hội. Chúng ta luôn phải cưỡng lại sự cám dỗ này. Chúng ta được kêu gọi sống đức tin của chúng ta trong các công ăn việc làm, gia đình và cộng đồng của chúng ta, và trong sự tham gia của chúng tôi vào đời sống công cộng. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải đem một quan điểm đức tin Công giáo cho cuộc tranh luận này về việc nhập cư. Chúng ta không thể chỉ nghĩ về vấn đề này như người đảng Dân chủ hay người đảng Cộng hòa, hoặc như người cấp tiến hay người bảo thủ.

Tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đều biết các giáo huấn của Giáo hội chúng ta về việc nhập cư. Điều chúng ta cần hiểu rõ hơn là làm thế nào để nhìn việc nhập cư trong ánh sáng của lịch sử và mục đích của nước Mỹ, khi nhìn qua quan điểm của đức tin Công giáo chúng ta. Khi chúng ta hiểu việc nhập cư từ quan điểm này, chúng ta có thể thấy rằng việc nhập cư không phải là một vấn đề cho nước Mỹ. Đây là một cơ hội. Việc nhập cư là chìa khóa cho sự đổi mới nước Mỹ.

Một trong các vấn đề mà chúng ta có ngày hôm nay là rằng chúng ta đã mất đi cảm thức của "câu chuyện" dân tộc của Mỹ. Nếu người dân chúng ta biết lịch sử chúng ta đầy đủ, những gì họ biết là không đầy đủ. Và khi chúng ta không biết toàn bộ câu chuyện, chúng ta kết thúc với các giả định sai về căn tính và văn hóa của Mỹ.

Câu chuyện của Mỹ, mà hầu hết chúng ta biết, được thiết lập ở New England. Đó là câu chuyện của các người định cư và con tàu Mayflower, Lễ Tạ Ơn đầu tiên, và bài giảng của John Winthrop về một "Thành phố trên ngọn đồi". Đó là câu chuyện của những người vĩ đại như Washington, Jefferson và Madison. Đó là câu chuyện của các văn bản vĩ đại như Tuyên ngôn Độc lập và Tuyên ngôn Nhân quyền. Đó là một câu chuyện đẹp. Nó cũng đúng thật nữa.

Mỗi người Mỹ cần biết các nhân vật này, các lý tưởng và nguyên tắc mà họ đã tranh đấu để có được. Từ câu chuyện này, chúng ta biết rằng căn tính và văn hóa của Mỹ được bắt nguồn chủ yếu từ các niềm tin Kitô giáo về phẩm giá con người.

Nhưng câu chuyện của các bậc công thần khai quốc và các sự thật, mà các vị cho là hiển nhiên, là không phải là toàn bộ câu chuyện về nước Mỹ. Phần còn lại của câu chuyện bắt đầu từ hơn một thế kỷ trước khi có người định cư. Nó bắt đầu vào thập niên 1520 ở Florida và thập niên 1540 ở California.

Nó là câu chuyện, không phải về việc giải quyết thuộc địa, và cơ hội chính trị và kinh tế. Nhưng nó là câu chuyện về khám phá và truyền giáo. Câu chuyện này không về người Tin Lành gốc Anh, mà là về người Công giáo gốc Tây Ban Nha. Nó được tập trung, không ở New England, nhưng ở Nueva España - Tây Ban Nha mới - ở góc đối diện của lục địa.

Từ câu chuyện này, chúng ta biết rằng trước khi vùng đất này có tên, cư dân của nó đã được rửa tội nhân danh Chúa Giêsu Kitô. Những người dân của vùng đất này được gọi là Kitô hữu, trước khi họ được gọi là người Mỹ. Và họ được gọi tên này bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp và tiếng Anh.

Từ lịch sử này, chúng ta biết rằng rất lâu trước khi có Đảng Trà Boston, các nhà truyền giáo Công giáo đã cử hành Thánh Lễ trên nền đất của lục địa này. Người Công giáo thành lập khu định cư lâu đời nhất của Mỹ, tại St.Augustine, Florida, năm 1565. Các nhà truyền giáo nhập cư đã đặt tên sông ngòi, núi non và vùng đất của lục địa này bằng tên các vị thánh, các bí tích và các tín điều.

Chúng ta lấy các tên này và cho là sự bình thường không để ý tới ý nghĩa của nó. Nhưng địa lý nước Mỹ làm chứng rằng quốc gia của chúng ta được sinh ra từ cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô. Thành phố Sacramento ("Bí Tích"). TP Las Cruces ("Thánh giá"). TP Corpus Christi ("Mình Chúa Kitô"). Ngay cả Núi Sangre de Cristo, được gọi là núi Bửu Huyết Chúa Kitô. Nhà sử học thế kỷ 19 John Gilmary Shea nói điều này cách thật đẹp. Trước khi có nhà cửa trong vùng đất này, đã có bàn thờ rồi: "Thánh lễ đã được cử hành để thánh hóa đất đai, và lôi kéo phúc lành từ trời xuống, trước khi người ta bước đi tới để xây dựng nhà cửa cho con người. Bàn thờ nhiều tuổi hơn lò sưởi".

Đây là phần còn thiếu của lịch sử nước Mỹ. Và hôm nay hơn bao giờ hết, chúng ta cần biết di sản của sự thánh thiện và thờ phượng - đặc biệt là người Công giáo Mỹ. Cùng vớicác nhân vật Washington và Jefferson, chúng ta cần phải biết các câu chuyện của các vị tông đồ vĩ đại của Mỹ. Chúng ta cần biết các nhà truyền giáo Pháp như Mẹ Giuse và các linh mục dòng, Thánh Isaac Jogues và Cha Jacques Marquette, là những người đến từ Canada để mang đức tin cho phần nửa phía bắc của đất nước chúng ta. Chúng ta cần biết các nhà truyền giáo Tây Ban Nha như linh mục dòng Phanxicô Magin Català và linh mục Dòng Tên Eusebio Kino, là những người đến từ Mexico để truyền giáo cho lãnh thổ Tây Nam và Tây Bắc.

Chúng ta nên biết các câu chuyện của các người khác, như Chân phước Antonio Margil. Ngài là một linh mục dòng Phanxicô, và là một trong các gương mặt yêu thích của tôi từ cuộc truyền giáo đầu tiên ở Mỹ. Chân phước Antonio rời quê hương Tây Ban Nha của ngài và đi đến Tân Thế giới năm 1683.

Ngài nói với mẹ ngài rằng ngài đến đây bởi vì "hàng triệu linh hồn đi lạc muốn có các linh mục, để xua tan bóng tối của sự không tín ngưỡng".

Mọi người thường gọi ngài là "ông Cha Bay". Ngài đi 40-50 dặm (64-80 km) mỗi ngày, đi bộ chân đất mà thôi. Cha Antonio đã có một cảm thức lục địa thật sự về việc truyền giáo. Cha thành lập các nhà thờ ở bang Texas và Louisiana, và cũng ở Costa Rica, Nicaragua, Guatemala và Mexico nữa.

Ngài là một linh mục can đảm và yêu mến. Ngài đã thoát chết nhiều lần khỏi bàn tay của người dân bản địa, vì ngài đến rao giảng Tin Mừng cho họ. Có lần ngài đã đứng trước mộtđội xử chết của người Da Đỏ vũ trang cung tên. Một lần khác, ngài đã gần như bị thiêu sống nguy đến tính mạng.

Tôi đã biết về cha Antonio khi tôi là Đức Tổng Giám Mục tổng giáo phận San Antonio. Ngài rao giảng ở đây năm 1719-1720, và thành lập Khu truyền giáo San José ở đó. Ngài thường nói về San Antonio như là trung tâm của việc truyền giáo ở Mỹ. Ngài nói: “San Antonio ... sẽ là bộ chỉ huy của mọi việc truyền giáo, mà Chúa chúng ta sẽ thiết lập…và đến thời điểm tốt lành, tất cả Thế giới Mới này sẽ trở lại đạo Công giáo hết”.

Đây là lý do thực sự cho nước Mỹ, khi chúng ta xem xét lịch sử của chúng tôi trong ánh sáng kế hoạch của Thiên Chúa cho các quốc gia. Nước Mỹ được dự định là một nơi gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô hằng sống. Điều này là động lực của các nhà truyền giáo đến đây đầu tiên. Tính cách dân tộc và tinh thần của Mỹ được ghi dấu sâu sắc bởi các giá trị Tin Mừng họ mang lại cho vùng đất này. Những giá trị này làm cho các tài liệu sáng lập của chính phủ chúng ta trở thành rất đặc biệt. Mặc dù được thành lập bởi các Kitô hữu, Mỹ đã trở thành nhà cho một sự đa dạng tuyệt vời của các nền văn hóa, tôn giáo và lối sống. Sự đa dạng này khởi sắc một cách chính xác, bởi vì các vị sáng lập quốc gia của chúng ta đã có một tầm nhìn Kitô giáo về con người, sự tự do, và sự thật.

Ông G. K. Chesterton nói thật nổi tiếng rằng "Mỹ là quốc gia duy nhất trong thế giới đượcthành lập trên một tín ngưỡng". Và "tín ngưỡng" này, như ông công nhận, là Kitô giáo cách cơ bản. Chính niềm tin cơ bản của Mỹ nói rằng tất cả đàn ông và phụ nữ được tạo ra bình đẳng - với các quyền được Thiên Chúa trao là sự sống, sự tự do, và mưu cầu hạnh phúc.

Mỗi quốc gia nào khác trong lịch sử đã được thành lập trên cơ sở của lãnh thổ chung và dân tộc - quan hệ đất đai và quan hệ họ hàng. Còn Mỹ là dựa trên lý tưởng Kitô giáo, trên niềm tin vốn phản ảnh tính phổ quát tuyệt vời của Tin Mừng. Kết quả là, chúng ta đã luôn luôn là một quốc gia có nhiều dân tộc. E pluribus Unum (Hiệp nhất trong đa dạng). Một dân tộc hình thành từ nhiều dân tộc, chủng tộc và tín ngưỡng.

Trong suốt lịch sử của chúng ta, các vấn đề đã luôn luôn phát sinh khi chúng ta được ban niềm tin này cho Mỹ. Hoặc khi chúng ta đã cố gắng hạn chế nó một cách nào đó. Đó là lý do tại sao thật là cần thiết ngày nay chúng ta nhắc nhớ lịch sử truyền giáo của Mỹ - và tái cống hiến chính mình cho tầm nhìn về "tín ngưỡng" thành lập của Mỹ.

Khi chúng ta quên nguồn gốc của nước ta trong việc truyền giáo của người Công giáo gốc Tây Ban Nha cho thế giới mới, chúng ta kết thúc với những ý tưởng bị biến dạng về bản sắc dân tộc của chúng ta. Chúng ta kết thúc với một ý tưởng rằng Mỹ có nguồn gốc từ người châu Âu da trắng duy nhất, và văn hóa của chúng ta là chỉ dựa trên chủ nghĩa cá nhân, đạo đức làm việc và pháp quyền, mà chúng ta thừa hưởng từ tổ tiên Tin Lành gốc Anh của chúng ta.

Khi điều đó đã xảy ra trong quá khứ, nó đã dẫn đến các giai đoạn trong lịch sử của chúng ta, mà chúng ta ít tự hào nhất – sự ngược đãi người Mỹ bản xứ; chế độ nô lệ; sự bùng lên của thuyết cho rằng công dân sinh ra ở địa phương trội hơn người nhập cư và thuyết chống Công giáo; sự giam giữ người Mỹ gốc Nhật trong Chiến tranh thế giới lần thứ II; các phiêu lưu của "vận mệnh hiển nhiên".

Lẽ tất nhiên có các nguyên nhân phức tạp hơn nhiều đằng sau các thời điểm này trong lịch sử của chúng ta. Nhưng tại gốc rễ, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể thấy một yếu tố chung - một khái niệm sai lầm cho rằng "người Mỹ thật sự" là người có một chủng tộc đặc biệt, giai cấp, tôn giáo, hoặc nền tảng dân tộc đặc biệt.

Tôi lo lắng rằng trong các cuộc tranh luận chính trị hiện nay về việc nhập cư, chúng ta đang bước vào một giai đoạn mới của thuyết cho rằng công dân sinh ra ở địa phương trội hơn người nhập cư. Sự biện minh trí tuệ cho thuyết mới này được thành lập vài năm trước đây trong một cuốn sách có ảnh hưởng của giáo sư Samuel Huntington ở Đai học Harvard, nhan đề là "Chúng ta là ai?" (Who Are We?). Ông đưa ra rất nhiều lập luận phức tạp tinh vi, nhưng lập luận cơ bản của ông là bản sắc và văn hóa của người Mỹ đang bị đe dọa bởi người nhập cư Mexico.

Căn tính thật sự của người Mỹ "là sản phẩm của nền văn hóa Tin lành-Anh quốc nổi bật của các người định cư thành lập của Mỹ trong thế kỷ 17 và 18", theo ông Huntington. Ngược lại, các giá trị của người Mexico bắt nguồn trong một nền "văn hóa đạo Công giáo" về cơ bản không tương thích, mà theo ông Huntington lập luận, không tạo giá trị cho sáng kiến riêng hoặc đạo đức công việc, thay vào đó lại khuyến khích sự thụ động và chấp nhận đói nghèo.

Đây là các tuyên bố quen thuộc và cũ xưa của thuyết cho rằng công dân sinh ra ở địa phương trội hơn người nhập cư, và chúng dễ dàng làm mất uy tín. Người ta có thể nêu ra di sản vinh quang của văn học và nghệ thuật Tây Ban Nha, hoặc thành tích của người Mỹ gốc Mexico và người Mỹ gốc Tây Ban Nha trong kinh doanh, chính phủ, y học và các lĩnh vực khác.Thật không may, ngày nay chúng ta còn nghe các ý tưởng như ý tưởng của ông Huntington được lặp đi lặp lại trên truyền hình cáp và trên đài phát thanh - và thậm chí đôi khi từ miệng một số nhà lãnh đạo chính trị của chúng ta.

Có các sự khác biệt đáng kể không phủ nhận giữa các giả định văn hóa của người Công Giáo gốc Tây Ban Nha và người Tin Lành gốc Anh. Loại suy nghĩ mù quáng này bắt nguồn từ một sự hiểu biết không đầy đủ về lịch sử Mỹ. Trong lịch sử, cả hai nền văn hóa có một yêu cầu chính đáng về chỗ đứng trong "câu chuyện" dân tộc của chúng ta - và trong sự hình thành của một bản sắc đích thực và tính cách dân tộc của người Mỹ.

Tôi tin rằng người Công giáo Mỹ có một nhiệm vụ đặc biệt hôm nay là người giám hộ của sự thật về tinh thần Mỹ và bản sắc dân tộc của chúng ta. Tôi tin rằng chúng ta phải là chứng nhân cho một loại chủ nghĩa yêu nước của Mỹ.

Chúng ta được mời gọi đưa ra tất cả những gì cao thượng trong tinh thần của người Mỹ.

Chúng ta cũng được kêu gọi thách thức những người có thể làm giảm hoặc "hạ giá" căn tính thực sự của Mỹ. Kể từ khi tôi đến California, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về Chân Phước Junipero Serra, một người nhập cư Dòng Phanxicô đến từ Tây Ban Nha, qua ngã Mexico, để rao giảng Tin Mừng cho bang lớn lao này. Chân Phước Junipero yêu thương các người bản địa của lục địa này. Ngài đã học ngôn ngữ địa phương của họ, tập tục và niềm tin của họ. Ngài đã dịch Phúc Âm, các kinh đọc và giáo lý đức tin, để tất cả mọi người có thể nghe thấy các công trình vĩ đại của Thiên Chúa trong tiếng mẹ đẻ của mình!

Ngài ghi dấu Thánh giá trên trán người dân và nói với họ, *Amar a Dios*! Hãy yên mến Chúa!

Đây là một cách tốt để hiểu nhiệm vụ của chúng ta là người Công giáo trong nền văn hóa của chúng ta hôm nay. Chúng ta cần tìm một cách để "dịch" Tin Mừng tình yêu cho người dân của thời đại chúng ta. Chúng ta cần phải nhắc nhở cho anh chị em của mình các chân lý, đã được giảng dạy bởi Chân Phước Junipero và các nhà truyền giáo anh em của ngài. Cần nhắc nhở rằng chúng ta đều là con cái của một Cha trên trời. Cần nhắc nhở rằng Cha chúng ta ở trên trời không làm cho một số quốc gia hoặc nhóm chủng tộc "thấp kém" hoặc ít xứng đáng hơn, với các phước lành của Ngài.

Người Công giáo cần dẫn dắt đất nước chúng ta vào một tinh thần mới của sự đồng cảm. Chúng ta cần phải giúp đỡ anh chị em của chúng ta bắt đầu nhìn những người lạ giữa chúng ta như họ thực sự là họ - chứ không nhìn theo chủng loại chính trị hay ý thức hệ, hoặc các định nghĩa bắt nguồn từ nỗi sợ hãi của chính chúng ta.

Điều này là rất khó, tôi biết. Tôi biết là một thách thức đặc biệt khi nhìn những người nhập cư đang ở đây cách bất hợp pháp. Nhưng sự thật là rất ít người "chọn" phải lìa bỏ quê hương của mình. Di cư là hầu như luôn luôn một sự bắt buộc cho người ta, do các điều kiện thảm khốc mà họ phải đối mặt trong cuộc sống của họ.

Hầu hết các người đàn ông và phụ nữ, những người đang sống ở Mỹ mà không có giấy tờ hợplệ, đã phải vượt qua hàng trăm, thậm chí hàng ngàn dặm nữa. Họ đã để lại tất cả mọi thứ phía sau, liều mạng sống và sự an toàn của họ. Họ đã làm điều này, không vì sự thoải mái riêng hoặc lợi ích ích kỷ của họ. Họ đã làm điều này để nuôi sống người thân yêu của họ. Để được làm cha, làm mẹ tốt. Để làm con trai và con gái dễ thương.

Những người nhập cư này - dù họ đến đây cách nào - là những con người có nghị lực và khát vọng. Họ là những người không sợ công việc khó khăn hoặc sự hy sinh. Họ không hề giống những gì mà giáo sư Huntington và những người khác mô tả! Những người đàn ông và phụ nữ này có lòng can đảm và các đức tính khác. Đa số họ tin vào Chúa Giêsu Kitô và yêu Giáo hội Công giáo của chúng ta. Họ chia sẻ các giá trị truyền thống của Mỹ về đức tin, gia đình và cộng đồng.

Đó là lý do tại sao tôi tin rằng các anh chị em nhập cư của chúng ta là chìa khóa cho sự đổi mới của Mỹ. Và tất cả chúng ta đều biết rằng nước Mỹ cần đổi mới - kinh tế và chính trị, nhưng cũng cần đổi mới tinh thần, đạo đức và văn hóa nữa. Tôi tin rằng các người này, đến đất nước chúng ta, sẽ mang lại một tinh thần kinh doanh mới và trẻ trung về làm việc chăm chỉ cho nền kinh tế của chúng ta. Tôi cũng tin rằng họ sẽ giúp đổi mới tâm hồn của Mỹ.

Trong cuốn sách cuối cùng của Chân phước Gioan Phaolô II "Hoài niệm và căn tính" (Memory and Identity), viết vào năm Ngài qua đời, Ngài nói: "Lịch sử của tất cả các quốc gia được kêu gọi lấy chỗ đứng trong lịch sử cứu độ". Chúng ta phải nhìn việc nhập cư trong bối cảnh của nước Mỹ cần đổi mới. Và chúng ta cần nhìn cả việc nhập cư và sự đổi mới của Mỹ trong ánh sáng kế hoạch của Thiên Chúa cho việc cứu độ và lịch sử của các quốc gia.

Lời hứa của Mỹ là rằng chúng ta có thể là một quốc gia, trong đó các người nam và người nữ từ tất cả các nền chủng tộc, tín ngưỡng và quốc gia, có thể sống với nhau như anh chị em. Mỗi người trong chúng ta là một người con của lời hứa đó. Nếu chúng ta vạch ra gia phả của hầu hết mọi người ở Mỹ, các dòng dõi tổ tiên sẽ dẫn chúng ta vượt ra ngoài biên giới của chúng ta đến một số vùng đất lạ, nơi mà mỗi tổ tiên chúng ta đã sinh sống.

Sự kế thừa này đến với người Công giáo Mỹ như một món quà và một nhiệm vụ. Chúng ta được mời gọi có các đóng góp riêng của chúng ta cho quốc gia này - thông qua cách chúng ta sống đức tin của chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô như là công dân tốt. Lịch sử của chúng ta cho thấy rằng nước Mỹ được sinh ra từ sứ mệnh của Giáo hội cho các quốc gia. "Nước Mỹ sắp tới" sẽ được xác định bởi các lựa chọn, mà chúng ta làm với tư cách là môn đệ của Chúa và công dân của Mỹ. Qua các thái độ và hành động của chúng ta, qua các quyết định mà chúng ta làm, chúng ta đang viết các chương tiếp theo của câu chuyện Mỹ.

Xin Đức Mẹ Guadalupe, Mẹ của các nước châu Mỹ, ban cho chúng ta lòng can đảm mà chúng Ta cần, để làm những gì Chúa chúng ta đòi hỏi.

Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội: Mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa đối với nhân loại

Cha Stefano Cecchin trả lời về tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội của Đức Mẹ

ROMA – Ngày 8-12, người Công giáo trên thế giới mừng lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Tại sao người Công giáo tôn kính Mẹ quá nhiều? Và tại sao việc Vô Nhiễm Nguyên Tội của Đức Mẹ lại quan trọng như vậy?

Hãng tin Zenit hỏi các câu này và các câu khác với linh mục Stefano Cecchin, Dòng Anh em Hèn mọn (OFM), thư ký của Viện Hàn lâm Toà thánh Thánh mẫu Quốc tế.

ZENIT: Tại sao sự trinh tiết của Đức Maria là rất quan trọng?

Cha Cecchin: Sự trinh tiết của Đức Maria là một phần thiết yếu của đức tin Kitô giáo, vì nó đảm bảo rằng Chúa Giêsu là "Con Thiên Chúa" đã làm người trong cung lòng của một phụ nữ. Thánh Giuse, "chồng của Đức Maria "(Mt 1,20), không phải là người cha thực sự của Chúa Giêsu. Bởi vì tin mừng theo thánh Mátthêu nói tiếp rằng Đức Maria thụ thai Chúa Giêsu mà không hề có quan hệ với chồng mình (Mt 1,25). Những gì đã được tạo ra trong Đức Maria là do "quyền năng của Chúa Thánh Thần" (Mt 1, 20), vì lý do này Chúa Kitô là con người, vì Ngài sinh ra từ một người nữ về tính nhân loại của Ngài, nhưng đồng thời Ngài là Thiên Chúa vì sự ra đời này phát sinh từ hành động của Chúa Ba Ngôi trong Đức Maria. Đức Maria là một người mẹ thực sự, vì thế Chúa Giêsu là một con người thực sự; Đức Maria là một trinh nữ, vì thế Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa: đây là một tổng hợp của đức tin Kitô giáo.

ZENIT: Đức Maria là ai?

Cha Cecchin: Mẹ Maria là "một trinh nữ đã thành hôn" với một người tên là Giuse, thuộc dòng dõi vua Đavít (Lc 1, 26).

Tin mừng không cho nhiều chi tiết về việc này. Chúng ta chỉ biết rằng Đức Maria là một người thân của bà Êlidabét, thuộc dòng tộc tư tế Aharon, và do đó thuộc một gia đình tư tế (Lc 1, 5). Chúng ta nhìn thấy Đức Maria là một người nữ thông minh, và trước khi nói lời đồng ý với thiên thần, Đức Maria muốn hiểu những gì Thiên Chúa đã yêu cầu nơi Ngài. Luôn luôn chú ý đến Lời Chúa, Mẹ hằng giữ lời và suy niệm trong lòng. Là một người mẹ lo âu, Ngài đảm bảo rằng con trẻ được bọc trong quần áo và được đặt trong máng cỏ.

Lòng đau khổ, Ngài tìm kiếm Chúa Giêsu trong ba ngày cho đến khi Ngài đến Đền thánh và nhìn thấy Con Trẻ ở giữa các thầy dạy: Chúng ta nghe những lời cuối cùng của Đức Maria và lời đầu tiên của Chúa Giêsu trong Tin Mừng Thánh Luca. Tại Cana, Đức Maria lo lắng rằng đôi vợ chồng không còn rượu, và không hề sợ hãi, Đức Maria quay sang Chúa Giêsu, tin tưởng rằng Chúa có thể giải quyết vấn đề. Vì vậy, Đức Maria nói với các tôi tớ rằng "Người bảo gì thì hãy làm theo". Chúng ta thấy Đức Maria đứng bên cạnh Đấng Chịu Đóng Đinh, và Chúa phó thác Giáo hội cho Đức Maria, trong đó chúng ta thấy Đức Maria ở với các môn đệ của Chúa, sau khi Chúa về Trời. Đó là Mẹ Maria mà chúng ta biết từ các Tin mừng: Người phụ nữ luôn sẵn sàng nghe Lời Chúa, và đưa Lời Chúa vào thực hành – Ngài là mẫu gương đẹp nhất của một môn đệ đích thực của Chúa Giêsu.

ZENIT: Tại sao Ngài được gọi là Maria?

Cha Cecchin: Maria là một cái tên rất cổ xưa, được tìm thấy trong các ngôn ngữ khác nhau của Trung Đông. Có vẻ như tên này xuất phát từ tiếng Ai Cập Myrhiam, có nghĩa là "công chúa". Các giải thích khác dịch là "Tôn nương" (chúng ta được viếng thăm bởi một mặt trời phát sinh từ trên cao, nghĩa là từ Maria), hoặc "*Mare amamor*" hay “Biển cay đắng”, vì các đau khổ mà Mẹ sẽ chịu đựng với Cuộc Khổ Nạn của Con Mẹ. Một số Giáo phụ giải thích tên của Mẹ là "Sao biển”. Kinh Thánh nhắc đến Myriam, em gái của ông Môsê. Trong mọi trường hợp, sách Tin mừng không cho chúng ta bất kỳ lời giải thích nào đằng sau tên của Mẹ.

ZENIT: Tại sao Đức Maria được Thiên Chúa chọn để đem Chúa Giêsu vào thế giới?

*Cha Cecchin: Chính Đ*ức Trinh Nữ đã trả lời câu hỏi này: "Phận nữ tỳ hèn mọn, Người đoái thương nhìn tới" (Lc 1, 48).

ZENIT: Các nhân đức của Mẹ Maria là gì?

Cha Cecchin: Chân phước Giáo hoàng Gioan Phaolô II nhắc nhở chúng ta rằng: Đức Maria "tỏa sáng ra cho cộng đồng những người được chọn như một mẫu gương của các nhân đức" (Thông điệp *Redemptoris Mater*, 6). Điều này là bởi vì Giáo hội xem Đức Mẹ là sinh vật hoàn hảo nhất, vì "không ai đáp trả với một tình yêu lớn hơn tình yêu của Mẹ cho tình yêu bao la của Thiên Chúa" (Tông huấn *Pastores Dabo vobis,* 36). Các nhân đức của Mẹ là phù hợp cho việc thụ thai Chúa Giêsu, cho nhiệm vụ của Mẹ nuôi dưỡng Con Trẻ lớn lên trong "sự thánh thiện và ân nghĩa", cho hành trình của đức tin được phát triển trong việc đi theo Chúa Kitô, cho đến thời điểm cuộc Khổ Nạn và niềm vui Phục Sinh. Đức Maria là một phụ nữ giàu nhân đức, bởi vì mẹ là "người nữ trọn vẹn", có nghĩa là, Mẹ là một người đã sống trọn vẹn cuộc sống của con người.

ZENIT: Tại sao người Công giáo cầu nguyện rất nhiều với Đức Maria?

Cha Cecchin: Bởi vì họ là môn đệ của Chúa Giêsu, Đấng từ thập giá đã cho thấy rằng họ cần có Đức Maria làm "Mẹ của họ".

Zenit: Làm thế nào chúng ta giải thích lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cho thế giới ngày nay?

Cha Cecchin: Chắc chắn là sự thật của đức tin không phải là dễ hiểu đâu! Tuy nhiên, đó là biểu tượng của tình yêu tuyệt vời của Thiên Chúa, Đấng mong muốn "làm bạn" với loài người. Thật vậy, sau khi con người phạm tội, Thiên Chúa hứa sẽ đặt mối thù giữa người phụ nữ và sự dữ [được đại diện bởi con rắn], giữa con cháu của họ. Với việc Chúa Kitô đến, lời hứa này đã được thực hiện. Mẹ của Đấng Mêsia không bao giờ là người bạn của con rắn. Và điều này là chính xác, do sứ mệnh của mình

là Mẹ Đấng Cứu Thế, Chúa ban cho Mẹ một ân sủng được biết trước về toàn bộ công việc của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế và Đấng Cứu Chuộc, vốn phải được thực hiện, nhờ tiếng Xin Vâng của Mẹ.

Do đó, Mẹ Maria hưởng ơn cứu chuộc như chúng ta, nhưng đối với Mẹ, nó xảy ra theo một cách rất khác, để chứng tỏ làm thế nào Chúa Kitô thực sự là Đấng Cứu Chuộc hoàn hảo nhất, và sự cứu chuộc này hoạt động trước và sau chính sự kiện thánh giá.

Ngày nay có việc bàn luận về phòng chống bệnh. Hãy nhìn xem, Chúa Giêsu là bác sĩ hoàn hảo nhất, không chỉ có thể chữa lành tội lỗi của thế giới, nhưng còn ngăn chặn chúng và Ngài thực hiện điều này cùng với Mẹ mình - do đó lễ mừng tín điều này, như mọi tín điều về Đức Mẹ, đều tôn vinh Chúa trước tiên. Nó là rất hữu ích để có thể hiểu rõ hơn tính cách thực sự của công việc cứu chuộc chúng ta: tính phổ quát và quyền lực trung gian của Chúa Kitô. (Zenit.org 6-12-2011)

Trích từ cuốn sách "Em tôi, Giáo hoàng"

"Dĩ nhiên, Ngài là Giuse ngày xưa, và nay vẫn là Giuse"

SAN FRANCISCO - Đây là một trích đoạn độc quyền của Zenit từ cuốn "Em tôi, Giáo hoàng", do Đức Ông Georg Ratzinger kể với phóng viên Michael Hesemann. Nhà xuất bản Ignatius Press sẽ phát hành bản dịch tiếng Anh của cuốn sách vào ngày 1-3.

Chương IX: Đức Giáo Hoàng

Cũng như đại đa số người Công giáo, tôi chăm chú theo dõi những ngày cuối đời của ĐTC Gioan Phaolô II. Tôi đã nhận thức rằng một cuộc đời tuyệt vời sắp kết thúc một cách hoàn toàn hữu cơ. Mọi người đều cảm nhận rằng Ngài sẽ

không phục hồi sức khoẻ từ căn bệnh cuối cùng này, nhưng ai cũng khâm phục cách thức Ngài chịu đựng bệnh tật một cách kiên nhẫn và bình tĩnh. Thậm chí Ngài còn cổ vũ những người đã đến Rôma, và bằng cách nào đó, bất chấp sự nản lòng của Ngài về căn bệnh của mình, Ngài cũng chiếu toả niềm vui và tự tin rằng sẽ sớm được về với Cha trên trời. Vì đây là sự kết thúc quý giá của một nhân vật tuyệt vời, mà từ nay tầm hoạt động còn có thể kéo dài cả sang "thế giới bên kia".

Điều tôi ngưỡng mộ rất nhiều là đông đảo người trẻ tuổi đột nhiên đi về Rôma, để tỏ tình đoàn kết một lần nữa với Đức Giáo hoàng vĩ đại này. Người ta đã nói rằng các bạn trẻ không muốn làm gì với Giáo hội, nhưng điều này đã bị bác bỏ cách nổi bật vào thời điểm đó. Ngược lại, có nhiều người trẻ, được thu hút một cách tự nhiên bởi Giáo hội, từng cảm nghiệm rằng thói quen hàng ngày không thể trả lời các câu hỏi của họ và không thể cung cấp cho bất kỳ ý nghĩa nào cho cuộc đời của họ, rằng một điều khác, đó là đức tin, là cần thiết cho đời họ.

Trong hai tuần tiếp theo, tôi đã nhiều lần được nhiều người dân và cả phóng viên báo chí hỏi liệu em trai tôi sẽ trở thành Giáo hoàng mới hay không. Câu trả lời của tôi là luôn luôn giống nhau: "Không, em tôi chắc chắn không là Giáo hoàng!" Chắc Cơ mật viện sẽ không bao giờ bầu chọn một người cở tuổi em tôi – em mới mừng sinh nhật lần thứ 78. Đây là điều khác với trường hợp của ĐTC Gioan XXIII, vì Đấng tiền nhiệm của Ngài, ĐTC Piô XII, đã không tổ chức một Công nghị Hồng y trong năm năm cuối cùng của triều đại Ngài, và đã không phong chức các Hồng y mới. Do đó, Hồng Y Đoàn là có khá nhiều vị lớn tuổi, nên các Ngài buộc phải bầu một ứng cử viên lớn tuổi, những người ở tuổi 76, đa số tuổi 77, chỉ trẻ hơn một tuổi so với em trai tôi vào thời Cơ mật viện năm 2005. Bây giờ, Hồng Y Đoàn đã mạnh mẽ như đã từng mạnh mẽ tại Cơ mật viện; chưa bao giờ có nhiều vị Hồng y đến thế. Có rất nhiều nhân vật tài năng lớn lao thuộc đủ lứa tuổi, do đó không cần bầu chọn một vị lớn tuổi. Vì vậy, đối với tôi rõ ràng là một nhân vật trẻ tuổi sẽ lên ngôi Giáo hoàng.

Tôi đã theo dõi nghi thức "*Habemus Papam*" (Chúng ta có ĐTC) trực tiếp và sống động. Vào thời điểm đó, tôi được một nhà báo nữ gọi điện thoại, cô ấy nói cô đã nghe nói rằng khói trắng đã bay lên ở Rôma, và muốn nghe tôi cho biết có điều gì đó đặc biệt chăng. "Không," tôi trả lời trung thực, "tôi không biết gì." Sau đó, tôi mở tivi và nghe tường thuật, cũng như mọi người thôi.

Sau đó, trong thực tế tên Ratzinger đã được xướng lên! Tôi trung thực nói rằng lúc ấy tôi khựng người lại. Đó là một thách thức lớn, một nhiệm vụ rất lớn cho em tôi, tôi nghĩ thế, và tôi đã rất lo lắng. Tôi không thấy sự huy hoàng hoặc vẻ đẹp của việc làm Giáo hoàng, nhưng chỉ nhìn thấy thách thức của chức vụ này, mà bây giờ đòi hỏi mọi thứ từ em tôi, và có nghĩa là một gánh nặng cho em tôi. Và tôi cũng buồn vì từ nay em tôi sẽ không còn thì giờ dành cho tôi nữa. Vì vậy, tối hôm đó, tôi đã đi ngủ, hơi chán nản. Trong suốt buổi tối hôm đó và buổi chiều hôm sau, điện thoại reo không nghỉ, nhưng bây giờ nó không hề quan trọng với tôi nữa. Tôi chỉ đơn giản không trả lời. "Lẩn thẩn thật", tôi tự nghĩ!

Tôi không gọi điện cho em tôi. Tôi tự nhủ là không liên lạc với em tôi vào thời gian ấy, vì có quá nhiều người ở chung quanh em, và mọi người đều muốn điều gì đó từ em. Sáng hôm sau, em tôi tìm cách gọi cho tôi: em cố gắng gọi, nhưng vì điện thoại trong nhà tôi đổ chuông liên tục, và tôi bực bội nên không trả lời. "Cứ rung chuông nữa đi, các bạn có thể gọi mà không có tôi", tôi nghĩ thế, trong khi có thể là em trai tôi đang gọi điện cho tôi! Rồi đến lúc, bà Frau Heindl, quản gia của tôi, trả lời điện thoại, và vì vậy bà nghe tiếng em tôi trước, chứ không phải tôi.

Bà tự nhiên hơi bị sốc vì người gọi điện thoại liên lỉ ấy không ai khác hơn là tân Giáo hoàng. Nếu tôi nhớ chính xác, bà đã không thể kết nối đường dây của tôi với em trai tôi được, vì lý do nào đó. Rồi cuối cùng, chúng tôi cũng nói chuyện được với nhau. Bây giờ, cảm ơn Chúa, tôi có một điện thoại thứ hai trong phòng khách ở tầng trên. Một người quen đã thu xếp việc

này cho tôi, khi ông đã biết rằng tôi nhận cuộc gọi của rất nhiều người, đến nỗi đôi khi tôi không thể trả lời cho em tôi trên đường dây. Chỉ một mình Ngài biết số của điện thoại thứ hai này. Khi điện thoại reo, tôi biết rằng em trai của tôi, Đức Giáo Hoàng, đang gọi tôi. Nhưng tại thời điểm đó, tất nhiên, tôi chưa có điện thoại ấy.

Trên điện thoại, em trai tôi có vẻ khá bình tĩnh. Tuy nhiên, Ngài cho biết lúc bầu cử, Ngài có cảm giác như bị sét đánh. Chuyện không lường trước được, nó đến quá đột ngột trong cuộc bỏ phiếu, hoạt động của Chúa Thánh Thần thật là rõ ràng. Ngài đầu hàng Chúa Thánh Thần nhanh chóng, vì Ngài cũng nhận ra ý Chúa trong cuộc bầu chọn.

Ít lâu sau, Đức Giám mục Müller (Đức Cha Gerhard Ludwig Müller của Giáo phận Regensburg, Đức) đã gọi điện cho tôi, và mời tôi cùng đi với Ngài đến dự lễ nhậm chức của em trai tôi, và lẽ tất nhiên tôi vui vẻ chấp nhận. Vì vậy, tôi có đặc quyền đi xe với Ngài đến sân bay, và cùng đi với Ngài đến Rôma, như một thành viên của phái đoàn giáo phận Regensburg. Tại Rôma, lúc đầu tôi sống trong căn hộ của vị Đức Hồng y lớn tuổi làm việc với em tôi, bởi vì em tôi vẫn sống với các Hồng y khác trong nhà khách của Vatican, "Domus Sanctae Marthae" (Nhà thánh nữ Martha) - vì lý do an ninh; dẫu sao, Ngài được bảo vệ nghiêm ngặt.

Căn hộ nằm trực tiếp đối diện với Dinh Tông Tòa, nhưng bên ngoài thành Vatican, trên đường Piazza Città Leonina. Sáng hôm sau, tôi đã đến tìm Ngài, và sau đó chúng tôi lái xe đến căn hộ của Ngài. Một đám đông người dân đã tụ tập trước căn hộ, và họ vỗ tay hoan hô ngay lập tức; Ngài chào mừng họ cách ngắn ngủi, và sau đó chúng tôi đi vào nhà.

Dĩ nhiên, Ngài là Giuse ngày xưa, và nay vẫn là Giuse. Hoạt động của Chúa Thánh Thần được giới hạn cho hoạt động chính thức của Ngài, nhưng là một con người, Ngài vẫn không thay đổi. Ngài không đứng trên nghi thức, không cố gắng khoe khoang. Ngài tự giới thiệu mình như là con người đang là, đang sống, và không muốn rơi vào một vai trò hoặc mang mặt nạ, như

các người khác có thể làm. Ví dụ, khi Peter Seewald mô tả Ngài như là một "Giáo hoàng có sức lôi cuốn" với một ảnh hưởng lớn trên thế giới, thì tôi phải nói rằng Ngài chắc chắn không thực thi ảnh hưởng này một cách có ý thức. Có lẽ trên tất cả, chính ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần trao cho Ngài một sức thu hút nhất định, khi xuất hiện công khai trước công chúng. Nếu không, bây giờ cũng như trước đây, Ngài luôn là người tốt bụng, thân thiện, khiêm tốn, không giả tạo và thân tình.

© 2012 nxb Ignatius Press cho phép (Zenit.org 24-2-2012)